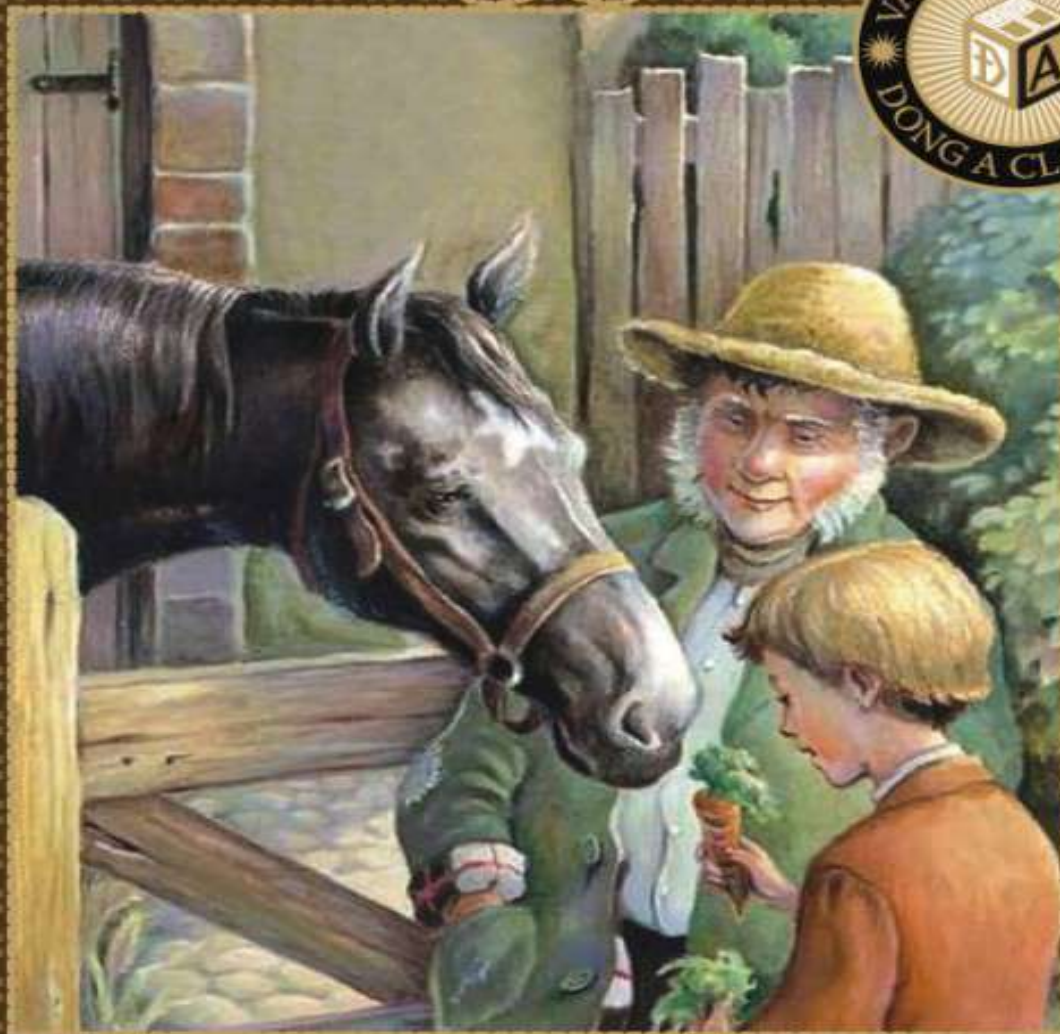


ANNA SEWELL



ngựa ô
yêu dấu

nhà xuất bản văn học vh  DONGA

ANNA SEWELL

ngựa ô
yêu dấu

(Tái bản)

Người dịch: Thanh Vân

Minh họa: Jenny Bidgood



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC  DONGA®

ebook©vctvegroup

20-06-2018

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 30 tháng 3 năm 1820, Anna Sewell, tác giả *Ngựa ô yêu dấu* (Black Beauty), ra đời trong một ngôi nhà xinh xắn ở Yarmouth. Sau này, Anna Sewell trở thành nhà văn nổi tiếng; bà đã dành rất nhiều ưu ái cho một loài vật đáng quý - loài ngựa.

Ngay sau khi sinh Anna vài ngày, cha em (ông Isaac Sewell) phát hiện ra ông bị lừa gạt và thâm hụt trong một vụ kinh doanh mới bắt tay vào trước đó một thời gian ngắn. Lúc này nặng gánh trách nhiệm gia đình, với người vợ quá trẻ và đứa con thơ, ông phải tìm cách phát triển những công việc mới.

Trong trí nhớ của bạn bè và họ hàng, Isaac Sewell là người can đảm, đã trải qua nhiều thử thách khó khăn trong cuộc sống. Thời kì đầu, ông dọn đến một ngôi nhà nhỏ trên phố Bishopsgate, London. Ở đây, ông bắt đầu công việc làm ăn mới và là nơi Philip, cậu con trai duy nhất của ông chào đời.

Vận rủi làm vợ ông, bà Mary Sewell (nhũ danh là Wright) rất vất vả. Bà là một phụ nữ rất nhạy cảm và có tính nghệ sĩ, giống như bà đã sáng tác trong nhiều bài balat giản dị, nổi tiếng là *Những lời cuối cùng của mẹ*, *Sự tận tâm của cha*, *Đứa em trai tội nghiệp...*

Lần thất bại thứ hai trong công việc đã làm ông Isaac Sewell phải bắt đầu làm lại lần nữa. Ông dọn đến Dalston, gia đình bé nhỏ của ông đã ở đây khoảng chín, mười năm đầy hạnh phúc, tuy kinh tế eo hẹp và làm lụng vất vả. Anna và Philip được nuôi dạy trong bầu không khí tươi sáng, không vướng bận nợ nần và lo âu.

Hai đứa trẻ trở thành bạn chơi với nhau và khi lớn lên, chúng trở thành người đỡ đầu mẹ rất tốt. Bà Mary Sewell dạy các con cách tìm thấy niềm vui trong công việc. Công việc là lối thoát dễ chịu nhất cho bản tính hăng hái, can đảm và cao thượng của Anna.

Tình yêu thiên nhiên và nghệ thuật sớm phát triển trong Anna, và ngay từ hồi thơ bé, em đã biết viết, vẽ để ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên.

Những ngày ở Dalston, Anna Sewell luôn giữ được tinh thần khỏe khoắn và sức sống dồi dào. Tinh thần đó về sau đã giúp nữ tác giả *Ngựa ô yêu dấu* vượt qua bao nhiêu đau đớn để hoàn thành tác phẩm được cả thế giới biết đến ấy.

Cũng chính ở Dalston, bà Mary Sewell viết cuốn sách nhỏ đầu tiên, thể hiện niềm khao khát tận tụy trong suy nghĩ của bà.

Mary Sewell viết để kiếm tiền mua sách và dạy dỗ hai con. Chắc hẳn bà là một cô giáo tuyệt diệu và là một người mẹ tận tụy, vì bà không chỉ dạy kiến thức mà còn dạy các con rằng hãy không biết sợ. Anna và Philip không sợ bất cứ loài súc vật hoặc côn trùng nào, kể cả bóng tối cũng không làm các em hốt hoảng.

Một trong những kỉ niệm vui sướng nhất của hai đứa trẻ là lần đến thăm ông bố ở Buxton, ngoại vi Norwich. Đây là lần đầu tiên các em đến thăm ông bà. Tại đây, các em được tận hưởng bầu không gian thoáng đãng của thôn quê. Ông của các em rất hiểu trái tim trẻ thơ, ông khuyến khích và thắp lên tình yêu của bọn trẻ với những điều kì diệu nơi thôn dã.

Cũng ở Dalston, Anna bị bong gân khuỷu tay. Lúc nói về tai nạn đau đớn này, em chỉ nói giản dị: “Con chịu được”. Đó là nét đặc trưng của lòng chịu đựng bền bỉ và sự can đảm bình thản mà Anna đã biểu lộ trong suốt cuộc đời bình dị của mình.

Anna coi tấm gương tốt nhất để noi theo là mẹ em - bà Sewell - người đàn bà coi việc cải thiện điều kiện sống cho những người thân yêu là hạnh phúc lớn nhất trong đời mình.

Khi kinh tế gia đình khá lên đôi chút, ông Isaac Sewell muốn sửa chữa cơ ngơi thêm diện tích nhà ở và khu trang trại, ông liền mua một chuồng gia súc gần nhà và cho sửa sang lại.

Hồi này, gia đình Anna có một người mới là cậu Richard, còn bà Sewell không đủ thời gian dạy Anna học, nên phải gửi cô bé bán trú ở trường cách nhà khoảng một dặm.

Gia đình Sewell lúc này lại gặp khó khăn vì thiếu thốn cơ sở vật chất như thiếu nước, nhưng điều bất hạnh nhất còn chưa tới.

Một hôm, Anna đi học về, lúc đuổi theo chiếc xe ngựa đang rẽ vào cổng vườn, em ngã và bị bong gân ở mắt cá chân rất nghiêm trọng. Hậu quả là Anna bị tập tễnh suốt đời, nhưng như bà Sewell ghi trong nhật kí: “Cũng may (chúng tôi nghĩ thế), sự kiện này không hề làm cuộc sống của con bé nhợt nhạt đi, ngược lại càng làm nó thêm can đảm”.

Họ đã làm mọi thứ cần thiết cứu chữa cho Anna, nhưng buồn thay khi có vị bác sĩ lầm lẫn trong cách điều trị đã làm cho bệnh của Anna không khỏi hẳn mà ngày càng trở nên tập tễnh nhiều hơn.

Bà Mary Sewell chưa bao giờ hết hi vọng là một ngày nào đó, đứa con gái can đảm của bà lại có thể chạy nhảy vui chơi như xưa, nhưng than ôi...

Những ai biết Anna trong những ngày hoạn nạn đó đều yêu quý em, vì em là tấm gương bền chí, can đảm và nhẫn nại, lạc quan nhất. Những đau đớn của em chưa bao giờ làm gia đình u ám hoặc vướng bận. Anna chẳng bao giờ ủ ê nghiến ngấm đến những tổn thất về sức khỏe, hoặc để mất niềm vui hưởng những điều tốt đẹp khác. Tâm trí em lúc nào cũng chứa đựng bao điều mới mẻ, giống như một vườn ươm màu mỡ chưa được vun trồng đầy đủ nhưng đầy ắp ý nghĩ và sẵn sàng trân trọng tài năng của người khác. Em luôn là ánh mặt trời của mẹ em. Bà Sewell đã viết: “Giữa mẹ con tôi chưa bao giờ vương vấn đám mây mù”.

Năm 1836, bà Sewell dọn đến Brighton, nhận làm quản lí cho Chi nhánh Ngân hàng London & County ở Brighton. Bà và gia đình cố chạy chữa cho Anna. Nhưng tình trạng của cô bé càng tệ hại thêm, chân cô tập tễnh hơn và sức khỏe của Anna dao động thất thường.

Năm 1845, gia đình Sewell chuyển đến Lancing, vì ông Sewell làm nhân viên của trạm nuôi ngựa. Thế là Anna thường theo cha đến trạm Shoreham làm việc. Dần dần Anna càng gần gũi hơn với loài ngựa. Cô vô cùng yêu quý và coi những chú ngựa là niềm vui của mình.

Năm sau, bà Sewell đưa các con đi nghỉ ở Đức, và Anna ở lại đó để chữa trị. Khi trở về, trong lòng Anna đầy vui sướng, cô đã chữa được cả hai chân và đã đi lại được.

Bản năng nghệ sĩ trong Anna Sewell phát triển mạnh mẽ. Các bức tranh của cô thể hiện điều đó. Phong cách và cách sắp xếp trong ngôn ngữ hội họa của Anna làm cho rất nhiều người yêu thích các bức tranh của cô.

Với tác phẩm của mẹ, Anna cũng đóng góp ý kiến phê bình sâu sắc. Bà Sewell rất trân trọng tiếp thu sự phê bình của con gái: “Nếu như tác phẩm của tôi được con gái nói là ‘được đó, mẹ’ thì tôi vô cùng yên tâm!”.

Mùa thu năm 1857, cả gia đình đi chơi Santader ở Tây Ban Nha, và trên đường về, họ cư trú tại Blue Lodge, Wick, gần Bath và Bristol. Chính ở nơi đây, bà Sewell đã viết các tác phẩm chủ yếu của bà. Bà Bayly, tác giả cuốn *Những căn nhà tồi tá và cách sửa chữa*, đã kể về chuyến viếng thăm bà Sewell tại Blue Lodge vào mùa hè năm 1863 rất thú vị: “Bà mẹ đang viết nốt những chương cuối của *Đứa em trai tội nghiệp*, có Anna giúp sức. Có lần tôi ở cùng với bà mẹ và cô con gái, bà Sewell đang đọc to bài gì đó viết cho báo. Thật tuyệt vời khi được chứng kiến tình yêu thương đắm thắm, sự ngưỡng mộ và niềm tự hào rực sáng trong cặp mắt người con gái, nhưng tất cả những thứ đó không ngăn cô là một nhà phê bình nghiêm khắc.

Chính tác giả tương lai của *Ngựa ô yêu dấu* đưa tôi ra ga, rõ ràng cô gái tin vào các tính tốt của con ngựa, chúng tôi có thể nhận thấy qua cách quở trách của cô:

– Đừng có leo lên quả đồi này, mi không thấy trời đang mưa sao? Bây giờ phải đi nhanh hơn một chút, mi sẽ tiếc khi thấy chúng ta đến ga chậm đấy.

Tôi nhớ là trong suốt chặng đường, tôi đã kể với Anna rằng Horace Bushnell đã viết về súc vật. Chắc hẳn chuyện đó không bao giờ bị lãng

quên”.

Ngay sau khi xuất bản *Ngựa ô yêu dấu* bà Bayly nói: “Tôi nhận được một bức thư ngắn của Anna viết: *Ý tưởng về Horace Bushnell mà cô gợi ra cho cháu nhiều năm trước đã theo cháu suốt trong thời gian cháu viết cuốn sách này, trước hết đã giúp cháu cảm nhận được rằng chủ đề này rất đáng để cố gắng hết sức. Ít ra nó cũng đưa những suy nghĩ của con người hài hòa hơn với mục đích của Chúa.*”

Tội nghiệp Anna Sewell! Cô đã phải chịu đựng bệnh tật hết sức đau đớn, vô vọng, và nếu bộ mặt của cô có bị méo mó đi vì đau khổ cũng chẳng có gì là lạ. Nhưng không, gương mặt Anna không chỉ dịu dàng và thanh thản mà còn luôn rạng rỡ. Đây là một bằng chứng tuyệt vời của tinh thần chiến thắng bệnh tật. Chỉ riêng sự có mặt của Anna đã làm người ta cảm thấy cô là người trên đất Thánh. Gương mặt cô rạng ngời ánh sáng xa xôi của một tâm hồn mạnh mẽ.

Trong bảy năm cuối đời, tác phẩm *Ngựa ô yêu dấu* đã hoàn thành nhờ sự say sưa vô tận của Anna khi viết.

Ngày 6 tháng 11 năm 1871, lần đầu tiên cuốn sách được nhắc tới trên báo: “Tôi đang viết về cuộc đời một con ngựa và đang làm búp bê, hộp trang trí cho lễ Giáng sinh”. Đây là lần nhắc tới duy nhất, cho đến tháng chạp 1876, Anna Sewell viết: “Tôi vẫn đang viết nốt cuốn *Ngựa ô yêu dấu*”. Tiếp đến là ngày 21 tháng 8 năm 1877: “Đang in thử các bản đầu tiên cuốn *Ngựa ô yêu dấu*, rất đẹp”.

Thật quá ư cảm động khi nhớ rằng “Bi kịch tuần mã Equine” như tác giả đặt tên, gần như hoàn toàn được viết trên giường, là nơi Anna phải chịu đựng sự ốm yếu và đau đớn. Mỗi lúc có thể, cô lại vớ lấy cây bút chì, và bà mẹ ngồi chép lại từng chữ bằng bút mực.

Cuốn sách đã hoàn tất theo kiểu từng đoạn rời rạc như thế. Bạn đọc có thể nhận ra nó không hề “thể hiện sự kết nối” với sự khéo léo của một nhà văn. Nhưng đó là sự rèn luyện, sự chịu đựng bền bỉ để “ra đi, đến nơi thú vị nhất”.

Trong vài trang giấy còn lưu nét chữ của Anna Sewell: “Tôi đã phải nhốt mình sáu năm rông trong nhà, nằm liệt trên giường. Thịnh thoảng những lúc có thể được, tôi lại viết những điều tôi suy nghĩ và sẽ tập hợp thành một quyển sách nhỏ. Mục tiêu riêng của cuốn sách là làm cho con người biết đối xử ân cần, cảm thông và hiểu biết loài ngựa.

Nghĩ đến những chiếc xe ngựa là tôi nghĩ đến những bác xà ích và tôi băn khoăn không hiểu tôi có thể thực sự thể hiện được thân phận, những nỗi khó khăn to lớn của họ bằng cách thuật lại chính xác được không.

Vài tuần trước, tôi đã có cuộc trò chuyện thú vị bên cửa sổ với một bác xà ích thông minh đang đợi khách bên cửa nhà chúng tôi. Cuộc nói chuyện ấy đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc.

Lúc câu chuyện dẫn đến vấn đề ngày Chủ nhật, bác ta nói rằng chẳng bao giờ được nghỉ ngày Sabbath¹⁴. Tôi nhận thấy cảm giác của sự phản kháng mãnh liệt của những người xà ích phải đánh xe trong ngày Chủ nhật, đặc biệt vì họ không được thờ phụng Chúa. Bác ta nói: “Các giáo sĩ cũng thế, cô ạ. Và tôi dám nói là thật hổ thẹn cho tôn giáo vì lẽ ra, ngày Chủ nhật chúng tôi phải được nghỉ”.

Rồi bác ta kể một trong những người xà ích ở London đưa một quý bà đến nhà thờ. Lúc xuống xe, bà ta đã buông ra một lời nhận xét về ngày lễ Sabbath. Câu đó làm người xà ích thực sự phẫn nộ, bác ta nói: “Hay lắm thưa bà, tôi có thể gọi như thế là đạo đức giả được không?”. Tôi cho rằng phần lớn chúng ta đồng tình với bác ta, và không thể giả nhân giả nghĩa như thế được. Rất ít tín đồ Cơ Đốc giáo nhận thức được trách nhiệm khi gọi xe trong ngày Chủ nhật”.

Câu chuyện này chứng tỏ sự phẫn nộ của Anna Sewell vì một thực tế là những con ngựa bị tận dụng ngay cả khi chúng có thể được nghỉ ngơi, và những người ngoan đạo hoặc ra vẻ ngoan đạo lẽ ra nên có ý kiến về việc này.

Ngựa ô yêu dấu ra đời vào cuối năm 1877, và Anna Sewell chỉ còn sống đủ để nghe về thành công của tác phẩm. Tội nghiệp cho nhà văn kiên nhẫn và miệt mài ấy biết chừng nào! Bà được an ủi trong giờ phút cuối cùng,

nhưng không sống đủ lâu để biết thành công của “cuốn sách nhỏ” đã kéo dài ra sao, để biết nhiều người đọc đã thấy rằng những chú ngựa nhẩn nại ấy đáng được chăm sóc và thân thiện biết chừng nào.

Nhiều ông bà chủ, người coi chuồng, người chăn ngựa đã say sưa đọc cuốn sách này. Nó đã dạy cho họ biết yêu thương và chăm sóc ngựa hơn mọi cuốn sách đã xuất bản. Có lẽ ít người chú ý đến những thay đổi và cải thiện đáng kể trong cách đối xử và chăm sóc ngựa, chính nhờ những lời cầu nguyện chân thành của người phụ nữ yếu ớt, yêu thương loài ngựa đến thế. Bà đã cầu nguyện cho con người được hạnh phúc hơn, những con ngựa sung sướng hơn, các gia đình đầm ấm hơn. Và điều quan trọng là chúng ta hãy biết cách sử dụng chứ không nên lạm dụng các món quà mà Thượng đế đã ban cho chúng ta.

Chúa đã nghe thấu lời cầu nguyện của Anna Sewell và cho phép bà là người cùng Chúa đem đến những biến đổi từ tâm này.

Tháng 4, 1878, Anna Sewell qua đời và được chôn cất trong nghĩa trang nhỏ, yên tĩnh ở ngôi làng cạnh Lammas gần Norwich, là nơi tổ tiên nhiều đời của bà yên nghỉ. Nghĩa trang nằm nơi khuất nẻo, có nhiều cây to và một hàng rào cây táo gai cao bao quanh, nơi đây luôn có tiếng chim chóc quanh năm.

Mỗi khi đọc *Ngựa ô yêu dấu*, nghị lực của bà hiển hiện với chúng ta như một lí tưởng và nguồn cảm hứng. Tác phẩm cả đời của Anna Sewell về những con vật không thể tự nói về mình sẽ còn sống mãi, và có ảnh hưởng rộng rãi trên toàn thế giới. Bà đã thực sự nói thay cho những con vật không nói được ấy.

PHẦN MỘT

1

NGÔI NHÀ ĐẦU TIÊN CỦA TÔI

Nơi đầu tiên tôi có thể nhớ được là một bãi cỏ rộng, dễ chịu, bên trong có một cái ao, nước trong leo lẻo. Một số cây to tỏa bóng trên mặt ao, ở đầu ao sâu mọc nhiều cỏ lác và hoa súng. Chúng tôi nghển cổ nhìn ra cánh đồng đã cày ở một phía, phía bên kia là cổng nhà của chủ tôi, nằm ven đường. Một đầu bãi cỏ là khu đất trồng linh sam, và đầu kia là một dòng suối, một bên bờ dốc đứng.

Hồi còn nhỏ, tôi sống bằng sữa mẹ vì chưa thể ăn được cỏ. Ban ngày tôi chạy cạnh mẹ tôi, và đến đêm tôi nằm gần bà. Lúc trời nóng, mẹ con tôi thường đứng cạnh ao, dưới bóng cây râm mát, khi trời rét, chúng tôi đã có cái chuồng ấm áp, dễ chịu ở gần khu vườn.

Ngay khi tôi đủ lớn có thể gặm cỏ, ban ngày mẹ tôi phải ra ngoài làm lụng, và chỉ đến tối mới về.

Ngoài tôi ra, trong bãi có sáu con ngựa non. Chúng lớn hơn tôi, vài con đã to gần bằng ngựa trưởng thành. Chúng tôi thường chạy thi và đùa nghịch rất vui. Chúng tôi hay phi nước đại và cùng nhau chạy vòng quanh cánh đồng, hăng hái chẳng kém gì đi nước kiệu. Thi thoảng chúng tôi chơi đùa khá hung bạo, cùng lao vào cắn và đá nhau cũng như lúc phi nước đại.

Một hôm, sau một cuộc đánh đá tơi bời, mẹ tôi hí gọi tôi đến và bảo:

– Mẹ muốn con lắng nghe lời mẹ dặn đây. Lũ ngựa non sống ở đây đều khỏe mạnh, nhưng chúng là ngựa kéo xe nên tất nhiên không được học các kiểu cách lịch sự. Còn con thuộc một dòng dõi danh tiếng và được nuôi dạy tử tế. Cha con nổi tiếng về mặt này, ông con đã hai lần giành Cúp tại các cuộc đua ở Newmarket. Bà con tính khí dịu dàng chưa từng thấy. Từ nay

con đừng để mẹ nhìn thấy con cắn, đớp hoặc đá lung tung nữa. Mẹ mong con lớn lên hãy hòa nhã và tốt bụng, đừng bao giờ nhiễm phải các thói xấu. Con hãy quyết tâm làm việc, nhắc cao chân mỗi khi đi nước kiệu, và không bao giờ cắn hoặc đá, ngay cả lúc chơi đùa.

Tôi không bao giờ quên lời khuyên của mẹ tôi, tôi biết mẹ là một “quý bà ngựa” thông minh, và chủ nhân của chúng tôi trông mong nhiều ở bà. Tên bà là Duchess (Nữ công tước), nhưng ông chủ thường gọi bà là Pet (Cưng).

Chủ nhân của chúng tôi là một người đàn ông tốt bụng và ân cần. Ông cho chúng tôi ăn ngon, ở tốt và nói năng với chúng tôi ngọt ngào như với bầy con nhỏ của ông vậy. Tất cả chúng tôi đều yêu quý ông, còn mẹ tôi kính trọng ông rất mực. Nhìn thấy ông bên cổng, mẹ hí lên vui mừng và chạy nước kiệu đến với ông. Ông vỗ về, vuốt ve mẹ và nói:

– Chào Pet! Thằng nhỏ Darkie của mi ra sao rồi? (Tôi màu đen huyền, nên ông gọi tôi là Darkie).

Rồi ông cho tôi mẫu bánh mì rất ngon, và thỉnh thoảng ông mang đến cho mẹ tôi củ cà rốt tươi rói. Tất cả bầy ngựa chạy đến với ông, và tôi nghĩ chúng tôi là những con vật cưng của ông. Mẹ tôi thường kéo chiếc xe độc mã đưa ông vào thành phố trong ngày phiên chợ.

Có một gã thợ cày là Dick, thi thoảng lại đến vật quả mâm xôi ở hàng rào. Lúc đã ăn chán chê, gã ném gậy và đá lũ ngựa non để chúng phi nước đại, gã gọi thế là chơi đùa. Chúng tôi chẳng bận tâm nhiều đến gã, vì có thể chạy nhanh để thoát, nhưng đôi khi cũng bị trúng một hòn đá làm chúng tôi đau. Một hôm, gã lại giở trò đó mà không biết ông chủ đang ở cánh đồng kế bên, ông ở đó và quan sát việc đang diễn ra. Ông nhanh nhẹn nhảy phóc qua hàng rào, tóm lấy cánh tay Dick, cho gã một cái bạt tai làm gã gào lên vì đau. Vừa thấy ông chủ, chúng tôi bèn đến gần hơn xem có chuyện gì.

– Đồ tồi! - Ông chủ nói - Thằng khốn, mi dám đuổi lũ ngựa non! Đây không phải lần đầu tiên cũng như lần thứ hai, nhưng sẽ là lần cuối cùng. Này, cầm lấy tiền của mi và về nhà ngay, ta không muốn thấy mi trong nông trại nữa.

Thế là chúng tôi không bao giờ gặp Dick nữa.

Ông già Daniel là người chăm sóc đàn ngựa cũng nhẹ nhàng như ông chủ, nên tất cả chúng tôi đều sung sướng.

2

CUỘC ĐI SĂN

Khi tôi chưa tròn hai tuổi đã xảy ra một chuyện bất ngờ mà tôi không bao giờ quên.

Hồi đó là đầu mùa xuân, ban đêm vẫn còn sương giá, một lớp sương mù nhẹ lơ lửng trên các khu đất và bãi cỏ. Các con ngựa non khác và tôi đang ăn ở khu đồng thấp hơn thì nghe thấy âm thanh giống tiếng chó sủa ở phía xa.

Những con ngựa lớn nhất nghển đầu, vểnh tai và nói:

– Chó săn! - Rồi chạy tể lên chỗ cánh đồng cao hơn để có thể nhìn xuống hàng rào và vài bãi cỏ đằng xa.

Chúng tôi chạy theo. Mẹ tôi và bác ngựa đũa già của ông chủ đang đứng gần đó, dường như hiểu hết mọi chuyện.

– Họ săn thỏ rừng đấy con ạ! - Mẹ tôi nói - Nếu họ đi đường này, chúng ta sẽ nhìn thấy cuộc săn.

Đàn chó nhanh chóng lao xuống cánh đồng lúa mì non cạnh bãi cỏ của chúng tôi. Tôi chưa bao giờ nghe thấy những âm thanh đàn chó tạo ra. Chúng không sủa, cũng không tru, không rên rỉ, mà đồng thanh “lô! ô, ô, ô! ô! ô, ô, ô!”, giọng cao hết cỡ. Mấy người đàn ông cưỡi ngựa theo sau chúng, một số mặc áo choàng xanh lá cây, tất cả đang phi nước đại cật lực.

Bác ngựa đũa già khịt mũi và háo hức nhìn theo họ. Lũ ngựa non chúng tôi ngửa ngáy muốn phi theo nhưng họ nhanh chóng biến vào những cánh đồng thấp hơn bên dưới. Đến đây hình như họ đứng lại, lũ chó ngừng sủa và chạy tản ra mọi hướng, mũi gí xuống đất.

– Chúng bị mất mùi. - Bác ngựa già nói - Có lẽ con thỏ thoát được rồi!

– Con thỏ nào? - Tôi hỏi.

– Chà, ta không biết là con thỏ nào, có thể là một trong những con thỏ của chúng ta vọt khỏi đồn điền. Họ có thể tìm ra bất cứ con thỏ nào nếu đàn chó và người đuổi theo.

Trước đấy một lúc lâu, đàn chó lại bắt đầu điệp khúc “lô! lô, ô, ô!” và tất cả lao hết tốc lực thẳng vào bãi cỏ của chúng tôi, chỗ có bờ cao và hàng rào nhô ra trên dòng suối.

– Bây giờ chúng ta sẽ nhìn thấy con thỏ. - Mẹ tôi nói, và đúng lúc ấy một con thỏ hoảng hốt vọt ra, nhằm phía lùm cây chạy tới. Lũ chó đuổi, theo sau là những người đi săn. Đàn chó lao đến bờ, nhảy vọt qua suối và lao vào cánh đồng. Sáu trong tám người cưỡi ngựa bay qua hàng rào và dòng suối, theo sát đàn chó. Con thỏ cố chui qua hàng rào, nhưng rào ken dày quá, nó bèn quay ngoắt chạy ra đường.

Than ôi! Đã quá muộn. Đàn chó đề nghiến lên nó cùng những tiếng rú man rợ. Chúng tôi nghe thấy một tiếng rít, và đấy là kết cục của con thỏ. Một trong những người đi săn phi tới, xua đàn chó đi, nếu không chúng đã xé con thỏ thành nhiều mảnh. Ông ta cầm chân con thỏ lên, nó tả tơi và đẫm máu. Tất cả bọn họ đều có vẻ hài lòng.

Lúc đầu, tôi bàng hoàng đến nỗi không nhìn thấy những gì diễn ra bên dòng suối. Nhưng lúc đã thấy, thật là một cảnh tượng đáng buồn. Hai con ngựa đẹp bị quy ngã, một con đang vùng vẫy dưới suối, còn con kia đang rên rỉ trên cỏ. Một trong những kỵ sĩ phủ đầy bùn đang cố ngoi lên mặt nước, người kia nằm hoàn toàn im lìm.

– Anh ta gãy cổ rồi! - Mẹ tôi nói.

– Đáng đời hẳn! - Một chú ngựa non nói.

Tôi cũng nghĩ như thế, nhưng mẹ tôi không nhất trí với chúng tôi.

– Ô, không đâu. - Mẹ nói - Cháu đừng nói thế. Cho dù ta là một con ngựa già, đã thấy và nghe được nhiều điều, ta vẫn không bao giờ hiểu vì sao con người lại thích cái môn thể thao này đến thế. Họ hay bị thương và làm hại những con ngựa hay, xéo nát đồng ruộng, tất cả chỉ vì một con thỏ, một con

cáo hoặc một con nai mà họ có thể kiếm được dễ dàng bằng cách khác. Nhưng chúng ta chỉ là những con ngựa và không thể hiểu được.

Trong lúc mẹ tôi nói, chúng tôi đứng và tiếp tục nhìn. Nhiều người cười ngựa phi đến chỗ người trẻ tuổi kia nhưng ông chủ chúng tôi đã nhìn thấy sự việc và là người đầu tiên nâng anh ta lên. Đầu anh ta ngựa ra sau, cánh tay thông xuống và ai cũng thấy tình hình rất nghiêm trọng.

Lúc này không còn tiếng ồn nữa, lũ chó cũng im lặng, hình như chúng hiểu có chuyện không ổn. Họ mang anh ta vào nhà chủ tôi. Sau này tôi nghe được rằng anh chàng ấy là George Gordon, con trai duy nhất của nhà Squire, một thanh niên cao ráo, điển trai, là niềm tự hào của gia đình anh ta.

Mọi người tản đi mọi hướng, đi tìm bác sĩ, bác sĩ thú y và còn đến nhà Squire Gordon để thông báo tình hình con trai họ.

Lúc bác sĩ thú y đến, nhìn thấy con ngựa ô nằm rên rỉ trên cỏ, ông quỳ xuống và lắc đầu. Một chân con ngựa đã bị gãy. Sau đó có người chạy đến nhà ông chủ tôi và trở lại cầm theo cây súng. Ngay sau đó, một tiếng súng nổ vang và một tiếng rít khủng khiếp, rồi tất cả lặng ngắt. Con ngựa ô không cựa quậy nữa.

Mẹ tôi rất buồn. Mẹ nói mẹ biết con ngựa ấy đã nhiều năm nay. Tên nó là Rob Roy, một chú ngựa hay và dũng cảm, không chút khiếm khuyết nào. Sau này, mẹ tôi không bao giờ đến quăng đồng ấy lần nào nữa.

Ngay sau đó, chúng tôi nghe thấy tiếng chuông rung một lúc lâu. Nhìn qua cổng, chúng tôi thấy một cỗ xe dài, lạ màu đen, phủ vải đen, do mấy con ngựa ô kéo. Rồi đến một cỗ xe nữa, lại cỗ nữa, tất cả toàn một màu đen. Trong suốt lúc đó, chuông vẫn rung, rung mãi. Họ chở cậu thanh niên Gordon đến sân nhà thờ chôn cất. Cậu sẽ chẳng bao giờ cười ngựa được nữa. Tôi không bao giờ biết họ làm gì Rob Roy, nhưng hồi ôi, tất cả những điều buồn bã ấy xảy ra chỉ vì một con thỏ rừng bé bỏng.

3

HUẤN LUYỆN

Hồi này tôi bắt đầu lớn và đẹp ra. Lốp lông của tôi dài, mềm mịn và đen bóng. Tôi có một chân trắng như tuyết và một ngôi sao trắng đẹp đẽ trên trán. Mọi người đều cho là tôi rất điển trai. Ông chủ sẽ không bán tôi, cho đến lúc tôi tròn bốn tuổi. Ông bảo trẻ con không nên làm việc như người lớn, ngựa non cũng vậy, không nên làm nhiều cho đến khi đủ lớn.

Khi tôi tròn bốn tuổi, ông Squire Gordon đến xem tôi. Ông ta kiểm tra mắt, mõm, sờ nắn chân tôi và vuốt xuôi xuống. Sau đó tôi phải đi, chạy nước kiệu và phi nước đại trước mặt ông ta. Ông có vẻ thích tôi và nói:

– Nó mà được huấn luyện cẩn thận thì cừ lắm đấy.

Ông chủ tôi hứa sẽ tự tay luyện tôi, vì ông không muốn tôi sợ hãi hoặc bị thương. Ông không hề để mất thời gian, ngay ngày hôm sau cuộc huấn luyện bắt đầu.

Có thể mọi người không biết luyện ngựa là thế nào, nên tôi sẽ miêu tả tỉ mỉ. Luyện ngựa là dạy cho nó mang yên cương, mang trên lưng đàn ông, đàn bà hoặc trẻ nhỏ; biết chạy đúng cách theo ý muốn của kỵ sĩ, và chạy sao cho thật êm. Ngoài ra, ngựa phải tập đeo một cái vòng cổ cứng, dây đuôi^[2] và khóa, phải tập cách đứng im trong lúc đóng các thứ đó lên thân. Rồi ngựa phải tập kéo xe hoặc một chiếc ghế dài cột chặt phía sau, để không thể đi hoặc chạy nước kiệu mà không kéo lê nó theo sau, phải học đi nhanh hoặc chậm theo ý người cưỡi. Không bao giờ được nhảy lên đột ngột vì những thứ nhìn thấy, nói chuyện với những con ngựa khác, cắn, đá hoặc làm bất cứ việc gì theo ý mình, mà phải tuân theo ý chủ nhân, ngay cả khi rất mệt hoặc đói.

Nhưng tệ nhất là một khi đã đóng yên cương, ngựa không được chồm lên vì vui mừng hoặc nằm xoài xuống vì mệt mỏi. Vậy nên luyện ngựa là một công việc hết sức chi tiết.

Ông chủ cho tôi ăn yến mạch như thường lệ, rồi sau một hồi vỗ về, ông đóng hàm thiếc vào mõm tôi và buộc dây cương. Cái hàm thiếc thật tởm lợm! Những ai chưa lần nào bị cái của nợ ấy đóng vào miệng không thể biết cảm giác khó chịu đến nhường nào. Một mảnh thép to tướng, lạnh ngắt, cứng nhắc và dày như một ngón tay người đẩy vào giữa hai hàm răng và đè lên lưỡi, cái đầu thò ra khoe miệng và buộc chắc bằng dây qua đầu, dưới họng, quanh mũi và dưới cằm, không cách nào tống khứ được cái thứ cứng ngắt tởm lợm ấy ra. Tệ thật, quá tệ! Vâng, rất tệ nữa! Ít ra là tôi nghĩ thế, nhưng tôi biết mẹ tôi thường đeo hàm thiếc mỗi khi ra ngoài, và con ngựa nào khi trưởng thành cũng bị đeo hết. Thế là, với món yến mạch ngon lành, những cái vỗ về, những lời nhẹ nhàng và nhiều cách âu yếm của chủ, tôi đã bị đóng hàm thiếc và buộc xong dây cương.

Tiếp đến là đóng yên, song cái này chỉ tệ bằng một nửa. Ông chủ đặt yên lên lưng tôi rất nhẹ nhàng, trong lúc ông già Daniel giữ đầu tôi. Rồi trong suốt lúc đó, vừa vỗ về vừa trò chuyện với tôi, ông vừa thắt đai yên vào dưới người tôi. Tôi được ăn ít yến mạch, rồi được dẫn đi quanh một lát. Việc này cứ tiếp diễn hằng ngày cho đến lúc tôi mong đợi cả yến mạch lẫn yên cương.

Cuối cùng, một sáng kia, chủ tôi nhảy lên lưng tôi và cưỡi tôi quanh bãi cỏ, trên lớp cỏ mềm mại. Chắc chắn việc này là khó chịu, nhưng phải nói rằng tôi khá hạnh diện được chở ông chủ. Ngày nào ông cũng cưỡi tôi một lúc và tôi nhanh chóng quen với việc này.

Việc khó chịu tiếp theo là đóng móng sắt, việc này thật là khó chịu. Chủ tôi đi cùng tôi đến lò rèn để canh chừng cho tôi khỏi bị thương hoặc hoảng sợ.

Ông thợ rèn cầm bàn chân tôi lên, cái nọ tiếp cái kia và cắt đi một ít móng. Tôi không thấy đau lắm nên đứng yên cho ông làm xong. Rồi ông ta lấy ra một miếng sắt hình dạng như bàn chân tôi, ấn nó lên và đóng mấy cái

đinh vào móng để giữ móng sắt cho chặt. Bàn chân tôi cứng nhắc và nặng nề, nhưng cuối cùng tôi cũng quen.

Đến lúc này, ông chủ mới luyện cho tôi việc đóng yên cương, vì còn phải đeo thêm nhiều thứ mới nữa. Đầu tiên, họ đặt lên cổ tôi chiếc vòng cổ cứng và nặng, một bộ dây cương có những miếng da che mắt. Những miếng da này làm tôi không thể nhìn sang bên, chỉ nhìn thẳng về phía trước. Tiếp đến là một cái yên nhỏ có một sợi dây cứng khó chịu chạy thẳng xuống dưới đuôi tôi, đó là dây đuôi. Tôi ghét cái dây đuôi này quá, nó làm cho cái đuôi dài của tôi gập đôi lại và thò qua dây như một mẩu xấu xí. Tôi chẳng bao giờ thích đá hậu, và lẽ tất nhiên không thể đá hậu một ông chủ tốt như thế. Cuối cùng thì tôi cũng quen với mọi thứ, và có thể làm việc như mẹ tôi vậy.

Tôi không thể quên một phần trong việc huấn luyện mà tôi coi là thuận lợi lớn của tôi. Ông chủ gửi tôi cho một chủ trại hàng xóm trong nửa tháng, ông ta có một bãi cỏ nằm ven đường sắt. Bãi này nhốt cừu và bò, còn tôi sống lẫn với chúng.

Tôi sẽ không bao giờ quên chuyến tàu hỏa đầu tiên chạy qua. Tôi đang lặng lẽ gặm cỏ gần hàng rào ngăn bãi cỏ với đường sắt, thì nghe thấy một âm thanh lạ lùng xa xa. Chưa biết nó ở đâu ra, tôi đã thấy một loạt những tiếng loảng xoảng, phì phì, khói phụt, rồi một đoàn tàu dài đen trũi lướt qua và biến mất trước khi tôi kịp hít thở. Tôi quay người, phi nước đại cật lực đến đầu kia bãi cỏ, đến đây tôi đứng lại, khịt mũi vì ngạc nhiên và sợ hãi.

Trong suốt thời gian này có nhiều đoàn tàu khác chạy qua, một số chạy chậm, từ từ vào ga gần đó, thỉnh thoảng chúng rít lên những tiếng khùng khấp và rên rỉ trước khi dừng hẳn. Tôi thấy thật dễ sợ, nhưng đàn bò vẫn bình thản gặm cỏ, chẳng buồn ngẩng đầu lúc cái vật đen trũi, kinh khủng kia phì phò và ken két chạy qua.

Trong mấy ngày đầu tiên, tôi không thể ăn ngon được. Nhưng rồi thấy cái vật kinh khủng ấy chẳng bao giờ vào cánh đồng hoặc làm tôi bị thương, tôi bắt đầu coi thường nó, và chẳng thèm quan tâm đến việc qua lại của con tàu, y như lũ bò và cừu vậy.

Kể từ ngày đó, tôi đã thấy nhiều con ngựa sợ hãi và bồn chồn vì cảnh tượng hoặc âm thanh của động cơ hơi nước, nhưng nhờ sự chăm chú của ông chủ tốt bụng, ở ga xe lửa cũng như trong chuồng, tôi chẳng sợ gì.

Vậy nếu có ai muốn luyện ngựa non thật tốt, thì đây là cách rất hiệu quả.

Chủ tôi hay đóng tôi cùng với mẹ tôi, vì bà điềm đạ và có thể dạy tôi tốt hơn bất cứ con ngựa lạ nào. Mẹ tôi dạy tôi cách hành xử tốt nhất, và đó là cách thông minh nhất làm ông chủ tôi hài lòng.

– Nhưng có nhiều loại người lắm! - Mẹ tôi nói - Có người tốt, ân cần như ông chủ chúng ta, bất cứ con ngựa nào cũng hãnh diện được phục vụ, nhưng cũng có nhiều kẻ xấu, tàn bạo, những kẻ không bao giờ nên có một con chó hoặc một con ngựa làm của riêng. Ngoài ra, còn có nhiều kẻ ngu xuẩn, vô tích sự, dốt nát và lơ đãng, chẳng buồn nghĩ ngợi gì, họ hay làm hỏng ngựa hơn bất cứ ai chỉ vì thiếu cảm xúc. Họ chẳng coi trọng tình cảm, và muốn gì làm nấy. Mẹ mong con sẽ rơi vào bàn tay tốt lành, nhưng một con ngựa chẳng biết ai sẽ mua mình hoặc cưỡi mình. Tất cả chỉ là ngẫu nhiên, nhưng mẹ vẫn phải nói rằng: “Dù ở bất cứ đâu, con cũng phải gắng hết sức và giữ trọn tiếng tốt”.

4

VƯỜN BIRTWICK

Dạo này tôi thường đứng trong chuồng, ngày nào cũng được chải lông cho đến lúc bóng mượt như cánh quạ. Tôi còn nhớ, đầu tháng Năm, một người nhà Squire Gordon đến đưa tôi đến Trụ sở Nghiệp đoàn. Ông chủ tôi bảo:

– Tạm biệt con, Darkie. Con hãy là một chú ngựa hay nhé, và nhớ phải luôn cố gắng hết sức.

Tôi không thể nói “tạm biệt”, nên dụi mũi vào bàn tay ông. Ông trìu mến vỗ về tôi, và thế là tôi từ giã ngôi nhà đầu tiên của tôi.

Giờ đây, tôi đã sống mấy năm với gia đình Squire Gordon, nên có thể kể chút ít về nơi này.

Khu vườn nhà Squire Gordon nằm ở rìa làng Birtwick. Một cái cổng lớn bằng sắt vào vườn, bên cổng là nhà nghỉ đầu tiên. Bạn sẽ chạy nước kiệu qua một con đường nhẵn nhụi giữa các lùm cây già, to. Ngay khi qua một nhà nghỉ và cái cổng nữa, con đường dẫn bạn đến ngôi nhà và nhiều khu vườn. Ngoài ra còn có một bãi luyện ngựa, một vườn cây ăn quả già cỗi và nhiều chuồng ngựa. Có nhiều thứ tiện nghi cho ngựa và xe, nhưng tôi chỉ cần miêu tả cái chuồng của tôi thôi. Chuồng rất rộng rãi, có bốn ngăn thoải mái. Một cửa sổ lò xo to mở ra sân, làm chuồng thoáng khí và dễ chịu.

Ô chuồng đầu tiên là một ngăn rộng, vuông vắn, đóng lại bằng một cửa gỗ. Các ô khác là ngăn chuồng chung, dễ chịu nhưng không được rộng rãi bằng. Ô của tôi có một máng thấp để cỏ và một máng thấp đựng hạt ngũ cốc. Ô đó gọi là chuồng thả ngựa, vì ngựa đưa vào đây không bị buộc, mà để thả lỏng làm gì tùy thích. Được ở trong chuồng thả ngựa thật tuyệt vời.

Viên giám mã đưa tôi vào ô chuồng đẹp, sạch sẽ, dễ chịu và thoáng đãng. Trong đời tôi chưa bao giờ được ở nơi đẹp hơn, các vách không cao nên tôi có thể nhìn qua các chấn song sắt thấy đâu những thứ đi qua.

Ông ta cho tôi một ít yến mạch rất ngon, vỗ về tôi và nói rất trù mến, rồi đi ra.

Lúc ăn hết yến mạch, tôi nhìn quanh. Ngăn chuồng bên cạnh nhốt một chú ngựa pony^[3] xám mơ màng, bồm và đuôi dày rậm, đầu rất đẹp và có cái mũi nhỏ ngộ nghĩnh.

Ghếch đầu lên chấn song sắt trên cùng của ô, tôi nói:

– Chào anh. Anh tên là gì?

Anh ta xoay vòng trong chùng mực sợi dây cho phép, rồi ghénh đầu nói:

– Tôi là Merrylegs. Tôi rất điển trai. Tôi chở các tiểu thư trên lưng, thỉnh thoảng còn đưa bà chủ ngồi trong chiếc xe độc mã thấp ra ngoài. Người ta trông cậy vào tôi nhiều, cả anh James cũng vậy. Cậu sắp ở cạnh chỗ tôi à?

– Phải! - Tôi đáp.

– Vậy thì, - cậu ta nói - tôi mong là cậu tốt tính, tôi không thích ai ở cạnh tôi mà hay cắn.

Đúng lúc ấy, đầu một con ngựa ghénh lên nhìn từ ô bên kia. Đôi tai xẹp ra sau, cái nhìn khá cau có. Con ngựa cái này cao, màu hạt dẻ, cổ dài, đẹp, nhìn xéo tôi và nói:

– Hóa ra vì cậu mà người ta đưa tôi ra khỏi ô ấy. Vì một chú ngựa non như cậu đến mà một tiểu thư phải ra khỏi nhà mình, chẳng lạ lắm sao?

– Tôi xin lỗi. - Tôi nói - Tôi không dám đuổi ai khỏi đây. Người ta đưa tôi đến đây, chứ tôi không làm gì hết. Vì tôi mới là ngựa non bốn tuổi và đang lớn. Tôi chẳng bao giờ cãi nhau với ngựa đực lẫn ngựa cái, tôi chỉ mong sống yên ổn.

– Được! - Con ngựa cái nói - Để rồi xem. Tất nhiên tôi cũng không muốn cãi cọ với một chú ngựa non như cậu.

Tôi không nói thêm.

Đến chiều, khi chị ta ra ngoài, Merrylegs kể mọi chuyện cho tôi nghe:

– Ginger có thói xấu hay cắn và đớp, chính vì thế mới bị gọi là Ginger (Gừng). Hồi ở trong chuồng thả ngựa, cô ta rất hay cắn. Một hôm Ginger đớp vào cánh tay ông James làm chảy máu, cả cô Flora và cô Jessie cũng bị thế. Các cô ấy rất mến tôi, nhưng sợ phải vào chuồng ngựa. Họ mang cho tôi nhiều thức ăn ngon lành như một quả táo hoặc củ cà rốt, hay miếng bánh mì, nhưng vì Ginger đứng trong chuồng ấy, họ không dám đến, làm tôi rất nhớ họ. Tôi hi vọng là cậu không cắn hoặc đớp, và họ sẽ lại đến đây.

Tôi kể rằng tôi chẳng bao giờ cắn thứ gì ngoài cỏ, cỏ khô và ngũ cốc và có thể thấy Ginger sẽ chẳng thích thú điều đó.

– Đúng vậy, tôi cũng cho là cô ta chẳng thích đâu. - Merrylegs nói - Đây là một thói xấu. Cô ta nói chẳng ai tử tế với cô ta, nên sao cô ta lại không cắn? Tất nhiên đây là một thói rất xấu, nhưng tôi chắc rằng nếu những điều cô ta nói là thật, ắt là trước khi đến đây cô ta đã bị ngược đãi. John và James đã làm mọi thứ cho Ginger vui lòng, và ông chủ của chúng ta chẳng bao giờ dùng roi vọt nếu ngựa ăn ở cho phải phép. Vì thế tôi cho rằng ở đây, cô ta có thể thuần tính lại.

– Cậu thấy không, - Merrylegs nói tiếp, với vẻ khôn ngoan - tôi mười hai tuổi, tôi đã biết nhiều điều và có thể nói rằng quanh vùng này không nơi nào tốt hơn ở đây đâu, John là xà ích cừ nhất, anh ấy làm ở đây đã mười bốn năm, và cậu sẽ không bao giờ thấy một người tử tế như John đâu. Cho nên nếu Ginger không được ở trong chuồng thả ngựa, thì chỉ vì lỗi của riêng cô ta mà thôi.

5

KHỞI ĐẦU TỐT ĐẸP

Xà ích tên là John Manly. Anh có vợ và một con nhỏ, họ sống trong nhà của xà ích gần chuồng ngựa.

Sáng hôm sau, anh dắt tôi ra sân và tặng cho tôi một buổi sáng tốt lành. Lúc tôi về chuồng, bộ lông của tôi mềm mại và mượt bóng. Ông Squire vào xem xét và tỏ vẻ hài lòng.

– John này, - ông nói - sáng nay tôi định thử chú ngựa mới này, nhưng lại bận việc khác. Ăn sáng xong cậu có thể cho nó đi dạo một vòng. Đi theo bãi cỏ và Highwood, rồi về theo đường cối xay nước và sông, thế là biết nước đi của nó.

– Vâng ạ, thưa ông. - John nói.

Sau bữa sáng, anh đến và đóng dây cương cho tôi. Anh chú ý nói rộng và thu hẹp các dây để đầu tôi được thoải mái. Sau đó anh mang đến một bộ yên, nhưng không đủ rộng với lưng tôi, anh nhìn giây lát rồi đi lấy bộ khác rất vừa vặn. Lúc đầu anh cho tôi đi chậm chạp, rồi đi nước kiệu và đi nước kiệu nhỏ một lúc, khi đã ở trong bãi cỏ rộng, anh vút nhẹ ngọn roi và chúng tôi phi nước đại tuyệt vời.

– Hô, hô, chú em, - anh nói và ghìm tôi lại - ta nghĩ là chú sẽ thích chạy theo bầy chó săn.

Lúc trở về vườn, chúng tôi gặp ông bà Gordon đang đi dạo. Họ dừng lại, và John nhảy xuống.

– Thế nào John, chú này chạy ra sao?

– Rất cừ, thưa ông. - John đáp - Nó nhanh như hươu và hăng hái, chỉ cần chạm nhẹ vào cương là điều khiển được. Lúc đến cuối bãi, chúng cháu gặp

một trong nhiều xe du lịch, lưng cứng những hòm, chần nệm và nhiều thứ khác. Thưa ông, những con khác sẽ không chịu đi qua những chiếc xe ấy yên ổn, nhưng nó chỉ nhìn rồi vẫn chạy đều và thoải mái như thường. Gần Highwood có mấy người đi săn thỏ, súng nổ rất gần, nó chỉ hơi dướn lên một chút song không rẽ phải rẽ trái. Cháu vẫn giữ vững cương và không giục nó. Theo cháu, hồi còn bé nó không bị dọa dẫm hoặc hành hạ.

– Thế thì tốt. - Ông Squire nói - Ngày mai ta sẽ đích thân thử.

Ngày hôm sau, tôi được dẫn đến cho ông chủ. Tôi nhớ lời dặn dò của mẹ và ông chủ cũ tốt bụng, nên cố làm thật đúng những gì ông Squire muốn. Tôi nhận thấy ông là một kỹ sĩ rất cừ và ân cần với ngựa. Khi về đến nhà, bà chủ đã ở bên cửa tiền sảnh lúc ông nhảy xuống.

– Mình có thích nó không? - Bà nói.

– Nó đúng như John nói, em ạ. Chưa bao giờ tôi được cưỡi trên một con vật dễ thương hơn. Ta đặt tên nó là gì đây?

– Mình có thích gọi là Ebony (Mun) không? - Bà nói - Nó đen như gỗ mun vậy.

– Không, không gọi là Ebony.

– Hay gọi là Blackbird (Hắc điểu), giống con ngựa cũ của ông bác mình?

– Không, nó đẹp hơn con Blackbird nhiều.

– Đúng vậy, - bà chủ nói - nó thực sự đẹp, mặt hiền, thuần tính, cặp mắt đẹp và thông minh, mình thấy gọi là Black Beauty có được không?

– Black Beauty, ờ, cái tên đẹp đấy. Nếu mình thích thì gọi như thế, tôi cũng ưng cái tên ấy.

Lúc John vào chuồng, anh kể với James rằng ông bà chủ đã chọn cho tôi một cái tên rất đẹp và ý nghĩa của cái tên đó khác với Marengo, Pegasus hay Abdallah. Cả hai cười phá lên, James nói:

– Không muốn nhớ lại quá khứ, nếu không em sẽ đặt tên nó là Rob Roy, vì em chưa bao giờ thấy hai con ngựa giống nhau hơn thế.

– Chẳng có gì lạ, - John nói - cậu không biết con Duchess của trại Grey là mẹ cả hai con này sao?

Trước kia tôi chưa bao giờ nghe thấy điều đó. Hóa ra Rob Roy tội nghiệp bị chết trong cuộc đi săn kia lại chính là anh tôi! Tôi không ngạc nhiên khi mẹ tôi buồn phiền đến thế. Hình như lũ ngựa không có liên hệ gì, chí ít thì chúng cũng không biết đến nhau sau khi bị bán đi.

John tỏ ra rất hãnh diện vì tôi, anh thường chải bờm và đuôi tôi mượt mà như tóc một tiểu thư và hay trò chuyện với tôi. Tất nhiên tôi không hiểu hết những điều anh nói, nhưng tôi ngày càng hiểu ý anh, biết anh muốn tôi làm gì. Càng ngày tôi càng mến anh, vì anh nhẹ nhàng và tốt bụng. Anh hiểu một con ngựa cảm thấy những gì, lúc chải lông cho tôi, anh biết những chỗ nhạy cảm và những chỗ động đến là gây buồn. Lúc chải đầu tôi, anh cẩn thận phía trên mắt như thế chính là tóc anh, và không bao giờ làm tôi phát cáu.

James Howard - người dọn chuồng - là một cậu thiếu niên lại dịu dàng và dễ chịu theo kiểu riêng, và tôi thấy mình thật may mắn. Còn một người nữa giúp việc trong sân bãi, nhưng anh ta rất ít khi làm với Ginger và tôi.

Vài ngày sau, tôi phải chạy xe cùng với Ginger. Tôi phân vân không biết chúng tôi sẽ chạy đôi cùng nhau ra sao, nhưng ngoài việc cụp tai ra đằng sau mỗi khi tôi nói chuyện, còn chị ta xử sự rất tốt. Chị làm việc thật sự, và sẵn sàng chia sẻ. Tôi chẳng bao giờ mong có một người chạy đôi nào tốt hơn.

Lúc chúng tôi đến một quả đồi, thay vì chùng bước, chị lại kéo sức nặng lên cổ mình và tiến thẳng lên. Cả hai chúng tôi đều thuộc loại làm việc hăng hái như nhau và John hay phải kìm chúng tôi hơn là giục giã. John chẳng bao giờ dùng roi vọt với chúng tôi. Khi nước đi của chúng tôi khá đồng đều, tôi thấy chạy nước kiệu nhịp nhàng cùng Ginger rất thoải mái. Cả ông chủ lẫn John đều thích chúng tôi sóng bước cùng nhau. Sau khi chạy cùng nhau độ hai hoặc ba lần, chúng tôi càng thân thiện và hòa đồng hơn, làm cho tôi cảm thấy như ở nhà.

Còn với ngựa Merrylegs, tôi và anh sớm trở thành bạn thân. Anh là một chú ngựa nhỏ người, vui vẻ, can trường, thuần tính, ai cũng mến, đặc biệt là

cô Jessie và Flora. Họ thường cưỡi Merrylegs trong vườn cây ăn quả và chơi đùa với anh cùng con chó nhỏ Frisky.

Chủ tôi còn hai con ngựa nữa, nhất trong một chuồng khác. Một là Justice, một con ngựa lang khỏe, chân ngắn, thường dùng để cưỡi hoặc kéo xe hành lí. Còn lại là một con ngựa săn già màu nâu tên là Oliver, hiện giờ không đi săn nữa nhưng vẫn được ông chủ yêu quý, cho chạy trong vườn. Thành thạo, bác ngựa già Oliver kéo một cái xe nhẹ chạy trong điền trang, hoặc chở một trong các tiểu thư cưỡi ngựa cùng cha, vì Oliver dịu dàng, có thể cho trẻ con cưỡi cũng như Merrylegs. Bác ngựa săn khỏe khoắn, phát triển cân đối, thuần tính, và thi thoảng chúng tôi trò chuyện với nhau trong bãi tập, nhưng cố nhiên tôi không thân thiết với bác ngựa già Oliver như với chị ngựa Ginger, hiện nhất cùng chuồng với tôi.

6

TỰ DO

Tôi hoàn toàn sung sướng ở nơi mới, và nếu có một thứ vẫn làm tôi nhớ đến thì xin đừng nghĩ là tôi không toại nguyện. Mọi người đối với tôi tử tế, tôi được ở một ngăn chuồng sáng sủa, thoáng đãng và được ăn rất ngon.

Tôi còn muốn gì hơn nữa? Vâng, đó là tự do! Tôi đã hoàn toàn tự do suốt ba năm rưỡi của đời tôi. Nhưng hiện giờ, tuần tiếp tuần, tháng tiếp tháng, và chắc là năm tiếp năm, tôi phải đứng trong chuồng, rờn rã cả ngày lẫn đêm ngoài những lúc làm việc. Rồi sau đó tôi sẽ phải điềm đạm và bình thản như bất cứ con ngựa già nào đã làm việc hai chục năm. Tôi sẽ phải đeo dây chỗ này, đai chỗ nọ, hàm thiếc trong mõm, miếng da che trên mắt.

Lúc này, tôi không phàn nàn vì tôi biết sự thế ắt phải thế. Tôi chỉ muốn nói rằng với một chú ngựa non, tràn đầy sức khỏe và hăng hái, đã quen với những cánh đồng rộng rãi và thảo nguyên, nơi có thể ngẩng cao đầu, đuôi vênh lên phi nước đại hết tốc lực. Rồi chú lượn vòng lại, thở phì phì với các bạn đồng hành thì việc ăn sung ở sướng nhưng chẳng có chút xíu tự do nào như tôi bây giờ mới thật buồn cười.

Đôi khi, việc tập luyện ít hơn thường lệ, tôi cảm thấy dồi dào sinh lực và sức bật đến nỗi khi John đưa tôi ra ngoài để tập, tôi thực sự không thể kìm chế được. Tôi muốn được nhảy múa, hoặc nhảy dựng lên. Tôi biết tôi đã lắc, tránh John từ lúc đầu, nhưng anh vẫn luôn ân cần và kiên nhẫn.

– Bình tĩnh nào, anh bạn tri kỉ của tôi! - John nói - Đợi chút nhé, chúng ta sẽ cùng nhún nhảy một chút, rồi cậu sẽ thấy hết buồn chán buồn căng ngay thôi mà.

Ngay lúc chúng tôi ra khỏi làng, anh cho tôi một cốc phi nước kiệu tuyệt vời mấy dặm liền, rồi đưa tôi trở về tư tình y như lúc trước, chỉ để rửa sạch mọi nỗi bồn chồn, anh gọi như thế.

Những con ngựa mạnh mẽ khi chưa được luyện kỹ thường bị gọi là bất kham, thực ra đây chỉ là một cách hành xử. Một số người xa ích trừng phạt chúng, nhưng anh John của chúng tôi thì không, anh biết, chỉ vì những chú ngựa phấn chấn quá mà thôi. Anh có cách riêng làm tôi hiểu bằng âm sắc trong giọng nói hoặc chỉ cần chạm vào dây cương. Nếu thấy anh nghiêm khắc hoặc rất kiên quyết, tôi hiểu ngay qua tiếng nói của anh, nó có uy quyền với tôi mạnh hơn mọi thứ, vì tôi rất mến anh.

Phải nói rằng đôi khi chúng tôi được tự do vài giờ, thường là trong những ngày Chủ nhật đẹp trời hoặc vào tiết hè. Xe ngựa không bao giờ ra ngoài vào Chủ nhật, vì nhà thờ ở cách đây không xa lắm.

Chúng tôi hết sức vui sướng được tập hợp trong bãi tập của gia đình hoặc trong vườn quả cũ, cỏ dưới chân chúng tôi mát rượi và mềm mại. Không khí thuần khiết dễ chịu, chúng tôi được tự do thích làm gì thì làm. Có thể chúng tôi sẽ phi nước đại, nằm ườn ra, lăn lộn trên cỏ hoặc gặm cỏ non! Rồi khi thành thơi, chúng tôi đứng nói chuyện thoải mái với nhau dưới bóng cây dẻ to.

GINGER

Một hôm, lúc chỉ có mình tôi với Ginger đứng trong bóng cây, chúng tôi đã nói chuyện rất lâu. Chị muốn biết tôi được nuôi dạy và huấn luyện ra sao, thế là tôi kể cho chị nghe.

– Vậy đấy, - chị nói - nếu tôi được hưởng sự dạy dỗ như thế, chắc tôi cũng tốt tính như cậu, nhưng hiện giờ tôi tin sẽ không như thế nữa.

– Sao lại không? - Tôi nói.

– Vì mọi thứ, với tôi khác hẳn. - Ginger đáp - Tôi chẳng được ai, kể cả người lẫn ngựa ân cần với tôi, hoặc có ai để tôi muốn làm vừa lòng. Trước kia, vừa cai sữa tôi đã bị tách khỏi mẹ và đưa vào giữa bầy ngựa non. Chẳng ai chăm sóc tôi, và tôi cũng chẳng quan tâm đến ai. Cũng không có ông chủ tốt bụng như chủ cậu chăm sóc, trò chuyện và mang cho tôi những thức ăn ngon lành.

Người trông nom chúng tôi chưa bao giờ nói với tôi một lời ân cần trong đời. Ông ta không hành hạ tôi, nhưng thực sự ông ta đã không chăm sóc gì cho chúng tôi. Chúng tôi ăn nhiều và có chỗ trú trong mùa đông.

Có một con đường nhỏ chạy qua cánh đồng, ở đó có một bọn trẻ mới lớn hay ném đá để chúng tôi phải chạy lồng lên. Tôi chưa bị ném trúng lần nào, nhưng một con ngựa non xinh đẹp đã bị ném trúng đá vào mặt và tôi nghĩ chắc phải để lại vết sẹo suốt đời. Chúng tôi không để tâm đến bọn chúng, nhưng tất nhiên việc đó làm chúng tôi hung dữ hơn, làm chúng tôi ghi nhớ trong đầu rằng bọn con trai là kẻ thù. Chúng tôi hay nô giỡn trên bãi cỏ, hết phi nước đại lên xuống lại đuổi nhau chạy vòng quanh cánh đồng, hoặc đứng im dưới bóng cây.

Thời gian huấn luyện ngựa là giai đoạn tồi tệ với tôi. Có vài người đến bắt tôi. Lần cuối cùng, họ lừa tôi vào một góc cánh đồng, một người túm lấy chòm lông trán, người khác nắm lấy mũi tôi, giữ chặt làm tôi khó thở, còn người thứ ba nắm chặt lấy hàm dưới của tôi, vặn tọng để banh mồm tôi ra. Họ quàng dây thòng lọng vào cổ tôi và nhét một thanh sắt vào mồm tôi.

Rồi một người dắt dây thòng lọng kéo tôi đi, một người theo sau quát tôi. Đây là trải nghiệm đầu tiên của tôi về lòng tốt của con người: tất cả chỉ là vũ lực. Họ không cho tôi có cơ hội hiểu họ muốn gì. Tôi là nòi ngựa cao, rất hăng hái và chắc chắn là rất hung dữ, đã gây cho họ không ít phiền toái. Nhưng hồi đó điều khủng khiếp nhất là thay vì được tự do, tôi lại bị nhốt trong ngăn chuồng hết ngày này sang ngày khác. Tôi cáu kỉnh, héo hắt và mong được thả lỏng. Vậy đấy, có một ông chủ ân cần vỗ về mà mới chỉ mất tự do chút xíu cậu còn khổ sở, nữa là tôi chẳng có được chút gì.

Chủ cũ của tôi là ông Ryder có thể làm cho tôi thay đổi, nhưng ông đã nhượng lại phần việc khó khăn cho con trai và một người khác giàu kinh nghiệm. Ông chủ tôi chỉ đến nhiều lần để quan sát.

Con trai ông tên là Samson, là người cường tráng, cao và liều lĩnh, thường khoe khoang rằng chưa có con ngựa nào hất ngã được anh ta. Anh ta không hề có chút điềm tĩnh nào như ông bố, chỉ toàn là khắc nghiệt: giọng nói gay gắt, cái nhìn nghiêm khắc, bàn tay cứng cáp. Ngay từ ban đầu, tôi đã thấy anh ta muốn làm kiệt quệ tinh thần tôi, biến tôi thành một cái bị thịt, âm thầm, nhún nhường và dễ bảo. - Bị thịt! Vâng, đó chính là thứ anh ta nghĩ! - Ginger giậm chân như thể việc nghĩ đến anh ta cũng làm chị nổi cáu. Rồi chị tiếp - Nếu tôi không làm đúng những gì anh ta muốn, anh ta lôi tôi ra ngoài, bắt tôi chạy vòng quanh trong bãi tập cho đến lúc tôi mệt lử. Tôi cho là anh ta nghiện rượu, và càng uống nhiều bao nhiêu, càng làm khổ tôi bấy nhiêu.

Một hôm, anh ta bắt tôi làm đủ kiểu có thể, tôi nằm xoài ra vì kiệt sức, khổ sở và cáu kỉnh. Sáng hôm sau, anh ta đến từ sớm và cười tôi chạy vòng quanh hồi lâu. Tôi vừa mới nghỉ độ một giờ, anh ta lại đến mang theo bộ yên cương và một cái hàm thiếc mới.

Tôi không thể kể gầy gọn sự việc xảy ra như thế nào. Anh ta vừa trèo lên trong bãi tập, tôi đã cảm thấy anh ta đang cẩu kính và giật mạnh dây cương. Cái hàm thiếc mới làm tôi rất đau, tôi bất ngờ nhảy dựng lên làm anh ta càng cẩu và bắt đầu quất tôi thật mạnh.

Tôi cảm thấy rất muốn chống lại, tôi bắt đầu đá lung tung, lao tới và nhảy dựng lên, trước kia tôi chưa làm thế bao giờ. Chúng tôi chiến đấu thực sự với nhau. Anh ta dính chặt trên yên một lúc lâu, trừng phạt tôi tàn nhẫn bằng roi và đỉnh thúc ngựa. Tôi đang sôi máu nên chẳng để ý xem anh ta làm gì, chỉ lăm lăm hất ngã anh ta.

Cuối cùng, sau một cuộc vật lộn dữ dội, tôi hất anh ta về phía sau. Tôi nghe tiếng ngã phịch xuống cỏ. Không ngoái nhìn lại, tôi phi nước đại đến tận đầu kia bãi cỏ. Đến đây tôi quay người và thấy kẻ hành hạ tôi từ từ nhóm dậy khỏi mặt đất và đi về phía chuồng ngựa. Tôi đứng dưới cây sồi và theo dõi, nhưng không thấy ai đến bắt tôi.

Thời gian trôi qua, mặt trời nóng bỏng, lũ ruồi hung nhúc quanh tôi và đậu lên hai bên sườn đang chảy máu vì đỉnh thúc ngựa đâm vào. Tôi thấy đói, vì từ sáng sớm chưa được ăn, nhưng trên bãi không đủ cỏ cho một con ngựa. Tôi muốn nằm nghỉ, nhưng bộ yên buộc chặt trên lưng rất khó chịu, chưa kể không có giọt nước mà uống. Buổi chiều trôi qua, mặt trời xuống thấp dần. Tôi thấy các con ngựa non khác được dẫn về chuồng, và tôi biết chúng có một bữa ăn ngon.

Cuối cùng, khi mặt trời đã lặn, tôi thấy ông chủ cũ đi ra, cầm một cái giỏ trong tay. Ông là một quý ông đẹp lão, mái tóc bạc trắng, và tôi có thể nhận ra tiếng ông giữa một ngàn giọng khác. Giọng ông không cao cũng không thấp, nó trầm và dịu dàng, dễ hiểu và ân cần. Khi ra lệnh, giọng ông điềm tĩnh và kiên quyết làm cho cả người lẫn ngựa đều hiểu rằng ông mong được tuân lời.

Ông nhẹ nhàng đi đến, lắc lắc yến mạch trên cái giỏ, ông nói với tôi, vui vẻ và trìu mến:

– Lại đây nào cô gái, lại đây nào cô gái! Lại đây, nào lại đây!

Tôi vẫn đứng yên và để ông đi tới. Ông giơ yếm mạch cho tôi và tôi bắt đầu ăn, không hề sợ hãi. Tiếng nói của ông đã xua tan nỗi sợ. Trong lúc tôi ăn, ông đứng bên, vỗ về và vuốt ve tôi. Nhìn thấy những cục máu bên sườn tôi, ông có vẻ phật ý: “Tội nghiệp cô bé! Thật tệ quá, tệ quá!”. Sau đó ông nắm lấy dây cương và dẫn tôi về chuồng.

Samson đứng ngay bên cửa. Tôi cụp tai lại và đớp hăn.

– Lùi lại, - ông chủ nói - tránh đường ra, mi đã hành hạ con ngựa non tội nghiệp này cả ngày rồi. - Ông gầm lên với kẻ vũ phu - Nghe đây, một kẻ hung hăng không bao giờ luyện cho ngựa thuần tính. Mi không học được nghề rồi, Samson.

Rồi ông dắt tôi vào ngăn của tôi, tự tay tháo bỏ yếm cương và buộc tôi lại. Ông gọi mang xô nước ấm và bọt biển, rồi cởi áo ngoài. Trong lúc người dọn chuồng giữ xô, ông lau hai bên sườn tôi nhẹ nhàng đến mức tôi chắc ông biết chúng nhức nhối và bầm tím đến thế nào.

– Họ! Họ...! Cô bé xinh đẹp của ta. - Ông nói - Đứng yên nào, đứng yên nào, con!

Giọng nói của ông làm tôi yên lòng và cuộc tắm rửa rất dễ chịu.

Da ở góc mép tôi bị rách nên tôi không ăn được cỏ khô, vì cọng cỏ làm tôi rất đau. Ông nhìn kĩ vào mồm tôi, lắc đầu và bảo người dọn chuồng đi lấy cháo cám ngon rồi bón cho tôi. Cháo cám mới ngon làm sao! Vừa mềm vừa chữa lành vết thương cho tôi. Ông đứng cạnh, vừa vuốt ve tôi và nói chuyện với người kia trong lúc tôi ăn:

– Một con ngựa can đảm như thế này mà không được luyện đúng cách, sẽ chẳng bao giờ làm nên trò trống gì.

Sau chuyện đó, ông thường đến xem xét tôi, và khi mồm tôi lành hẳn, một người dạy ngựa khác là Job đến huấn luyện cho tôi. Anh là người điềm đạm và ân cần, nên tôi sớm hiểu ý anh muốn gì.

GINGER KỂ TIẾP CHUYỆN

Lần sau cùng đứng trong bãi tập, Ginger kể cho tôi nghe về nơi ở đầu tiên của chị. Ginger kể:

– Sau khi luyện xong, một lái buôn mua tôi cho hợp đôi với một con ngựa khác màu hạt dẻ. Ông ta cho chúng tôi đi với nhau trong vài tuần, rồi sẽ bán cho một quý ông sang trọng. Người lái buôn đưa chúng tôi lên London. Ông đóng giá cương cho tôi, và tôi căm ghét cái đó hơn mọi thứ trên đời. Ở nơi này chúng tôi bị siết dây cương chặt hơn, xà ích và ông chủ đều cho rằng như thế trông chúng tôi kiêu cách hơn. Chúng tôi thường đi dạo trong công viên và nhiều nơi thời thượng khác. Cậu chưa bao giờ bị đóng giá cương nên chưa hiểu nó là gì, để tôi kể cho cậu biết nó kinh khủng ra sao.

Tôi thích lắc lư và nghển cao đầu như mọi con ngựa khác, nhưng cậu tưởng tượng xem cứ phải nghển cao đầu và phải giữ nguyên như thế suốt nhiều giờ liền, không thể cựa quậy được tí gì trừ việc giật đầu lên cao hơn. Suốt thời gian đó cái cổ của cậu đau nhức cho đến lúc cậu chẳng còn biết đang mang cái gì nữa.

Ngoài ra, còn phải đeo hai hàm thiếc thay cho một. Một cái hàm thiếc của tôi rất sắc. Nó làm lưỡi và hàm tôi nhức nhối, máu lưỡi nhuộm đỏ, bọt mép cứ sùi ra ngoài môi, làm tôi khó chịu, cáu với cả dây cương lẫn hàm thiếc. Phải đứng đợi bà chủ hàng giờ tại một đại tiệc hoặc một cuộc giải trí nào đó thật vô cùng khổ sở. Nếu tôi bực dọc hoặc giậm chân lại bị ăn roi ngay lập tức. Thế cũng đủ làm tôi nổi điên lên rồi.

– Ông chủ không nghĩ gì đến chị sao? - Tôi hỏi.

– Không, - Ginger nói - ông ấy chỉ quan tâm sao cho có phong cách hợp thời trang, họ gọi như thế. Tôi cho là ông ấy hiểu rất ít về ngựa, ông ấy phó mặc chuyện đó cho xà ích. Xà ích trình với ông chủ rằng tính khí tôi hay cáu kỉnh và không chịu giá cương, lẽ ra tôi phải quen với nó ngay mới phải.

Nhưng chẳng lẽ anh ta không phải là người gây ra điều đó? Lúc đã vào chuồng, khổ sở và giận dữ, thay vì được vỗ về và an ủi ân cần, tôi chỉ nhận được một lời gắt gỏng hoặc một ngọn roi. Tôi là người ham việc và sẵn sàng làm việc chăm chỉ, nhưng cái kiểu bị hành hạ vô lối như thế chỉ làm tôi giận dữ. Họ có quyền gì mà bắt tôi phải chịu như thế? Ngoài cái mồm nhức nhối và cổ đau như dằm, bộ giá cương luôn làm khí quản tôi bị nghẹt, tôi biết nếu cứ để lâu như thế sẽ rất hại hệ hô hấp của tôi.

Càng lớn, tôi càng hiểu động và dễ cáu kỉnh. Tôi không thể khác đi được. Rồi bất cứ ai đến đóng yên cương cho tôi, tôi đều đớp và đá hậu, vì thế xà ích luôn đánh tôi. Một hôm, lúc họ đóng chúng tôi vào xe và kéo căng dây cương buộc tôi ngẩng cao đầu, tôi đã lao tới và đá túi bụi. Tôi đã đứt đứt nhiều dây cương và đá tung vó, và thế là chấm dứt sự chịu đựng.

Ngay sau đó tôi bị đem đi bán ở Tattersall. Lẽ tất nhiên, tôi được bảo đảm là không xấu tính, vì muốn bán tôi nên chẳng ai dả động gì đến chuyện đó. Diện mạo đẹp đẽ và nước đi duyên dáng của tôi sớm được một quý ông trả giá, và một lái buôn khác mua tôi. Ông ta thử đủ kiểu với tôi và đóng nhiều loại hàm thiếc khác nhau, và phát hiện ngay thứ tôi có thể mang được. Cuối cùng, ông ta cười tôi không dùng giá cương, rồi sau đó bán tôi như một ả ngựa hết sức hiền hòa cho một quý ông trong vùng.

Ông ấy là một ông chủ tốt, và tôi cư xử rất phải phép. Nhưng viên xà ích già của ông đã nghỉ việc và một người mới đến thay. Gã này khó tính và khắc nghiệt y hệt Samson. Gã thường nói bằng cái giọng cọc cằn, nôn nóng, và nếu tôi không vào chuồng lúc gã muốn, gã liền dùng chổi, chĩa ba hoặc bất cứ thứ gì có trong tay quất lên bên trên khuỷu chân sau của tôi. Gã quất rất thô bạo, và tôi bắt đầu ghét gã. Gã muốn làm tôi sợ, mà tôi lại là kẻ quá khí phách.

Một hôm, gã chọc tức tôi nhiều hơn thường lệ, tôi bèn đốp gã, làm gã nổi cơn thịnh nộ và lấy roi quất tới tấp vào đầu tôi. Sau lần đó, gã không bao giờ dám vào ô chuồng của tôi lần nữa, vì gã biết gót chân và hàm răng của tôi lúc nào cũng sẵn sàng đọi gã. Tôi hoàn toàn ngoan ngoãn với ông chủ, nhưng cố nhiên là ông nghe người của ông bẩm báo về tôi rất dữ dằn, và thế là tôi lại bị bán đi lần nữa.

Cũng chính người lái buôn ấy nghe tin tôi và nói ông ta biết có một nơi tôi sẽ làm việc yên ổn.

– Thật đáng tiếc, - ông ta nói - con ngựa đẹp đường này lại đổ đốn vì thiếu cơ hội thực sự thuận lợi.

Kết cục là tôi đến đây trước cậu không bao lâu. Lúc ấy, tôi đã khắc ghi trong tâm tưởng rằng con người là kẻ thù của tôi, và tôi phải tự vệ. Dĩ nhiên là ở đây khác hẳn, nhưng ai biết được sự thế sẽ kéo dài bao lâu? Tôi ước có thể suy nghĩ mọi sự được như cậu, nhưng sau mọi chuyện đã qua, tôi không thể làm thế được nữa.

– Tôi nghĩ nếu chị cắn hoặc đá John hay James thì thật xấu hổ! - Tôi nói.

– Tôi không có ý ấy, trong lúc họ đối tốt với tôi như vậy. Có lần tôi đốp James thật đau, nhưng John nói “Cậu thử ân cần với nó xem”, tôi đã tưởng bị phạt, nhưng James đến ôm lấy tôi, mang cháo cám cho tôi và vuốt ve tôi, từ đó không bao giờ và sẽ không bao giờ tôi cắn anh ấy nữa.

Tôi thấy thương Ginger, nhưng hồi ấy tôi hiểu biết rất ít, và tôi nghĩ có lẽ chị đã làm cho mọi việc xấu đi. Song nhiều tuần lễ trôi qua, càng ngày Ginger càng dịu dàng và vui vẻ hơn, mất hẳn cái vẻ đề phòng, ngang ngạnh chị thường dùng với bất cứ người lạ nào đến gần chị. Một hôm, anh James nói:

– Tôi tin con ngựa cái ấy mến tôi, sáng nay nó hí gọi tôi lúc tôi đang xoa trán nó.

– Đúng thế, James, đấy là phương thuốc của Birtwick đấy. - John nói - Nó sẽ ngoan như Black Beauty thôi. Ân cần là liều thuốc nó cần mà, con vật tội nghiệp!

Ông chủ cũng chú ý đến sự thay đổi ấy. Một hôm vừa xuống xe và đến nói chuyện với chúng tôi như ông thường làm, ông vuốt ve cái cổ xinh đẹp của Ginger:

– Con vật xinh đẹp của ta, bây giờ mọi việc của con ra sao rồi? Ta cho là con thấy vui vẻ, hạnh phúc hơn ngày mới đến nhiều đấy.

Ginger hếch mũi về phía ông vẻ thân thiện và tin cậy, trong lúc ông nhẹ nhàng vuốt ve chị.

– Chúng ta sẽ điều trị cho nó, John ạ!. - Ông nói.

– Vâng thưa ông, nó đã tiến bộ rất nhiều, không còn là con vật như trước nữa. Đúng là phương thuốc của Birtwick, thưa ông. - John vừa nói vừa cười.

Đấy là kiểu đùa của John, anh thường nói rằng một khóa huấn luyện thông thường ở bãi tập Birtwick sẽ là liều thuốc hiệu nghiệm cho hầu hết các con ngựa hung dữ. Anh bảo bài thuốc chính là sự kiên nhẫn, dịu dàng, kiên quyết và âu yếm: mỗi ngày cho một con ngựa một pound^[4] mỗi thứ, trộn với nửa pint^[5] lương tri.

MERRYLEGS

Cha xứ Blomefield có một gia đình đông đúc, nhiều con trai con gái, thi thoảng họ lại đến chơi với cô Jessie và Flora. Một trong mấy cô gái bằng tuổi Jessie, hai cậu con trai lớn hơn và vài đứa bé hơn. Mỗi lần họ đến, anh ngựa Merrylegs rất bận bịu, vì chẳng gì làm họ vui thích hơn là lần lượt cưỡi Merrylegs chạy quanh vườn quả và trong bãi tập của gia đình hàng giờ liền.

Một buổi chiều, anh ngựa Merrylegs ra ngoài với họ rất lâu, và lúc James dắt Merrylegs vào, buộc anh một cái thòng lọng rồi bảo:

– Đứng đấy, đồ ngỗ nghịch, ngấm nghĩ mà cư xử cho phải phép, hoặc chúng ta sẽ cho mi biết tay.

– Anh đã làm gì thế, Merrylegs? - Tôi hỏi.

– Ôi chào! - Anh vừa nói vừa lắc lắc cái đầu nhỏ nhắn - Tôi chỉ cho bọn nhóc ấy một bài học thôi. Họ không biết thế nào là đủ, cũng không biết thế nào là vừa sức tôi, thế nên tôi phải hất họ ra sau, chỉ có cách ấy họ mới hiểu được.

– Cái gì? - Tôi nói - Anh hất bọn trẻ con ngã? Tôi tưởng anh hiểu biết hơn thế chứ! Anh có hất cô Jessie hay cô Flora không?

Trông Merrylegs rất khó chịu, anh nói:

– Tất nhiên là không rồi. Tôi không làm thế vì những bó yến mạch ngon lành họ mang đến tận chuồng. Tôi chu đáo với các tiểu thư cũng như với ông chủ, còn với bọn nhóc này, tôi dạy chúng cưỡi ngựa đấy chứ. Mỗi khi chúng có vẻ sợ hoặc nhấp nhồm trên lưng tôi, tôi chạy thật êm như một con mèo già vỗ chim, còn lúc chúng yên ổn, tôi lại chạy nhanh hơn cho chúng

quen. Vì thế cậu đừng mất công thuyết giảng cho tôi. Tôi là người bạn tốt nhất và là thầy dạy cưỡi tốt nhất cho bọn trẻ con đây.

Mấy đứa kia cưỡi tôi đã gần hai tiếng, bọn con trai nghĩ đã đến lượt chúng, và tôi hoàn toàn chấp nhận. Chúng lần lượt cưỡi tôi, tôi phi nước đại lên xuống, ngang dọc bãi cỏ và khắp vườn quả suốt một giờ liền.

Mỗi đứa chạt một cành gỗ phi to làm roi ngựa, quất tôi rất đau, nhưng tôi cũng không chấp nhất làm gì. Cuối cùng, thấy chạy thế là đủ, tôi bèn đứng lại hai hoặc ba lần để chúng hiểu. Bọn con trai tưởng ngựa là một động cơ hơi nước hoặc cái máy đập lúa, có thể chạy lâu, chạy nhanh mãi như chúng muốn. Chúng chẳng bao giờ nghĩ là một con pony có thể mệt hoặc có cảm giác lắm chứ. Vì thế khi một đứa quất tôi mà không hiểu, tôi bèn nhảy dựng lên trên hai chân sau và hất nó ngã ra sau, chỉ thế thôi. Nó lại trèo lên lưng tôi, và tôi lại làm như thế. Sau đó một đứa khác trèo lên, và ngay lúc nó vừa vút roi, tôi đã hất nó nằm thẳng cẳng trên cỏ, cứ thế cho đến lúc chúng hiểu, thế là xong.

Chúng không phải là những đứa trẻ hư, chúng không muốn tàn nhẫn. Tôi rất mến chúng, nhưng cậu thấy đấy, tôi phải cho chúng một bài học. Lúc chúng đưa tôi đến chỗ James và kể lại với anh, tôi cho là anh giận chúng vì những cây gậy to như thế. Anh bảo gậy ấy chỉ hợp với bọn lái trâu lái bò hoặc dân gypsy, chứ không hợp với các công tử.

– Nếu tôi là anh, - chị ngựa Ginger nói - tôi sẽ cho bọn con trai ấy một cú đá hậu ra trò, và như thế sẽ dạy cho chúng một bài học.

– Chắc cô sẽ làm thế, - ngựa Merrylegs nói - nhưng tôi không phải là một thằng ngu hoàn toàn (xin lỗi cô nhé) mà cáo kinh với chủ hoặc làm anh James xấu hổ vì tôi. Hơn nữa, tôi chịu trách nhiệm với bọn trẻ này lúc chúng cưỡi tôi. Tôi xin nói với cô rằng người ta giao chúng cho tôi. Mới đây thôi, tôi nghe thấy ông chủ nói với bà Blomefield: “Thưa bà, bà đừng lo về các cháu, con ngựa già Merrylegs của tôi sẽ đưa chúng cẩn thận như với bà hoặc tôi vậy. Tôi bảo đảm với bà rằng tôi không bán con pony này dù bất cứ giá nào, nó là con ngựa thuần tính và rất đáng tin cậy”. Các bạn nghĩ xem, tôi sẽ là kẻ vô ơn biết chừng nào nếu quên lỗi đối xử tử tế ở đây suốt năm năm

qua, với lòng tin họ đặt vào tôi, biến mình thành kẻ hèn học chỉ vì vài đứa trẻ ác đã lạm dụng tôi?

Không, không thể! Cô chưa bao giờ có một nơi tử tế, được người ta đối đãi ân cần nên cô không hiểu được. Tôi rất thương cô, nhưng tôi có thể nói những nơi tốt lành sẽ tạo nên những con ngựa ra trò. Tôi sẽ không làm người của chúng ta bực tức vì bất cứ việc gì. Tôi yêu họ, rất yêu! - Anh ngựa Merrylegs hạ thấp giọng và khịt khịt “Này, này, này” qua mũi, như anh vẫn làm mỗi buổi sáng lúc nghe thấy tiếng bước chân của James ngoài cửa.

– Ngoài ra, - anh tiếp - nếu tôi đá hậu, tôi sẽ ở đâu? Tôi sẽ bị tống khứ đi ngay lập tức, mất hết thanh danh, tôi có thể bị làm nô lệ cho một gã đồ tể, hoặc làm việc quần quật bên bờ biển, chẳng ai quan tâm chăm sóc đến tôi ngoài việc xem tôi có thể chạy nhanh đến chừng nào, hoặc bị đóng vào xe, kéo ba bốn gã lực lưỡng đi chèn chén lu bù ngày Chủ nhật, như tôi vẫn thấy ở nơi tôi sống trước khi đến đây. Không, tôi mong là sẽ chẳng bao giờ bị thế! - Merrylegs vừa nói vừa lắc đầu.

10

CUỘC TRÒ CHUYỆN TRONG VƯỜN QUẢ

Ginger và tôi không thuộc nòi ngựa kéo xe thông thường dáng cao, chúng tôi mang dòng máu ngựa đua nhiều hơn. Chúng tôi đứng, cao khoảng một mét năm nhăm, vì vậy dùng làm ngựa cưỡi cũng tốt như kéo xe. Chủ chúng tôi hay nói rằng ông ghét cả ngựa lẫn người chỉ biết làm một việc. Ông không thích những con ngựa phô trương trong các công viên London, ông thích những con ngựa thông thường và hoạt động hơn.

Còn với chúng tôi, niềm vui lớn nhất là được thả yên đi thành một đoàn: ông chủ cưỡi Ginger, bà chủ cưỡi tôi, các cô chủ cưỡi Oliver và Merrylegs. Thật vui sướng được chạy nước kiệu và nước kiệu nhỏ cùng nhau, việc đó luôn làm chúng tôi phấn chấn. Tôi chạy nước kiệu đẹp nhất, nên luôn được chở bà chủ. Bà nhẹ người, giọng nói ngọt ngào, bàn tay bà giật cương nhẹ nhàng đến mức tôi được dẫn dắt mà gần như chẳng cảm thấy gì.

Ôi! Nếu mọi người biết loài ngựa thoải mái thế nào khi có một bàn tay dịu dàng, biết giữ cho mõm ngựa lạnh lặn và tính tình thuần hậu, chắc họ sẽ không quăng, kéo và giật cương như họ thường làm. Mõm chúng tôi mềm, con người không nên làm hỏng hoặc làm chai cứng vì kiểu xử lí tồi tệ hoặc dốt nát. Chúng tôi cảm nhận được sự cử động tinh tế nhất của bàn tay người cưỡi, hiểu ngay lập tức bàn tay ấy đòi hỏi chúng tôi những gì. Mõm tôi không bao giờ bị làm hại, tôi tin bà chủ mến tôi hơn Ginger, dù nước kiệu của chị chắc chắn là duyên dáng. Chị hay tị với tôi, và nói đấy là lỗi của

huấn luyện, ở London chị bị đóng hàm thiếc suốt và mồm chị không đẹp như tôi. Lúc đó, bác ngựa già Oliver nói:

– Thôi nào, đừng tự dằn vặt thế, cô đã vinh hạnh nhất rồi còn gì. Một con ngựa cái mà có thể mang nổi một người đàn ông cao lớn và nặng như ông chủ chúng ta. Cô lại có bước nhảy và hoạt động đầy sinh lực, đâu có cần lệ thuộc vào việc không được chở bà chủ. Là ngựa, chúng ta phải nhận bất cứ việc gì, và luôn hài lòng cũng như sẵn sàng, miễn là được sử dụng tốt.

Tôi hay bắn khoăn sao đuôi bác ngựa Oliver lại ngắn cùn cùn như thế, nó chỉ dài độ mười lăm hoặc hai mươi centimét. Trong một ngày nghỉ ở vườn quả, tôi đánh bạo hỏi bác bị tai nạn gì mà mất đuôi.

– Tai nạn ư! - Bác ngựa già khịt khịt mũi, nhìn dữ tợn - Đấy không phải là tai nạn! Đấy là một hành động tàn bạo, đáng xấu hổ, nhẫn tâm! Hồi còn trẻ, tôi bị dẫn đến một nơi để thực hiện nhiều việc tàn bạo. Tôi bị trói chặt đến nỗi không thể cựa quậy nổi, rồi họ đến và cắt bỏ cái đuôi dài, đẹp đẽ của tôi, cắt cả da thịt lẫn xương.

– Kinh khủng quá! - Tôi kêu lên.

– Kinh khủng thật! Ôi chao, thật khủng khiếp! Nhưng không chỉ đau đớn, dù rất đau và kéo dài một thời gian. Lấy đi vật trang sức đẹp đẽ ấy không chỉ làm nhục tôi, dù thế cũng tồi tệ lắm rồi, mà còn khiến tôi không cách nào xua được ruồi muỗi khỏi hai bên sườn và chân sau? Cậu có đuôi để đuổi ruồi nên cậu không nghĩ đến chuyện đó, và cậu không thể hiểu khi chúng đậu lên người khổ sở ra sao đâu. Chúng cứ đốt, đốt mãi mà không có gì trên đời này xua nổi chúng. Nói để cậu biết đây là sự hủy hoại và mất mát suốt đời. Nhưng, nhờ Trời! Bây giờ con người không làm thế nữa.

– Hồi đó họ làm thế để làm gì? - Ginger nói.

– Theo một! - Bác ngựa già nói và giậm chân - Theo một mà! Các cậu có hiểu thế là gì không? Vào thời tôi, không con ngựa non tốt giống nào không bị cắt khâu đuôi theo kiểu đáng xấu hổ ấy, và chỉ có Chúa mới làm chúng ta biết thứ chúng ta muốn và trông chúng ta ra sao là đẹp nhất mà thôi.

- Tôi cho cũng vì một mà họ buộc dây da vào đầu chúng ta với những cái hàm thiếc kinh khủng như hồi tôi bị hành hạ ở London, - chị ngựa Ginger nói.

- Đúng thế đấy, - bác ngựa Oliver nói - theo tôi, một là thứ gớm ghiếc nhất trên đời. Ví dụ nhìn cái kiểu họ chăm sóc chó mà xem, họ cắt đuôi chó để trông chúng có vẻ gan dạ, xén bớt đôi tai xinh xắn của chúng thành nhọn hoắt để trông có vẻ nhanh nhẹn.

Trước kia, tôi có cô bạn thân là một con chó sục⁶¹ màu nâu, tên là Skye. Cô ấy mẫn tôi đến mức không chịu ngủ ở ngoài ô chuồng tôi. Cô ấy dọn ổ ngay bên dưới máng và đẻ một đàn năm chú chó con xinh xắn. Chúng không bị dìm chết, vì là loài có giá và Skye rất vui sướng có lũ nhóc ấy! Lúc chúng mở mắt và bò lúc nhúc quanh đó, thật là một cảnh tượng đẹp mắt!

Một hôm, có người đến mang chúng đi. Tôi tưởng người ta sợ tôi giẫm chết chúng, nhưng không phải thế. Đến tối, Skye khốn khổ tha từng con về. Những con vật bé bỏng không vui vẻ như trước, chúng chảy máu và rên rỉ rất thương tâm. Đuôi chúng bị cắt cụt còn một mẩu, vành những đôi tai xinh xắn cũng bị chặt phăng. Mẹ chúng liếm cho con, và trông Skye lo lắng mới tội nghiệp làm sao! Tôi không bao giờ quên cảnh ấy. Lúc vết thương đã lành, chúng quên đau, nhưng cái vành tai mềm mại, xinh xắn che chở cho những bộ phận tinh tế bên trong khỏi bụi và bị tổn thương đã mất vĩnh viễn.

Sao họ không cắt tai con mình cho nhọn để trông bọn trẻ có vẻ nhanh nhẹn? Sao họ không cắt phăng đầu mũi chúng, để chúng có vẻ can trường? Con người cũng nhạy cảm như các loài khác chứ. Họ có quyền gì mà hành hạ và làm biến dạng các tạo vật của Chúa?

Dù trông bác ngựa Oliver rất hòa nhã, nhưng bác là người sôi nổi. Những điều bác kể hoàn toàn mới mẻ và kinh khủng, chúng khơi lên trong tôi cảm giác gay gắt với con người, cái cảm giác trước kia chưa từng có. Tất nhiên là chị Ginger bị kích động nhiều. Mắt lóe sáng, lỗ mũi phập phồng, chị tuyên bố người là giống vừa tàn bạo vừa đần độn.

- Ai nói đần độn đấy? - Anh ngựa Merrylegs hỏi. Anh đang cọ người vào những cành thấp của cây táo già, chạy đến - Ai nói đần độn đấy? Tôi tin

rằng đây là một từ xấu.

– Những từ xấu dành cho những thứ xấu, - chị Ginger nói, rồi chị thuật lại chuyện bác Oliver kể cho anh Merrylegs nghe.

– Thật thế đấy! - Anh ngựa Merrylegs buồn bã nói - Tôi đã nhìn thấy những con chó như thế ở nơi tôi sống trước kia. Nhưng thôi, chúng ta đừng nói chuyện ấy ở đây nữa. Mọi người đều biết là ông chủ, anh John và James rất tốt với chúng ta. Nói những lời chống lại con người ở một nơi như thế này chẳng phải không đúng và vô ơn hay sao? Ngoài ra, còn có nhiều ông chủ và xà ích tốt nữa chứ, tuy người của chúng ta là tốt nhất.

Lời phát biểu thông minh của anh chàng Merrylegs bé nhỏ tốt bụng làm chúng tôi dụi lại, đặc biệt là bác Oliver - bác vốn rất kính yêu ông chủ. Tôi nói để thay đổi chủ đề:

– Ai có thể kể cho tôi biết ích lợi của cái che mắt không?

– Không! - Bác Oliver nói ngắn gọn. - Chúng hoàn toàn không có ích.

– Chắc là dùng để cho ngựa khỏi sợ và giật mình, vì hoảng sợ dễ gây ra tai nạn. - Cậu Justice nói bình tĩnh đúng kiểu của cậu.

– Đấy có phải là lí do mà họ không che mắt lúc cưỡi ngựa, nhất là ngựa cái? - Tôi hỏi.

– Chẳng phải thế đâu, - cậu Justice nói nhẹ nhàng - chỉ vì một thôi! Người ta bảo ngựa dễ hoảng sợ khi nhìn thấy bánh xe hoặc cỗ xe khác đi đằng sau, và nó sẽ lồng lên dù lúc bị cưỡi, vẫn nhìn thấy những thứ xung quanh, trên các đường phố đông đúc. Tôi thú nhận đôi khi chúng đến gần quá chẳng dễ chịu gì, nhưng chúng tôi không bỏ chạy. Chúng tôi đã quen và hiểu. Nếu chưa đeo miếng che mắt bao giờ, chúng ta sẽ không muốn đeo. Khi nhìn thấy mọi vật ở đó, và biết là thứ gì, chúng ta sẽ đỡ sợ hơn là chỉ nhìn thấy từng mẫu của các vật mà không thể hiểu đó là cái gì. Lẽ tất nhiên có một số con ngựa rất dễ bị kích động nếu chúng bị thương hoặc hoảng hốt lúc chúng còn non, thì dùng miếng da che mắt có lẽ là tốt hơn. Nhưng tôi chưa bao giờ dễ bị kích thích, nên cũng khó mà xét đoán.

– Tôi cho rằng miếng che mắt rất nguy hiểm vào ban đêm. - Bác Oliver nói - Bọn ngựa chúng ta nhìn tinh hơn người trong đêm tối, và nhiều tai nạn có thể không bao giờ xảy ra, nếu mắt ngựa không bị che lấp.

Tôi còn nhớ mấy năm trước, một chiếc xe tang song mã đang trên đường về trong đêm tối, lúc qua nhà chủ trại Sparrow, có một cái ao sát ngay bên đường, bánh xe lại ở quá gần mép nên xe lộn nhào xuống nước. Cả hai con ngựa bị chết đuối, may mà xà ích thoát chết. Sau tai nạn này, họ đã đặt một song sắt to màu trắng để dễ nhìn thấy. Nhưng nếu mấy chú ngựa kia không bị che mất một phần tầm nhìn, chúng sẽ tự tránh xa mép đường và tai nạn đã không xảy ra.

Hồi trước, xe của ông chủ chúng ta bị lật, từ trước khi các bạn đến đây, nghe nói nếu đèn bên trái không tắt, anh xà ích John đã nhìn thấy cái hố to mà những người làm đường để lại, và có thể tránh kịp. Nhưng than ôi! Chú ngựa Colin có đeo miếng che mắt đâu và phải nhìn thấy dù có đèn hay không. Vì đã là một con ngựa lão luyện cần phải biết rõ lúc gặp nguy hiểm. Vậy là chú ngựa Colin đã bị thương rất nặng, xe gãy nát, và không ai hiểu làm thế nào anh John thoát được.

– Tôi cho rằng, - chị Ginger nói, lỗ mũi hẹp lại - những con người ấy thông minh như thế, tốt hơn là nên ra lệnh rằng trong tương lai, tất cả ngựa chữa phải để ra ngựa con có mắt ở giữa trán thay cho ở hai bên. Con người cứ tưởng họ có thể hoàn thiện hơn tạo hóa và sửa được những thứ Chúa đã tạo nên.

Tình hình lại trở nên gay cấn, thì anh Merrylegs ngẩng bộ mặt nhỏ nhắn, hiểu biết lên và nói:

– Tôi sẽ kể với mọi người một điều bí mật, tôi tin anh xà ích John không tán thành miếng che mắt. Có lần tôi đã nghe thấy anh nói điều này với ông chủ. Ông chủ nói nếu ngựa đã quen dùng miếng che mắt, trong một số trường hợp có thể nguy hiểm nếu bỏ chúng. Anh John nói sẽ là điều hay nếu tất cả ngựa non khi huấn luyện không dùng miếng che mắt, một vài nước ngoài đã làm như thế. Thôi, chúng ta hãy vui lên và chạy đến đầu kia của

vườn quả đi! Tôi chắc là gió đã lay rụng một ít táo, và chúng ta có thể thưởng thức trước khi lũ sên chén mất đấy!

Lời gợi ý của anh Merrylegs không bị ai phản đối. Thế là chúng tôi ngừng câu chuyện dài lại và hào hứng nhai tốp tốp mấy quả táo ngọt lịm nằm lăn lóc trên cỏ.

Chương 11

LỜI PHÁT BIỂU GIẢN DỊ

Càng sống ở Birtwick, tôi càng có cảm giác hãnh diện và vui sướng được ở một nơi như thế. Ông bà chủ được tất cả những người quen biết tôn trọng và quý mến. Họ tốt bụng và ân cần với mọi người, mọi vật, không chỉ với đàn ông, đàn bà, mà cả với lừa ngựa, chó mèo, gia súc và chim chóc. Không một con vật nào bị đàn áp hoặc xử tệ, và những người ăn kẻ làm cũng tuân theo lề lối đó. Nếu có đứa trẻ nào trong làng đối xử tàn nhẫn với súc vật, họ sẽ biết tin ngay tại Trụ sở Nghiệp đoàn.

Theo như gia đình Squire và chủ trại Grey nói, họ làm việc cùng nhau đã hơn hai chục năm, cùng bắt ngựa kéo xe đeo giá cương, còn chúng ta thì thoảng mới làm thế. Có khi thấy xe chở nặng, ngựa kéo dướn cả đầu, bà chủ còn bảo dừng xe và xuống, rồi nhẹ nhàng và nghiêm túc thuyết phục xà ích, cho họ thấy như thế là ngu xuẩn và tàn nhẫn.

Tôi nghĩ là không ai có thể cưỡng lại bà chủ tôi. Tôi mong mọi nữ chủ nhân khác đều giống bà. Thêm nữa, ông chủ của tôi đôi khi có chính kiến rất rõ ràng. Tôi nhớ một buổi sáng, ông đang cười tôi về nhà thì nhìn thấy một người đàn ông lực lưỡng lao đến chỗ chúng tôi, cười một con pony hồng bé nhỏ, xinh đẹp, chân mảnh dẻ và tốt giống, cái đầu và bộ mặt mẫn cảm. Lúc đến cổng vườn, con vật bé nhỏ ngoảnh đi.

Người đàn ông không nói một lời hoặc báo trước, đột ngột xoay mạnh đầu con vật làm nó suýt gãy cổ. Khi nó vừa lấy lại thăng bằng, người đó bắt đầu quất nó rất hung dữ. Con ngựa chúi về phía trước, nhưng bàn tay khỏe mạnh, nặng nề đã kéo giật con vật xinh đẹp làm nó suýt vỡ hàm, trong lúc ngọn roi vút tới tấp vào nó. Thật là một cảnh tượng khủng khiếp, vì tôi biết

cái mõm nhỏ thanh tú kia đau đớn ghê gớm chừng nào. Ông chủ bảo tôi, và chúng tôi phi thật nhanh đến chỗ người kia trong chớp mắt.

– Này Sawyer, - ông gọi, giọng nghiêm khắc - con pony này có phải bằng da thịt không đấy?

– Da thịt và tính nết! - Người đó nói - Nó quá bướng bỉnh và tự ý. Tôi không thích như thế!

Người đó nói hết sức giận dữ. Ông ta là một chủ thầu hay có công việc ở khu bãi này.

– Ông tưởng đối xử như thế làm nó tuân theo ý ông sao? - Chủ tôi nói cứng rắn.

– Nó không có việc gì để rẽ cả, đường của nó là đi thẳng! - Người đó nói thô bạo.

– Ông hay cười con pony này đến chỗ tôi, - chủ tôi nói - điều đó chỉ chứng tỏ trí nhớ và sự thông minh của nó mà thôi. Làm sao nó biết ông không định đến đây lần nữa? Nhưng làm thế là nhỏ mọn đấy. Ông Sawyer, tôi phải nói rằng tôi không bao giờ muốn chứng kiến cảnh đối xử tàn bạo, không đáng mặt đàn ông với con pony bé bỏng này. Giận dữ kiểu ấy chỉ làm hỏng tính cách của ông, chưa nói đến việc làm ngựa của ông bị thương tật. Xin ông nhớ cho, tất cả chúng ta, dù là người hay ngựa đều bị phán xét theo việc làm của mình.

Ông chủ tôi từ tốn cười tôi đi về nhà, và qua giọng nói của ông, tôi nghĩ ông đã rất đau lòng.

Ông thường trò chuyện thoải mái với những người thuộc địa vị thấp hơn ông. Một hôm, khi ra ngoài, chúng tôi gặp đại úy Langley là bạn của chủ tôi. Ông ta cười một cặp ngựa xám đẹp kì diệu. Trò chuyện một lát, đại úy nói:

– Ông thấy cặp ngựa mới của tôi thế nào, ông Douglas? Ông là người sành ngựa, và tôi rất muốn được nghe ý kiến của ông.

Ông chủ kéo tôi lùi lại một chút để xem xét cho kĩ.

– Chúng là một cặp đẹp lạ lùng, - ông nói - và nếu chúng cừ như diện mạo, thì ông chẳng còn mong gì hơn nữa. Nhưng tôi thấy ông giữ gìn những

con vật cứng của ông thế này sẽ làm cho mấy chú ngựa lo lắng và mất sức thôi.

– Ông định nói đến giá cương? - Đại úy Langley nói - Chà! Tôi biết đây là sở thích của ông. Thật ra là, tôi muốn thấy ngựa của tôi giữ đầu ngẩng cao.

– Tôi cũng thích thế như mọi người chứ! - Ông chủ tôi nói - Nhưng tôi không muốn thấy chúng cứ bị giữ nguyên như thế, vượt hẳn lên vì thế. Ông Langley, là quân nhân chắc ông muốn nhìn thấy trung đoàn của ông đẹp đẽ trong cuộc diễu hành, “đầu ngẩng cao”, và đại loại như thế. Nhưng ông sẽ không nhận được nhiều lời khen ngợi sự rèn luyện của ông, nếu lính của ông bị buộc chặt đầu vào một tấm bảng!

Cuộc diễu hành sẽ hoàn hảo thật đấy nhưng những người lính sẽ vô cùng khó chịu và mệt mỏi. Rồi nếu muốn đâm quân thù bằng lưỡi lê, thử hỏi họ sẽ làm thế nào khi muốn sử dụng thoải mái mọi cơ bắp và lao tới mạnh hết sức? Tôi thấy họ ít có cơ chiến thắng. Với ngựa cũng vậy thôi! Ông làm chúng bứt rứt, khó chịu và mất sức, không thể huy động toàn bộ sức lực vào công việc, khớp xương và cơ bắp của chúng phải chịu đựng quá nhiều, lẽ tất nhiên sẽ làm giảm độ bền và độ nhanh. Ông có thể tin rằng ngựa muốn đầu chúng được thoải mái như người không? Nếu chúng ta có thể hành động theo lương tri hơn một chút, đỡ chạy theo mốt hơn, chúng ta sẽ thấy chúng hoạt động thoải mái hơn. Ngoài ra, ông cũng biết rõ như tôi rằng nếu một con ngựa lỡ bước, nó ít có cơ hội lấy lại thăng bằng khi đầu và cổ bị buộc chặt ra phía sau như vậy.

Giờ thì tôi đã có dịp trình bày ý kiến của mình rồi đấy, - ông chủ tôi cười - liệu ông có quyết không lắp giá cương cho ngựa nữa không, đại úy? Tấm gương của ông sẽ lan rộng đấy.

– Tôi tin là ông đúng về mặt lí thuyết, - viên đại úy nói - và như thế binh lính sẽ khó chiến đấu hơn, nhưng, chà, để tôi suy nghĩ thêm về việc này nhé!

Thế rồi họ chia tay nhau.

Chương 12

MỘT NGÀY GIÔNG BÃO

Một ngày cuối thu, ông chủ tôi đi công cán một chuyến dài. Tôi bị đóng vào xe độc mã, và anh xà ích John đi cùng ông chủ. Tôi vốn thích kéo xe độc mã, xe nhẹ, bánh xe lại cao nên chạy rất bon. Trời mưa to, và lúc này gió rất mạnh, thổi những chiếc lá khô lăn qua đường trong cơn mưa. Chúng tôi vui suốt dọc đường cho đến cổng thu lệ phí và cây cầu thấp bằng gỗ. Bờ sông khá cao, và cây cầu lẽ ra phải cao hơn, lại chỉ ở trên mực nước trung bình, nếu dòng sông đầy, nước sẽ dâng lên gần đến ván cầu. Nhưng dân chúng chẳng bận tâm vì cây có tay vịn vững ở hai bên thành cầu.

Người canh cổng thu lệ phí nói nước sông đang dâng nhanh, và ông ta e rằng sẽ có một đêm nguy hiểm. Nhiều bãi cỏ đã ngập nước, ở những đoạn đường thấp nước đã ngập tới đầu gối. Mặt đường vẫn tốt và ông chủ tôi đi từ tốn nên không sao.

Lúc chúng tôi đến thành phố, lẽ tất nhiên tôi được nghỉ ngơi và ăn uống tử tế, nhưng ông chủ bận việc lâu nên chúng tôi lên đường về nhà lúc chiều đã muộn. Gió mạnh hơn, và tôi nghe thấy ông chủ bảo với anh xà ích John rằng ông chưa bao giờ ra ngoài trong cảnh giông bão như thế này. Tôi cũng nghĩ thế bởi lúc chúng tôi đi ven bờ rừng, những cành cây to lắc lư dữ dội, tiếng gió rú qua cây nghe thật khủng khiếp.

- Tôi mong chúng ta thoát khỏi cánh rừng này. - Ông chủ tôi nói.
- Vâng, thưa ông, - xà ích John nói - cũng khá nguy nếu một cành cây rơi xuống đầu chúng ta.

Lời nói vừa thốt khỏi miệng, thì một tiếng động, tiếng rã rạc, nứt vỡ của một cây sồi bật tung rễ, đổ ầm xuống vắt ngang đường ngay trước chúng

tôi. Tôi không bao giờ nói không sợ, vì tôi đứng chết trân và chắc là run rẩy. Lẽ tất nhiên tôi không quay ngoắt lại mà chạy, tôi đã được dạy dỗ để không làm như thế. Anh John nhảy ra ngoài và trong thoáng chốc đã đứng bên đầu tôi.

– Nó rơi gần quá! - Chủ tôi nói - Bây giờ làm thế nào?

– Thưa ông, chúng ta không thể đi qua hoặc vòng quanh cây này. Sẽ chẳng thể làm được gì hơn là quay lại chỗ bốn đường chéo góc, vòng lại cây cầu gỗ mất khoảng sáu dặm. Chúng ta sẽ bị muộn, nhưng ngựa còn khỏe lắm!

Thế là chúng tôi quay lại và đi vòng chỗ đường giao cắt. Nhưng lúc đến cầu trời đã sắp tối, chúng tôi thấy nước đã ngập ở giữa cầu. Việc này thỉnh thoảng vẫn xảy ra khi lụt, nên ông chủ tôi không dừng lại.

Chúng tôi nhিপ nhàng tiến lên, nhưng lúc bàn chân tôi chạm vào đầu cầu, tôi cảm thấy rõ có một cái gì đó trục trặc. Tôi không dám tiến tới, và đứng chết trân tại chỗ.

– Đi đi, Beauty! - Chủ tôi nói, chạm nhẹ roi vào người tôi, nhưng tôi không dám động đậy. Ông vút mạnh một roi, tôi giật mình nhưng không dám tiến tới.

– Có gì đó không ổn, thưa ông! - John nói, và anh nhảy ra khỏi xe, tiến đến chỗ đầu tôi và nhìn quanh. Anh cố kéo tôi về phía trước - Đi nào Beauty, có chuyện gì thế?

Tất nhiên tôi không thể nói lại với anh, nhưng tôi biết rất rõ là cây cầu không an toàn.

Đúng lúc đó người đàn ông canh cổng thu lệ phí ở phía bên kia cầu chạy ra khỏi nhà, hươ hươ cây đuốc như một người điên.

– Này, này, này, họ... họ.., dừng lại! - Ông ta hét to.

– Có chuyện gì thế? - Chủ tôi cũng kêu lên.

– Cầu bị gãy ở giữa, một phần bị trôi mất rồi. Nếu các vị đi tiếp sẽ lăn xuống sông đấy!

– Ổn Chúa! - Chủ tôi nói.

– Nào Beauty! - John nói và cầm lấy dây cương, anh nhẹ nhàng dắt tôi rẽ sang con đường bên phải ven sông. Mặt trời đã lặn được một lúc, gió hình như đã lặng sau khi hung hãn xé cây cối tả tơi. Trời mỗi lúc một tối, cảnh vật càng ngày càng tĩnh lặng. Tôi chạy nước kiệu thật êm, khó mà nghe thấy tiếng bánh xe trên con đường mềm.

Chủ tôi và John không nói gì một lát, cuối cùng, chủ tôi bắt đầu nói, giọng nghiêm trang. Tôi không hiểu nhiều lắm chuyện họ nói, nhưng tôi thấy họ nghĩ rằng nếu tôi cứ đi theo lệnh ông chủ, ắt cả ngựa, cả người và xe đều rơi xuống sông, mà dòng chảy đang cuồn cuộn, lại chẳng có đèn đóm và trợ giúp trong tay, chắc hẳn tất cả chúng tôi đã chết đuối rồi. Ông chủ nói, Thượng đế đã ban cho con người lí trí để khám phá ra nhiều sự việc, nhưng Người đã ban cho súc vật sự hiểu biết còn nhanh nhạy và hoàn hảo hơn nhiều, lại không phụ thuộc vào lí trí, nhờ đó đã bao phen cứu mạng con người.

Xà ích John có nhiều câu chuyện kể về ngựa và chó đã làm nên nhiều kì tích tuyệt vời. Anh cho rằng con người chưa ước định được một nửa giá trị gia súc của họ, cũng không trở thành bạn của chúng như rất nên làm. Tôi tin chắc anh đã làm bạn với súc vật đúng nghĩa của một con người.

Cuối cùng chúng tôi về đến cổng vườn, và thấy bác làm vườn đang nhìn ra ngóng chúng tôi. Bác nói từ lúc trời tối, bà chủ đã rất hoảng hốt, lo xảy ra tai nạn và đã sai anh James cưỡi con Justice ra bìa rừng hỏi thăm tin tức về chúng tôi.

Chúng tôi thấy ánh sáng bên cửa phòng đợi và trong các cửa sổ tầng trên. Lúc chúng tôi tiến lên, bà chủ chạy ra nói:

– Mình có an toàn không, mình yêu quý? Ôi, em lo quá, nghĩ đủ thứ. Mình không bị tai nạn chứ?

– Không mình ạ. Nhưng nếu Black Beauty không khôn ngoan hơn chúng ta, chắc tất cả đã bị cuốn xuống sông chỗ cây cầu gỗ mất rồi.

Tôi không nghe thấy nữa vì ông bà chủ đã vào trong nhà, còn John dắt tôi về chuồng. Chao ôi, đêm hôm ấy anh cho tôi ăn một bữa mới ngon làm sao -

cháo cám ngon tuyệt, đậu nghiền như với yến mạch, và một cái ổ dày bằng
rơm. Tôi rất sung sướng, vì tôi đã quá mệt.

DẤU ẤN CỦA KẼ TÀN BẠO

Một hôm, ông chủ sai xà ích John và tôi ra ngoài có việc. Đang về yên ả trên con đường dài thẳng tắp, từ đằng xa chúng tôi thấy một thanh niên cười con pony đang cố nhảy qua cổng. Con pony không sao nhảy được, và anh chàng vút roi, nhưng con ngựa chỉ tránh sang một bên. Thế là gã nhảy phắt xuống và quất một trận tới bời, đánh cả vào đầu con ngựa. Sau đó gã lại nhảy lên lưng ngựa, cố bắt nó nhảy qua cổng, gã đánh đá túi bụi thật đáng xấu hổ, nhưng con ngựa vẫn không chịu.

Khi chúng tôi gần đến chỗ đó, con pony đã chúi đầu, tung chân sau hất gọn gã vào hàng rào táo gai xum xuê, rồi dây cương lung lẳng, nó phi nước đại về nhà. John cười phá lên thật to.

– Thật đáng đời hãn ta! - Anh nói.

– Ôi! Ôi! Ôi! - Gã kêu la lúc vung vẩy giữa đám gai nhọn - Đến giúp tôi ra khỏi đây với!

– Tôi thấy chỗ ấy xứng với cậu lắm, bị cào xé chút ít sẽ dạy cho cậu biết đừng có bắt con pony nhảy qua cái cổng quá cao với nó. - Thế là John đi thẳng.

– Có lẽ thằng cha ấy là kẻ vừa dối trá vừa hung bạo. - Anh nói một mình - Này Beauty, chúng mình sắp đi qua nhà ông chủ trại Bushby, và nếu có ai muốn biết tin, cậu với tớ có thể kể cho họ.

Thế là chúng tôi rẽ phải, trong chốc lát đã tới gần sân phơi rơm trong phạm vi ngôi nhà. Ông chủ trại vội chạy ra đường, còn bà vợ đang đứng bên cổng vẻ hoảng hốt.

– Cậu có trông thấy thằng con tôi không? - Ông Bushby nói lúc chúng tôi đến gần - Nó cưỡi con pony màu đen đi đã một tiếng rồi, và con ngựa đã trở về mà không có người cưỡi.

– Để tôi nghĩ xem, thưa ông! - Anh xà ích John nói - Tốt hơn hết là nó không nên có người cưỡi, trừ khi được cưỡi đúng kiểu.

– Cậu định nói gì vậy? - Ông chủ trại hỏi.

– Thế này ông ạ, tôi thấy con trai ông vừa vụt, vừa đá, vừa đập con ngựa bé bỏng ấy thật đáng xấu hổ, vì nó không nhảy qua cái cổng quá cao. Con ngựa đã cư xử rất phải phép và không trở chứng, nhưng cuối cùng cũng phải giơ vó lên hất cậu chủ vào hàng rào đầy gai. Cậu ấy muốn tôi kéo ra, nhưng, xin ông bỏ quá cho, tôi thấy không sẵn lòng làm thế. Cậu ấy không bị gãy xương, ông ạ, chỉ bị trầy xước chút ít thôi. Tôi yêu ngựa, và phát cáu khi thấy chúng bị đối xử tàn tệ. Tệ đến nỗi con vật phải dùng đến vó dấy. Lần đầu tiên và không phải lúc nào cũng là lần cuối cùng đâu!

Lúc này bà mẹ bật khóc:

– Ôi, tội nghiệp Bill của tôi, tôi phải đến tìm nó, nhờ nó bị thương.

– Tốt nhất là mình nên vào trong nhà! - Ông chủ trại nói - Thằng Bill cần có một bài học, và tôi thấy đúng rồi đấy. Đây không phải lần đầu hoặc lần thứ hai nó hành hạ con pony ấy, và tôi sẽ ngăn chặn nó. Tôi xin mình đấy, Manly. Cảm ơn cậu nhé!

Thế là chúng tôi đi tiếp, John cười khúc khích suốt dọc đường về nhà. Anh kể lại cho James. James cười và nói:

– Đáng đời nó. Em biết thằng ranh ấy ở trường. Nó rất khệnh khạng vì là con chủ trại, lại hay vênh váo và bắt nạt những đứa khác. Tất nhiên người lớn như chúng ta không bị những trò nhảm nhí ấy, nhưng phải cho nó hiểu rằng ở trường cũng như ở sân chơi, con chủ trại cũng như con nông dân mà thôi.

Em nhớ có lần gần trưa ở trường, em thấy nó bên một cửa sổ lớn, bắt ruồi rồi vạt cánh đi. Nó không nhìn thấy em, em đã cho nó một cái bạt tai làm nó ngã sóng soài trên sàn. Em cáu làm nó rất hoảng. Nó gào và rú lên. Những

đưa khác từ ngoài sân ủa vào, còn thầy giáo ở ngoài đường cũng chạy đến xem ai bị giết.

Lẽ tất nhiên em nói thẳng và chính xác đã làm gì và tại sao lại làm thế. Rồi em chỉ cho thầy giáo những con ruồi khốn khổ, một số con bị nghiền nát và một số đang bò lê bất lực, em chỉ cả những cái cánh trên bậu cửa sổ. Trước kia em chưa bao giờ thấy thầy giáo giận dữ như thế, nhưng vì Bill vẫn còn tru tréo và khóc nhai nhải, hèn đúng kiểu của nó, nên thầy giáo bắt nó ngồi lên ghế suốt buổi chiều và cấm không cho ra chơi suốt tuần ấy.

Sau đó, thầy nói chuyện rất nghiêm túc với các cậu bé khác về hành động tàn ác, thầy bảo sự nhẫn tâm và hèn nhát sẽ làm hỏng kẻ nào yếu đuối và không có khả năng. Nhưng đọng lại trong đầu em là câu này, thầy nói hành động tàn bạo là dấu ấn của kẻ độc ác, nếu chúng ta thấy kẻ nào sung sướng khi làm việc tàn nhẫn, chúng ta có thể hiểu hẳn thuộc loại nào, vì kẻ độc ác lúc đầu là giết người, cuối cùng thành kẻ tra tấn. Ngoài ra, thấy người yêu thương hàng xóm láng giềng, đối xử tử tế với con người và súc vật, chúng ta biết đấy là biểu hiện của Thượng đế, vì “Thượng đế chính là tình yêu thương”.

– Ông thầy của cậu đã dạy một điều đúng hơn bao giờ hết, - anh John nói - không có thứ tôn giáo nào thiếu tình yêu thương. Người ta có thể nói rất nhiều, rất hay về tôn giáo, nhưng nếu không dạy cho họ tử tế với con người và súc vật, thì tất cả chỉ là giả dối, cậu James ạ, và sẽ không đứng vững khi sự việc bị bóc trần và họ sẽ tha hồ nhục nhã.

Chương 14

JAMES HOWARD

Một buổi sáng đầu tháng Chạp, anh John vừa dắt tôi vào ô của tôi sau buổi tập hằng ngày và đang buộc dây cho tôi, còn James từ gian để ngũ cốc mang yến mạch đến, thì ông chủ bước vào. Trông ông có vẻ khá nghiêm trọng, ông cầm trong tay bức thư mở sẵn. John buộc cửa ô chuồng, giơ tay lên mũ chào và đợi lệnh.

– Chào John! - Ông chủ nói - Tôi muốn biết cậu có điều gì phàn nàn về James không?

– Phàn nàn ư, thưa ông? Không ạ.

– Cậu ấy có làm việc chăm chỉ và tôn trọng cậu không?

– Có thưa ông, luôn luôn thế ạ.

– Cậu ấy có coi nhẹ công việc lúc vắng cậu không?

– Chưa bao giờ ạ, thưa ông!

– Vậy thì tốt. Nhưng tôi phải hỏi cậu nữa: cậu có lí do gì ngờ lúc cậu mang ngựa ra tập hoặc nhận một bức điện, James bỏ việc để nói chuyện với người quen, hay phóng ngựa đến nơi cậu ấy chẳng có việc gì, để ngựa ở bên ngoài không?

– Không thưa ông, chắc chắn là không, và nếu có người nói James như thế, cháu cũng không tin đâu ạ. Cháu định nói là cháu không tin, trừ khi có người tận mắt nhìn thấy chứng minh điều đó. Cháu nghĩ là có người đang định bôi nhọ tính nết của James, nhưng cháu nói thế này ạ, cháu chưa bao giờ thấy người nào điềm đạ hơn, khéo léo hơn và dễ chịu hơn cậu ấy. Cháu tin lời nói và việc làm của cậu ấy, thưa ông chủ. Cậu ấy dịu dàng và tử tế với ngựa, và cháu thích đức tính của cậu ấy hơn một nửa số các anh chàng khác

đội mũ thêu, mặc chế phục mà cháu biết. Bất cứ người nào nói không tốt về James Howard, xin cứ đưa họ đến nhà John Manly. - John nói, và hất đầu quả quyết.

Suốt lúc đó, chủ tôi đứng nghiêm trang và chăm chú. Nhưng lúc John nói xong, nụ cười rộng mở trên mặt ông. Ông tròng mền nhìn James vẫn đứng im lặng bên cửa. Ông nói:

- Này James, để yếm mạch xuống và lại đây. Ta rất vui thấy nhận xét của John về tính nết cậu trùng với ta. John là người thận trọng, - ông nói, mỉm một nụ cười kì lạ - nên nghe được cậu ấy nhận xét người khác chẳng dễ gì, nên ta phải làm trò “đánh rần động cỏ” mới nhanh chóng biết được điều ta muốn, và bây giờ chúng ta vào việc thôi.

Ta nhận được thư của ông anh rể Clifford Williams ở lâu đài Clifford. Ông ấy muốn ta tìm giúp một giám mã trẻ, tin cậy, khoảng hai mươi, hai một tuổi, thạo việc. Xà ích của ông ấy đã ở với ông ấy hai một năm đang yếu dần, ông ấy muốn có người cùng làm và học nghề để lúc xà ích nghỉ hưu sẽ thế chỗ. Lúc đầu, ông ấy sẽ trả mỗi tuần mười tám silling, một bộ quần áo làm việc trong chuồng, một bộ trang phục lúc đánh xe, một phòng ngủ trong nhà để xe và một chú bé phụ việc. Ông Clifford là một ông chủ tử tế, nếu cậu nhận việc này là khởi đầu tốt đẹp cho cậu đấy. Ta không muốn chia tay với cậu, và nếu cậu đi, ta biết John sẽ mất cánh tay phải.

- Đúng thế ạ, - John nói - nhưng cháu không đời nào lại cản trở cậu ấy.

- Cậu bao nhiêu tuổi, James? - Chủ tôi nói.

- Đến tháng Năm tới là mười chín ạ, thưa ông.

- Thế thì trẻ quá. Cậu nghĩ sao, John?

- Vâng, trẻ quá thưa ông, nhưng cậu ấy là người điềm đạm, khỏe khoắn và được giáo dục cẩn thận. Tuy chưa có nhiều kinh nghiệm về đánh xe, nhưng James nhanh nhẹn và kiên quyết, tinh mắt, lại rất cẩn thận. Cháu tin chắc không con ngựa nào được cậu ấy trông nom lại thiếu thốn này nọ.

- Lời nói của cậu là đảm bảo nhất đấy, John ạ, - ông chủ tôi nói - vì ông Clifford viết thêm trong lời tái bút rằng: “Nếu tôi có được một người do

John đào tạo, tôi sẽ thích hơn bất cứ ai khác”. Vậy thì James, đừng phân vân nữa cậu bé, đến giờ ăn hãy nói chuyện với mẹ cậu đi, rồi sau đó cho tôi biết ý cậu.

Vài ngày sau cuộc nói chuyện này, có quyết định dứt khoát là James sẽ đến lâu đài Clifford theo thiện ý của ông chủ. James sẽ học nghề đánh xe trong một tháng hoặc sáu tuần.

Trước đó tôi không hề biết xe ngựa hay ra ngoài như thế. Mỗi khi bà chủ không đi ra ngoài, ông chủ thường tự đánh xe hai bánh. Nhưng bây giờ, bất cứ lúc các cô chủ muốn đi chơi hoặc có khi chỉ là chạy việc vặt, chị Ginger và tôi đều được đóng vào xe để James đánh. Lúc đầu, John còn ngồi trên ghế xà ích với James, chỉ bảo điều này điều nọ, còn sau đó chỉ mình James đánh xe.

Thật tuyệt vời khi đến thứ Bảy, chủ tôi sẽ đi nhiều nơi trong thành phố, và chúng tôi kéo xe qua nhiều đường phố đông đúc. Ông bắt đến ga xe lửa lúc đoàn tàu sắp đến, lúc ấy xe taxi, xe ngựa, xe bò, xe buýt hai tầng đều cố lên cầu cùng một lúc. Lúc chuông đường sắt reo, len được lên cầu cần có ngựa hay và xà ích giỏi vì cầu hẹp, đường đến ga lại ngoặt gấp, rất khó len lên nếu người ta không nhìn cho tinh và cảnh giác.

NGƯỜI COI CHUÔNG GIÀ

Sau lần đó, ông bà chủ quyết định đến thăm mấy người bạn ở cách nhà khoảng bốn mươi sáu dặm, và James đánh xe đưa họ đi. Hôm đầu chúng tôi chạy ba mươi hai dặm, có mấy quả đồi dài, buồn tẻ, nhưng James đánh xe cẩn thận và chu đáo nên chúng tôi chẳng có gì hoang mang. Anh không quên để cái cân² lúc chúng tôi xuống dốc, cũng như tháo nó ra đúng chỗ. Anh giữ cho chúng tôi chạy đều chân, rất êm trên đường, và nếu leo lên đồi quá dài, anh lái bánh xe hơi chéo trên đường để xe không bị tụt lại, và cho chúng tôi có dịp để thở. Những kỹ năng nho nhỏ như thế giúp ngựa rất nhiều, nhất là khi thêm vào những lời lẽ ân cần.

Đọc đường, chúng tôi dừng một hoặc hai lần, và đến lúc mặt trời đang lặn chúng tôi mới đến thành phố, nơi sẽ nghỉ lại qua đêm. Chúng tôi đỗ tại một khách sạn lớn ở phố Market. Chúng tôi theo đường vòng cung vào một cái sân dài, cuối sân là nhiều ô chuồng và nhà để xe. Hai người coi chuồng ra đón chúng tôi. Một người coi chuồng bé nhỏ, nhanh nhẹn, vui vẻ, có một cái chân cong cong và mặc áo gilê kẻ sọc. Tôi chưa thấy ai tháo yên cương nhanh như ông ta, rồi vỗ về tôi và nói ngọt ngào, ông dẫn tôi vào một cái chuồng dài có sáu hoặc tám ô, đã có hai hoặc ba con ngựa. Người kia dắt Ginger. James đứng ngoài trong lúc chúng tôi được lau rửa và chải lông.

Tôi chưa bao giờ thấy ai làm nhanh và nhẹ nhàng như ông già bé nhỏ này. Lúc ông làm xong, James tiến đến và sờ người tôi, hình như anh sợ làm không kỹ. Nhưng anh thấy bộ lông tôi sạch bóng và mềm mại như lụa.

– Tốt quá, - James nói - cháu đã tưởng cháu khá nhanh nhẹn, còn anh John của bọn cháu nhanh hơn, nhưng trong cùng thời gian như nhau thì bác đánh bại cả hai chúng cháu.

– Chỉ do quen việc thôi, - ông già coi chuồng bé nhỏ chân cong nói - và nếu không làm được thế thì thật đáng tiếc. Làm đã quen bốn chục năm mà không tốt à! Ha! Ha! Thế thì đáng khinh quá. Còn là người nhanh nhẹn thì, cầu Chúa phù hộ cho cậu, đấy chỉ là chuyện thói quen thôi. Nếu cậu tập được thói quen nhanh nhẹn, lúc đó cậu sẽ thấy thoải mái như lúc chậm rãi vậy, có khi còn thoải mái hơn kia. Thực ra, với sức khỏe của tôi mà vụng về thì công việc sẽ lâu gấp hai. Chúa phù hộ cậu! Tôi không thể ngồi chơi như một số người, trong lúc hã còn ngổn ngang công việc.

Cậu biết không, tôi đã làm việc với ngựa từ năm mười hai tuổi, tại các chuồng ngựa săn và ngựa đua. Tôi nhỏ người nên làm nài ngựa được vài năm nhưng ở Goodwood mặt đất rất trơn và con ngựa Larkspur tội nghiệp của tôi bị ngã, còn tôi bị vỡ đầu gối và lẽ tất nhiên không được sử dụng nữa.

Nhưng tôi không thể sống mà thiếu ngựa, nên tôi thích đến các khách sạn. Có thể nói là tôi thực sự vui thích khi được sờ mó một con ngựa như con này: tốt giống, thuần tính và được chăm sóc chu đáo. Cứ cho tôi xem xét một con ngựa khoảng hai chục phút, tôi sẽ nói cho cậu biết giám mã thuộc loại ra sao.

Cậu nhìn con này xem, nó vui vẻ, hiền hòa, sẵn sàng làm theo ý cậu, giơ bàn chân sạch sẽ lên hoặc làm bất cứ điều gì để cậu vui lòng. Cậu thấy con kia nôn nóng, cáu kỉnh, không đi đúng kiểu chưa, hoặc nhảy chồm trong ngăn, hất đầu lúc cậu đến gần, cụp tai về phía sau có vẻ sợ cậu, thậm chí còn tung vó đá cậu.

Những con vật tội nghiệp! Tôi hiểu chúng bị xử lí ra sao. Nếu nhút nhát, chúng dễ hoảng sợ và giật mình; nếu quá hăng hái, chúng lại thành hoang dã và nguy hiểm; cá tính hầu như hình thành từ lúc chúng còn non. Cậu ạ, chúng cũng như trẻ con vậy! Phải luyện đúng kiểu và khi đã lớn, chúng sẽ không chệch hướng, vậy thôi!

– Cháu thích nghe bác quá! - James nói - Đấy chính là cách chúng cháu làm ở nhà, theo lời ông chủ dặn.

– Chủ cậu là ai vậy? Từ những gì tôi thấy, tôi nghĩ ông ấy là người tốt.

– Đây là ông Squire Gordon ở Birtwick Park, bên kia đồi Beacon. - James nói.

– Chà! Vậy thì tôi đã nghe nói về ông ấy, ông ấy rất sành ngựa, và là kỵ sĩ cừ nhất vùng, đúng không?

– Cháu tin vậy, - James nói - nhưng hiện giờ ông ấy ít cười lắm, vì cậu chủ đã bị chết.

– Tội nghiệp ông ấy. Hồi ấy tôi đã đọc báo, thấy cả một con ngựa hay cũng bị chết?

– Vâng, - James nói - nó là một con ngựa tuyệt vời, là anh con này, và rất giống nhau.

– Tiếc quá! - Ông già nói - Tôi nhớ chỗ ấy là nơi rất khó nhảy qua, đầu hàng rào rất mỏng mảnh, bờ sông lại dốc đứng, đúng không? Ngựa không có cơ hội để nhìn lúc phi đến. Trước kia tôi phi ngựa táo bạo như bất cứ ai, nhưng có những bước nhảy chỉ người đi săn rất cừ mới dám liều. Sinh mạng con người và ngựa đáng hơn một cái đuôi cáo lắm chứ! Ít ra, tôi cũng nên nói họ phải như thế nào.

Lúc ấy người kia đã chải xong cho Ginger và mang ngũ cốc đến cho chúng tôi, còn James và ông già cùng ra khỏi chuồng.

ĐÁM CHÁY

Cuối buổi chiều, người coi chuồng kia dắt ngựa của một du khách vào, và trong lúc anh ta kì cọ cho nó, một thanh niên miệng ngậm tẩu lang thang vào chuồng chuyện gẫu.

– Này Towler! - Người coi chuồng nói - Lên gác xếp lấy ít cỏ khô cho vào máng cho con ngựa này đi nào! Mà bỏ tẩu ra đi!

– Được thôi! - Cậu kia nói và chui lên qua cái cửa lật.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân trên sàn phía trên và tiếng để cỏ xuống. Anh James vào nhìn chúng tôi lần cuối rồi khóa cánh cửa lại.

Tôi không biết mình ngủ bao lâu, không biết lúc ấy là mấy giờ đêm, nhưng tôi thức giấc vì một cảm giác khó chịu, dù không hiểu tại sao. Tôi đứng dậy: không khí dường như đặc quánh và nghẹt thở. Tôi nghe thấy chị Ginger ho và một con ngựa khác cựa quậy không ngừng. Trời tối mịt, tôi không thể nhìn thấy gì. Nhưng chuồng đầy khói và tôi khó mà thở được.

Cánh cửa sập vẫn mở, tôi tưởng như khói từ đấy tuôn ra. Tôi lẳng tai và nghe thấy một tiếng xô đẩy nhỏ, tiếng răng rắc và lách tách khe kẽ. Tôi không biết có chuyện gì, nhưng âm thanh ấy có cái gì đó lạ lùng làm toàn thân tôi run lên. Lúc này các con ngựa khác đã thức giấc, một vài con kéo căng dây thòng lọng, mấy con khác giậm chân.

Cuối cùng, tôi nghe thấy tiếng chân bên ngoài, người coi ngựa đã dắt ngựa của du khách lao vào chuồng, cầm đèn lồng, bắt đầu tháo dây buộc và cố dắt chúng ra ngoài, có vẻ rất vội vã. Anh ta rất hoảng hốt và làm tôi càng hoảng thêm. Con ngựa thứ nhất không chịu đi cùng, anh ta cố kéo con thứ hai và thứ ba, nhưng chúng cũng không nhúc nhích. Anh ta đến chỗ tôi ở ô

kế bên và ra sức kéo tôi ra khỏi chuồng, tất nhiên là vô ích. Anh ta thử lần lượt rồi sau đó rời chuồng ngựa.

Rõ là chúng tôi rất ngốc, nhưng mỗi nguy hiểm như bao quanh chúng tôi, không có người nào quen biết để chúng tôi tin cậy, chỉ toàn người lạ và không đáng tin. Không khí tươi mát lọt qua cánh cửa mở làm cho dễ thở hơn, nhưng tiếng xô đẩy bên trên mỗi lúc một to hơn, và lúc ngược nhìn qua các chấn song của cái giá rỗng, tôi thấy ánh lửa đỏ rung rinh trên tường. Rồi tôi nghe thấy tiếng hét ở bên ngoài “Cháy!”, ông già coi chuồng lạng lẽ và nhanh nhẹn bước vào. Ông dắt một con ngựa ra ngoài, rồi dắt con khác nhưng lửa đã cuộn cuộn quanh cái cửa sập, tiếng ầm ầm trên đầu thật kinh khủng.

Tiếp đó tôi nghe thấy tiếng anh James, bình tĩnh và vui vẻ như thường lệ.

– Đi nào, các tuần mã, đến lúc chúng ta đi rồi, thức giấc và đi thôi.

Tôi đứng gần cửa ra vào nhất, nên anh James đến chỗ tôi trước tiên, vỗ về tôi lúc anh bước vào.

– Đi nào Beauty, ta thắng cương cho chú rồi chúng ta ra khỏi chỗ ngột ngạt này ngay thôi.

Lúc đó không còn thời gian nữa, anh tuột cái khăn ở cổ ra và buộc nhẹ lên mắt tôi rồi vừa vỗ về vừa đỡ dành, anh dắt tôi ra khỏi chuồng. Ra đến sân an toàn, anh tháo khăn ra khỏi mắt tôi và kêu to:

– Này, có ai không! Dẫn con ngựa này đi để tôi trở lại tìm con kia.

Một người đàn ông cao to tiến đến dắt tôi, còn James lao trở lại chuồng. Tôi buột một tiếng hí lúc thấy anh chạy. Sau này, chị Ginger kể rằng tiếng hí ấy là việc tuyệt vời tôi đã làm cho chị, vì nếu không nghe thấy tiếng tôi, chị sẽ không bao giờ đủ can đảm ra ngoài.

Trong sân rất hỗn loạn. Ngựa được dẫn ra khỏi chuồng, xe và xe độc mã được kéo khỏi nhà để xe để lửa khỏi lan rộng hơn. Cuối sân, các cửa sổ đã kéo lên, mọi người la hét đủ điều. Còn tôi vẫn dán mắt vào cửa chuồng, vì khói tuôn ra từ đây mỗi lúc một dày đặc hơn, tôi có thể thấy ánh đỏ sáng lóe.

Ngay sau đó tôi nghe thấy một tiếng nói to, rõ ràng, át đủ thứ loạn xạ và tiếng âm ã hỗn loạn, tôi nhận ra tiếng chủ tôi:

– James Howard! James Howard! Cậu ở đâu thế?

Không có tiếng đáp, nhưng tôi nghe thấy tiếng một tiếng đổ sập trong chuồng. Tôi đã hí lên một tiếng to, mừng rỡ khi thấy anh James lao qua màn khói, dẫn chị Ginger đi cùng. Chị đang ho sặc sụa còn James không thể nói nổi.

– Chàng trai dũng cảm của ta! - Chủ tôi nói và đặt tay lên vai anh - Cậu có bị thương không?

James lắc đầu vì anh vẫn chưa thể thốt nên lời.

– Này, - người đàn ông to lớn đang giữ tôi nói - cậu ấy thật can đảm và không nhầm lẫn.

– Bây giờ đã thở được rồi, James! - Chủ tôi nói - Chúng ta hãy đi khỏi nơi đây càng nhanh càng tốt.

Chúng tôi đang ra cổng thì từ phố Market, có tiếng ngựa phi nước đại và bánh xe lăn ầm ầm.

– Xe cứu hỏa đây! Xe cứu hỏa đây! - Hai, ba giọng kêu to - Lùi lại, tránh đường!

Rồi hai con ngựa lao vào sân, kéo theo một dụng cụ nặng nề, loảng xoảng và ầm ầm trên đá lát. Những người lính cứu hỏa nhảy xuống đất, không cần hỏi cháy ở đâu, vì ngọn lửa đã bốc bùng bùng đến tận mái.

Chúng tôi ra đường phố Market rộng rãi, yên tĩnh nhanh hết sức. Những ngôi sao sáng rực, và ngoài tiếng ồn ào đằng sau chúng tôi, cảnh vật thật yên tĩnh. Ông chủ chỉ đường đến một khách sạn lớn ở phía bên kia đường, và ngay lúc người coi chuồng đến, ông bảo:

– James, bây giờ ta phải về gặp với bà chủ. Ta hoàn toàn giao phó mấy con ngựa cho cậu, cậu thấy cần gì cứ ra lệnh.

Và thế là ông đi. Chủ tôi không chạy, nhưng tôi chưa bao giờ thấy người nào đi nhanh như thế trong đêm ấy.

Chúng tôi chưa kịp vào chuồng, một âm thanh rùng rợn vọng đến, những tiếng rít của mấy con ngựa khốn khổ sót lại đang chết cháy mới kinh khủng làm sao! Chúng làm chị Ginger và tôi cảm thấy nôn nao. Sau đó, chúng tôi được dẫn vào chuồng và chăm sóc tử tế.

Sáng hôm sau, ông chủ đến xem chúng tôi ra sao và nói chuyện với James. Tôi không nghe được nhiều, vì người coi chuồng đến chải chuốt cho tôi, song tôi thấy James có vẻ rất sung sướng, và tôi nghĩ chủ tôi rất hạnh diện vì anh.

Đêm qua, bà chủ bị một phen hoảng sợ, nên chuyển đi phải hoãn lại đến trưa. James có cả một buổi sáng, trước hết anh đến khách sạn tìm yên cương cho chúng tôi và sửa soạn cỗ xe, sau đó nghe ngóng về đám cháy. Lúc trở về, chúng tôi nghe anh kể cho người coi chuồng nghe sự tình.

Lúc đầu, không ai đoán ra được nguyên nhân hỏa hoạn, nhưng cuối cùng một người nói đã nhìn thấy gã Dick Towler vào chuồng, mồm ngậm tẩu vắt vẻo. Lúc gã đi ra không ai nhìn thấy tẩu nữa và gã đến quán rượu mua cái khác. Rồi người coi chuồng thuật lại chuyện anh ta bảo Dick leo thang lên lấy cỏ khô, nhưng đã bảo Dick bỏ tẩu ra đã. Dick chối không nhận gì hết nhưng chẳng ai tin gã.

Tôi nhớ nguyên tắc của anh xà ích John Manly, không bao giờ được phép mang tẩu vào chuồng ngựa, và nguyên tắc ấy nên áp dụng ở khắp mọi nơi.

James kể toàn bộ mái và sàn chuồng đều đổ sụp, chỉ còn những bức tường đen sì. Hai con ngựa tội nghiệp không ra kịp đã bị vùi giữa đồng rui xà và ngói cháy xém.

CHUYỆN CỦA JOHN MANLY

Phần còn lại của chuyến đi rất ung dung, sau lúc mặt trời lặn một chút, chúng tôi đến nhà người bạn ông chủ. Chúng tôi được đưa vào một cái chuồng sạch sẽ, ngăn nắp, và được người xà ích ân cần làm chúng tôi thấy hết sức thoải mái. Hình như ông ta biết nhiều về James khi nghe tin hỏa hoạn.

– Có một điều rất rõ ràng, anh bạn trẻ ạ. - Ông ta nói - Ngựa của cậu biết có thể tin cậy vào ai. Một trong những điều khó khăn nhất trên đời là đưa lũ ngựa ra khỏi chuồng trong lúc có hỏa hoạn hoặc lụt lội. Tôi không biết vì sao chúng không chịu ra, nhưng là thế đấy, hai chục con mới có một con.

Chúng tôi dừng lại nơi ấy hai hoặc ba ngày rồi về nhà. Chuyến đi yên ổn, chúng tôi vui mừng lại được về chuồng của mình, và anh xà ích John cũng vui khi thấy chúng tôi.

Trước lúc James và anh để chúng tôi lại trong đêm, James nói:

- Em không biết ai sẽ thế chỗ em.
- Cậu bé Joe Green ở Lodge. - John nói.
- Joe Green ư! Nó còn là một đứa bé mà!
- Nhưng là một đứa bé ra trò đấy! Nó nhỏ nhưng nhanh nhẹn, lại sốt sắng và từ tâm. Nó rất thích đến đây, bố nó cũng muốn thế, và tôi biết ông chủ cũng muốn cho nó một cơ hội. Ông ấy bảo nếu tôi cho là nó không làm việc được, ông ấy sẽ kiếm đứa lớn hơn, nhưng tôi nói sẵn sàng để nó thử việc sáu tuần.
- Sáu tuần! - James nói - Phải sáu tháng nó mới có thể làm được nhiều việc! Thế thì anh sẽ vất vả lắm đấy, John ạ.

– Không sao! - John nói và cười - Công việc luôn là bạn thân của tôi mà. Tôi chưa bao giờ ngại làm việc hết.

– Anh là người rất tốt. - James nói - Ước gì em giống được anh.

– Tôi không hay nói về bản thân, - John nói - nhưng cậu sắp đi xa, phải tự xoay xở lấy nên tôi sẽ kể cho cậu nghe tôi đã coi sóc công việc ra sao. Khi cha mẹ tôi lần lượt qua đời vì bệnh sốt, người nọ mất cách người kia có mươi ngày, tôi mới mười hai tuổi như cậu bé Joseph vậy. Cha mẹ tôi để lại tôi và Nelly, đứa em gái tàn tật của tôi ở lại trên đời, không hề có người thân thích nào giúp đỡ anh em tôi.

Tôi là con trai một nông dân, không kiếm đủ ăn cho bản thân, nay có hai anh em còn thiếu thốn nhiều hơn, và em gái tôi phải vào nhà tế bần của bà chủ chúng ta (Nelly gọi bà là thiên thần của nó, và nó hoàn toàn đúng khi nói thế). Bà chủ thuê một phòng cho nó với bà quả phụ già Mallet, cho nó đan và may vá khi nó có thể làm được. Khi Nelly ốm, bà gửi cho nó đồ ăn và nhiều thứ dễ chịu khác, bà như một người mẹ với em tôi. Rồi sau đó, ông chủ đưa tôi vào chuồng ngựa, làm việc dưới quyền ông già Norman hồi đó là xà ích. Tôi được ăn trong nhà và ngủ trên gác xép, được một bộ trang phục và mỗi tuần được ba shilling, nên tôi có thể giúp đỡ Nelly.

Norman phân vân và bảo ở độ tuổi ông, ông không muốn bị một chú bé chẳng biết việc quấy nhiễu, nhưng ông như một người cha và bỏ công sức cho tôi không hề tiếc. Mấy năm sau ông mất, tôi thế chỗ ông, lẽ đương nhiên tôi được hưởng lương cao nhất, và có thể ở nhà khi nắng khi mưa nếu cần, còn Nelly sung sướng, ríu rít như một con chim.

Tôi không phải là người vênh váo với một cậu bé và chọc tức một ông chủ tốt bụng. Không đâu! Không! Tôi sẽ rất nhớ cậu, James ạ, nhưng chúng ta sẽ qua được thôi. Tôi rất vui được làm một việc tốt theo cách của mình.

– Anh không theo câu châm ngôn “Ai cũng chăm sóc bản thân và coi mình là nhất” à? - James hỏi.

– Thực sự là không! - John nói - Nơi Nelly và tôi đã ở, ông bà chủ và ông già Norman có chỉ biết đến bản thân đâu? Nếu vậy, em tôi còn trong nhà tế bần còn tôi đang giầy cỏ củ cải! Nơi Black Beauty và Ginger vừa đến, họ

cũng có nghĩ đến bản thân đâu? Jim ạ, không phải vậy đâu! Đây là câu châm ngôn ích kỉ, không văn minh, dù cho bất cứ ai sử dụng nó. Bất cứ người nào chỉ nghĩ đến chăm lo cho bản thân đều thật đáng thương hại và đáng đìm chết như một con chó hoặc con mèo từ trước khi mở mắt, tôi nghĩ vậy đấy! - John nói và hất đầu kiên quyết.

James cười phá lên, nhưng giọng anh quánh lại khi nói:

- Ngoài mẹ em, anh đúng là bạn tốt nhất của em. Em mong là anh sẽ không quên em.

- Không đâu, chú em! - John nói - Sau này cậu có trưởng thành, tôi mong cậu sẽ không quên tôi.

Ngày hôm sau, Joe đến chuồng học nghề trước khi James ra đi. Cậu học quét chuồng, mang rơm và cỏ khô, giữ sạch yên cương, phụ rửa xe. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, cậu đã làm được đủ việc của một giám mã cho tôi và chị Ginger. Anh James dạy cậu chăm sóc Merrylegs, vì theo lời John, cậu chịu trách nhiệm hoàn toàn về con pony này. Joe là cậu bé rất lanh lợi, vừa làm việc cậu vừa huýt sáo vui vẻ.

Merrylegs than thở là “thâm tím khắp mình mẩy vì một kẻ chẳng biết làm gì”, nhưng đến cuối tuần lễ thứ hai anh tin tưởng kể lại với tôi rằng té ra cậu bé này làm việc rất khá.

Cuối cùng cũng đến ngày James chia tay chúng tôi. Vốn là người vui tính nhưng sáng hôm ấy, trông James thật chán nản. Anh nói với John:

- Anh ạ, em phải xa rời quá nhiều thứ: mẹ em và Betsy, anh, ông bà chủ tốt bụng, những con ngựa và cả Merrylegs già lão của em. Em chẳng biết ai ở nơi mới hết. Nếu không nghĩ là có vị trí tốt hơn và có thể đỡ đần mẹ em nhiều hơn, em đã chẳng quyết định nhận việc này làm gì. Em thực sự đau lòng, John ạ.

- Chà, cậu em, đúng là thế, nhưng nếu lần đầu xa nhà mà cậu không cảm thấy thế anh còn nghĩ ngợi nhiều hơn. Vui lên James! Cậu sẽ có bạn ở đây, và nếu cậu sống hòa hợp, anh chắc là sẽ thế, mẹ cậu sẽ vui lòng và tự hào vì cậu đã kiếm được một nơi tử tế đến thế.

John đã làm James vui lên, nhưng ai cũng buồn vì vắng James. Anh ngựa Merrylegs héo hon mất mấy ngày, ăn không ngon ngủ không yên. Vì thế suốt mấy buổi sáng luyện cho tôi, John dắt theo cả Merrylegs, để anh chạy nước kiệu và phi nước đại bên cạnh tôi, để tôi phấn chấn lên, còn Merrylegs sớm hồi phục.

Cha của cậu bé Joe hay đến và giúp đỡ ít nhiều vì ông biết việc. Joe rất chịu khó học hỏi, còn anh John ra sức động viên cậu bé.

ĐI MỜI BÁC SĨ

Vài ngày sau khi James ra đi, một đêm kia tôi ăn củ khô và nằm xuống ốm rơ, vừa ngủ thiếp tôi bỗng thức giấc vì tiếng chuông trong chuông rung rất to. Tôi nghe thấy cửa nhà John mở và tiếng chân anh chạy lên phòng đợi. Anh chạy trở lại ngay lập tức. Anh mở cửa chuông và vừa vào, vừa gọi to:

– Dậy đi Beauty, bây giờ phải chạy nhanh hơn mọi khi nhé!

Và gần như tôi chưa kịp nghĩ ngợi gì, anh đã đặt yên lên lưng tôi và quàng dây cương qua đầu tôi. Anh chạy quanh vớ chiếc áo khoác rồi phi nước kiệu đến cửa tiền sảnh. Ông Squire đứng đó, tay xách cây đèn.

– John, vì tính mệnh bà chủ, chạy nhanh hết sức nhé, đừng để mất phút nào. Đưa thư này cho bác sĩ White. Để ngựa nghỉ ở quán, rồi quay về ngay nhé!

John nói:

– Vâng, thưa ông! - Và nhảy lên yên ngay.

Bác làm vườn ở trong nhà thường trực, nghe tiếng chuông rung đã mở sẵn cổng. Chúng tôi phi qua khu vườn, qua làng, xuống đồi cho đến cổng thu lệ phí. John gọi to và đập thành thành vào cánh cổng, một người đàn ông ra và mở cổng.

– Bây giờ cứ để cổng cho bác sĩ ra nhé. Tiền đây! - Rồi chúng tôi lại lao đi.

Trước mắt chúng tôi là một con đường dài, bằng phẳng bên bờ sông. John bảo tôi:

– Này Beauty, cố hết sức đi chú em!

Và tôi đã cố, tôi không muốn bị roi hoặc đing thúc ngựa, và hai dặm cuối tôi phi nước đại nhanh đến mức bàn chân chỉ chạm đất. Tôi tin rằng ông nội tôi đã đoạt giải tại Newmarket, cũng không phi nhanh hơn. Lúc đến cầu, John kéo nhẹ dây cương và vỗ vào cổ tôi:

– Giỏi lắm, Beauty! Anh bạn cừ lắm! - Anh xà ích nói. Anh không cho tôi đi chậm hơn, nhưng tôi phấn chấn hẳn lên và bứt lên phi nhanh như lúc trước.

Không khí lạnh giá, trăng sáng và rất dễ chịu. Chúng tôi xuyên qua làng, qua một cánh rừng tăm tối, hết lên đồi lại xuống đồi, chạy tám dặm đường mới đến thành phố. Chúng tôi phi qua nhiều phố, đến quảng trường Market. Cảnh vật rất yên tĩnh, trừ tiếng lóc cóc của móng tôi gõ trên đá, vì tất cả đang ngủ say. Chuông nhà thờ điểm ba tiếng lúc chúng tôi đến cửa nhà bác sĩ White.

Anh John kéo chuông hai lần, rồi gõ cửa âm âm như sấm. Một cửa sổ kéo lên, và bác sĩ White đội mũ ngủ thò đầu ra hỏi:

– Cậu muốn gì?

– Bà Gordon ốm nặng, thưa ông, ông chủ cháu mời ông đến ngay lập tức, ông ấy sợ bà chủ chết mất nếu bác sĩ không thể đến được. Ông có thư đây ạ.

– Đợi đấy. - Bác sĩ nói - Tôi sẽ đi.

Ông đóng cửa sổ và đến cửa ra vào ngay.

– Có cái tệ là ngựa của tôi đã chạy suốt ngày và hoàn toàn kiệt sức. - Ông nói - Tôi vừa sai con trai tôi đi kiếm con khác. Làm thế nào bây giờ? Tôi có thể dùng ngựa của các vị được không?

– Nó đã phi nước đại gần suốt quãng đường, thưa ông, và cháu định cho nó nghỉ ở đây, nhưng ông chủ cháu sẽ không phản đối nếu ông cần.

– Tốt lắm. - Bác sĩ nói - Tôi sửa soạn ngay đây.

John đứng cạnh vuốt ve cổ tôi. Người tôi nóng hổi. Bác sĩ đi ra, tay cầm roi ngựa.

– Ông không cần roi đâu ạ, thưa bác sĩ, - John nói - Black Beauty sẽ chạy cho đến lúc quy. Xin ông quan tâm đến nó hộ, cháu không muốn nó bị tổn

hại tí nào.

– Không, không đâu John! - Bác sĩ nói - Ta tin là không đâu.

Và chỉ một phút sau, chúng tôi đã để John lùi xa lại phía sau.

Tôi sẽ không mô tả chuyến về của chúng tôi, bác sĩ nặng hơn John và không phải là một kỹ sĩ giỏi, song tôi đã cố gắng hết mức. Người đàn ông vẫn mở cổng. Lúc lên đến đồi, bác sĩ giật cương:

– Nào anh bạn, - bác sĩ nói - thở một chút đã.

Tôi rất mừng thấy ông bảo thế, vì tôi gần như rã rời. Nhưng hít thở đã giúp tôi lại sức, và ngay sau đó chúng tôi vào khu vườn. Cậu Joe đang đợi bên cổng, còn ông chủ tôi ở cửa tiền sảnh. Ông không nói lời nào, bác sĩ vào trong nhà cùng ông, còn Joe dắt tôi vào chuồng.

Tôi rất vui đã về đến nhà, chân tôi run rẩy, tôi chỉ đứng mà thở hổn hển. Trên người tôi không một sợi lông nào còn khô, mồ hôi chảy ròng ròng xuống chân tôi, toàn thân tôi bốc hơi. Joe thường nói là giống như cái nồi đặt trên bếp. Tội nghiệp Joe! Cậu ta còn bé và nhỏ người, chưa hiểu biết nhiều lắm, có bố cậu vẫn giúp thì vừa bị sai sang làng bên, nhưng tôi chắc cậu đã cố hết sức.

Joe chà xát chân và ngực tôi, nhưng không biết phủ vải lên người tôi cho ấm. Cậu tưởng tôi đang nóng rùng rục như thế sẽ không thích. Rồi cậu mang cho tôi một xô đầy nước. Nước mát lạnh và rất ngon, tôi uống hết sạch. Sau đó Joe mang cho tôi ít cỏ khô và ngô, rồi nghĩ là đã làm đúng, cậu đi ra. Ngay sau đó tôi run rẩy và lạnh muốn chết đi được. Chân tôi, lưng và ngực tôi nhức nhối, tôi cảm thấy đau toàn thân. Chao ôi! Tôi ước được ủ ấm, được phủ tấm vải dày lúc đứng và run rẩy. Tôi ước có anh xà ích John, nhưng anh phải đi bộ những tám dặm, nên tôi nằm xuống ổ rơm và cố ngủ.

Lâu sau đó, tôi nghe tiếng John bên cửa, tôi khẽ rên rỉ vì đau quá. Ngay lúc đó anh đến bên cạnh, cúi xuống tôi. Tôi không thể nói với anh tôi cảm thấy ốm ra sao, nhưng hình như anh hiểu hết. Anh phủ lên tôi hai hoặc ba tấm vải ấm áp, rồi chạy lên nhà lấy ít nước nóng bỏng, làm cháo nóng cho tôi uống, sau đó tôi ngủ thiếp đi.

Hình như John rất bức. Tôi nghe thấy tiếng anh nói một mình, nhắc đi nhắc lại:

– Thằng ngu! Thằng ngu! Không phủ vải lên cho Beauty gì cả. Mình chắc là hấn cho Beauty uống nước lạnh. Những người ngốc nghếch! Cho dù Joe là một chú bé ngoan thật đấy nhưng ngốc quá!

Tôi bị ốm nặng. Phổi tôi bị viêm dữ, tôi thở rất đau. Anh John săn sóc tôi suốt ngày đêm. Ban đêm, anh trở dậy hai hoặc ba lần đến thăm tôi. Ông chủ tôi cũng đến thăm tôi luôn.

– Beauty tội nghiệp của ta. - Một hôm ông nói - Chú ngựa cừ khôi của ta, con đã cứu sống bà chủ, Beauty ạ! Phải, con đã cứu sống bà ấy!

Nghe thấy thế tôi rất sung sướng, vì hình như bác sĩ nói nếu về chậm tí nữa sẽ quá muộn. John thuật lại với ông chủ, trong đời anh chưa bao giờ thấy một con ngựa phi nhanh đến thế, hình như ngựa cũng hiểu có việc nghiêm trọng. Lẽ tất nhiên tôi hiểu, dù John tưởng là không. Ít ra thì tôi cũng hiểu khi John và tôi phải phi hết tốc lực là vì tính mạng của bà chủ.

CHỈ VÌ DỐT NÁT

Tôi không rõ mình đã ốm trong bao lâu. Bác sĩ thú y Bond ngày nào cũng đến. Một hôm ông chích máu cho tôi, và anh John hứng được một xô máu. Sau đó tôi thấy cơ thể rất yếu, và nghĩ mình sắp chết. Tôi tưởng mọi người cũng nghĩ như thế.

Chị Ginger và anh Merrylegs đã được chuyển sang chuồng khác để tôi được yên tĩnh hoàn toàn. Cơ sốt nóng đã làm thính giác của tôi đặc biệt tinh nhạy, bất cứ tiếng động nhỏ nào cũng thành to. Tôi có thể cảm nhận được tiếng bước chân của mọi người ra, vào ngôi nhà. Tôi biết hết mọi sự đang diễn ra. Một đêm kia, anh xà ích John cho tôi uống thuốc, Thomas Green vào giúp anh.

Tôi uống xong, John ra sức làm tôi dễ chịu và nói sẽ ở lại nửa tiếng xem thuốc ngấm ra sao. Thomas nói sẽ ở lại cùng John, thế là họ ngồi xuống ghế dài để trong ngăn chuồng của Merrylegs, để đèn lồng xuống cạnh chân cho tôi khỏi chói mắt.

Hai người ngồi lặng yên một lúc, rồi Thomas Green nói khẽ:

– Anh John ạ, tôi muốn anh nói với thằng cu Joe nhẹ nhàng một chút được không? Thằng bé khổ tâm lắm, nó không ăn được, không cười được. Cháu nó nói biết tất cả do lỗi của cháu, nó cứ tưởng làm thế là tốt nhất. Nó bảo nếu chú ngựa Beauty chết, sẽ không người nào thèm nhìn nó nữa. Nghe nó nói mà tôi đau thắt ruột. Tôi nghĩ anh có thể nói với cháu một lời, nó không phải là đứa xấu.

Lặng đi một lát, anh John nói chậm rãi:

– Anh đừng quá khắt khe với tôi, anh Tom. Tôi biết cháu nó không có ý làm hại, tôi không bao giờ nghĩ thế. Tôi biết nó không phải đứa xấu, nhưng tôi cũng bị dẫn vật nhiều lắm. Con ngựa ấy là niềm tự hào của tôi, chưa kể ông bà chủ rất yêu quý nó. Cứ nghĩ sinh mạng của nó có thể mất kiểu này, tôi không thể chịu nổi. Nếu anh cho là tôi quá nghiêm khắc với thằng bé, ngày mai nếu Beauty khá hơn, tôi sẽ cố nói năng nhẹ nhàng với nó, ý tôi là vậy.

– Hay lắm, John ạ! Cảm ơn anh, tôi biết anh không muốn quá khắt nghiệt mà, và tôi mừng là anh coi việc này chỉ vì dốt nát mà thôi.

Tiếng John trả lời làm tôi sửng sốt:

– *Chỉ vì dốt nát! Chỉ vì dốt nát!* Sao anh có thể nói *chỉ vì dốt nát!* Chẳng lẽ anh không hiểu *dốt nát* là thứ tồi tệ nhất trên đời sau sự *độc ác*, và chỉ có Trời mới biết cái gì là mối nguy hại kinh khủng nhất. Nếu người ta nói “Chao ôi tôi không biết, tôi không định làm hại gì hết”, họ tưởng thế là ổn thỏa. Giả sử Martha Mulwash không có ý giết hại một đứa trẻ khi cho nó uống Dalby với nước sirô; nhưng như thế bà ta đã giết chết nó rồi và cố thanh minh là ngộ sát.

– Đáng đời mụ ấy, - Tom nói - Phụ nữ làm bảo mẫu cho một đứa trẻ mà không biết cái gì là tốt cái gì là có hại cho nó.

– Bill Starkey cũng không có ý làm đứa em trai hoảng sợ đến ngất xỉu khi mặc áo giống như ma rồi chạy theo cậu bé dưới ánh trăng. Và cậu bé vui tươi, điển trai, có thể là niềm tự hào cho bất cứ trái tim người mẹ nào đã thành một thằng đàn, chỉ vì nỗi sợ hãi ám ảnh từ thuở nhỏ. Cho dù có sống đến tám mươi tuổi nó cũng vẫn chỉ là một thằng bé đàn độn. Tom ạ, hai tuần trước anh đã rất đau lòng khi mấy tiểu thư để cửa nhà kính của anh mở toang. Anh kể rằng làn gió đông lạnh giá đã lùa thẳng vào trong, làm chết bao nhiêu cây của anh phải không?

– Nhiều lắm! - Tom nói - Tất cả những cành dâm mỏng mảnh đều bị thui hết. Tôi sẽ phải dâm lại lần nữa nhưng tệ nhất là không kiếm đâu ra cây non. Tôi gần như hóa rồ lúc đi vào và nhìn thấy sự tình.

– Vậy đấy, tôi chắc các cô ấy cũng không có ý làm hại, chỉ vì dốt nát mà thôi!

Tôi không nghe được hơn nữa, vì thuốc đã ngấm làm tôi ngủ thiếp đi, và đến sáng tôi thấy khá hơn. Nhưng tôi thường nghĩ đến lời lẽ của anh John mỗi khi tôi hiểu thêm một việc trong đời.

JOE GREEN

Joe Green cư xử rất khá. Cậu học hỏi nhanh, nhạy cảm và cẩn thận đến mức anh John bắt đầu giao phó cho cậu nhiều việc. Nhưng tôi đã nói rồi, Joe nhỏ người so với tuổi, nên thỉnh thoảng mới được phép tập với chị ngựa Ginger hoặc tôi. Bất ngờ một buổi sáng anh John đã cùng Justice đánh xe chở hàng ra ngoài, ông chủ muốn chuyển ngay một bức thư cần đến nhà một quý ông cách đó khoảng ba dặm, ông ra lệnh cho Joe đóng yên cương cho tôi mang đi, và dặn Joe cưỡi ngựa cho cẩn thận.

Đưa thư xong, chúng tôi yên ổn trở về, cho đến lúc về lò gạch. Đến đây chúng tôi thấy một chiếc xe chắt gạch nặng trĩu. Bánh xe lún sâu trong bùn cứng, người đánh xe đang la hét và quật hai con ngựa không thương xót. Cậu Joe kìm lại. Thật là một cảnh tượng đáng buồn. Hai con ngựa dướn căng người và cố hết sức kéo chiếc xe ra khỏi vết lún, nhưng không thể nhúc nhích nổi. Mồ hôi chảy như suối trên chân và hông chúng, sườn chúng phồng lên, các bắp thịt căng ra, trong lúc người đàn ông hung hãn kéo đầu con đi trước, nguyên rủa và quất túi bụi.

– Dừng lại! - Joe nói - Xin đừng đánh ngựa như thế nữa, bánh xe dính chặt nên chúng không thể kéo được.

Người đó không thèm chú ý, vẫn tiếp tục quất.

– Dừng lại! Xin ông dừng lại! - Cậu Joe nói - Cháu sẽ giúp ông đỡ cho xe nhẹ đi, chúng mới kéo lên được.

– Mày cứ lo việc của mày đi, thẳng oắt con hỗn láo, mặc xác tao.

Người đó đang trong cơn giận điên rồ và càng tệ hại hơn vì say rượu, cứ vút roi liên tiếp. Joe xoay đầu tôi và sau đó chúng tôi đã phi nước đại đến

nhà ông chủ lò gạch. Tôi không biết anh John có thuận tình nước đi của chúng tôi không, nhưng Joe và tôi đều nhất trí và giận đến nỗi không thể phi chậm hơn.

Ngôi nhà ở gần ngay bên đường. Joe gõ cửa và gọi to:

– Xin chào! Ông Clay có nhà không?

Cửa mở, và chính ông Clay ra.

– Chào cậu! Cậu có vẻ vội? Sáng nay ông Squire đặt hàng sao?

– Không ạ, thưa ông Clay. Nhưng có một người đang đánh hai con ngựa đến chết trong sân lò gạch của ông. Cháu đã nói xin dừng tay nhưng ông ta không chịu, vì thế cháu chạy đến đây nói với ông. Cháu xin ông đến đây ạ. - Tiếng cậu bé Joe run run vì xúc động.

– Cảm ơn cháu. - Ông Clay vừa nói vừa chạy vào lấy mũ. Rồi, ông ngừng một chút - Cháu có làm chứng những gì cháu nhìn thấy trước quan tòa được không?

– Có ạ, - Joe nói - và cháu rất vui được làm thế.

Ông Clay ra đi, còn chúng tôi lên đường về nhà, chạy nước kiệu nhịp nhàng.

– Có chuyện gì thế Joe? Trông em rất giận dữ. - John nói lúc Joe nhảy từ trên yên xuống.

– Em giận thật anh ạ, để em kể anh nghe. - Cậu bé nói, rồi thuật lại câu chuyện bằng những lời vội vã, xúc động. Thường ngày, Joe là người tính tình hiền hòa, dịu dàng, nên thấy cậu kích động như thế thật lạ lùng.

– Đúng đấy, Joe! Em đã làm đúng, em ạ, dù gã đó có bị gọi ra tòa hay không. Nhiều người phi ngựa qua đấy nói không phải là việc của họ nên không can thiệp. Anh thì nói rằng, mọi người phải can thiệp khi nhìn thấy những việc tàn nhẫn và đàn áp. Em đã làm rất đúng, Joe ạ.

Lúc này Joe đã hoàn toàn bình tĩnh và tự hào thấy anh John tán thành cậu. Cậu chải sạch chân tôi, chà xát cho tôi bằng bàn tay mạnh mẽ hơn thường lệ.

Chúng tôi định về nhà ăn tối thì một người hầu xuống chuồng ngựa, gọi Joe đến thẳng phòng riêng của ông chủ. Có người thưa kiện vì việc hành hạ ngựa, và muốn cậu bé Joe làm chứng. Cậu bé đỏ bừng mặt đến tận trán, cặp mắt cậu lấp lánh.

– Họ sẽ có bằng chứng. - Cậu bé nói với anh John.

– Ăn mặc gọn ghẽ vào. - Anh John khuyên.

Joe nấn lại cà vạt và kéo thẳng chiếc áo khoác rồi đi ra. Ông chủ tôi là một trong các quan tòa địa phương, các vụ đến tay ông thường được giải quyết đâu vào đấy.

Trong chuồng ngựa, chúng tôi không nghe thấy gì nữa vì lúc đó là giờ ăn tối của mọi người. Nhưng lúc Joe vào chuồng tiếp đó, tôi thấy cậu rất phấn khởi. Cậu vỗ về tôi rất hiền hậu và nói:

– Chúng ta sẽ không phải thấy những việc như thế nữa, đúng không anh bạn?

Sau đó, chúng tôi nghe được rằng Joe đã làm chứng rất rõ ràng, mấy con ngựa đã trong tình trạng kiệt sức, đầy dấu vết bị đối xử tàn nhẫn, người đánh xe bị đưa ra tòa, có thể bị kết án hai hoặc ba tháng tù giam.

Sự thay đổi đến với Joe thật tuyệt vời. Anh John cười vang và bảo cậu đã cao hơn vài phân trong tuần đó, và tôi tin thế thật. Cậu bé Joe vẫn tốt bụng và dịu dàng như trước, nhưng có mục đích và quyết tâm hơn trong mọi việc cậu làm, dường như cậu đã từ một cậu bé nhảy vọt thành một người đàn ông.

21

CHIA LY

Tôi đã sống ở cái nơi vui sướng đó ba năm, nhưng nhiều thay đổi buồn bã bao trùm lên chúng tôi. Thi thoảng, chúng tôi lại nghe tin bà chủ ốm. Bác sĩ thường phải đến nhà, còn ông chủ trông nghiêm nghị và lo âu. Rồi chúng tôi biết tin bà chủ phải xa nhà ngay lập tức và đến một đất nước ấm áp khoảng hai hoặc ba năm. Tin tức dội lên đầu mọi người như tiếng rung của hồi chuông báo tử. Ai cũng rầu rĩ, còn ông chủ đích thân thu xếp công việc để rời nước Anh. Chúng tôi nghe được chuyện ấy trong chuồng. Thực ra chẳng còn gì mà nói nữa.

Anh xà ích John làm việc lảng lạng và buồn bã, còn cậu bé Joe không huýt sáo nữa. Rất nhiều người đến và đi. Chị ngựa Ginger và tôi ngập đầu vì công việc.

Những người ra đi đầu tiên là hai tiểu thư Jessie và Flora cùng cô gia sư. Họ đến chào từ biệt chúng tôi. Họ ôm ghì anh ngựa Merrylegs tội nghiệp như ôm một người bạn thân, và đúng là thế thật. Sau đó, chúng tôi được biết sự sắp xếp cho chúng tôi. Ông chủ bán chị Ginger và tôi cho một người bạn thân của ông là bá tước W. vì ông tin rằng chúng tôi sẽ có một nơi tử tế. Ông tặng anh Merrylegs cho cha xứ, vì cha đang muốn có một con pony cho bà Blomefield, nhưng với điều kiện không bao giờ được bán lại. Khi nào ngựa Merrylegs không làm việc được nữa, họ sẽ bắn anh và đem chôn.

Cậu Joe được thu xếp chăm sóc Merrylegs và giúp việc nhà, vì thế tôi cho là Merrylegs sẽ được sung sướng. Anh John được mấy nơi mời làm việc, nhưng anh nói hăng gượng, để anh còn xem đã.

Buổi chiều trước khi chúng tôi ra đi, ông chủ vào chuồng để dọn dồ và vỗ về mấy con ngựa lần cuối cùng. Hình như ông rất nản lòng. Tôi nhận thấy

điều đó qua giọng nói của ông. Tôi tin rằng lũ ngựa chúng tôi có thể nhận biết qua giọng nói nhiều hơn cả con người.

– Cậu đã quyết định làm gì chưa, John? - Ông nói - Tôi thấy cậu chưa nhận bất cứ lời mời nào.

– Không ạ thưa ông, cháu đã quyết định làm một người luyện ngựa non và luyện ngựa mới đúng sở trường của cháu. Nhiều con ngựa non bị đối xử tệ nên dễ hoảng sợ và hỏng, chúng cần vào tay một người thích hợp. Cháu luôn sống hòa thuận với ngựa, và nếu có thể giúp chúng khởi đầu đúng đắn, cháu sẽ cảm thấy làm được một việc tốt lành, ông nghĩ sao ạ, thưa ông?

– Ta chưa nghĩ ra người nào thích hợp cho cậu. - Chủ tôi nói - Cậu hiểu ngựa và trong chừng mực nào đó chúng cũng hiểu cậu, đã đến lúc cậu tự lập nghiệp được rồi. Ta nghĩ cậu có thể làm khá đấy. Nếu ta có thể giúp được cậu bất cứ điều gì, cứ viết thư cho ta. Ta sẽ bảo người đại diện của ta ở London, và để tên cậu lại cho anh ta.

Ông hỏi ý John về tương lai của anh, rồi cảm ơn sự phục vụ lâu dài và trung thành của anh, những lời ấy là quá nhiều với John.

– Xin ông đừng nói nữa, thưa ông, cháu không chịu nổi đâu ạ. Ông và bà chủ quý mến đã cho cháu nhiều thứ, đến mức cháu không bao giờ có thể đền đáp được. Chúng cháu sẽ không bao giờ quên ông bà, cầu Chúa phù hộ cho bà mạnh khỏe trở lại như ngày trước. Chúng ta phải giữ được hi vọng, ông ạ.

Ông chủ chìa tay cho John, nhưng không nói lời nào, rồi cả hai rời khỏi chuồng ngựa.

Cái ngày buồn bã đã đến. Người hầu và hành lí nặng đã chuyển đi từ hôm trước, chỉ còn ông bà chủ và cô hầu ở lại. Chị Ginger và tôi kéo cỗ xe đến cửa tiền sảnh lần cuối cùng. Những người hầu mang nệm, thảm và nhiều thứ khác ra. Lúc mọi thứ sắp xếp xong xuôi, ông chủ bế bà chủ trên tay, đi xuống bậc thềm (tôi đang đứng ngay bên hông nhà nên thấy rõ mọi việc). Ông cẩn thận đặt bà vào xe, trong lúc các gia nhân đứng vòng quanh khóc rưng rức.

– Tạm biệt lần nữa nhé! - Ông nói lúc đã vào xe - Chúng tôi sẽ không quên bất cứ ai đâu. Đi nào, John!

Joe nhảy lên xe, và chúng tôi chậm rãi đi nước kiệu qua khu vườn, qua làng, nhiều người đứng bên cửa nhìn lần cuối và nói: “Chúa phù hộ cho ông bà”.

Lúc đến ga xe lửa, tôi cho là bà chủ ra khỏi xe đến phòng đợi. Tôi nghe thấy tiếng bà dịu dàng:

– Tạm biệt John, Chúa sẽ phù hộ cậu!

Tôi cảm thấy dây cương giật, nhưng anh John không đáp lại, có lẽ anh không thốt nổi nên lời. Ngay lúc Joe đưa hết các thứ ra khỏi xe, John bảo cậu đứng cạnh ngựa trong lúc anh ra sân ga. Tội nghiệp Joe! Cậu đứng sát bên đầu chúng tôi để giấu những giọt nước mắt.

Ngay sau đó, đoàn tàu phụt khói chạy vào ga. Hai hoặc ba phút sau, các cửa toa đóng sầm lại, người gác thối còi rồi đoàn tàu lăn bánh, để lại đằng sau những đám hơi nước trắng xóa và những con tim nặng trĩu.

Lúc đoàn tàu đã khuất tầm mắt, John trở lại.

– Chúng ta sẽ không bao giờ gặp bà ấy nữa! - Anh nói - Không bao giờ!

Anh cầm dây cương, trèo lên ghế xà ích và cùng cậu bé Joe chậm chậm về nhà. Nhưng lúc này, đấy không còn là nhà chúng tôi nữa.

PHẦN HAI

EARL SHALL

Sáng hôm sau, ăn sáng xong, cậu Joe đóng Merrylegs vào chiếc đợc mã thấp của bà chủ và đưa đến nhà cha xứ. Cậu vào trước từ biệt chúng tôi, còn Merrylegs hí lên ở ngoài sân. Sau đó anh John đóng yên cho chị Ginger và buộc cương cho tôi, rồi cưỡi chúng tôi đi khoảng mười lăm dặm đến Earlshall Park là nơi ở của bá tước W. Đây là một ngôi nhà rất đẹp, có nhiều chuồng ngựa.

Chúng tôi qua chiếc cổng đá vào sân, và John gọi ông York. Mất một lúc ông ta mới đến. Ông ta trạc trung niên, dễ coi, và cất tiếng là nói ngay, ông muốn đợc vâng lời. Ông ta đối với anh John rất thân thiện và lịch sự. Sau khi nhìn qua chúng tôi, ông gọi xà ích đưa chúng tôi vào ô chuồng, và mời John nghỉ một chút cho tỉnh táo.

Chúng tôi đợc đưa vào một cái chuồng sáng sủa, thoáng dăng và dẫn vào hai ô sát nhau, rồi đợc chải lông và cho ăn. Khoảng nửa giờ sau, John và ông York, hóa ra là xà ích mới của chúng tôi, vào xem xét chúng tôi. Sau khi cả hai đã nhìn chúng tôi kĩ lưỡng, ông ta nói:

– Này ông Manly, tôi thấy mấy con ngựa này không có chút khiếm khuyết, nhưng chúng ta đều hiểu ngựa cũng như người đều có đặc tính riêng, và đôi khi chúng cần đợc đối xử khác nhau. Tôi muốn biết liệu có cần nói đến đặc tính của chúng không?

– Tôi tin rằng trong cả vùng không có cặp ngựa nào hay hơn, - anh John nói - và tôi thực sự đau lòng phải chia tay với chúng, chúng không giống nhau đâu. Con ngựa ô thuần tính nhất, tôi cho rằng nó chưa bao giờ biết đến một lời gay gắt và ngọn roi từ lúc chào đời, và mọi niềm vui của nó hình như là làm việc ông muốn. Nhưng con màu hạt dẻ kia đã phải chịu sự đối xử

tôi tệ, chúng tôi đã nghe người lái ngựa kể nhiều. Nó đến chỗ chúng tôi, cái kính và đa nghi, nhưng khi được chúng tôi đối xử tốt, những tính xấu ấy dần dần mất đi. Suốt ba năm nay, tôi chưa lần nào thấy một biểu hiện cái kính dù nhỏ nhất, và nếu được đối xử tử tế, sẽ không có con vật nào tốt hơn và tự nguyện hơn nó đâu. Nhưng bản chất tự nhiên của nó dễ cáu hơn con ngựa ô kia, ruồi muỗi quấy rầy nhiều hoặc thứ yên cương nào có sự trục trặc cũng làm nó cáu kính hơn, và nếu bị hành hạ hoặc đối xử không công bằng, nó sẽ không ngần ngại trả miếng ngay. Ông cũng biết nhiều con ngựa hung hăng sẽ làm thế mà.

– Tất nhiên rồi, - ông York nói - tôi rất hiểu, nhưng chắc ông cũng biết không dễ gì có giám mã biết việc phải làm với con ngựa như thế trong chuồng. Tôi sẽ cố hết sức, và tôi phải để nó ở đấy thôi. Tôi sẽ ghi nhớ những điều ông nói về con ngựa cái.

Lúc họ ra khỏi chuồng, John đứng lại và nói:

– Tốt nhất là tôi xin nói luôn: chúng tôi không bao giờ dùng giá cương cho bất cứ con ngựa nào; con ngựa ô kia chưa bao giờ bị đóng loại đó, còn người biết xử sự sẽ nói rọ mõm làm hỏng tâm tính của con kia.

– Thôi được, nhưng đã đến đây, chúng phải đeo giá cương. - Ông ta nói - Bản thân tôi cũng thích nói lỏng dây cương hơn, đức ông cũng đối xử vừa phải với ngựa, nhưng với phu nhân lại khác. Phu nhân muốn lúc nào cũng phải hợp thời trang, nếu ngựa kéo xe cho phu nhân không đóng cương thật chặt, bà ấy sẽ không nhìn đến chúng. Tôi thường phản đối rọ mõm và luôn làm vậy, nhưng dây cương phải buộc thật chặt mỗi khi phu nhân cười!

– Tôi rất tiếc, hết sức tiếc, - John nói - nhưng bây giờ tôi phải đi đây, không thì lỡ tàu mất.

Anh đi vòng quanh từng đứa chúng tôi, vỗ về và thủ thủ với chúng tôi lần cuối cùng. Giọng anh hết sức buồn bã.

Tôi áp sát mặt vào anh, đấy là tất cả những gì tôi có thể làm để nói lời từ biệt. Rồi sau đó anh đi, và từ đó tôi không bao giờ gặp anh nữa.

Ngày hôm sau, ngài W. đến xem xét chúng tôi, ngài có vẻ hài lòng vì diện mạo của chúng tôi.

– Ta rất tin những con ngựa này, vì ông bạn Gordon của ta đã kể về đặc tính của chúng. Tất nhiên là chúng không hợp màu nhau, nhưng theo ta, chúng sẽ là một cặp kéo xe rất cừ lúc chúng ta ở thôn quê. Trước khi đến London, ta phải cố sánh với nam tước. Ta tin rằng con ngựa ô này để cưới thì tuyệt.

Sau đó, ông York kể với ngài những điều anh John nói về chúng tôi.

– Vậy người phải để mắt đến con ngựa cái và đóng giá cương cho thoải mái. Ta chắc chúng sẽ thấy thích thú vì được chú ý nhất định từ ban đầu. Ta sẽ nói với lệnh bà.

Buổi chiều, chúng tôi được buộc cương và đóng vào xe, và lúc chuông trong chuồng rung ba hồi, chúng tôi được dẫn vòng ra đằng trước ngôi nhà. Đây là một ngôi nhà rất nguy nga, to gấp ba hoặc bốn lần ngôi nhà cũ ở Birtwick, nhưng nếu một con ngựa được phép có ý kiến, thì không thân mật bằng một nửa. Hai người hầu mặc chế phục màu nâu xám, quần ống túm đỏ thẫm, bít tất trắng, đứng sẵn sàng.

Ngay sau đó, chúng tôi nghe tiếng lụa sột soạt lúc phu nhân lướt xuống các bậc đá. Phu nhân là một phụ nữ cao, vẻ kiêu hãnh, hình như chẳng hài lòng điều gì đó nhưng không nói gì và vào xe. Đây là lần đầu tiên tôi đeo giá cương, và phải nói chắc một điều rằng tuy nó làm cho thi thoảng tôi không thể gục đầu xuống, song nó cũng chẳng kéo cho đầu tôi cao hơn được bao nhiêu, ngay cả khi tôi đã đeo quen. Tôi cảm thấy lo cho Ginger, nhưng hình như chị bình thản và hài lòng.

Ba giờ hôm sau, chúng tôi lại đến trước cửa và những người hầu đã ở đó như hôm trước. Chúng tôi nghe thấy tiếng áo lụa sột soạt lúc phu nhân đi xuống, bà nói bằng giọng hách dịch:

– York, người phải buộc đầu lũ ngựa này cao hơn, trông chúng không vừa mắt.

York chạy xuống và nói hết sức kính cẩn:

– Xin lệnh bà tha lỗi, những con ngựa này đã ba năm nay không đóng giá cương, và đức ông đã cho phép đóng dần dần cho an toàn. Nếu lệnh bà vui lòng, con xin thắt dây cương chặt hơn một chút ạ.

– Làm đi! - Phu nhân nói.

York đi vòng quanh đầu chúng tôi và thu ngắn một nấc dây cương, tôi nghĩ thế. Từng chút một cho khác đi, chẳng biết đẹp hơn hay xấu hơn, và hôm đó chúng tôi phải leo lên một đồi dốc. Lúc đó tôi mới hiểu những điều đã nghe được. Đương nhiên là tôi muốn vươn đầu về phía trước và kéo xe lên theo ý muốn như chúng tôi thường làm, nhưng không, lúc này với cái đầu nghển cao, tôi như bị mất hết tinh thần, lưng và cổ tôi bị kéo căng hết sức.

Chị Ginger bảo:

– Bây giờ thì cậu đã thấy thích chưa? Nhưng thế này chưa phải là tệ, nếu không bị tệ quá mức này tôi chẳng nói làm gì, vì chúng ta đang được đối xử rất tốt. Nhưng nếu họ buộc tôi chặt hơn nữa, hãy để cho họ thấy! Tôi không thể chịu nổi và sẽ không chịu đâu.

Ngày tiếp ngày, nấc nọ tiếp nấc kia, giá cương của chúng tôi cứ thu ngắn lại, và thay cho niềm hân hoan mong đợi buộc cương như tôi đã quen từ trước, tôi đâm khiếp sợ. Ginger cũng có vẻ bồn chồn, tuy chị nói rất ít. Cuối cùng, tôi tưởng điều tệ nhất đã chấm dứt. Suốt mấy ngày không thể thu ngắn dây cương hơn được nữa, tôi quyết gắng hết sức thực hiện nhiệm vụ, dù lúc này đi ra ngoài là một chuyện phiền nhiễu không ngừng thay cho vui sướng, nhưng điều tệ hại nhất còn chưa đến.

LĂN CÔNG ĐÒI TỰ DO

Một hôm, phu nhân xuống muện hơn thường lệ, tiếng áo lụa sột soạt hơn mọi ngày.

– Đến nữ công tước B. - Phu nhân nói. Rồi ngừng một chút, bà nói thêm - Người không kéo đầu lũ ngựa này cao thêm ư, York? Kéo đầu chúng lên ngay lập tức, đừng để chúng ta chịu cảnh buồn cười vô lí này nữa.

Ông York đến chỗ tôi trước, trong lúc viên giám mã đứng cạnh đầu Ginger. Ông ta kéo đầu tôi ra sau và buộc dây cương chặt đến mức gần như không chịu nổi. Sau đó ông ta đến chỗ Ginger, chị đang nôn nóng giật đầu lên, xuống cạ vào hàm thiếc, theo cách của chị lúc này. Chị đã có ý hay về việc sắp xảy ra, và lúc ông York tháo dây cương khỏi vành đai để thu ngắn lại, Ginger lợi dụng cơ hội nhảy chồm lên, bất ngờ đến mức đập mạnh vào mũ York, bật tung mũ ông ta đi, còn viên giám mã suýt ngã nhào.

Cả hai lập tức lao đến đầu Ginger, nhưng là một địch thủ lợi hại, chị tiếp tục lao tới, tung vó đá hậu theo kiểu dữ dội nhất. Cuối cùng, chị đá đúng gọng xe và sụp xuống, sau khi cho tôi một cú dữ dội vào chân sau.

Không biết chị Ginger còn gây ra chuyện gì, nếu ông York không ngồi bệt xuống đầu chị, không cho chị vùng vẫy, đồng thời kêu toáng lên:

– Tháo ngay con ngựa ô! Chạy đi tìm chảo và tháo ốc gọng xe ra, hãy chặt đứt ngay nếu không thể tháo được.

Một trong những người hầu chạy đi tìm chảo, người kia mang con dao trong nhà ra. Viên giám mã giải phóng cho tôi khỏi Ginger và cỗ xe, rồi dắt tôi vào ô chuồng. Anh ta trả tôi về chỗ cũ rồi chạy lại với ông York.

Tôi quá kích động vì chuyện xảy ra, và nếu như tôi thường đá hoặc đá hậu, chắc lúc ấy tôi đã không tha, nhưng tôi chưa bao giờ làm thế nên chỉ đứng đó, tức tối, chân đau nhức, đầu vẫn bị kéo căng đến dai yên, và chỉ muốn đá kẻ nào đến gần tôi trước tiên.

Tuy nhiên, trước đó khá lâu, hai giám mã đã dẫn Ginger vào, bị đánh rất nhiều, mình mẩy thâm tím. Ông York vào cùng và ra lệnh, sau đó đến nhìn tôi. Lát sau, ông ta nói đây, thả đầu tôi xuống.

– Cái giá cương chết tiệt này! - Ông nói một mình - Mình đã biết rồi sớm có chuyện rắc rối mà. Ông chủ sẽ cáu lắm đây, nhưng là chồng còn chẳng bảo được bà ấy, tất nhiên người hầu càng không thể, nên mình mặc kệ. Nếu bà ấy không thể đến dự bữa tiệc ngoài vườn ở nhà nữ công tước, mình cũng không thể làm được gì.

York không nói câu đó trước mặt họ, ông luôn nói năng rất mực kính cẩn mỗi lúc họ đi qua. Lúc này ông vuốt ve khắp người tôi và tìm thấy ngay chỗ tôi bị đá, trên khuỷu chân sau. Chỗ ấy sưng phồng lên và rất đau, ông gọi lấy miếng bọt biển thấm nước nóng và thuốc để bóp.

Ngài W. rất bực mình khi biết việc xảy ra. Ngài đổ tội cho ông York vì đã nhượng bộ bà chủ, và York đáp lại rằng sau này, ông chỉ muốn nhận lệnh của chính đức ông mà thôi. Nhưng tôi cho rằng chẳng thể như thế, vì mọi sự vẫn tiếp diễn y như trước. Tôi tưởng York sẽ bênh vực lũ ngựa, nhưng có lẽ tôi không biết xét đoán.

Chị Ginger không bao giờ bị đóng vào xe nữa, nhưng khi những chỗ thâm tím đã lành, một trong những con trai nhỏ của ngài W. nói thích có Ginger, vì tin chị là một ngựa săn cừ. Phần tôi vẫn có nhiệm vụ kéo xe, và bạn đồng hành mới của tôi là Max, đã quen bị buộc cương thật chặt. Tôi hỏi làm sao Max chịu được thứ đó?

– Tôi chịu được vì tôi phải chịu, nhưng nó rút ngắn tuổi thọ của tôi, và của cậu nữa nếu cậu cứ phải đeo nó mãi.

– Cậu có nghĩ là ông chủ biết thứ cương này có hại cho chúng ta không?

– Tôi không thể nói được? - Max đáp - nhưng lái buôn và bác sĩ thú y thì biết rất rõ. Tôi đã ở nhà một lái ngựa; ông ta huấn luyện tôi và một con ngựa nữa thành cặp. Mỗi ngày ông ta lại buộc đầu chúng tôi nghển cao hơn một tí. Một quý ông đến đấy hỏi sao lại làm thế, người lái buôn này đáp: “Vì không làm như thế, người ta không mua. Dân London lúc nào cũng thích ngựa của họ ngẩng cao đầu và nhắc cao bước chân. Tất nhiên làm thế này có hại cho ngựa, nhưng lại lợi cho kinh doanh. Ngựa sẽ sớm bị mòn mõi hoặc nhiễm bệnh, và họ phải đi tìm cặp khác”. Đây là chuyện tôi nghe được, còn tự cậu phán xét lấy.

Tôi phải chịu bốn tháng ròng với thứ cương đó, khó nhọc không thể tả. Tôi tin chắc rằng nếu kéo dài việc này lâu hơn, sức khỏe và tâm tính tôi sẽ kiệt quệ mất. Trước kia, tôi chưa bao giờ bị sùi bọt mép, nhưng hiện giờ hàm thiếc sắc cửa đè lên lưỡi và hàm tôi, giữ nguyên vị trí đầu và họng tôi làm bọt mép sùi ra ít nhiều.

Một số người lại khoái nhìn cảnh đó và nói:

– Những con vật này mới đẹp và hăng hái làm sao!

Nhưng với cả người lẫn ngựa, sùi bọt mép là một việc phi tự nhiên, là một dấu hiệu hiển nhiên của sự không thoải mái và cần chú ý. Hơn nữa, nó còn gây sức ép lên khí quản, thường làm tôi khó thở. Mỗi khi làm việc xong trở về, cổ và ức tôi căng ra, nhức nhối, mồm và lưỡi tôi đau đớn, tôi luôn cảm thấy rã rời và thất vọng.

Ở nhà cũ, tôi hiểu rằng ông chủ tôi và anh John luôn là những người bạn. Còn ở đây dù đã cố gắng nhiều cách để cư xử cho tốt, tôi vẫn không có bạn. Ông York có thể hiểu, và hiểu rõ loại cương này làm khổ tôi biết chừng nào, nhưng tôi cho rằng ông ta coi như là không thể làm gì được. Dù sao, họ chẳng làm gì cho tôi nhẹ nhõm.

TIỂU THƯ ANNE, HAY MỘT CON NGỰA BỎ TRỐN

Đầu mùa xuân, ngài W. cùng một phần gia đình đi London, ông York cũng được đi theo. Họ để chị Ginger, tôi và vài con ngựa ở lại để dùng, viên giám mã trưởng sẽ chịu trách nhiệm coi sóc.

Tiểu thư Harriet ở lại lâu đài, là một người tàn tật, không bao giờ rời xe, còn tiểu thư Anne thích cưỡi ngựa rong ruổi với anh trai hoặc các anh em họ hơn. Tiểu thư Anne là một nữ kỵ sĩ hoàn hảo, vui tươi, dịu dàng và xinh đẹp. Tiểu thư chọn tôi làm ngựa riêng, và đặt tên tôi là Black Auster. Tôi rất thích thú những lúc phi trong bầu không khí trong trẻo, lạnh giá, với chị Ginger hoặc với chị Lizzie. Lizzie là một chị ngựa cái màu hồng tươi, gần như thuần chủng, rất được các quý ông ưa thích vì động tác đẹp và hăng hái. Nhưng Ginger biết chị ta nhiều hơn tôi và kể rằng Lizzie khá nóng nảy.

Một công tử tên là Blantyre lưu lại lâu đài, chàng hay cưỡi Lizzie và khen ngợi đến mức một hôm tiểu thư Anne ra lệnh đóng yên ngồi nghiêng lên Lizzie và một bộ yên nữa cho tôi. Lúc chúng tôi đến cửa, vị công tử có vẻ không thoải mái.

– Sao lại thế này? - Chàng ta nói - Em chán con Black Auster của em rồi sao?

– Ồ không, không chán tí nào! - Tiểu thư đáp - Nhưng em có lòng tốt để anh cưỡi nó một lần, còn em thử cưỡi con Lizzie dễ thương của anh xem sao. Phải thú nhận rằng về kích thước và diện mạo, nó khác xa với con ngựa yêu của em.

– Anh khuyên em đừng trèo lên nó! - Công tử Blantyre nói - Lizzie là con vật dễ thương nhưng quá nóng nảy đối với một tiểu thư. Anh không dám chắc em được an toàn, xin em hãy đổi yên cho anh.

– Ông anh họ thân mến của em, - tiểu thư Anne vừa cười vừa nói - cầu Chúa ban phúc lành cho cái tính tử tế và cẩn thận của anh. Em cười ngựa từ lúc còn bé tí, đã theo nhiều cuộc đi săn, dù em biết anh không tán thành con gái đi săn, nhưng quả thực em muốn cười thử con Lizzie xem vì sao một công tử như anh lại thích nó đến thế. Hãy giúp em lên yên như một người bạn tốt, nào!

Không còn gì để nói nữa. Chàng cẩn thận đặt nàng lên yên, xem kỹ hàm thiếc và dây cãm, nhẹ nhàng đặt dây cương vào tay nàng, sau đó trèo lên lưng tôi. Lúc chúng tôi vừa chạy, một người hầu chạy ra đưa mẫu thư của tiểu thư Harriet: “*Nhờ công tử Blantyre hỏi bác sĩ Ashley câu này hộ và mang thư trả lời về nhé!*”

Ngôi làng cách đó khoảng một dặm, và nhà bác sĩ ở tận cuối làng. Chúng tôi rất vui vẻ cho đến cổng. Có một con đường ngắn, chạy giữa hai hàng thường xuân cao dẫn đến nhà. Blantyre xuống ngựa và định mở cổng cho tiểu thư Anne, nhưng nàng nói:

– Em đợi anh ở đây, anh có thể buộc cương Auster vào cổng.

Chàng nhìn nàng, vẻ ngờ vực:

– Anh không đi quá năm phút đâu! - Chàng nói.

– Ôi chà, anh chẳng việc gì phải vội. Lizzie và em chẳng chạy mất đâu mà sợ.

Chàng buộc dây cương của tôi vào chấn song cánh cổng, rồi biến mất giữa hàng cây cách đây vài bước, Lizzie đứng yên lặng bên lề đường, quay lưng lại phía tôi. Cô chủ trẻ của tôi ngồi thoải mái trên yên, buông lỏng dây cương, ngân nga một bài hát. Tôi lắng nghe tiếng chân chàng kị sĩ cho đến tận ngôi nhà, nghe thấy chàng gõ cửa.

Bên kia đường là một bãi cỏ, cổng mở toang. Mấy con ngựa kéo xe và ngựa non đang phi nước kiệu rất lộn xộn, trong lúc một chàng trai vút ngọn

roi to tướng đằng sau. Mấy chú ngựa non chưa thuần, nô đùa nghịch ngợm, một con liều lĩnh chạy sang đường và vấp phải chân sau Lizzie. Không hiểu vì con ngựa non ngổ ngẩn hay tiếng roi vút quá to, hoặc vì cả hai, nhưng Lizzie tung một cú đá hậu dữ dội và lồng lên phi nước đại, đột ngột đến mức suýt hất ngã tiểu thư Anne, nhưng nàng trấn tĩnh được ngay.

Tôi hí một tiếng thật to, chói tai kêu cứu. Tôi hí lần nữa, lần nữa, sốt ruột gõ móng xuống đất và lúc lắc đầu nới lỏng dây cương. Tôi không phải đợi lâu. Blantyre chạy đến cổng. Chàng nhìn bản khoản và lúc thấy hình dáng đang lao như bay, lúc này đã cách xa đường. Chàng nhảy lên yên ngay tức khắc. Chẳng cần roi hoặc đinh thúc ngựa, vì tôi cũng náo nức không kém chàng kị sĩ. Thấy thế, chàng buông lỏng dây cương và hơi nhô người về phía trước, chúng tôi lao theo họ.

Con đường chạy thẳng khoảng dặm rưỡi, rồi rẽ sang phải, sau đó chia thành hai ngã. Chúng tôi chưa đến chỗ rẽ, tiểu thư Anne đã khuất tầm nhìn. Nàng rẽ theo đường nào? Một phụ nữ đứng bên cổng vườn, giơ bàn tay che mắt và ngong ngóng nhìn lên đường. Vừa giật cương, Blantyre vừa hét lên:

– Đường nào?

– Rẽ phải. - Người đó hét to, giơ tay chỉ và chúng tôi rẽ sang bên phải, sau đó một lát chúng tôi nhìn thấy nàng, rồi lại đến một chỗ rẽ và nàng lại mất hút. Chúng tôi cứ thoáng thấy mấy lần, lại mất hút mấy lần. Hình như chúng tôi không tiến đến gần họ thêm chút nào.

Một người thợ sửa đường già đứng gần đóng đá, buông xèng và giơ tay lên:

– Đến bãi cỏ, đến bãi cỏ, cô ấy rẽ chỗ kia kìa.

Tôi biết rất rõ bãi cỏ ấy. Đó là phần đất mấp mô nhất, phủ đầy thạch nam và bụi kim tước xanh thẫm, có nhiều bụi rậm đầy gai nhọn. Cũng có nhiều khoảng trống cỏ mọc ngắn và đẹp, tổ kiến, tổ mối ở khắp mọi chỗ, đấy là nơi nguy hiểm nhất cho một cuộc phi nước đại liều lĩnh.

Chúng tôi hầu như không rẽ vào bãi cỏ khi bất chợt dáng người màu xanh thấp thoáng phía trước. Mũ của tiểu thư đã bay mất, mái tóc dài màu nâu của

nàng chảy thành suối sau lưng. Đầu và toàn thân nàng ngã về phía sau, dường như nàng đang vận dụng toàn bộ sức lực còn lại, và đã sắp kiệt sức. Rõ ràng mặt đất mấp mô đã làm tốc độ của ngựa Lizzie giảm đi rất nhiều, và chúng tôi có cơ hội bắt kịp nàng.

Lúc phi trên đường cái, chàng Blantyre cho tôi chạy tùy ý, nhưng lúc này chàng hướng dẫn tôi rất tài nghệ bằng bàn tay nhẹ nhàng và cái nhìn tinh tường, nên tôi không chậm bước và chúng tôi quyết đuổi kịp họ.

Khoảng giữa đám thạch nam, có một con mương rộng vừa đào, đất hất lên bờ bên kia lởm chởm. Chắc nó sẽ làm họ đứng lại! Nhưng không! Lizzie không dừng lại mà nhảy lên, trượt giữa các hòn đất lởm chởm và ngã. Chàng Blantyre rên lên:

– Cố lên nào Auster! - Chàng ghì chắc dây cương, còn tôi thu hết sức và nhảy một cái quả quyết vượt qua cả mương lẫn bờ.

Cô chủ trẻ tội nghiệp của tôi nằm bất động giữa đám thạch nam, mặt úp xuống đất. Blantyre quỳ xuống và gọi tên nàng, nhưng không có tiếng đáp.

Chàng nhẹ nhàng lật mặt nàng lên, mặt nàng nhợt nhạt như xác chết, mắt nhắm nghiền.

– Annie, Annie thân mến, nói đi em!

Nhưng không có tiếng trả lời. Chàng mở khuy bộ quần áo đi ngựa, nới cổ áo của nàng, bắt mạch ở cổ tay nàng rồi ngược lên, nhìn quanh cầu cứu một cách tuyệt vọng.

Cách đây không xa có hai người đàn ông đang cắt cỏ, nhìn thấy ngựa Lizzie phi như điên mà không có người cưỡi, họ bỏ việc đi tìm nàng.

Tiếng gọi của chàng Blantyre đã dẫn họ đến đúng chỗ. Người đi trước có vẻ rất băn khoăn vì cảnh ấy và hỏi xem có thể làm gì được.

– Anh có biết cưỡi ngựa không?

– Có, thưa cậu. Tôi xoay xỏa với ngựa không nhiều lắm, song tôi sẽ liều mạng vì tiểu thư Anne, cô ấy tốt lạ thường với vợ tôi trong mùa đông.

– VẬY LÊN CON NGỰA NÀY ĐI, ANH BẠN! ANH SẼ AN TOÀN THÔI! HÃY PHI NGỰA ĐẾN NHÀ BÁC SĨ VÀ MỜI ÔNG ẤY ĐẾN NGAY NHÉ, RỒI PHI VỀ LÂU ĐÀI, THUẬT LẠI CHO

họ biết chuyện, nói với họ đưa cỗ xe đến cho tôi cùng cô hầu của tiểu thư Anne và người giúp việc nữa. Tôi sẽ chờ ở đây.

– Vâng thưa cậu, tôi sẽ cố hết sức. Cậu Chúa phù hộ cho tiểu thư có thể sớm tỉnh lại. - Rồi nhìn người kia, anh ta gọi to - Này Joe, chạy đi kiếm ít nước và nói với bà xã tôi đến với tiểu thư Anne nhanh hết sức nhé!

Anh ta cố trườn lên yên, hô “Đi nào!” và thúc cả hai chân vào sườn tôi, bắt đầu chuyển đi, vòng quanh tránh cái mương. Không có roi nên anh ta có vẻ lo lắng tợn, nhưng nước đi của tôi đã giải quyết ngay mỗi băn khoăn ấy. Anh ta thấy tốt nhất là cứ bám chặt lấy yên và kìm tôi lại, và anh ta làm rất kiên quyết. Tôi cố lắc anh ta rất nhẹ, nhưng một hoặc hai lần trên nền đất mấp mô, anh ta kêu tướng lên:

– Bình tĩnh nào! Đừng lắc! Bình tĩnh nào!

Chúng tôi phi yên ổn trên đường cái. Anh đến nhà bác sĩ và lâu đài, thực hiện mục đích đúng như một người tốt bụng và chân thành. Họ mời anh vào uống chút gì đó.

– Không, không được đâu! - Anh nói - Tôi sẽ chạy tắt qua cánh đồng trở lại với họ, và sẽ đến trước cả xe.

Sau khi biết tin, mọi người rất vội vã và xáo động. Tôi được đưa vào ô chuồng, tháo bỏ yên cương và phủ tấm vải lên người.

Chị Ginger được đóng yên cương và vội phái đi tìm ngài George, còn tôi nghe thấy tiếng xe lăn bánh ra sân.

Hình như lâu lắm Ginger mới trở lại và trước khi chúng tôi được ở một mình, chị đã thuật cho tôi nghe mọi sự nhìn thấy.

– Tôi không thể kể nhiều, - Ginger nói - chúng tôi phi nước đại gần suốt quãng đường, và đến đó lúc bác sĩ vừa đến. Có một phụ nữ ngồi trên đất, đặt đầu tiểu thư lên lòng. Bác sĩ rót thứ gì đó vào miệng tiểu thư, nhưng tôi chỉ nghe được “Cô ấy không chết”. Sau đó có người dắt tôi ra cách xa một quãng. Một lúc sau, người ta khiêng tiểu thư vào xe và chúng tôi cùng về nhà. Tôi nghe cậu chủ nói với một quý ông ngăn lại hỏi thăm rằng ông hi vọng xương không bị gãy, nhưng tiểu thư vẫn chưa nói được.

Khi ngài George đưa Ginger đi săn, ông York lắc đầu. Ông ta nói nên có một người bình tĩnh luyện ngựa cho mùa săn đầu tiên, chứ không phải là một kỹ sĩ hú họa như ngài George.

Ginger rất thích đi săn, nhưng đôi khi lúc trở về, tôi thấy chị hết sức căng thẳng, thi thoảng chị còn ho khúc khắc. Chị quá hăng hái nên không than phiền, nhưng tôi không khỏi lo cho chị.

Hai ngày sau vụ tai nạn, chàng Blantyre đến thăm tôi. Chàng vỗ về tôi và khen tôi rất nhiều, rồi kể với ngài George rằng chàng tin chắc con ngựa hiếu mỗi nguy hiểm của Annie cũng như chàng vậy.

– Tôi không thể tìm nó lại, - chàng nói - còn cô ấy sẽ không bao giờ cưỡi con ngựa nào khác.

Qua câu chuyện của họ, tôi hiểu rằng cô chủ trẻ của tôi hiện giờ đã qua cơn nguy hiểm và có thể sẽ sớm cưỡi ngựa lại. Thật là một tin vui với tôi, và tôi mong đợi một cuộc sống may mắn.

REUBEN SMITH

Giờ đây tôi phải nói chút ít về Reuben Smith, người được giao trách nhiệm trông coi chuồng ngựa trong thời gian ông York đi London. Không ai hiểu tường tận công việc hơn anh, và những lúc anh khỏe mạnh, không thể có người nào trung thành và giá trị hơn. Anh nhẹ nhàng và rất mực thông minh trong việc quản lí ngựa, có thể chữa bệnh cho ngựa thành thạo vì anh đã ở hai năm với một bác sĩ thú y. Anh là một xà ích hạng nhất, có thể đánh xe bốn ngựa, xe hai ngựa thẳng con trước con sau hoặc đóng thành cặp sóng đôi.

Anh điển trai, là người hiểu biết và cung cách rất dễ chịu. Tôi tin là ai cũng mến anh, còn lũ ngựa thì chắc chắn là yêu quý anh rồi. Chỉ có một điều lạ là anh không được cất nhắc cầm đầu các xà ích như ông York, vì anh mắc một tật xấu: thích uống rượu. Anh không uống thường xuyên như những người khác, thường giữ được nhiều tuần hoặc nhiều tháng, rồi đột nhiên uống một trận “bí tử” như ông York gọi, trở thành người đáng hổ thẹn, là nỗi kinh hoàng cho vợ, mỗi phiên lụy cho tất cả những ai cùng làm. Nhưng anh là người có ích gấp hai, ba lần ông York nên được bưng bát và bá tước không hay biết gì.

Một đêm kia, khi đánh xe về từ một buổi vũ hội, Smith say khướt, đến mức một quý ông phải trèo lên ghế xà ích, đánh xe đưa các bà các cô về nhà. Lẽ tất nhiên không thể che giấu chuyện này. Smith bị sa thải ngay lập tức, người vợ khốn khổ và đàn con nhỏ của anh phải ra khỏi căn nhà xinh xắn bên cạnh cổng và đi đến nơi nào có thể đến.

Ngựa Max kể cho tôi nghe toàn bộ câu chuyện này, vì xảy ra từ trước kia. Nhưng trước khi chị Ginger và tôi đến ít lâu, Smith được nhận lại. Ông York

đã nói giùm với bá tước vốn là người từ tâm, và Smith đã hứa chắc chắn là khi nào còn sống ở đó, sẽ không bao giờ nhấp một giọt rượu. Anh đã tuân thủ lời hứa ấy rất nghiêm chỉnh, nên ông York hoàn toàn tin tưởng, giao phó cho anh đảm nhiệm vị trí của mình trong lúc ông đi vắng. Smith là người thông minh và lương thiện nên không ai có thể thích hợp hơn.

Lúc này là đầu tháng Tư, cả nhà định sẽ trở về trong tháng Năm. Chiếc xe độc mã nhẹ đã tân trang xong, vì đại tá Blantyre phải trở về trung đoàn, và anh xà ích Smith sẽ đánh xe đưa chàng ra thành phố rồi cưỡi ngựa quay lại. Vì thế anh mang yên cương theo và tôi được chọn cho chuyến đi này.

Tại sân ga, viên đại tá cúi đầu vào tay Smith và chào tạm biệt:

– Hãy chăm sóc tiểu thư nhé, Reuben Smith, nhớ đừng cho bất cứ kẻ hợm hĩnh nào cưỡi con Black Auster, hãy giữ gìn nó cho tiểu thư.

Chúng tôi để chiếc xe lại nhà máy, còn Smith cưỡi tôi đến “White Lion”, bảo người coi chuồng cho tôi ăn no và sửa soạn sẵn sàng cho anh lúc bốn giờ chiều. Đến năm giờ Smith mới vào xưởng và nói không thể ra đi trước sáu giờ, vì còn gặp mấy người bạn cũ. Người thợ nói với Smith về cái đinh và bảo anh ta nên xem lại miếng sắt bịt móng ngựa.

– Không cần, - Smith nói - chúng tôi về đến nhà vẫn tốt.

Smith nói to, lắc cắc và tôi nghĩ cái kiểu không chịu xem kỹ miếng sắt bịt móng này chẳng giống anh chút nào, vì anh thường hết sức chăm chút móng ngựa xem đinh có bị lỏng không. Rồi sáu giờ, bảy giờ, tám giờ vẫn chẳng thấy tăm hơi. Mãi gần chín giờ Smith mới gọi tôi, giọng rất to và thô lỗ. Hình như anh ta rất cáu kỉnh và chửi bới người coi chuồng, nhưng tôi không biết là chuyện gì.

Ông chủ quán đứng ở cửa và nói:

– Cẩn thận nào, Smith!

Nhưng anh ta cáu kỉnh đáp lại và nguyên rửa thậm tệ. Chưa ra khỏi thành phố, Smith đã phi nước đại và quất tôi vun vút, dù tôi đã phi hết tốc lực. Trăng chưa mọc, trời tối đen như mực. Đường vừa sửa đầy những đá và phi

kiểu này làm miếng bít móng càng lỏng hơn, đến cổng thu lệ phí thì bong hẳn.

Nếu Smith tỉnh táo, anh đã cảm thấy nước đi của tôi có gì đó trực trặc, nhưng anh đang say khướt nên chẳng chú ý gì.

Qua cổng thu lệ phí được một quãng dài, có một số hòn đá mới rải, to và sắc cạnh, không con ngựa nào chạy nhanh như thế mà không gặp nguy hiểm. Đến quãng này, một miếng sắt bít móng đã bong. Tôi bị người cưỡi vừa quất roi liên tục, vừa nguyên rửa hung hãn ép phi nước đại hết tốc lực và giục phi nhanh hơn nữa. Lẽ tất nhiên bàn chân không bít móng của tôi rất đau đớn, móng bị vỡ và chẻ toác đến tận thịt, phần bên trong bị đá sắc cứa rách.

Không thể chạy như thế được mãi. Không con ngựa nào có thể giữ được thăng bằng khi phải chịu đau đớn quá nhiều như thế. Tôi trượt chân, và ngã, cả hai đầu gối đau dữ dội. Smith bay vèo đi, với tốc độ tôi chạy như thế chắc anh ta phải văng ra với sức mạnh ghê gớm. Tôi cố đứng lên và khập khiễng lê sang lề đường để tránh những hòn đá.

Trăng vừa lên cao hơn hàng rào, và dưới ánh trăng tôi thấy Smith nằm cách tôi vài mét. Sau khi hơi cựa để cố đứng dậy, là một tiếng rên nặng nhọc. Anh ta không nhúc nhích. Tôi cũng muốn rên vì đau đớn khủng khiếp cả bàn chân và đầu gối, nhưng ngựa thì đâu biết làm gì ngoài việc phải im lặng mà chịu đau. Không thốt một âm thanh nào, nhưng tôi đứng đó và lắng nghe.

Lại một tiếng rên nặng nề của Smith, nhưng dù lúc này anh ta nằm trong ánh trăng sáng vằng vặc, tôi vẫn không thấy một cử động nào. Tôi không thể làm gì cho anh cũng như cho bản thân tôi. Chao ôi! Tôi lắng nghe, mong ngóng tiếng ngựa, tiếng bánh xe hoặc tiếng bước chân. Con đường ít người lui tới, và lúc đêm hôm như thế này, có thể tôi phải chờ nhiều giờ mới được cứu giúp.

Tôi cứ đứng, theo dõi và lắng nghe. Đêm tháng Tư thật êm ả và dịu dàng, không một âm thanh trừ vài tiếng hót khe khẽ của một con sơn ca, không một chuyển động ngoài những đám mây trắng lơ lửng gần mặt trăng, một con cú nâu bay vụt qua hàng rào. Nó làm tôi nhớ đến những đêm hè cách

đây đã lâu, lúc tôi nằm cạnh mẹ tôi trong bãi cỏ xanh mướt, để chịu ở trang trại nhà Grey.

KẾT THÚC

Gần nửa đêm, tôi nghe thấy tiếng chân ngựa xa xa. Đôi lúc âm thanh tắt lặng, rồi rõ hơn và gần hơn. Đường đến Earlshall chạy qua nhiều đồn điền của bá tước. Âm thanh vọng từ hướng ấy, và tôi hi vọng có người đang đi tìm chúng tôi. Lúc âm thanh đến gần, gần hơn, tôi gần như tin chắc là nhận ra tiếng vó ngựa của chị Ginger. Gần hơn chút nữa, tôi có thể nói chị kéo chiếc xe nhẹ. Tôi hí thật to, và quá mừng rỡ khi nghe thấy tiếng Ginger hí đáp lại và nhiều tiếng đàn ông. Họ đi chậm rãi trên các hòn đá và dừng lại bên thân hình tối sẫm nằm trên mặt đất.

Một người nhảy ra khỏi xe và cúi xuống.

– Reuben đây rồi! - Người đó nói - Anh ta không động đậy được nữa!

Một người nữa đi theo và cúi xuống Reuben Smith.

– Anh ấy chết rồi, - người đó nói - tay đã lạnh!

Họ nâng Reuben lên, thân hình không còn sinh khí, tóc dẫm máu.

Họ đặt anh ta nằm xuống và đến xem xét tôi. Họ nhận thấy đầu gối tôi bị rách.

– Này, con ngựa bị ngã và hất cậu ấy! Ai mà nghĩ được con ngựa ô này lại làm thế? Chẳng ai nghĩ anh ta có thể bị ngã. Reuben chắc phải nằm đây nhiều giờ rồi! Mà lạ quá, con ngựa này không chạy khỏi chỗ.

Robert định kéo tôi về phía trước. Tôi vừa bước lại quy ngay xuống.

– Ở này, bàn chân nó cũng đau như đầu gối. Nhìn này, móng nó bị chẻ thành nhiều mảnh. Nó có thể ngã sụp, con vật tội nghiệp! Ned ạ, tôi e nó có chuyện chẳng lành với Reuben! Nghĩ mà xem, anh ta cười một con ngựa long móng chạy trên đá như thế này! Nếu Reuben tỉnh táo, anh ta đã cười nó

về từ sớm rất thoải mái. Tôi sợ lại xảy ra chuyện cũ thôi. Tội nghiệp Susan! Lúc đến nhà tôi xem Reuben đã về chưa, chị ấy xanh mét đến khiếp. Chị ấy rất lo lắng, và năn nỉ tôi đi tìm anh ta. Nhưng chúng ta phải làm gì đây? Phải mang cả ngựa lẫn xác về nhà, mà chẳng dễ tí nào.

Họ bàn mãi cho đến lúc thỏa thuận rằng giám mã Robert sẽ dắt tôi, còn Ned vác cái xác. Thật khó mà đưa xác vào trong chiếc xe, vì không có người giữ chị Ginger. Nhưng chị có vẻ hiểu mọi chuyện đang diễn ra y như tôi vậy, và đứng im như một tảng đá. Tôi nhận thấy nếu có khiếm khuyết thì chỉ là trong lúc đứng, chị có vẻ sốt ruột.

Ned bắt đầu lăn rất chậm cái vật nặng đáng buồn, còn Robert lại đến xem xét bàn chân tôi lần nữa, rồi anh lấy mùi soa; quấn chặt quanh bàn chân tôi và dắt tôi về nhà. Tôi sẽ không bao giờ quên chuyến đi đêm ấy, dài hơn ba dặm đường. Robert dắt tôi đi thật chậm, và tôi khập khiễng cố lê bước, đau đớn vô cùng. Tôi chắc anh rất thương tôi, vì luôn vỗ về và khích lệ tôi, trò chuyện với tôi bằng giọng trù mến.

Cuối cùng tôi về đến ô chuồng và được ăn ít ngô, rồi Robert quấn vải ướt quanh đầu gối tôi, buộc bàn chân tôi trong lớp thuốc cao bằng cám cho đỡ nóng. Đến sáng anh rửa sạch trước khi bác sĩ thú y đến khám. Sau đó, tôi nằm xuống ổ rơm và ngủ thiếp đi dù rất đau đớn.

Ngày hôm sau, sau khi bác sĩ thú y đã kiểm tra các vết thương của tôi, ông nói hi vọng là không bị thương ở khớp, nếu thế tôi sẽ không bị mất việc, nhưng sẽ không bao giờ hết tật. Tôi tin rằng họ cố hết sức chữa chạy cho tôi, nhưng rất lâu và đau đớn. Chỗ thịt lồi - như họ gọi thế - ở đầu gối tôi được đốt bằng chất ăn da. Rồi khi hai đầu gối tôi đã lành, họ bôi thuốc bồng lên đó cho mọc lông. Họ có đủ lí do để làm việc đó, và tôi cho rằng họ đúng.

Vì Reuben Smith chết đột ngột, lại không có người nào chứng kiến, nên phải mở cuộc điều tra. Ông chủ quán và người coi chuồng ở “White Lion” cùng mấy người nữa đều làm chứng rằng anh ta đã say xỉn lúc rời quán. Người canh cổng thu lệ phí khai xà ích Smith phi nước đại như điên qua cổng, miếng sắt bịt móng của tôi được nhặt lên giữa những hòn đá. Thế là vụ này khép lại, và tôi được giữ sạch mọi lời buộc tội.

Mọi người đều thương Susan, vợ của Smith. Chị gần như mất trí và cứ nói đi nói lại:

– Ôi! Anh ấy tốt thế! Anh ấy tốt thế kia mà! Tất cả chỉ tại rượu. Sao người ta lại bán cái thứ đáng nguyên rủa ấy chứ? Ôi, Reuben, Reuben! - Chị cứ nói mãi như thế ngay cả sau khi đã chôn cất anh.

Lúc đó, vì không quê hương và họ hàng thân thích, chị và sáu đứa con lít nhít bất hạnh phải rời căn nhà để chịu bên những cây sồi cao, vào nhà tế bần vô cùng ảm đạm.

SUY NHƯỢC VÀ TÀN TẠ

Đầu gối tôi vừa lành hẳn, tôi được đưa vào một bãi cỏ nhỏ một hoặc hai tháng. Không có con vật nào ở đó, và dầu cho tôi thích tự do và cỏ ngọt ngào, nhưng đã quen với cuộc sống xã hội nên tôi cảm thấy hết sức lẻ loi. Ginger và tôi đã thành bạn thân, nên lúc này tôi nhớ cảnh bầu bạn với chị vô cùng.

Tôi thường hí lên mỗi khi nghe thấy tiếng chân ngựa chạy qua trên đường, nhưng hẳn hữu lắm mới có tiếng hí đáp lại. Cho đến một sáng kia cánh cổng mở toang, và chẳng ai khác là chị Ginger tội nghiệp của tôi vào đây! Người đàn ông tháo vợi dây cho chị và để chị lại đó. Hí lên vui sướng, tôi lóc cóc chạy đến với chị. Cả hai chúng tôi rất vui được gặp nhau, nhưng ngay sau đó tôi nhận ra rằng chẳng phải vì niềm vui của chúng tôi mà chị bị dẫn đến đây. Câu chuyện của chị quá dài, nhưng tóm lại là chị bị suy nhược vì môn thể thao cưỡi ngựa khắc nghiệt, và hiện giờ bị thái xem sẽ làm gì cuối đời.

Huân tước George còn trẻ và không chịu nghe bất cứ lời khuyên nào. Anh ta là tay kị sĩ nghiệt ngã, làm hại bất cứ khi nào có dịp, hoàn toàn không quan tâm gì đến ngựa.

Ngay sau khi tôi rời chuồng, có một cuộc đua ngựa vượt rào, và huân tước quyết tham dự. Mặc cho giám mã can ngăn là con ngựa cái bị lạm dụng hơi quá và không thích hợp với cuộc đua, huân tước bỏ ngoài tai. Trong ngày đua, huân tước đã thúc chị Ginger đuổi kịp các kị sĩ đằng trước. Với bản tính hăng hái, Ginger đã cố hết sức nhập vào ba con ngựa chạy đầu, nhưng ức chị bị đau dữ. Hơn nữa, huân tước quá nặng so với sức chị, và lưng Ginger đã bị cong.

– Vậy là chúng ta ở đây, bị suy nhược ngay trong thời kì trẻ trung và sung sức nhất. - Chị nói - Cậu thì do một kẻ say rượu, còn tôi thì vì một tên ngu xuẩn. Thật kinh khủng!

Cả hai chúng tôi cảm thấy thương thân vì chúng tôi không đáng bị thế này. Song, được bầu bạn với nhau đã là niềm vui của chúng tôi. Chúng tôi không phi nước đại như trước nữa, mà thường gặm cỏ và nằm dài bên nhau, hoặc đứng nhiều giờ dưới bóng mát các cây cam, đầu kề đầu. Chúng tôi đã qua thời gian như thế cho đến lúc cả gia đình từ thành phố trở về.

Một hôm, chúng tôi thấy bá tước vào bãi, York đi cùng ông. Nhìn thấy, nhưng chúng tôi vẫn đứng im lặng dưới bóng cây cam, để họ đến chỗ chúng tôi. Họ xem xét chúng tôi rất kĩ lưỡng, bá tước có vẻ hết sức buồn phiền.

– Thế là mất tong ba trăm bảng vô ích, - ông nói - nhưng điều ta băn khoăn nhất, chúng là ngựa của bạn thân ta, ông ấy đã tưởng ở với ta là tốt thì nay bị suy nhược thế này. Hãy cho con ngựa cái nghỉ một năm, rồi xem làm gì với nó. Còn con ngựa ô chắc phải bán đi. Thật là tiếc, nhưng ta không thể để những cái đầu gối như thế kia trong chuồng ngựa của ta.

– Vâng thưa ngài, tất nhiên là không thể, - ông York nói - nhưng có thể đưa nó đến nơi nào không coi trọng diện mạo mà vẫn được đối xử tốt. Cháu biết một người ở Bath là chủ mấy chuồng ngựa cho thuê, ông ấy luôn muốn có một con ngựa hay, dáng thấp, và cháu biết là ông ta chăm sóc ngựa rất tử tế. Cuộc điều tra đã minh oan cho chú ngựa này, lời giới thiệu của ngài hoặc của cháu sẽ là lời bảo đảm chắc chắn cho nó.

– Anh viết cho ông ta thì hơn, York ạ. Ta đặc biệt quan tâm kiếm cho nó một chỗ tốt hơn là số tiền nó mang lại.

Sau đó họ rời chúng tôi. Chị Ginger nói:

– Họ sắp đưa cậu đi đấy, và tôi sẽ mất người bạn duy nhất, chắc là chúng ta sẽ chẳng bao giờ gặp nhau lần nữa. Cuộc đời nghiệt ngã thật!

Khoảng một tuần sau, Robert cầm một cái dây thòng lọng vào bãi, quàng qua đầu tôi và dắt đi. Thế là chẳng được chia tay Ginger, chúng tôi hí lên gọi

nhau lúc họ dẫn tôi đi, còn chị lo lắng chạy nước kiệu ven hàng rào, hí gọi tôi trong chùng còn nghe thấy tiếng chân tôi.

Được York giới thiệu, ông chủ các chuồng ngựa cho thuê mua tôi. Tôi phải đi tàu hỏa, một trải nghiệm mới mẻ với tôi, lần đầu cần rất nhiều can đảm. Nhưng vì tôi đã thấy đoàn tàu phụt khói, tăng tốc, hú còi và nhiều thứ hơn thế, ngăn nhất ngựa tôi đứng rung lên không làm hại gì tôi, nên tôi sớm lấy lại bình thản.

Cuối cuộc hành trình, tôi thấy mình ở trong một chuồng khá tốt và được chăm sóc chu đáo. Các chuồng này không được thoáng đãng và dễ chịu như những nơi tôi đã ở. Các ô chuồng đặt trên sườn dốc thay cho đất bằng, nên đầu tôi luôn phải ghé đến máng ăn. Lúc nào tôi cũng phải đứng trên đường dốc nên rất mệt. Hình như người ta không biết rằng ngựa có thể làm việc tốt hơn nếu được đứng thoải mái và có thể quay ngang ngựa.

Tuy vậy, tôi được ăn ngon và tắm rửa sạch sẽ, nói chung tôi thấy ông chủ chăm sóc chúng tôi hết mức có thể. Ông có nhiều ngựa cũ và xe các loại để cho thuê. Thi thoảng chính người của ông đánh xe, còn thường là các quý ông, quý bà tự đánh xe lấy.

NGỰA THUÊ VÀ CÁC XÀ ÍCH

Trước đó, tôi thường được những người biết đánh xe sử dụng, nhưng ở nơi này, tôi phải quen với đủ loại người xấu tính và dốt nát về việc đánh xe, mà lũ ngựa chúng tôi phải chịu đựng nhiều nhất. Tôi là ngựa cho thuê nên gặp đủ loại người, vì tôi thuần tính và dịu dàng nên hay bị dành cho các tay xà ích dốt nát hơn các con ngựa khác, vì có thể tin cậy vào tôi. Nếu kể về các kiểu đánh xe sẽ mất rất nhiều thời gian, nên tôi chỉ kể vài kiểu.

Đầu tiên là các xà ích kéo căng dây cương, hình như họ cho rằng tất cả tùy thuộc vào việc họ cầm cương thật chặt, không bao giờ ngơi kéo mõm ngựa hoặc để cho ngựa tự do cử động ít nhất. Những xà ích này hay nói về việc “giữ ngựa thật chắc trong tay” và “giữ cho ngựa ngẩng cao”; làm như ngựa không thể tự ngẩng cao đầu.

Một số con ngựa khốn khổ, suy nhược, mõm bị cọ xát mạnh và mất cảm giác bị xà ích xử lí kiểu này, có lẽ còn ủng hộ chút ít, nhưng với những con ngựa tin vào chủ, cái mõm nhạy cảm và dễ điều khiển của mình, thì kiểu này không chỉ là hành hạ mà còn ngu ngốc nữa.

Có những xà ích buông lỏng dây cương, để cương vấp vẻo thoải mái trên lưng chúng tôi, bàn tay họ lười biếng để lên đầu gối. Lẽ cố nhiên, các quý ông ấy không điều khiển nổi ngựa nếu có chuyện xảy ra bất ngờ. Nếu con ngựa hoảng hốt, nhảy chồm lên hoặc trượt chân, vấp ngã, chúng sẽ không được giúp gì cho đến khi mỗi nguy hại đã xong.

Riêng tôi, tôi chẳng phản đối gì việc này, vì tôi không có thói quen nhảy chồm lên hoặc vấp, chỉ quen tuân theo sự điều khiển và cổ vũ của xà ích. Mặc dù vậy, có một số ngựa thích cảm thấy dây cương lúc xuống dốc và muốn biết xà ích của mình không ngủ gật.

Ngoài ra, cái kiểu đánh xe luộm thuộm sẽ làm ngựa có thói quen xấu và lười biếng, mỗi lần đổi tay, xà ích thường vút roi, gây ít nhiều bức bối và đau đớn. Squire Gordon thường giữ cho chúng tôi có nhịp đi và nước đi đẹp nhất. Ông bảo sự tàn nhẫn làm hỏng ngựa và tạo cho nó nhiều thói quen xấu giống như làm hư một đứa trẻ, cả hai đều phải chịu nhiều hậu quả.

Ngoài ra, những xà ích kiểu này thường kèm thêm tính cầu thả, chú ý đến mọi thứ hơn là với ngựa. Có lần tôi kéo một xe bốn bánh có một xà ích kiểu như thế. Ông ta có vợ và hai đứa con ở ghế sau. Vừa khởi hành, ông ta đã quát cho tôi mấy roi không có chủ ý gì, dù tôi chạy rất đúng kiểu. Có nhiều đoạn đường đang sửa, dù đá không phải là mới rải nhưng có nhiều hòn bắn tung tóe. Xà ích của tôi mãi cười đùa với vợ con, mãi kể về miền thôn dã ở bên phải hoặc bên trái nhưng chẳng lúc nào để mắt đến ngựa hoặc đưa xe vào những chỗ nhấn nhụ, vì chân trước của tôi bất chợt giẫm phải một hòn đá.

Nếu là ông Gordon, hoặc John hay bất cứ người xà ích cẩn thận nào ở đó, sẽ thấy ngay có chuyện chẳng lành khi tôi mới đi được ba bước. Hoặc dù trời tối, một xà ích có kinh nghiệm cũng cảm thấy qua dây cương có gì trực trặc trong bước đi, và sẽ nháy xuống, nhặt bỏ những hòn đá. Nhưng người này cứ tiếp tục cười nói trong lúc mỗi bước chân, đá càng nêm chặt vào giữa miếng sắt bịt móng và đế guốc của bàn chân tôi. Ai cũng biết hòn đá mà sắc ở bên trong và tròn bên ngoài là thứ nguy hiểm nhất nếu ngựa giẫm phải, vì nó sẽ cửa rách bàn chân, đồng thời làm ngựa dễ bị trượt và ngã.

Tôi không thể nói người đàn ông này là ngu xuẩn hay bất cẩn, nhưng ông ta cứ lừa tôi đi đến nửa dặm với hòn đá mắc trong bàn chân mà chẳng thấy gì là trực trặc. Cuối cùng, đến lúc tôi khập khiễng vì đau ông ta mới nhìn thấy và gọi to:

– Ô kìa, đi kiểu gì thế? Sao người ta lại cho mình một con ngựa què thế này nhi? Thật xấu hổ!

Rồi vừa giật cương vừa quát roi, ông ta nói:

– Bây giờ thì đừng có lên mặt với tao. Đi tiếp đi, đừng có giở trò khập khiễng với lười biếng ra nữa!

Đúng lúc đó một bác tá điền cười con ngựa nâu, khỏe, chân ngắn tể lên. Bác ta nhắc mũ chào và ghìm ngựa lại.

– Xin ông tha lỗi, - ông ta nói - tôi nghĩ là con ngựa của ông có chuyện không ổn, nó chạy như có hòn đá mắc ở miếng sắt bịt móng vậy. Nếu ông cho phép, tôi sẽ nhìn bàn chân nó xem sao, những hòn đá bong ra tung tóe này rất nguy hiểm cho ngựa.

– Nó là ngựa thuê ấy mà. - Xà ích nói - Tôi không biết nó làm sao, nhưng thật xấu hổ khi họ cho tôi một con ngựa tập tễnh như thế này.

Bác tá điền xuống ngựa và vắt dây cương lên cánh tay, bác ta cầm ngay bàn chân gần đó của tôi lên:

– Trời đất ơi, có một hòn đá này. Tập tễnh ư! Tôi không nghĩ thế đâu!

Lúc đầu bác ta thử dùng tay cậy hòn đá, nhưng lúc này nó đã nêm rất chặt, bác ta phải rút cái nạy đá trong túi ra và cậy hòn đá, rất cẩn thận và vất vả. Rồi giơ nó lên, bác nói:

– Đây, con ngựa của ông đã giẫm phải hòn đá này đây. Thật lạ là nó không bị ngã và vỡ đầu gối lần nữa!

– Ờ, chắc thế! - Xà ích xe tôi nói - Lạ thật đấy! Trước đây tôi chẳng hề biết lũ ngựa lại giẫm phải đá.

– Ông không biết? - Bác tá điền nói, khá khinh khỉnh - Nhưng dù có giẫm phải, chúng vẫn cố hết sức, và không thể làm gì khác trên những đoạn đường như thế này. Nếu ông không muốn ngựa bị què, ông phải nhìn cho tinh và lái ngựa thật nhanh. Bàn chân này bị bầm tím quá mất rồi. - Bác ta nói, nhẹ nhàng đặt chân tôi xuống và vỗ về tôi - Nếu tôi có thể khuyên ông, tốt hơn hết là ông cho ngựa chạy nhẹ nhàng một lúc. Bàn chân dễ bị thương lắm, và khập khiễng thì sẽ không đi tiếp được nữa đâu.

Rồi nhảy lên con ngựa nâu, bác ta nhắc mũ chào bà vợ và tể thẳng.

Lúc bác ta đi rồi, xà ích của tôi lại ném phịch dây cương và hung hãn quất roi, làm tôi hiểu phải chạy tiếp. Lẽ cố nhiên tôi chạy và lấy làm mừng đã cậy được hòn đá ra tuy vẫn còn rất đau.

Đây là một loại kinh nghiệm mà lũ ngựa thuê chúng tôi thường có.

NGƯỜI THÀNH THỊ

Hồi đó có tác phong “động cơ hơi nước”, xà ích loại này hầu hết là dân thành thị, chưa bao giờ có ngựa riêng và thường đi lại bằng tàu hỏa.

Họ thường nghĩ rằng ngựa cũng như một thứ động cơ hơi nước, chỉ nhỏ hơn mà thôi. Dù sao đi nữa, họ nghĩ rằng đã mất tiền thuê thì lũ ngựa phải chạy xa, chạy nhanh và chở nặng tùy ý họ. Dù đường lầy lội, đầy bùn, hay khô ráo và tốt, lổn nhổn đá hay nhẵn nhụi, lên dốc hoặc xuống dốc cũng như nhau, cứ chạy, chạy, chạy mãi, và phải chạy cùng một tốc độ, không có xả hơi và dẫn đo gì hết.

Những người này không bao giờ xuống đi bộ khi đi lên một quả đồi dốc đứng. Ồ không, họ trả tiền để đi xe, thì họ phải đi xe chứ! Còn ngựa thì sao? Dùng để kéo xe! Ngựa sinh ra để làm gì, nếu không để kéo con người lên dốc? Đi bộ ư? Có mà đùa! Thế là roi cứ vút, cương cứ giật, và thường là một giọng thô bạo, quát lên bản gặt:

– Đi đi, con vật lười biếng!

Rồi một ngọn roi nữa, lúc nào chúng tôi cũng phải gắng gỏi hết sức, không được than phiền và phải tuân lệnh, dù rất mệt và nản chí.

Cái kiểu động cơ hơi nước này làm chúng tôi mòn mỏi nhanh hơn bất cứ loại nào khác. Thà tôi chạy hai mươi dặm với một xà ích giỏi, biết điều còn hơn chạy mười dặm với một xà ích kiểu này, làm tôi chóng kiệt sức.

Còn điều nữa, họ chẳng bao giờ lắp cân dù đồi có dốc đứng, như thế rất dễ xảy ra tai nạn thảm khốc, và nếu có lắp, lúc sang đến tận chân đồi họ vẫn quên, chưa tháo. Hơn một lần, tôi đã phải kéo xe lên nửa chừng quả đồi tiếp

theo mà một bánh xe vẫn mắc chặt vào má phanh, cho đến lúc xà ích nghĩ ra. Thật là trạng thái quá ư căng thẳng cho một con ngựa.

Thay vì khởi hành từ từ như một người hào hoa nên làm, những người thành thị này bắt chạy hết tốc lực ngay từ trong sân chuồng, và lúc muốn dừng, trước hết họ quất roi rồi ghìm cương đột ngột đến mức chúng tôi gần như ngòi bệt xuống, hàm thiếc cắt mõm chúng tôi rách lờm chờm, họ gọi thế là một cú dừng rất oách! Đến chỗ rẽ, họ ngoặt gấp, làm như không có bên phải, bên trái đường vậy.

Tôi còn nhớ một tối mùa xuân, Rory và tôi đã phải chạy suốt ngày (Rory là một chú ngựa rất thật thà, thường chạy đôi với tôi). Chúng tôi có xà ích riêng, vì anh luôn thận trọng và dịu dàng với chúng tôi nên chúng tôi có một ngày rất sung sướng. Trời đã chạng vạng tối, chúng tôi đang nhịp bước trên đường về nhà. Con đường ngoặt gấp sang trái, nhưng chúng tôi đã ở sát hàng rào bên phải và có nhiều chỗ để vòng nên xà ích không giật cương chúng tôi. Lúc đến gần chỗ rẽ, tôi nghe thấy tiếng một con ngựa và hai bánh xe chạy rất nhanh xuống đồi ngay trước chúng tôi. Hàng rào cao làm tôi không nhìn thấy gì, nhưng ngay sau đó chúng tôi húc phải nhau. May cho tôi, tôi ở sát hàng rào. Rory ở bên phải gọng xe và không có càng xe che chở.

Người xà ích đâm thẳng vào chỗ ngoặt, và lúc ở trong tầm nhìn của chúng tôi, anh ta không kịp tạt sang bên đường. Toàn bộ cú va chạm dồn hết lên ngựa Rory. Càng chiếc xe độc mã hai bánh xuyên thẳng vào ngực Rory, làm nó lao đảo lúi lại cùng một tiếng hí tôi sẽ không bao giờ quên. Con ngựa kia văng sụp lên hông xe, một càng xe gãy tan. Té ra đấy là một con ngựa cùng chuồng với chúng tôi, đóng vào loại xe độc mã bánh cao mà thanh niên rất mê.

Xà ích thuộc một trong những gã ấu xị và dốt nát, thậm chí không biết đâu là đường của mình, hoặc có biết cũng chẳng quan tâm. Chỉ tội nghiệp Rory, da thịt nó bị xé rách tả tơi, máu tuôn như suối. Người ta bảo chỉ chệch sang bên một tí tẹo chắc nó bị giết và may cho Rory, con ngựa khốn khổ, nó không bị chết.

Rất lâu sau vết thương mới lành, Rory bị bán đi kéo xe chở than. Như vậy đây, chỉ có ngựa mới thấm thía lên, xuống các quả đồi dốc đứng là thế nào mà thôi. Tôi đã mục kích cảnh một con ngựa xuống dốc, đằng sau là chiếc xe hai bánh chở nặng trĩu không đặt cân giảm tốc, làm cho đến tận bây giờ nghĩ đến tôi vẫn thấy buồn lòng.

Sau khi Rory bị tàn phế, tôi thường kéo xe cùng một con ngựa cái tên là Peggy, nhốt ở ô chuồng sát cạnh tôi. Peggy khỏe mạnh, cân đối, màu nâu xám nhạt có những vết lốm đốm tuyệt đẹp, bờm và đuôi màu nâu nhạt. Nó không thuộc loại thuần giống nhưng rất xinh đẹp, tính tình dịu dàng khác thường và đầy thiện ý. Trong mắt nó có một vẻ khắc khoải, làm tôi hiểu Peggy có một nỗi buồn nào đó. Lần đầu ra ngoài cùng nhau, tôi thấy nó có nước đi rất kì quặc, hình như vừa chạy lóc cóc vừa chạy nước kiệu nhỏ, cứ ba, bốn bước lại hơi nhảy về phía trước.

Cái kiểu chạy như thế làm ngựa nào đóng cùng cũng khó chịu, và làm tôi lo lắng. Lúc về đến nhà, tôi hỏi Peggy vì sao lại có kiểu chạy lạ lùng, rắc rối như vậy.

– Ôi chao, - Peggy nói, vẻ phiến muộn - tôi biết nước đi của tôi tệ hại lắm, nhưng tôi làm thế nào được? Thực ra đây không phải là lỗi của tôi, mà chỉ vì chân tôi ngắn. Tôi đứng thì cao gần bằng cậu, nhưng chân cậu từ bên trên đầu gối dài hơn chân tôi đến bảy phân rưỡi, nên tất nhiên là cậu có thể bước dài hơn và nhanh hơn nhiều. Tôi không thể làm gì được, tôi ước giá tôi làm được những cái chân dài, mọi sự rắc rối là do chân tôi ngắn mà ra cả, - Peggy nói, giọng nã nẽ.

– Nhưng có sao đâu, cô vừa khỏe khoắn vừa tốt tính lại đầy thiện ý. - Tôi nói.

– Sao à, - Peggy nói - người ta muốn đi nhanh như thế, nếu một con ngựa không theo kịp các con khác thì cứ là ăn roi, roi, roi quất tới tấp. Vì thế tôi phải ra sức tăng tốc hết mức nên mới thành nước đi quái gở, lộn xộn như vậy. Không phải lúc nào tôi cũng thế đâu. Hồi sống với ông chủ đầu tiên, tôi chạy nước kiệu rất đều và đẹp, ông ấy không có kiểu vội vã như thế này. Ông là một giáo sĩ trẻ vùng quê, là ông chủ tốt bụng và tử tế. Ông có hai nhà

thờ cách nhau xa và bận bịu nhiều việc, nhưng chưa bao giờ quát mắng hoặc quát tôi giục đi nhanh hơn. Ông rất quý tôi. Tôi chỉ ước bây giờ vẫn được ở với ông, nhưng ông chuyển đến thành phố lớn và bán tôi cho một tá điền.

Cậu biết không, có một số tá điền là những ông chủ tuyệt vời, nhưng tôi nghĩ người này thuộc loại xoàng xĩnh. Ông ta chẳng quan tâm gì đến ngựa nghèo hoặc đánh xe cho tốt, chỉ muốn thúc đi thật nhanh. Tôi đã cố chạy nhanh hết sức nhưng ông ta chưa thỏa mãn và luôn vút roi đánh tôi, vì thế tôi mới có kiểu nhảy bật về phía trước cho kịp. Đi chợ đêm, ông ta thường kê cà ở quán rất muộn, rồi bắt phi nước đại về nhà.

Một đêm tối trời ông ta đang phi nước đại như thường lệ, bất đồ bánh xe vấp phải một vật gì đó rất to, nặng trên đường và chiếc xe độc mã bị lật ngay lập tức. Ông ta văng ra ngoài, một cánh tay và mấy xương sườn bị gãy, tôi nghĩ thế. Dù sao thì thế cùng chấm dứt đoạn đời sống với ông ấy, và tôi chẳng lấy gì làm tiếc. Nhưng cậu thấy đấy, với tôi ở đâu cũng thế mà thôi, nếu con người cứ muốn chạy nhanh như thế. Ước gì chân tôi dài hơn nhỉ!

Tội nghiệp Peggy! Tôi rất thương Peggy nhưng không thể an ủi nó, vì tôi biết những con ngựa chạy chậm vất vả như thế nào khi đóng cùng với ngựa chạy nhanh. Roi sẽ vút tới tấp và chúng không thể làm gì khác.

Peggy hay bị đóng vào xe song mã, và được một số các bà thích vì tính nó dịu dàng. Một thời gian sau người ta bán Peggy cho hai quý bà tự đánh xe lấy, họ muốn có một con ngựa thuần tính cho an toàn.

Tôi gặp Peggy vài lần những lúc ra vùng quê, nó chạy đều đều, đẹp mắt, trông rất vui sướng và hài lòng. Tôi cũng mừng cho Peggy, nó xứng đáng có một chỗ tử tế.

Sau khi Peggy rời chúng tôi, một con ngựa khác đến thế chỗ nó. Chú còn non, bị tiếng xấu là dễ hoảng sợ và hay giật mình, vì thế đã mất một chỗ làm tốt. Tôi hỏi chú ta cái gì làm chú nhát thế.

– Tôi cũng không biết nữa. - Chú nói - Tôi nhút nhát từ khi còn bé, và đã mấy lần bị sợ hết hồn. Nhìn thấy vật lạ, tôi hay xoay người và nhìn, mà miếng che mắt làm cho không thể nhìn hoặc hiểu đấy là cái gì, trừ khi nhìn vòng quanh. Những lúc như thế, chủ tôi thường vút cho tôi một roi, lẽ tất

nhiên làm tôi giật mình và chẳng đỡ sợ hơn. Tôi cho rằng nếu ông ấy cứ để yên cho tôi nhìn các thứ để thấy nó chẳng làm hại gì tôi, sẽ ổn hơn và tôi sẽ quen dần.

Một hôm, chủ tôi cưỡi ngựa cùng một ông già, có một mẫu giấy lớn hoặc rác bay về phía tôi. Tôi tránh và nhảy chồm về đằng trước. Chủ tôi quát tôi dữ dội như thường lệ, nhưng ông già kêu lên: “Ông sai rồi! Ông sai rồi! Ông đừng bao giờ đánh một con ngựa vì tội nhút nhát. Nó nhát vì nó sợ, và ông chỉ làm nó sợ thêm, tạo cho nó thói quen xấu thêm mà thôi!”. Vậy nên, tôi cho rằng không phải tất cả mọi người đều hành động như thế. Tôi chắc tôi không muốn sợ, nhưng ai mà biết thứ nào nguy hiểm thứ nào không, nếu không được phép làm quen với bất cứ thứ gì? Tôi chưa bao giờ sợ thứ đã biết. Hồi đó tôi lớn lên trong một khu vườn có bầy hươu. Tất nhiên tôi biết chúng rõ như một con cừu hoặc con bò. Nhưng chúng không phải là loài vật phổ biến, và tôi biết có nhiều con ngựa sợ chúng và làm om xòm trước khi qua bãi cỏ có một con hươu.

Tôi biết bạn đồng hành của tôi nói thật, và tôi ước mong rằng mọi con ngựa non đều có chủ tốt như ông Grey hoặc ông Squire Gordon.

Lẽ tất nhiên, ở đây thỉnh thoảng chúng tôi cũng gặp một xà ích giỏi. Tôi nhớ một buổi sáng, tôi được đóng vào chiếc độc mã hai bánh loại nhẹ và đưa đến một ngôi nhà ở phố Pulteney. Hai người đàn ông đi ra, người cao hơn đi quanh đầu tôi. Ông ta xem xét hàm thiếc và dây cương của tôi, rồi nhắc cái vòng cổ xem có vừa vặn, thoải mái không.

– Anh nghĩ là con ngựa này muốn có dây cầm không? - Ông ta nói với người coi chuồng.

– Thưa ông, tôi có thể nói nếu không có dây cầm nó sẽ chạy tốt hơn, vì nó có cái mõm nhạy cảm lạ thường, nó hăng hái và không hề có khiếm khuyết. Nhưng nói chung, chúng tôi thấy ai cũng thích có dây cầm.

– Tôi thì không! - Quý ông kia nói - Tốt nhất là tháo nó đi, và buộc dây cương vào má. Để mõm thoải mái rất thú vị cho một chuyến đi dài, phải không anh bạn? - Ông ta vừa nói vừa vỗ vào cổ tôi.

Sau đó ông ta nhận dây cương và cả hai lên xe. Tôi nhớ ông xoay tôi êm ả biết bao, lúc tôi cảm thấy dây cương kéo nhẹ, một ngọn roi vút khẽ qua lưng và chúng tôi khởi hành.

Tôi uốn cong cổ và lên đường bằng nước kiệu đẹp nhất. Tôi nhận thấy sau tôi là người hiểu rõ nên điều khiển một con ngựa hay ra sao. Đường như được trở lại ngày xưa, và tôi cảm thấy vô cùng vui sướng.

Ông ấy tỏ ra rất thích tôi, và sau khi đóng yên cương thử tôi vài lần, ông thuyết phục ông chủ bán tôi cho một người bạn đang muốn có một con ngựa dễ chịu, an toàn để cưỡi. Thế là đến hè, tôi được bán cho ông Barry.

KẸ TRỘM

Chủ mới của tôi là người độc thân. Ông ta sống ở Bath, và bận bịu nhiều việc. Bác sĩ khuyên ông nên cưỡi ngựa để rèn luyện thân thể, và ông mua tôi với mục đích ấy. Ông thuê chuồng ở cách nơi ông ở một quãng ngắn, và tuyển một người tên là Filcher làm giám mã. Chủ tôi ít hiểu về ngựa nhưng ông đối đãi tốt với tôi. Tuy nhiên, lẽ ra tôi có một chỗ ở tốt và thoải mái, song ông chẳng biết gì về việc này. Ông ra lệnh cho tôi ăn cỏ khô ngon nhất, nhiều yến mạch, đậu xay vỡ, cám, đậu tằm, lúa mạch đen, cỏ tươi, và ông cho thế là đủ thứ cần thiết. Tôi nghe thấy ông chủ ra lệnh nên tôi biết sẽ có nhiều thức ăn ngon lành, và tưởng chừng sẽ được sung sướng.

Được vài ngày trôi qua yên ả, tôi thấy người giám mã biết việc. Anh ta giữ chuồng sạch sẽ và thoáng dăng, chải lông cho tôi kỹ càng, lúc nào cũng dịu dàng. Anh đã từng coi chuồng trong một khách sạn lớn ở Bath. Bỏ việc này, hiện giờ anh trồng cây ăn quả và rau đem ra chợ, vợ anh ta nuôi vỗ béo gà mái và thỏ để bán.

Sau một thời gian ngắn, tôi thấy lượng yến mạch cho tôi rất thiếu. Tôi được ăn đậu, nhưng trộn lẫn với cám và rất ít yến mạch, chắc không quá một phần tư. Trong hai hoặc ba tuần, việc này đã ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần tôi. Cỏ tươi tuy tốt nhưng không thể thiếu ngũ cốc để duy trì thể trạng của tôi. Song tôi không thể than phiền và cũng không biết tôi thiếu những gì. Cứ thế độ hai tháng, và tôi băn khoăn ông chủ có hay biết gì không?

Một buổi chiều, chủ tôi phi ngựa ra vùng quê thăm một người bạn là chủ trại, sống trên đường đi Wells. Ông này rất tinh về ngựa, sau khi chào mừng bạn, ông đưa mắt nhìn tôi và nói:

– Barry ạ, tôi thấy hình như ngựa của anh trông không khỏe mạnh như hồi đầu anh mới mua. Nó có sao không?

– Đúng, tôi cũng tin thế. - Chủ tôi nói - Nó không được năng nổ như trước. Giám mã của tôi nói rằng vào mùa thu, ngựa thường đỡ dần và yếu, nên tôi nghĩ là vì thế.

– Mùa thu ư! Láo toét - Ông chủ trại nói - Đây mới là tháng tám, công việc chỗ anh nhẹ nhàng và ăn uống đầy đủ, lẽ ra nó không sút như thế này ngay cả trong mùa thu. Anh cho nó ăn uống ra sao?

Chủ tôi thuật lại cho ông ta nghe. Ông ta chậm rãi lắc đầu và bắt đầu sờ nắn người tôi.

– Tôi không thể nói ai ăn mất ngũ cốc của anh, anh bạn thân mến ạ, nhưng tôi sẽ rất nhầm lẫn nếu ngựa của anh được ăn. Anh phi rất nhanh phải không?

– Không, rất nhẹ nhàng.

– Anh đặt bàn tay lên đây mà xem. - Ông ta vừa nói vừa lướt bàn tay trên cổ và vai tôi - Nó ấm và ẩm ướt như một con ngựa chỉ ăn cỏ. Tôi khuyên anh để mắt đến chuồng ngựa hơn một chút. Tôi ghét phải ngờ vực, nhưng ơn Chúa, tôi chẳng có lí do gì để nghi ngờ. Tôi có thể tin cậy người của tôi dù tôi có mặt hoặc vắng mặt, nhưng có những tên vô lại độc ác, ăn cắp cả thức ăn của những con vật không nói được. Anh phải để ý đến việc này. - Rồi ông quay sang, bảo người hầu của ông đến dắt tôi - Cho con ngựa này ăn thật no yến mạch, không hạn chế.

Những con vật không nói được! Chúng tôi đúng là như thế! Nếu có thể nói được, tôi đã kể với ông chủ biết yến mạch của tôi đi đâu. Sáng nào cũng thế, khoảng sáu giờ, viên giám mã đi với một cậu bé xách cái giỏ đầy kín. Cậu bé thường đi cùng bố vào căn phòng để ngũ cốc, và qua cánh cửa khép hờ, tôi nhìn thấy họ trút đầy yến mạch từ thùng vào một cái túi nhỏ, sau đó cậu bé xách đi.

Sau chuyến đi chơi ấy năm hoặc sáu buổi sáng, lúc cậu bé vừa đi ra thì cửa chuồng bật mở toang và một cảnh sát đi vào, nắm chặt cánh tay cậu bé.

Một cảnh sát nữa theo sau, vừa khóa trái cửa vừa nói:

– Hãy cho ta xem chỗ bố cậu cất thức ăn cho chó.

Cậu bé trông rất hoảng sợ và bắt đầu khóc thút thít, nhưng không còn đường thoát nên phải dẫn đường đến thùng đựng ngũ cốc. Viên cảnh sát tìm thấy ở đấy một cái túi rỗng khác giống như cái túi đầy ắp yến mạch tìm thấy trong giỏ của cậu bé.

Lúc ấy giám mã Filcher đang chải chân cho tôi, và họ nhìn thấy anh ta ngay. Dù Filcher kêu la ầm ĩ, họ vẫn dẫn anh ta cùng cậu bé đến đồn cảnh sát. Sau đó tôi nghe được rằng cậu bé không bị coi là có tội, nhưng bố cậu bị kết án hai tháng tù.

KẸ BỊP BỌM

Chủ tôi không kiện ngay, nhưng vài ngày sau giám mã mới của tôi đến. Anh ta là người cao, khá điển trai, nhưng nếu có một tên bịp bợm đội lốt giám mã, thì Alfred Smirk chính là kẻ đó. Anh ta rất lịch sự với tôi và không bao giờ đối xử tệ, mỗi khi có mặt ông chủ anh ta còn vỗ về, vuốt ve tôi rất nhiều. Muốn tôi dễ coi, ngoài việc rửa sạch bàn chân tôi, xem xét miếng sắt bịt móng hoặc chải lông tôi kỹ càng, anh ta thường chải bờm và đuôi cho tôi bằng nước, bôi dầu vào móng guốc cho tôi trước khi dắt tôi ra cửa. Anh ta không nghĩ đến những việc ấy chỉ nên làm nếu tôi là một con bò. Anh ta để hàm thiếc han rỉ, yên ẩm ướt và dây đuôi của tôi cứng ngắt.

Alfred Smirk tự cho là rất đẹp trai, anh ta mất nhiều thời gian ngắm vuốt trước chiếc gương soi xinh xắn trong phòng để yên cương, chăm chút mái tóc, bộ ria và cà vạt. Mỗi khi ông chủ nói chuyện với anh ta, thì cứ mỗi từ, anh ta lại đưa tay lên mũ và lúc nào cũng “dạ thưa ông, dạ bẩm ông”. Ai cũng tưởng anh ta là một thanh niên rất dễ thương, và ông Barry may lắm mới gặp được anh ta. Tôi cho rằng anh ta là kẻ lừa biếng nhất, hợm hĩnh nhất mà tôi từng đến gần.

Lẽ tất nhiên không bị hành hạ là tốt rồi, nhưng một con ngựa còn muốn hơn thế. Tôi có một ngăn chuồng thả, và sẽ rất thoải mái nếu Alfred Smirk không quá nhác nhớn, chẳng chịu quét dọn gì. Anh ta chẳng bao giờ dọn rơm, và cái mùi từ những thứ bên dưới thật nồng nặc. Làn hơi đậm đặc dâng lên từ đó làm mắt tôi đau nhức và viêm tấy, tôi ăn mất cả ngon.

Một hôm, chủ tôi vào và nói:

– Alfred, chuồng bốc mùi nồng nặc quá, cậu phải cọ rửa cho sạch sẽ và dội nhiều nước vào chứ!

– Vâng thưa ông, - anh ta vừa nói vừa sờ tay lên mũ - cháu sẽ làm để ông vui lòng, nhưng dội nước vào chuồng khá là nguy hiểm đấy ạ, lũ ngựa rất dễ bị cảm lạnh, thưa ông. Cháu không muốn làm nó bị thương tổn, nhưng cháu sẽ làm thế ạ, thưa ông.

– Được, ta không muốn nó bị nhiễm lạnh, nhưng ta không thích cái mùi chuồng này. Cậu thấy cống rãnh có ổn không?

– Dạ thưa ông, ông nói cháu mới dám nói, thỉnh thoảng cống rãnh cũng bốc mùi ạ. Có lẽ có sự trục trặc ạ.

– Vậy tìm thợ nề xem sao, - chủ tôi nói.

– Vâng thưa ông, cháu sẽ tìm ạ.

Thợ nề đến, lật nhiều viên gạch lên nhưng chẳng tìm ra chỗ nào sai hỏng, vì thế ông ta đổ xuống ít vôi bột và nhận của ông chủ năm silling, nhưng mùi trong chuồng tôi vẫn nồng nặc như trước. Thế vẫn chưa hết. Tôi phải đứng trên lớp rơm ướt lấp xấp, chân tôi trở nên yếu và dễ gãy, làm chủ tôi phải bảo:

– Ta không biết con ngựa này bị sao, chân nó đi rất lóng ngóng. Có lúc ta sợ nó ngã mất.

– Đúng ạ, thưa ông! - Alfred nói - Chính cháu cũng thấy thế, lúc cháu luyện cho nó ạ.

Thực ra, anh ta chưa bao giờ luyện cho tôi, và lúc ông chủ bận việc, tôi thường đứng nhiều ngày liền không được duỗi chân tí nào, dù vẫn được ăn nhiều như khi làm việc vất vả. Kiểu này thường làm rối loạn sức khỏe của tôi, đôi khi làm tôi nặng nề và uể oải, nhất là hay làm tôi khó ngủ và phát sốt.

Alfred chẳng bao giờ cho tôi ăn một bữa rau cỏ hoặc cháo cám làm người tôi mát đi, vì anh ta dốt nát cũng ngang như hợm hĩnh. Thay cho việc luyện tập hoặc đổi món ăn, tôi phải uống thuốc viên và thuốc nước dành cho ngựa. Ngoài cái việc phiền toái phải nuốt các thứ ấy xuống họng, chúng thường làm tôi cảm thấy buồn nôn và khó chịu.

Một hôm, chân tôi yếu đến mức đang chạy nước kiệu trên lớp đá mới rải, mang ông chủ trên lưng, tôi suýt ngã hai lần. Lúc chúng tôi xuống Lansdown vào thành phố, chủ tôi để lại ở nhà bác sĩ thú y chuyên bệnh ngựa, nhờ ông xem tôi bị làm sao. Ông bác sĩ nhắc chân tôi lên, chân nọ tiếp chân kia để khám, rồi đứng dậy, đập hai bàn tay vào nhau phủi bụi, ông nói:

– Ngựa của ông bị nhiễm bệnh nấm nặng, chân nó rất yếu, may là chưa bị quy. Tôi không hiểu sao trước đây giám mã của ông không nhìn thấy. Đây là loại bệnh thường thấy ở các chuồng hôi thối, rơm rác bữa bãi không được quét dọn sạch sẽ. Nếu ngày mai ông bảo anh ta đến đây, tôi sẽ chăm sóc móng guốc và sẽ hướng dẫn cho nhân viên của ông cách dùng dầu xoa bóp mà tôi cho.

Ngày hôm sau, bàn chân tôi được tẩy rửa và nhét đầy những sợi lanh tẩm dấm thuốc, rất khó chịu.

Bác sĩ ra lệnh ngày nào cũng phải dọn hết rơm rác khỏi chuồng tôi, sàn phải quét thật sạch sẽ. Sau đó, phải cho tôi ăn cháo cám, một bữa nhẹ rau cỏ, không ăn quá nhiều ngũ cốc cho đến khi bàn chân tôi lành lặn trở lại. Cách chữa trị ấy làm tôi sớm lấy lại tinh thần, nhưng ông Barry phẫn nộ vì bị giám mã lừa đảo những hai lần, đến mức ông quyết bỏ ý định nuôi ngựa và mỗi lần cần là ông đi thuê. Thế là tôi được giữ lại đến khi hoàn toàn khỏe mạnh, rồi lại bị bán đi lần nữa.

PHẦN BA

CHỢ NGỰA

Chắc hẳn chợ ngựa là nơi rất vui cho những ai chẳng có gì mà mất, vì dù sao cũng có nhiều thứ để xem: hàng dãy dài những con ngựa non vừa rời nông thôn, từ các vùng đầm lầy, những con pony xứ Welsh bồm xồm, không cao hơn Merrylegs, hàng trăm ngựa kéo xe đủ loại, một số con có đuôi dài tết lại và buộc nơ màu đỏ thắm. Có rất nhiều ngựa lâm vào tình trạng giống như tôi: đẹp và thuần giống nhưng bị tai nạn hoặc khiếm khuyết, bị đầy hơi hoặc chứng bệnh khác nên bị giáng xuống hạng trung.

Có một số con khác thường, hoàn hảo và thích hợp với mọi việc, chúng giơ chân và biểu diễn nước đi rất đặc sắc lúc chạy nước kiệu với sợi dây dắt, giám mã chạy bên cạnh. Nhưng trong chợ có một số con ngựa nom rất tội nghiệp, kiệt quệ vì công việc nặng nhọc, khớp gối sùi lên, chân sau lắc lư trong mỗi bước đi. Có những con ngựa già trông rất thất vọng, môi trên trễ xuống, đôi tai cụp ra sau nặng nề, dường như trong đời không còn gì là niềm vui và hi vọng nữa. Vả lại, chúng gãy giơ xương, một số con còn bị đau nhức lưng và hông. Cảnh tượng thật đáng buồn cho một con ngựa không biết rồi đây mình sẽ rơi vào tình trạng nào.

Chợ này mặc cả rất ráo riết, cò kè bớt một thêm hai. Tôi cho rằng nếu ngựa có thể nói được ý nghĩ của mình, nó sẽ kể được nhiều sự gian dối và ngón bịp trong chợ ngựa hơn là một người hiểu biết. Tôi được đưa ra cùng hai hoặc ba con ngựa khác khỏe mạnh, trông thạo việc, và rất nhiều người đến xem xét chúng tôi. Nhưng họ thường bỏ đi khi nhìn thấy đầu gối bị vỡ của tôi, dù người bán thề sống thề chết đấy chỉ là một cú trượt chân trong chuồng.

Muốn kiểm tra tôi, trước hết người mua vạch mõm tôi, rồi nhìn vào mắt tôi, tiếp đó là sờ nắn khắp các chi, và tôi cảm nhận những cái xoa nắn rất mạnh vào da thịt, cuối cùng mới thử đến nước đi của tôi. Họ làm các việc ấy theo nhiều cách khác nhau biết bao! Người thì thô bạo, thản nhiên, coi ngựa chỉ như một khúc gỗ, trong khi có những người nhẹ nhàng vuốt ve khắp người tôi, thi thoảng lại vỗ về như muốn nói “Xin phép nhé”. Tôi đánh giá người mua theo cung cách của họ một cách rất tự nhiên.

Có một người tôi cho là muốn mua tôi và tôi lấy làm vui sướng. Ông ta không phải là loại người hào hoa, cũng không thuộc loại âm ỉ và phô trương. Ông khá nhỏ bé nhưng khỏe khoắn, cử chỉ nhanh nhẹn. Qua cách sờ nắn tôi, tôi nhận ra ngay ông rất quen với ngựa. Ông nói năng nhẹ nhàng, cặp mắt xám của ông có vẻ rất ân cần và vui tươi.

Có điều lạ, nhưng rất thật, từ người ông tỏa ra một mùi sạch sẽ, tươi mát làm tôi thấy thích ông. Không phải mùi bia ôi và thuốc lá tôi rất ghét, mà là một mùi dễ chịu như ông vừa từ gian để cỏ khô bước ra. Ông trả giá hai mươi ba bảng và bị từ chối, thế là ông bỏ đi. Tôi nhìn dõi theo ông, nhưng ông đã đi mất rồi.

Tiếp đó là một người trông khắc nghiệt, giọng oang oang đi đến. Tôi rất sợ ông ta mua tôi, nhưng rồi ông ta bỏ đi. Một hoặc hai người đến, song chẳng định mua bán gì. Rồi người mặt khó đăm đăm kia quay lại, trả hai mươi ba bảng. Một hồi mặc cả sít sao diễn ra, làm người bán tôi bắt đầu nghĩ không sao lấy được giá đưa ra và có lẽ phải hạ xuống, thì người đàn ông có cặp mắt xám quay trở lại. Tôi không thể dừng được và vươn đầu về phía ông. Ông ân cần vuốt ve mặt tôi.

– Này ông bạn, - ông nói - tôi nghĩ là chúng tôi hợp nhau đấy. Tôi trả hai mươi tư bảng.

– Hai mươi năm thì tôi bán.

– Hai mươi tư bảng mười, - ông ta nói bằng giọng kiên quyết - và không thêm sáu penny nữa đâu. Được hay không nào?

– Xong. - Người bán nói - Ông có thể tin cậy vào phẩm chất phi thường của nó, nếu ông muốn dùng nó kéo xe thì ông hỏi đấy.

Tiền nong trao ngay tại chỗ xong, ông chủ mới của tôi cầm dây dắt tôi ra khỏi chợ, đến một khách sạn nhỏ, nơi ông để sẵn yên cương. Ông cho tôi ăn no yếm mạch, và trong lúc tôi ăn ông đứng bên cạnh, nói chuyện với tôi và nói một mình. Nửa giờ sau, chúng tôi lên đường đi London, xuyên qua những con đường dễ chịu của vùng thôn dã cho đến lúc vào những đường phố lớn của thành London. Tôi phi đều đều đến lúc chạng vạng mới vào đến trung tâm. Những ngọn đèn hơi đã thắp sáng. Có nhiều phố bên phải, nhiều phố bên trái, nhiều phố giao cắt nhau hết dặm này đến dặm khác. Tưởng như chẳng bao giờ đi đến tận cùng những đường phố ấy. Cuối cùng, chúng tôi đến một bến xe dài, người cưỡi tôi gọi to, giọng vui vẻ:

- Chào Thủ lĩnh!
- Xin chào! - Một giọng kêu to - Có kiếm được con ngựa nào hay không?
- Tôi nghĩ là có, - chủ tôi đáp.
- Chúc anh may mắn!
- Cảm ơn Thủ lĩnh. - Và ông đi tiếp.

Sau đó chúng tôi rẽ sang một trong nhiều phố ngang khoảng nửa dặm, rồi lại vào một con phố rất hẹp, một bên có nhiều ngôi nhà trông khá nghèo khổ, có vẻ là nhà cho các xà ích, bên kia là các chuồng ngựa.

Chủ tôi dừng bên một ngôi nhà và huýt sáo. Cửa mở tung, một phụ nữ trẻ, theo sau là một cậu bé và một cô bé chạy ào ra. Có tiếng ríu rít chào đón lúc chủ tôi xuống ngựa.

- Harry, mở cổng ra con. Mẹ nó mang cái đèn xách lại đây!

Một phút sau, tất cả đã quay tròn lấy tôi trong sân chuồng nhỏ hẹp.

- Nó có hiền không bố?
- Có Dolly ạ, nó hiền như con mèo của con vậy, con cứ đến vỗ thử nó xem.

Ngay lập tức, một bàn tay bé nhỏ vỗ khắp vai tôi không hề sợ sệt. Cảm giác ấy mới tuyệt làm sao!

– Để em lấy ít cháo cám, trong lúc mình chải lông cho nó, - người mẹ nói.

– Phải đấy Polly, đúng là thứ nó muốn đấy. Tôi biết mình đã làm món cháo tuyệt vời cho tôi mà.

– Cả bánh nhân xúc xích và bánh kẹp nữa. - Cậu bé kêu to, làm tất cả cười vang.

Tôi được dắt vào một cái chuồng ấm cúng tỏa mùi sạch sẽ, trải nhiều rơm khô. Sau bữa tối rất ngon, tôi nằm xuống, nghĩ mình sắp được hạnh phúc.

NGỰA KÉO XE Ở LONDON

Chủ mới của tôi tên là Jeremiah Barker, mọi người thường gọi là Jerry, và tôi cũng gọi ông như thế. Vợ ông là Polly, một người rất xứng đôi với ông. Bà là một phụ nữ nhỏ nhắn, đầy đặn, ăn mặc gọn gàng, ưa ngăn nắp, mái tóc đen mượt, khuôn miệng nhỏ tươi tắn. Cậu con trai Harry sắp mười hai tuổi là một cậu bé cao, thuần tính, thật thà. Còn cô bé Dorothy (thường gọi là Dolly) lên tám, giống mẹ như đúc. Mọi người rất yêu quý nhau, trước kia hoặc sau này, tôi chưa bao giờ biết gia đình nào hạnh phúc, vui vẻ như thế.

Jerry có một chiếc xe chở khách và hai con ngựa, ông tự tay đánh xe và chăm sóc ngựa. Con ngựa kia cao, màu trắng, loại khá to xương tên là Captain. Hiện giờ đã già, nhưng lúc trẻ chắc Captain rất cừ khôi. Bác ta có cái kiềng cật cao đầu và uốn cong cổ rất kiêu hãnh, thực sự là một bác ngựa già thuần giống, đẹp dáng, quý phái đến từng tí một.

Bác kể với tôi rằng hồi trẻ, bác đã từng tham chiến ở Crimea, vì bác là ngựa của một sĩ quan kỵ binh và thường dẫn đầu trung đoàn. Tôi sẽ kể thêm về chuyện đó sau.

Sáng hôm sau, khi tôi đã được chải chuốt cẩn thận, bà Polly và cô bé Dolly vào sân ngắm nghía tôi và làm quen. Cậu Harry phụ việc cho bố từ sáng sớm, phát biểu ý kiến rằng tôi sẽ thành một “hiệp sĩ đáng mến”. Bà Polly mang đến cho tôi một miếng táo, còn bé Dolly mang miếng bánh mì, họ làm tôi cảm thấy như được trở lại là Black Beauty thuở xưa. Được cưng nựng và trò chuyện bằng giọng dịu dàng thật là tuyệt vời, tôi cứ để mặc họ ngắm nghía vì tôi cũng ao ước được thân thiện với mọi người. Bà Polly cho là tôi rất đẹp mã và rất hợp với việc kéo xe, nếu không kể đến đầu gối bị vỡ.

– Lẽ tất nhiên là chẳng ai người ta nói với mình khiếm khuyết của nó, - ông Jerry nói - nếu như tôi không biết. Tôi chẳng băn khoăn gì, vì tôi chưa bao giờ cưỡi con ngựa nào có dáng đi vững chắc và gọn gàng hơn. Chúng ta sẽ gọi nó là Jack, theo tên con ngựa già, được không Polly?

– Được, mình ạ, em cũng thích giữ một cái tên đẹp. - Bà Polly đáp.

Sáng nào họ cũng đóng Captain vào xe. Harry đi học về thường vào cho tôi ăn uống. Buổi chiều, họ đóng tôi vào xe. Ông Jerry rất chăm chú xem vòng cổ và dây cương có vừa khít, thoải mái không, giống hệt anh John Manly ngày trước. Dây đuôi nối lỏng một hoặc hai nấc rất vừa vặn. Không có giá cương hoặc dây cầm, không có gì ngoài dây cương. Thật là phúc đức!

Sau khi đi hết phố ngang, chúng tôi đến bến xe rộng rãi, nơi ông Jerry đã nói “Chào Thủ lĩnh!”. Một bên đường phố lớn này là những ngôi nhà cao, mặt tiền là cửa hàng đẹp đẽ, bên kia là một ngôi nhà thờ cổ kính và sân nhà thờ, bao quanh bằng hàng rào chắn song sắt. Nhiều xe ngựa đỗ dọc theo hàng rào này, đợi khách. Nhiều mẫu cỏ khô vương vãi đó đây trên đất. Vài người đàn ông túm tụm chuyện trò, những người khác ngồi trên ghế xà ích đọc báo, một hai người đang cho ngựa ăn cỏ khô và uống nước. Chúng tôi đỗ vào hàng, ở đằng sau xe cuối cùng. Hai hoặc ba người đàn ông đi vòng quanh ngắm nghía tôi và trao đổi nhận xét.

– Con ngựa này dùng cho đám tang rất bảnh! - Một người nói.

– Trông nó cũng đẹp mã. - Người khác vừa nói vừa lắc đầu ra vẻ rất khôn ngoan - Nhưng một sáng đẹp trời, cậu sẽ phát hiện ra một điều gì đấy trực trặc, hoặc tên tôi không phải là Jones.

– Hay lắm! - Ông Jerry nói một cách vui vẻ - Tôi không cần tìm ra nó cho đến khi nó tìm ra tôi, được chưa? Nếu thế, tôi sẽ giữ vững tinh thần lâu hơn một chút.

Lúc đó, một người có vẻ mặt phóng khoáng khoác áo choàng rộng màu xám, áo khoác không tay rộng màu xám có hàng khuy trắng rất to, đội mũ xám, chiếc cà vạt thắt lỏng lẻo quanh cổ đi tới. Mái tóc ông ta cũng màu xám, nhưng diện mạo ông vui nhộn, và những người đàn ông khác đều tránh

đường cho ông. Ông ngắm nghía tôi suốt lượt như định mua tôi vậy. Rồi đứng thẳng lên, ông lẩm bẩm:

– Nó đúng là con ngựa dành cho anh đấy, Jerry ạ. Tôi không cần biết anh trả bao nhiêu, nhưng bỏ lăm đấy!

Thế là giá trị của tôi đã được xác lập ngay tại bến xe này.

Người đàn ông này tên là Grant, nhưng được gọi là “Grant Xám” hoặc “Thủ lĩnh Grant”. Ông là người ở bến xe này lâu nhất, và tự gánh lấy việc dàn xếp mọi việc, ngăn chặn các cuộc tranh chấp. Nói chung ông là người nhạy cảm và hài hước. Song những khi ông ít kiềm chế như lúc đã quá chén, chẳng ai muốn đến gần năm dặm của ông, vì ông có thể táng cho những cú cực mạnh.

Tuần kéo xe đầu tiên của tôi rất cực nhọc. Tôi chưa quen London, mà phải chạy xuyên qua nhiều đám xe cộ đông đúc, giữa tiếng ồn, sự tất bật làm tôi cảm thấy lo âu và ngỡ ngàng. Nhưng tôi sớm hiểu rằng xà ích của tôi tin cậy tôi, nên sau đó tôi tự trấn tĩnh và quen dần.

Ông Jerry là một xà ích giỏi chưa từng thấy, và điều quý hơn hết là ông luôn lo sao cho ngựa được thoải mái. Ông nhận ra ngay tôi rất sẵn sàng và cố gắng hết sức. Ông chẳng bao giờ đánh tôi, trừ khi đến chỗ đỗ, ông đã gò cương mà tôi cứ đi tiếp, ông mới vút một cái rất nhẹ lên lưng tôi. Thường thì tôi hiểu rõ ý ông qua cách cầm cương, nên tôi tin rằng cái roi ấy hay cài bên sườn hơn là trong tay ông.

Chỉ trong một thời gian ngắn, chủ tôi và tôi đã rất hiểu ý nhau. Trong chuồng cũng thế, ông làm mọi thứ để tôi thấy dễ chịu. Các ô chuồng xây theo kiểu cổ nên quá dốc, nhưng có hai chấn song di động đóng ngang phía sau các ô chuồng của chúng tôi, vào ban đêm và lúc chúng tôi nghỉ ngơi, ông Jerry tháo thòng lọng và kéo các chấn song xuống, thế là chúng tôi có thể xoay ngang dọc và đứng bất cứ chỗ nào mình thích, dễ chịu vô cùng.

Ông Jerry giữ cho chúng tôi rất sạch sẽ, thường xuyên thay đổi thức ăn và cho ăn nhiều. Nhưng không chỉ có vậy, ông luôn cho chúng tôi uống nước sạch, chăm sóc chúng tôi cả ngày lẫn đêm, trừ khi biết chúng tôi đã no nê, yên ả.

Có người bảo không nên cho ngựa uống nhiều nước theo ý nó, nhưng tôi biết vì chúng tôi không bị bỏ khát và khổ sở, chúng tôi được phép uống khi nào muốn, mỗi lần uống một ít, như thế tốt hơn nhiều so với mỗi lần uống ừng ực hết nửa xô.

Có một số giám mã về nhà uống bia, để mặc chúng tôi nhiều giờ với đám cỏ khô và yến mạch mà chẳng chịu đắp nước; nên cố nhiên chúng tôi uống nhiều nước một lúc, làm chúng tôi nghẹn thở và đôi khi lạnh buốt cả bụng.

Nhưng điều sung sướng nhất ở nơi này là chúng tôi được nghỉ ngày Chủ nhật, cả tuần chúng tôi đã làm việc vất vả đến mức tôi không biết có thể tiếp tục ra sao nếu không được nghỉ ngày ấy. Ngoài ra, chúng tôi còn có thời gian bầu bạn với nhau nữa. Chính trong những ngày đó, tôi đã học được một câu chuyện về tình bằng hữu.

NGỰA CHIẾN GIÀ

Captain đã được huấn luyện làm ngựa chiến, chủ đầu tiên của bác là một sĩ quan kỵ binh từng tham chiến ở Crimea. Bác kể bác rất thích được huấn luyện cùng những con ngựa khác, cùng chạy nước kiệu, cùng quay phải, quay trái, đứng lại theo lệnh, hoặc lao hết tốc lực theo tiếng kèn trompet hoặc hiệu lệnh của viên sĩ quan. Hồi trẻ, Captain là một con ngựa đen, lốm đốm màu xám thép và được coi là rất đẹp mã. Chủ của Captain là một sĩ quan trẻ, rất hăng hái và yêu quý ngựa, ngay từ lúc ban đầu đã chăm sóc và đối xử với bác rất mực ân cần. Bác kể rằng bác đã tưởng cuộc đời trong quân ngũ là dễ chịu, nhưng đến lúc lên một cái tàu lớn ra nước ngoài, bác thay đổi hẳn ý nghĩ. Bác nói:

– Lần ấy thật khủng khiếp! Lẽ tất nhiên chúng tôi không thể đi bộ để rời đất liền xuống tàu, nên người ta chẳng chèo rất chắc dưới thân chúng tôi, rồi nhấc bổng lên mặc cho chúng tôi giãy giụa, vụng vụng trong không khí, trên mặt nước, cho đến lúc hạ xuống boong một con tàu lớn. Chúng tôi bị nhốt vào những ô chuồng nhỏ, chật chội, và suốt một thời gian dài không nhìn thấy bầu trời hoặc có thể duỗi các chi. Thịnh thoảng lúc gió mạnh, con tàu lại chòng chành dữ dội, chúng tôi bị xóc lên xóc xuống và rất nôn nao. Rồi cuối cùng, chuyển đi kết thúc, chúng tôi lại bị nhấc bổng lên, lơ lửng lên mặt đất. Chúng tôi rất sung sướng, thở phì phì và hí lên vì vui mừng khi lại cảm thấy mặt đất rắn chắc dưới bàn chân.

Chúng tôi sớm nhận thấy đất nước chúng tôi đến khác xa với quê hương mình, và phải chịu nhiều thứ khắc nghiệt ngoài việc chiến đấu. Được cái phần lớn binh sĩ đều yêu mến chúng tôi, họ làm đủ thứ để chúng tôi cảm thấy thoải mái, bất chấp tuyết, ẩm ướt và thực tế là mọi thứ đều rất hỗn độn.

– Chiến đấu là gì hở bác? - Tôi nói - Nó không phải là thứ tệ nhất sao?

– Khó mà biết được, - Captain nói - chúng ta thích nghe tiếng kèn trompet và tiếng quát gọi, chúng ta sốt ruột khởi hành dù đôi khi phải đứng nhiều giờ chờ lệnh. Lúc phát lệnh, chúng ta lao vút về phía trước, hoan hỉ và háo hức như thể không có các phát đạn đại bác, lưỡi lê và đạn súng trường. Ta tin rằng miễn là kị sĩ ngồi vững trên yên, tay cầm chắc dây cương, chúng ta không hề sợ hãi ngay cả lúc những quả tạc đạn xé không khí và nổ bùng thành ngàn mảnh.

Cùng với ông chủ quý tộc của ta, ta chiến đấu nhiều trận mà không hề bị thương, dù ta đã tận mắt thấy nhiều con ngựa gục ngã vì trúng đạn, bị giáo xuyên thủng hoặc bị kiếm chém những vết dài đáng sợ, dù ta đã để họ lại nằm chết trên chiến trường, hoặc ngã ngoài vì bị trọng thương. Ta cho là bản thân ta không biết sợ. Giọng nói vui vẻ của chủ lúc khích lệ quân lính làm ta cảm thấy cả ông lẫn ta sẽ không thể bị giết. Ta đã tin cậy hoàn toàn vào ông chủ lúc ông điều khiển, ta sẵn sàng lao thẳng vào họng súng đại bác.

Ta đã nhìn thấy nhiều người lính can đảm ngã gục, nhiều người rơi khỏi yên vì những vết thương chí tử. Ta đã nghe nhiều tiếng kêu la, tiếng rên rỉ hấp hối, đã phi nước kiệu trên mặt đất trơn tuột vì máu, và thường phải tạt sang bên tránh giẫm phải người và ngựa bị thương, ta chưa bao giờ cảm thấy hãi hùng cho đến một ngày khủng khiếp, ta sẽ không bao giờ quên ngày đó.

Nói đến đây, bác già Captain ngừng một lát và thở dài. Tôi im lặng đợi, rồi bác tiếp:

– Một sớm mùa thu, trước rạng đông một giờ, kị binh đã thức dậy, chuẩn bị đồ lễ cho ban ngày, dù là chiến đấu hay chờ đợi. Binh lính đứng đợi bên ngựa, sẵn sàng chờ lệnh. Trời sáng dần, hình như trong số sĩ quan có một cái gì đó náo nức, và trời chưa rạng, chúng ta đã nghe thấy tiếng súng quân địch.

Lúc đó một trong các sĩ quan phi đến ra lệnh cho binh lính lên ngựa, và trong chớp mắt tất cả đã lên yên. Ngựa đợi cương giật khê hoặc gót giày kị sĩ thúc nhẹ, tất cả đều sôi nổi, náo nức. Nhưng đã được huấn luyện kĩ càng,

nên chúng ta vẫn im ắng, có thể nói chúng ta không nhúc nhích ngoài việc nhay nhay hàm thiếc hoặc thỉnh thoảng hất đầu bồn chồn.

Ông chủ thân mến của ta và ta đứng ở đầu hàng quân, tất cả bất động và cảnh giác. Ông lật món bươm trái chiều của ta về đúng phía và vuốt xuống cho mượt. Rồi vỗ vào cổ ta, ông bảo:

– Chúng ta phải có một ngày như hôm nay đây, Bayard, tuần mã của ta; nhưng chúng ta sẽ hoàn thành nhiệm vụ như mọi khi nhé!

Ta thấy sáng hôm ấy, ông vuốt ve cổ ta nhiều hơn mọi khi, ông rất yên lặng, như thể đang có điều nghĩ ngợi. Ta thích cảm thấy bàn tay ông trên cổ ta, ta thường uốn cong bươm, kiêu hãnh và vui sướng. Nhưng ta vẫn đứng yên vì rất hiểu tâm trạng chủ, ta biết khi nào ông muốn ta im lặng và khi nào muốn ta hớn hờ.

Ta không thể kể hết những gì xảy ra hôm ấy, nhưng sẽ kể về cuộc tấn công cuối cùng mà chúng ta còn cùng nhau, đấy là lúc phi qua một thung lũng ngay trước họng đại bác quân địch. Lúc này chúng ta đã quen với tiếng súng hạng nặng gầm rú, tiếng lách cách của đạn súng trường, tiếng đạn bay vèo vèo ở gần. Nhưng chưa lần nào ta phải chịu một hỏa lực dữ dội như thế lúc phi trong ngày hôm ấy. Từ bên trái, bên phải, đằng trước, đạn các cỡ, các kiểu trút ào ào lên chúng ta. Nhiều người can đảm đã ngã xuống, nhiều con ngựa ngã xoài, hất kị sĩ xuống đất, nhiều con ngựa không người cưỡi chạy điên cuồng khỏi hàng ngũ, rồi hoảng sợ vì chỉ còn một mình, thiếu bàn tay điều khiển, lại chạy vào giữa các bạn cũ, phi nước đại cùng chúng vào cuộc tấn công.

Quá hoảng hốt, không con ngựa nào dừng hoặc quay trở lại. Mỗi lúc hàng ngũ càng thưa, nhưng khi đồng đội ngã, chúng ta dồn sát hàng ngũ lại. Thay cho run rẩy hoặc chậm bước, chúng ta phi càng nhanh hơn, nhanh hơn lúc gần đến khẩu đại bác, tất cả bị khói trắng phủ mờ mịt trong lúc lửa đạn đỏ rực lóe sáng qua màn khói.

Chủ ta, ông chủ yêu quý của ta đang cố vũ đồng đội, tay phải ông giơ cao thì một viên đạn réo vù vù gần đầu ta, trúng vào ông. Ta cảm thấy ông lão đảo vì cú va chạm dù ông không thốt một tiếng kêu. Ta cố giảm tốc độ,

nhưng thanh kiếm đã tuột khỏi bàn tay phải ông, dây cương trong bàn tay trái ông lỏng dần, và tuột ra sau khỏi yên, ông ngã xuống đất. Các kỵ sĩ khác phi lướt qua chúng ta, buộc ta phải lao vào cuộc tấn công, rời khỏi chỗ chủ nhân ngã xuống.

Ta muốn ở lại bên ông và không muốn bỏ ông dưới những vó ngựa ào ào, nhưng vô hiệu. Lúc này, không chủ, không bè bạn, ta hoàn toàn lẻ loi trên bãi sát sinh. Rồi nỗi sợ xâm chiếm lấy ta, ta run như chưa bao giờ run như vậy. Rồi ta cũng làm như những con ngựa khác, cố hòa vào hàng ngũ và phi nước đại cùng đồng đội, nhưng bị kiếm của binh lính đánh bật ra.

Đúng lúc ấy, một người lính có ngựa vừa chết, túm lấy dây cương và trèo lên lưng ta, ta phi lên trước mang theo người chủ mới trên lưng. Nhưng cả đoàn tuấn mã của chúng ta đã bị đè bẹp tàn nhẫn, và những ai sống sót sau cuộc chiến tàn bạo của các loại súng phi nước đại trở về với cùng một lí do.

Một số ngựa bị thương nặng đến mức khó mà cử động vì mất máu, những con ngựa đẹp đẽ khác cố kéo lê trên ba chân, nhiều con cố gượng đứng lên bằng chân trước, còn chân sau đã bị trúng đạn. Tiếng rên rỉ của chúng nghe rất thương tâm, và ta sẽ không bao giờ quên cái nhìn khẩn khoản trong mắt chúng, van nài những người bỏ chạy đừng bỏ mặc chúng cho số phận định đoạt. Sau cuộc chiến, người ta khiêng thương binh đi và chôn cất những người đã hi sinh.

– Còn những con ngựa bị thương? - Tôi nói - Họ để cho chết hay sao?

– Không, các quân y sĩ đi khắp bãi chiến trường, súng lục lăm lăm trong tay và bắn chết hết lũ ngựa bị thương. Một vài con bị thương nhẹ được đưa về chăm sóc, nhưng phần lớn những con vật đẹp đẽ, hăng hái xuất trận sáng hôm ấy không bao giờ trở về! Trong chuồng chúng ta, trong bốn ô chuồng chỉ có một con trở về.

Ta không bao giờ nhìn thấy ông chủ yêu quý của ta lần nữa. Ta tin rằng ông đã chết lúc ngã khỏi yên. Không bao giờ ta yêu quý chủ nào khác được như thế nữa. Ta còn tham chiến nhiều trận nữa, nhưng chỉ bị thương một lần và cũng không nặng lắm. Chiến tranh kết thúc, ta trở về Anh, lạnh lặn và trắng kiện như khi ra đi.

Tôi nói:

– Cháu đã nghe người ta nói đến chiến tranh như là một thứ rất hay ho.

– Chà! - Captain nói - Ta nghĩ là họ chưa bao giờ nhìn thấy chiến tranh. Chắc chắn là nó rất hay ho khi không có quân thù, chỉ có tập luyện, diễu hành và đánh trận giả. Phải, thế thì thú vị lắm, nhưng đến lúc hàng ngàn con người dũng cảm và ngựa hay bị giết hoặc tàn phế suốt đời, thì chiến tranh có diện mạo khác hẳn.

– Bác có biết vì sao họ đánh nhau không? - Tôi hỏi.

– Không! - Captain đáp - Đây là điều mà loài ngựa không sao hiểu được. Quân thù chắc hẳn là những kẻ khủng khiếp, độc ác thì chúng ta mới phải vượt biển để giết chúng chứ.

JERRY BARKER

Tôi chưa bao giờ quen người nào tốt hơn ông chủ mới của tôi. Ông tử tế và tốt bụng, kiên quyết như anh xạ ích John Manly của tôi. Ông thuần tính và vui vẻ ngay cả với những người gây gổ với ông, tuy số này rất ít. Ông rất thích hát những bài ngắn ngắn, và hát một mình. Bài hát ông yêu thích như sau:

*Nào, cha mẹ ơi,
Các anh chị em ơi,
Tất cả chúng ta
Hãy giúp đỡ lẫn nhau*

Và họ làm đúng như thế. Cậu Harry hiểu biết việc chăm sóc chuồng như một người lớn hơn nhiều, và luôn sẵn sàng làm việc bất cứ lúc nào có thể. Sáng sáng, bà Polly và cô bé Dolly hay giúp sửa soạn xe cộ, chải và đập nệm, lau kính, trong lúc ông Jerry chải lông cho chúng tôi trong sân, còn Harry làm sạch yên cương. Họ luôn vui cười, làm Captain và tôi phấn chấn hơn là phải nghe những lời gay gắt hoặc mắng mỏ. Họ thường dậy sớm, vì ông Jerry bảo: “Mất một phút buổi sáng là cả ngày sẽ vội vàng và thời gian mất đi là mất mãi mãi”.

Ông không thể chịu được bất cứ sự cầu thả, la cà và phí phạm thời gian. Không gì làm ông giận dữ bằng thấy người thuê xe ngựa đến muộn, rồi đánh xe hung hãn bù lại sự lười lĩnh của họ.

Một hôm có hai thanh niên mặt mũi dữ tợn ra khỏi quán rượu cạnh bên, gọi Jerry:

– Lại đây, xà ích! Nhìn cho tinh đấy, chúng ta khá muộn rồi. Chạy hết tốc lực đi, đưa chúng ta đến Victoria cho kịp tàu một giờ. Ông sẽ được thưởng thêm một silling.

– Tôi sẽ đưa các cậu bằng tốc độ thông thường thôi, cái kiểu chạy dốc sức như thế không trả bằng tiền được.

Xe ngựa của Larry đang đỗ cạnh chúng tôi. Ông mở toang cửa và nói:

– Tôi là người các cậu cần đây, thưa các quý cậu! Hãy lên xe tôi, ngựa của tôi sẽ đưa các cậu đến nơi kịp giờ. - Lúc họ đã lên xe, ông ta nháy mắt về phía Jerry và nói - Phi nhanh hơn nước kiệu là trái với lương tâm ông ấy đấy!

Rồi quất con ngựa đã mệt mỏi rã rời, Larry hùng hổ lên đường. Ông Jerry vỗ nhẹ cổ tôi:

– Không, Jack ạ, một silling không thể trả cho chuyến đi như thế, phải không ông bạn?

Dù Jerry kiên quyết không đánh xe ráo riết lấy lòng những kẻ cầu thả, luôn giữ tốc độ hợp lí, song ông nói ông không chống lại việc cố gắng hết mức nếu ông biết lí do vì sao.

Tôi nhớ rõ một buổi sáng, lúc chúng tôi đang ở bến xe đợi khách, có một thanh niên xách cái vali nặng giẫm phải miếng vỏ cam trên hè và trượt ngã rất đau.

Ông Jerry là người đầu tiên chạy đến nâng anh ta dậy. Anh ta có vẻ choáng nặng, và lúc họ dìu vào cửa hiệu, anh ta đi trông rất đau đớn. Ông Jerry trở lại bến, nhưng mười phút sau một trong những người bán hàng chạy ra gọi ông, nên ông đỗ xe vào sát hè.

– Bác có thể đưa tôi đến ga South-Eastern được không? - Cậu thanh niên nói - Cái việc không may bị ngã ấy làm tôi bị muộn, tôi sợ thế. Nhưng đây là việc gấp và tôi không được lỡ chuyến tàu mười hai giờ trưa. Tôi rất biết ơn nếu bác đưa tôi đến đấy kịp giờ, và xin trả thêm tiền.

– Tôi sẽ cố hết sức, - ông Jerry sốt sắng nói - nếu cậu có việc cần thế.

Trông người thanh niên ấy ốm yếu và nhợt nhạt kinh khủng.

- Tôi phải đi. - Người đó nói thật thà - Xin bác mở cửa, và đừng để mất thời gian nữa.

Một phút sau ông Jerry đã ngồi trên ghế xà ích. Ông chắc lưỡi vui vẻ với tôi và giật cương làm tôi hiểu ngay.

- Nào Jack, đi thôi, con! - Ông nói - Lướt thật nhanh nhé, chúng ta sẽ cho họ thấy chúng ta có thể bay trên mặt đất, chỉ khi nào biết rõ lí do.

Thật khó mà chạy nhanh trong thành phố đang lúc ban ngày, đường phố đông nghẹt xe cộ, nhưng chúng tôi đã làm được. Khi một xà ích cừ và một con ngựa hay hiểu nhau và cùng quyết chí, có thể làm nên chuyện phi thường. Tôi có cái mồm rất nhạy cảm, dây cương chỉ cần chạm rất nhẹ cũng điều khiển được tôi và ở London thì đấy là một điều rất hệ trọng. Lách qua giữa đám xe ngựa, xe buýt hai tầng, xe tải, taxi và xe chở hàng loại lớn với tốc độ đi bộ, cái đi cùng chiều, cái đi ngược chiều, xe buýt đỗ vài phút nhận khách làm ngựa đi sau cũng phải dừng, hoặc cố vượt lên trước. Có khi bạn cố bứt lên, nhưng đúng lúc ấy có một thứ len vào giữa khe hẹp, bạn phải kìm lại sau xe buýt, lúc tưởng có cơ hội, bạn cố vượt lên trước, bánh xe sát nhau đến mức dễ bị cào xước. Chúng tôi cố xoay xở từng tí một, nhưng nhận ra ngay trong dòng xe cộ dài dằng dặc, phải đi chậm và phanh thường xuyên, có khi còn phải đứng yên mấy phút cho đến lúc một bên đường quang hẳn hoặc có cảnh sát can thiệp. Bạn phải sẵn sàng chuẩn bị cho cơ hội này, lao ngay về phía trước nếu có kẽ hở, nhanh như một con chó săn chuột thấy có khoảng trống và tranh thủ thời gian, không để cho bánh xe bị chặn, vỡ hoặc càng xe khác xuyên vào ngực hay vai bạn. Bạn phải chuẩn bị sẵn sàng để làm việc này. Nếu muốn len qua London giữa ban ngày, bạn phải được rèn luyện rất kĩ.

Ông Jerry và tôi đã quen với cảnh ngựa xe đông đúc, và không ai có thể thắng chúng tôi lúc đã quyết. Tôi nhanh trí và táo bạo, luôn tin cậy vào bác xà ích của tôi. Ông Jerry nhanh nhẹn đồng thời lại kiên nhẫn và tin cậy ngựa, đấy là một yếu tố tuyệt vời. Ông rất ít khi dùng roi. Tôi hiểu âm sắc trong giọng ông và tiếng tắc lưỡi khi ông muốn đi nhanh, cách giật cương lái tôi đến đâu, nên không cần đến roi vọt.

Hôm ấy đường rất đông, nhưng chúng tôi len rất nhanh đến tận Cheapside, thì bị nghẽn độ ba, bốn phút. Người thanh niên thò đầu ra và nói, lo lắng:

– Tôi nghĩ là tôi xuống xe và đi bộ thì hơn. Tôi sẽ không bao giờ đến đó nếu cứ thế này mãi.

– Tôi đã làm tất cả những gì có thể được, cậu ạ. - Jerry nói - Tôi cho là chúng ta sẽ đến kịp thôi; sẽ không ùn tắc lâu đâu, mà hành lí của cậu lại quá nặng, không thể xách được.

Đúng lúc đó chiếc xe đứng trước chúng tôi bắt đầu chuyển bánh, rồi đến lượt chúng tôi. Ra ra vào vào, chúng tôi chạy nhanh hết sức của một con ngựa và thật kì diệu, chúng tôi đến cầu London đúng giờ, vì cả đoàn xe cộ các kiểu đều phi nước kiệu nhanh, có lẽ đều muốn bắt kịp chuyến tàu này. Dù sao thì cùng với nhiều xe khác, chúng tôi lao nhanh như gió đến ga đúng lúc chiếc đồng hồ lớn chỉ mười hai giờ kém tám phút.

– Ơn Chúa! Chúng ta đến kịp giờ. - Cậu thanh niên nói - Cảm ơn bác và con ngựa tuyệt vời của bác. Bác đã cứu sống tôi, không tiền bạc nào có thể trả được, xin bác cầm thêm nửa curon^[8].

– Không cậu ạ, không, cảm ơn cậu. Chúng tôi rất mừng là kịp giờ, nhưng đừng lần nữa nữa, chuông đã reo rồi. Này, phu khuân vác! Mang vali này cho cậu đây, đường Dove, chuyến tàu mười hai giờ. - Rồi không nói thêm lời nào, ông Jerry xoay tròn tôi, nhường chỗ cho các xe khác đang ào tới trong những phút cuối cùng và đổ vào một bên lề cho đến lúc đám đông đi qua.

– Mừng thật! - Ông nói - Mừng quá! Anh chàng tội nghiệp! Ta không biết vì sao cậu ấy lo lắng thế.

Jerry hay lẩm bẩm một mình, đủ to cho tôi nghe thấy mỗi khi chúng tôi không chuyển động.

Lúc về đến bến, rất nhiều người cười cợt, trêu chọc Jerry đã đánh xe cực kì vất vả để lấy tiền thưởng thêm, vì như thế là trái nguyên tắc của ông. Họ muốn biết ông bỏ túi được bao nhiêu.

– Nhiều hơn bình thường. - Ông Jerry vừa nói vừa gật đầu tinh nghịch - Nó làm tôi thấy thoải mái đến mấy ngày.

– Nói phét! - Một người nói.

– Hẳn là thằng bịp bợm! - Người khác nói - Hẳn lên lớp bọn mình, rồi lại làm y như thế.

– Nhìn này, các bạn. - Ông Jerry nói - Cậu ấy đề nghị thưởng thêm cho tôi nửa curon, nhưng tôi không nhận. Thấy cậu ấy bắt kịp chuyến tàu ấy là đủ trả công cho tôi rồi. Nếu thi thoảng Jack và tôi chọn một cuộc chạy nhanh để thỏa mãn chính mình, đấy là việc của chúng tôi chứ không phải của mọi người.

– Tuyệt! - Larry nói - Các người sẽ không bao giờ giàu được đâu!

– Chắc thế, - Jerry nói - nhưng không biết giàu có làm tôi vui hơn không. Tôi đã nghe đọc *Lời răn* nhiều lần, và chưa lần nào nghe thấy câu “Người sẽ là người giàu có”. Trong kinh Tân Ước đã viết khá nhiều điều kì quái về những người giàu, làm tôi cảm thấy khá khó chịu nếu là một người trong bọn họ.

– Nếu cậu giàu, - Thủ lĩnh Grant vừa nói vừa ngoảnh nhìn nóc xe của ông - thì cũng xứng thôi Jerry ạ và sẽ không bị nguyên rủa vì sự thịnh vượng của cậu. Còn cậu, Larry, cậu sẽ chết nghèo khổ, cậu mất quá nhiều công sức để bện roi mà.

– Được thôi, - ông Larry nói - vậy con người sẽ làm gì, nếu không cho ngựa ăn roi lúc nó không chịu chạy?

– Cậu sẽ không bao giờ phải phiền lòng khi thấy ngựa chạy mà không cần roi. Cái roi trong tay cậu lúc nào cũng nhảy múa như điên và nếu nó không làm cậu kiệt quệ thì cũng làm ngựa của cậu xác xơ. Cậu có biết vì sao cậu hay phải thay ngựa không? Vì cậu không bao giờ để chúng yên ổn hoặc khích lệ chúng.

– Tôi không gặp may, - ông Larry nói - chính thế đấy.

– Cậu sẽ không bao giờ gặp, - Thủ lĩnh nói - vận may khá đặc biệt đấy, theo kinh nghiệm của tôi, nó hay đến với những người từ tâm, để chia sẻ.

Thủ lĩnh Grant quay lại với tờ báo của ông, còn những người khác về xe của mình.

CHUYẾN XE NGÀY CHỦ NHẬT

Một buổi sáng, ông Jerry vừa đưa tôi vào còng xe và thắt dây kéo, thì một người đàn ông lịch sự đi vào sân.

– Xin phục vụ ngài! - Ông Jerry nói.

– Chào ông Barker! - Quý ông kia nói - Tôi rất vui được bàn bạc với ông về việc đưa bà Briggs đến nhà thờ vào các sáng Chủ nhật. Hiện giờ chúng tôi đi lễ ở nhà thờ Mới, và nơi đó khá xa nên bà ấy không đi bộ được.

– Cảm ơn ngài, - ông Jerry đáp - nhưng tôi chỉ được cấp giấy phép chạy sáu ngày, nên không thể chạy thuê ngày Chủ nhật, vì như thế là bất hợp pháp.

– Ôi dào! - Người kia nói - Tôi không biết xe ông chạy sáu ngày, nhưng tất nhiên có thể thay đổi giấy phép của ông rất dễ dàng. Tôi thấy ông không nên bỏ lỡ cơ hội này, vì thực ra bà Briggs rất thích ông đánh xe cho bà ấy.

– Tôi rất vui được phục vụ bà nhà, ông ạ, nhưng trước kia tôi đã có giấy phép đánh xe bảy ngày, song quá vất vả cả cho tôi lẫn ngựa. Cứ ra ra vào vào quanh năm, không có lấy một ngày nghỉ, chẳng có cả Chủ nhật với vợ con, chẳng bao giờ đi lễ lạt. Trước kia tôi đã phải dính chặt với cái ghế xà ích, vì thế năm năm trở lại đây tôi chỉ nhận giấy phép làm sáu ngày, và thấy tốt hơn rất nhiều, ông ạ.

– Tất nhiên là thế rồi, - ông Briggs nói - đúng là ai cũng nên nghỉ ngơi và có thể đi lễ nhà thờ ngày Chủ nhật, nhưng tôi nghĩ là chắc ông cũng không ngại cho ngựa đi một quãng ngắn như thế, mà chỉ một lần trong ngày, ông còn cả buổi chiều và tối cho bản thân, hơn nữa chúng tôi lại là khách quen của ông.

– Vâng, quả đúng thế, và tôi rất cảm kích vì được chiếu cố, tôi chắc là nếu có thể làm được điều gì giúp ông bà, tôi rất hãnh diện và vui mừng làm ngay. Nhưng tôi không thể bỏ ngày Chủ nhật, thực là không thể được, thưa ông. Tôi đã đọc rằng Chúa tạo ra con người, ngựa và các giống vật khác. Ngay khi tạo ra họ, Người đã tạo ra một ngày nghỉ và ra lệnh tất cả phải nghỉ ngơi một trong bảy ngày. Thưa ông, tôi nghĩ Chúa ắt phải biết ngày nào tốt cho tất cả, và tôi chắc nó cũng tốt cho tôi. Từ khi nghỉ một ngày trong tuần, tôi khỏe khoắn hơn và lành mạnh hơn. Ngựa của tôi cũng tươi tỉnh hơn, và không chóng bị kiệt sức. Các xà ích làm sáu ngày đều nói với tôi y như thế, tôi còn gửi tiết kiệm ở nhà băng nhiều hơn cả trước kia, ông ạ và vợ con tôi cũng vui hơn! Họ sẽ không phải trở lại làm việc bảy ngày vì đã có thể có mọi thứ rồi.

– Thôi được! - Quý ông kia nói - Ông đừng băn khoăn nữa, ông Barker. Tôi sẽ hỏi chỗ khác vậy.

Rồi ông ta bỏ đi.

– Hay lắm, - ông Jerry bảo tôi - chúng ta không làm khác được, Jack ạ, chúng ta phải có ngày Chủ nhật của mình chứ.

– Polly! - Ông gọi - Polly! Đến đây mình!

Bà đến ngay lập tức.

– Có việc gì thế, Jerry?

– Mình ạ, ông Briggs muốn tôi sáng sáng Chủ nhật đưa bà nhà đến nhà thờ. Tôi nói chỉ có giấy phép làm sáu ngày. Ông ấy bảo “lấy giấy phép bảy ngày đi, và tôi sẽ trả công xứng đáng”. Polly ạ, họ là khách quen của mình. Bà Briggs hay đi mua sắm nhiều giờ liền hoặc gọi xe, sau đó trả tiền sòng phẳng và đàn hoàng, không giảm giá hoặc tính ba giờ thành hai, giờ rưỡi như một số người khác. Hơn nữa, với ngựa việc này cũng nhẹ nhàng, không giống như chạy cho kịp tàu lúc đã muộn tới mười lăm phút, Nếu không giúp bà ấy việc này, có khi chúng mình mất họ. Mình thấy thế nào?

– Jerry ạ, - bà nói, rất từ tốn - em muốn nói là nếu bà Briggs trả mình một xôvoren^[9] mỗi sáng Chủ nhật, em cũng không muốn mình lại đánh xe bảy

ngày trong tuần. Chúng ta đều biết như thế là không có Chủ nhật, mà hiện giờ chúng mình đều rõ cái gì là của riêng mình. Lạy Chúa! Mình kiếm cũng đủ nuôi cả nhà, dù đôi khi có phải vất vả mới đủ trả tiền yếm mạch và cỏ khô, cộng thêm tiền giấy phép và thuê bến. Nhưng cu cậu Harry cũng sắp đi kiếm tiền. Em sẽ phải chống chọi khó khăn hơn nếu chúng ta trở lại những ngày kinh khủng, mình chẳng có phút nào thấy mặt các con, chúng mình chẳng bao giờ có một chỗ để thờ phụng cùng nhau hoặc có lấy một ngày vui vẻ, êm đềm. Lạy Chúa, chúng ta đừng trở lại những ngày ấy! Em định nói thế đấy, Jerry ạ.

– Thì tôi cũng trả lời ông Briggs như thế rồi, mình yêu quý! - Ông Jerry nói - Và cũng là điều tôi luôn nghĩ tới. Vậy mình đừng bực làm gì, Polly (vì bà bắt đầu thốn thức khóc). Tôi sẽ không trở lại những ngày xưa dù có kiếm được gấp đôi. Nín đi, bà xã bé bỏng của tôi. Giờ thì vui lên mình ạ, tôi đến bến đây.

Sau cuộc trò chuyện này ba tuần, ông Briggs không gọi lần nào, vì thế không có việc gì ngoài những cuộc chạy từ bến xe. Ông Jerry rất can đảm, và tất nhiên công việc vất vả hơn cho cả người lẫn ngựa. Nhưng bà Polly luôn động viên ông, bà nói:

– Không sao đâu bố nó ạ, không sao đâu...

Chỉ ít lâu sau, mọi người đều biết vì lí do gì mà ông Jerry mất khách hàng sộp nhất. Một số người nói ông là đồ ngốc, nhưng có hai hoặc ba người ủng hộ ông.

– Nếu công nhân không quyết giữ ngày Chủ nhật, thì sẽ chẳng còn gì cho họ hết. - Truman nói - Đây là quyền của mỗi người và mỗi con vật. Theo luật của Chúa, chúng ta có một ngày nghỉ, theo luật của nước Anh chúng ta cũng có một ngày nghỉ, và chúng ta phải duy trì quyền mà luật pháp đã đem lại, giữ nó cho con cái chúng ta.

– Tất cả những điều các người sùng đạo nói thì hay lắm, - Larry nói - nhưng tôi sẽ kiếm một silling bất cứ khi nào có thể. Tôi không tin vào tôn giáo, vì tôi chẳng thấy những người sùng đạo khá giả hơn người khác chút nào.

– Nếu họ chưa khá hơn, - ông Jerry xen vào - thì vì họ chưa có lương tâm. Cũng như ông có thể nói luật nước ta chưa nghiêm vì có một số người phá luật. Nếu một người nhượng bộ tâm tính của mình, nói xấu láng giềng, không chịu trả nợ, anh ta là kẻ không có lương tâm, tôi không cần biết anh ta đi nhà thờ bao nhiêu lần. Nếu có một số người dối trá và bịp bợm, họ cũng không làm cho tôn giáo sai đi. Tôn giáo thực sự là thứ tốt nhất, chân thực nhất trên đời, và là thứ duy nhất làm con người thực sự hạnh phúc hoặc làm cho thế giới tốt đẹp hơn.

– Nếu tôn giáo tốt đẹp về mọi mặt, - Jones nói - thì sẽ ngăn cản những người sùng đạo trong số các vị làm việc ngày Chủ nhật như chúng tôi, vì thế tôi nói rằng tôn giáo chỉ là trò dối trá, nếu không những người đi lễ nhà thờ có đáng gì trong khi chúng tôi phải đi làm ngày Chủ nhật; nhưng họ có đặc quyền của họ, như họ gọi thế, còn tôi thì không. Tôi mong họ đền đáp cho linh hồn tôi nếu tôi không có dịp cứu rỗi nó.

Một số người hoan nghênh câu đó, cho đến lúc Ông Jerry nói:

– Câu ấy nghe như đủ rõ, nhưng không phải như thế. Ai cũng phải săn sóc linh hồn của mình, bạn không thể đặt nó ở cửa nhà người khác như một đứa trẻ bị bỏ rơi và mong được chăm sóc. Các vị không thấy là nếu cứ ngồi trên ghế xà ích đợi khách, họ sẽ nói: “Nếu chúng tôi không thuê anh, sẽ có người khác thuê, còn anh ta đừng có đợi bất cứ ngày Chủ nhật nào”. Lẽ tất nhiên họ chưa đi đến cùng vấn đề này, hoặc họ thấy nếu chưa bao giờ thuê xe thì bạn có đỗ xe ở đấy cũng vô ích, nhưng con người chẳng phải lúc nào cũng muốn đi đến ngọn ngành sự việc, có lúc chẳng thuận tiện tí nào. Nếu các vị xà ích chạy ngày Chủ nhật đình công một ngày còn lại, thế là xong.

– Vậy những người tử tế sẽ làm gì nếu không kiếm được những kẻ dạy đời ưa thích của họ nhỉ? - Larry nói.

– Việc của tôi không phải là hoạch định kế hoạch cho người khác, - ông Jerry nói - nhưng nếu người ta không thể đi bộ thật xa, thì có thể đi đến nơi gần hơn, và nếu trời mưa thì nên mặc áo mưa lúc đi làm thường ngày. Nếu một sự việc là đúng, nó có thể xong, còn nếu sai, nó có thể không hoàn

thành. Người tử tế phải tìm ra biện pháp, đó là thực tế cho xà ích chúng ta cũng như cho những người đi lễ nhà thờ.

NGUYỄN TẮC VÀNG

Hai hoặc ba tuần sau, lúc chúng tôi vào trong sân lúc chiều khá muộn, bà Polly xách chiếc đèn lồng chạy qua đường (bà thường mang đèn cho ông nếu trời không quá ẩm ướt).

– Mọi việc ổn cả, Jerry ạ. Chiều nay bà Briggs phái người hầu đến mời mình mười một giờ mai đến chỗ bà ấy. Em đã trả lời vâng, vì em nghĩ mình có thể đi nhưng thực tình em cứ tưởng bà ấy giận mình và đã đi thuê người khác rồi. Anh ta nói: “Vâng, thực ra là ông chủ phát cáu vì ông Barker đã từ chối chở khách ngày Chủ nhật nên đã cố đi tìm xe khác, song có chuyện trục trặc với tất cả bọn họ. Người thì chạy quá nhanh, người lại chạy quá chậm. Bà chủ than phiền là chẳng có xe nào dễ chịu và sạch sẽ bằng của các vị, chẳng có gì thích hợp với bà ấy hơn xe của ông Barker”.

Bà Polly gần như hết cả hơi, còn ông Jerry cười phá lên vui vẻ:

– Mình nói đúng, mình yêu quý ạ, nói chung là đúng. Mình vào sắp bữa tối đi, tôi tháo cương cho Jack, ủ ấm và cho nó thoải mái đã.

Sau lần này, bà Briggs lại hay gọi xe của ông Jerry như trước, song không bao giờ gọi vào ngày Chủ nhật. Nhưng có một lần, chúng tôi làm việc ngày Chủ nhật, và chuyện là thế này.

Sáng Chủ nhật, ông Jerry đang chải chuốt cho tôi trong sân thì bà Polly tới, trông rất khẩn khoản.

– Có chuyện gì thế? - Jerry nói.

– Mình ạ, - bà Polly nói - tội nghiệp Dinah Brown vừa nhận được thư báo mẹ cô ấy bị ốm nặng, phải đi ngay nếu muốn kịp gặp mẹ. Từ đây đến đó hơn mười dặm, ở tận vùng quê. Cô ấy nói nếu đi tàu phải đi bộ bốn dặm, cô ấy

đang yếu, mới sinh con được bốn tuần nên không thể đi bộ được. Cô ấy hỏi liệu mình có thể chở cô ấy không, và hứa sẽ thanh toán sòng phẳng ngay khi có tiền.

– Chậc chậc, chúng ta xem nào. Tôi không nghĩ đến chuyện tiền bạc, nhưng nghĩ đến mất ngày Chủ nhật của chúng ta. Ngựa đã mệt, cả tôi cũng vậy, rắc rối là ở chỗ đấy.

– Kể cũng phiền toái thật, - bà Polly nói - nhưng mình chỉ mất độ nửa ngày thôi. Mình cũng biết là nên giúp người khác nếu muốn người khác giúp mình. Em hiểu rõ em sẽ muốn gì nếu mẹ em đang hấp hối, mà Jerry yêu quý ạ, em chắc sẽ không vi phạm ngày Sabbath đâu. Kéo một con vật tội nghiệp hoặc con lừa lên khỏi hố không làm hỏng ngày Sabbath, và em tin chắc đưa cô Dinah tội nghiệp kia cũng thế, mình ạ.

– Kia Polly, mình khôn khéo như bộ trưởng ngoại giao vậy. Thế là mới sớm ngày tôi đã được một bài thuyết giảng rồi. Mình đi bảo cô Dinah rằng đến mười giờ, tôi sẽ sẵn sàng chở cô ấy. Nhưng hãy khoan, mình tạt qua hàng thịt Braydon, chuyển lời hỏi thăm của tôi và hỏi mượn bác ấy cái bẫy ánh sáng^[10]. Tôi biết bác ta chẳng bao giờ dùng trong ngày Chủ nhật, và nó sẽ làm cho ngựa nhà ta có vẻ khác biệt tuyệt vời.

Bà Polly ra đi và trở lại ngay, nói rằng ông sẽ có bẫy và được chào đón.

– Tuyệt quá! - Ông nói - Bây giờ mình phết cho tôi ít bánh mì pho mát, tôi sẽ về vào buổi trưa, ngay khi nào có thể.

– Em sẽ làm bánh nhân thịt cho bữa trà chiều thay cho bữa tối nhé! - Polly nói.

Rồi bà đi, trong lúc ông ngậm nga “Polly, người phụ nữ không hề sai lầm”, theo một giai điệu mà ông rất thích.

Tôi được chọn cho chuyến đi và đúng mười giờ, chúng tôi đã sửa soạn xong cỗ xe độc mã nhẹ, bánh cao, bon nhẹ nhàng sau một chiếc xe bốn bánh như chẳng chở gì.

Hôm đó là một ngày tháng Năm đẹp trời, và lúc chúng tôi vừa rời thành phố, bầu không khí thoáng đãng, mùi cỏ tươi và những con đường nông thôn

mềm mại, quen thuộc trong những ngày xa xưa làm tôi cảm thấy sáng khoái ngay lập tức.

Gia đình Dinah sống trong một ngôi nhà nhỏ trong trang trại, bên trên con đường làng xanh tươi, sát cạnh một bãi cỏ có nhiều cây to tỏa bóng dễ chịu, có hai con bò đang gặm cỏ trong bãi. Một thanh niên đề nghị ông Jerry đưa cái bẫy vào bãi cỏ, và anh ta buộc tôi vào chuồng bò. Anh ta nói có một cái chuồng tốt hơn.

– Nếu lũ bò không bực tức, - ông Jerry nói - thì ngựa của tôi thích được ở trong bãi cỏ đẹp đẽ kia độ một hoặc hai giờ. Tính nó hòa nhã, và như thế là đủ bữa tiệc hiếm có cho nó rồi.

– Để nó ở ngoài kia được đấy ạ. - Anh thanh niên nói - Đây là thứ thiết thực nhất đền đáp lòng tốt của ông với chị tôi. Một giờ nữa chúng tôi sẽ dọn bữa và mong ông chiếu cố. Mặc dù mẹ tôi ốm nặng, song chúng tôi vẫn có đủ thứ trong nhà.

Jerry ân cần cảm ơn, song ông nói anh ta cứ xơi cơm tự nhiên, còn ông thích đi dạo quanh bãi cỏ.

Lúc đây cương của tôi đã tháo bỏ, tôi không biết nên làm gì trước: gặm cỏ, lăn trên lưng, nằm xuống nghỉ ngơi hay phi nước đại qua bãi vì phấn chấn được tự do. Thế là tôi làm lần lượt tất cả mọi việc. Jerry có vẻ cũng sung sướng như tôi vậy. Ông ngồi bên bờ sông dưới bóng cây, lắng nghe chim hót. Sau đó ông hát một mình và đọc một quyển sách nhỏ màu nâu mà ông rất ưa, rồi ông lang thang trên bãi cỏ và đi xuôi theo dòng suối nhỏ, ông hái hoa và tảo gai, buộc vào một cành thường xuân dài. Cuối cùng, ông cho tôi ăn một bữa no yếm mạch ông đã mang theo. Nhưng thời gian dường như quá ngắn, từ ngày rời chị Ginger ở Earlshall, tôi chưa được ở trong cánh đồng.

Chúng tôi về nhà bằng nước đi êm ả, và những lời đầu tiên của ông Jerry lúc chúng tôi vào sân là:

– Chào Polly, tôi chẳng mất ngày Chủ nhật tí nào, vì chim chóc ca hát trong mỗi bụi cây, tôi cùng hát theo, còn Jack thì như một chú ngựa non vậy.

Và ông đưa tặng bó hoa cho bà Polly, bà nhảy lên vì vui sướng và cảm động.

BÉ DOLLY VÀ MỘT QUÝ ÔNG THỰC SỰ

Mùa đông đến sớm, trời rất lạnh và ẩm ướt. Hầu như ngày nào cũng có tuyết, mưa đá hoặc mưa, chỉ có những ngọn gió rét thấu xương hoặc thay bằng sương giá. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy rất rõ. Khi trời lạnh và khô, một vài tấm thảm dày sẽ giữ được hơi ấm cho chúng tôi, nhưng lúc mưa dầm dề, chúng sẽ nhanh chóng ẩm ướt và không còn tốt nữa. Một số xà ích phủ vải không thấm nước lên người chúng tôi, việc này thật dễ chịu.

Nhưng có một số người nghèo đến mức không thể tự bảo vệ mình cũng như ngựa và họ rất khổ sở trong mùa đông. Khi lũ ngựa chúng tôi làm việc xong nửa ngày, chúng tôi vào ngăn chuồng khô ráo và nghỉ ngơi. Trong lúc đó xà ích ngồi lại trên ghế, có khi ở lại đến một hoặc hai giờ sáng nếu phải đợi một bữa tiệc.

Đường phố trơn trượt vì sương giá hoặc tuyết, là những thứ tồi tệ nhất cho bọn ngựa chúng tôi. Đi một dặm như thế mà phải kéo nặng, nếu không vững chân, có thể ngã chổng cả bốn vó trên đường.

Từng dây thần kinh và cơ bắp trên người chúng tôi căng hết để giữ thăng bằng. Ngoài ra, nỗi sợ ngã làm chúng tôi kiệt sức hơn mọi thứ trên đời. Nếu đường quá xấu, chúng tôi được đóng đinh chìa vào miếng sắt bịt móng, nhưng như thế chỉ làm chúng tôi thêm căng thẳng.

Khi thời tiết rất xấu, nhiều người vào ngồi trong quán rượu gần đó, nhờ người trông giùm; nhưng như vậy họ thường mất khách, chưa kể tổn tiền như ông Jerry nói.

Ông chẳng bao giờ đến quán “Mặt trời mọc”. Có một hiệu cà phê gần đây, thi thoảng ông ghé vào, hoặc ông mua một cốc cà phê nóng và cái bánh ngọt của một ông già mang đến chỗ chúng tôi. Ông Jerry quan niệm rằng rượu bia chỉ làm sau đó con người lạnh thêm, chỉ có quần áo ấm, đồ ăn nóng, sự vui vẻ và một người vợ hiền hậu ở nhà mới là những thứ tốt đẹp nhất, làm xà ích ấm áp.

Bà Polly thường chuẩn bị đồ ăn khi ông không thể về nhà, đôi khi ông còn thấy Polly bé nhỏ của ông ló ra ở góc phố, để xem “bố nó” có ở bên không. Nếu nhìn thấy chồng, bà Polly sẽ chạy hết tốc lực và trở lại ngay với một cốc hoặc giỏ đựng bát xúp nóng hoặc cái bánh pútđinh mà bà đã chuẩn bị sẵn.

Thật kì diệu biết bao khi người phụ nữ bé nhỏ ấy có thể an toàn băng qua con đường thường chật ních ngựa, xe. Nhưng bà Polly là một người bảo trợ nhỏ nhắn can đảm, bà cảm thấy vinh dự được mang “món ăn đầu bữa cho bố nó” như ông thường gọi. Bà được cả bến xe yêu mến, không chỉ một mình ông Jerry nhìn thấy bà băng qua đường an toàn.

Một ngày lạnh giá, lộng gió, cô bé Dolly mang cho ông Jerry một bát to đựng thứ gì đó nóng hổi, và đứng cạnh trong lúc ông ăn. Ông vừa bắt đầu bữa ăn thì một quý ông tay cầm ô đến thẳng xe chúng tôi. Ông Jerry đưa tay lên mũ chào, rồi đưa bát cho bé Dolly và bỏ tấm che cho tôi, nhưng quý ông đó vội kêu to:

– Ấy đừng, đừng, ông cứ ăn xong bát xúp đi, ông bạn. Tôi không có nhiều thời gian rảnh nhưng có thể đợi ông ăn xong, và để cho cô con gái bé bỏng của ông đi lên via hè yên ổn đã.

Vừa nói, ông ta vừa vào xe ngồi. Ông Jerry chân thành cảm ơn và quay sang cô con gái.

– Dolly, đấy mới là một quý ông thực sự. Ông ấy có cả thời gian lẫn suy nghĩ để cho người xà ích nghèo và cô con gái bé bỏng của ông ta thoải mái.

Ông Jerry ăn xong bát xúp, nhìn đứa con gái băng qua đường an toàn xong, mới nhận lệnh đánh xe đến Clapham Rise. Sau lần đó, quý ông ấy còn thuê xe chúng tôi mấy lần nữa. Tôi cho là ông ấy rất thích chó và ngựa, vì

bất cứ lần nào đưa ông đến cửa nhà, cũng có hai hoặc ba con chó lao ra đón ông. Thành thạo ông lại đi vòng quanh, vỗ về tôi và nói theo kiểu rất hiền hòa, thoải mái:

– Chú ngựa này có ông chủ thật tốt, và nó xứng đáng được thế lắm!

Thật là hiếm hoi thấy có người chú ý đến con ngựa làm việc cho mình. Tôi biết thi thoảng có một số quý bà làm thế, còn quý ông này và một hoặc hai người khác lại cho tôi một cái vỗ về hoặc vài lời tử tế. Nhưng chín mươi chín phần trăm chẳng mấy ai nghĩ đến vỗ về cái cổ máy hơi nước kéo cả đoàn tàu.

Quý ông này không còn trẻ, vai hơi khom về phía trước như thế ông luôn phải đi đến nơi nào đó. Môi ông mỏng và mím chặt, dù ông có nụ cười dễ chịu. Mắt ông tinh nhanh, trong cử động của mái đầu và quai hàm có một cái gì đó làm người ta thấy ông rất cương quyết trong mọi việc ông định làm. Giọng ông dễ chịu và ân cần. Bất cứ con ngựa nào cũng thấy tin cậy cái giọng ấy, cho dù nó cũng kiên quyết như mọi vẻ của ông.

Một hôm, ông và một ông nữa thuê xe chúng tôi. Họ đỗ lại ở một cửa hàng trên phố R., ông đứng cạnh cửa trong lúc người bạn vào trong. Ngay trước chúng tôi, bên kia đường có một cỗ xe đóng hai con ngựa rất đẹp đứng trước mấy hầm rượu vang, người đánh xe không có dây và không biết xe đã đứng đó bao lâu, nhưng hình như chúng thấy đợi đã đủ lâu nên bắt đầu cất bước. Vừa đi được mấy bước, người xà ích chạy ra và tóm lấy chúng. Hình như ông ta cáu lắm nên dùng roi và dây cương trừng phạt chúng tàn nhẫn, quật cả vào đầu chúng.

Quý ông của chúng tôi thấy thế, ông băng nhanh qua đường và nói bằng giọng kiên quyết:

– Nếu ông không dừng ngay lại, ta sẽ kiện ông vì tội bỏ mặc ngựa và cư xử tàn nhẫn.

Người xà ích rõ ràng là say rượu, văng ra nhiều lời chửi rủa nhưng cũng dừng tay quất ngựa và cầm lấy dây cương, chui vào xe. Trong lúc đó, người bạn của chúng tôi lẳng lặng rút một quyển sổ trong túi ra, nhìn tên và địa chỉ ghi trên cỗ xe rồi ghi lại.

– Ông muốn gì thế hả? - Người đánh xe càu nhàu lúc vung roi và đi.

Ông ta chỉ nhận được một cái gật đầu và một nụ cười dứt khoát đáp lại.

Trở về xe gặp bạn đồng hành, bạn ông vừa nói vừa cười:

– Wright, tôi nghĩ là anh đủ việc để làm mà không phải buồn phiền vì nỗi ngựa và người hầu của người khác.

Ông đứng im một lát rồi hơi ngửa đầu ra sau, nói:

– Anh có biết vì sao thế giới này lại tệ đến thế không?

– Không. - Bạn ông đáp.

– Để tôi nói anh nghe. Vì con người chỉ nghĩ được việc của mình mà không hề băn khoăn ủng hộ kẻ bị áp bức, cũng không đưa những việc làm sai trái ra ánh sáng. Tôi chẳng bao giờ thấy một việc tồi tệ như thế mà không làm gì, và nhiều ông chủ đã cảm ơn tôi vì đã cho biết ngựa của họ bị lạm dụng ra sao.

– Tôi mong có nhiều người như ngài, - ông Jerry nói - vì ở thành phố này, rất cần những người như thế.

Sau đó, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình, và lúc ra khỏi xe ông bạn của chúng tôi nói:

– Quan niệm của tôi là thế này, nếu nhìn thấy sự tàn bạo hoặc sai trái chúng ta phải ngăn chặn, còn nếu không làm gì, bản thân chúng ta sẽ thành kẻ tòng phạm.

SAM Ủ RỮ

Tôi có thể nói rằng là ngựa kéo xe, tôi rất mãn nguyện. Xà ích là ông chủ, ông luôn đối tốt với tôi, không bắt tôi làm việc quá sức. Nhưng còn nhiều con ngựa của các ông chủ xe loại lớn thường để xà ích cho thuê ráo riết, cốt kiếm nhiều tiền mỗi ngày. Vì ngựa không là của những người này, việc duy nhất họ nghĩ đến là kiếm được thật nhiều tiền từ lũ ngựa, trước hết trả cho ông chủ, sau đó là trang trải cuộc sống của họ, nên những con ngựa ấy phải làm việc khùng khiếp. Tất nhiên là tôi hiểu nhưng còn ít lắm, ngoài những mẩu chuyện nghe được ở bến xe. Thủ lĩnh là người từ tâm và yêu quý ngựa, ông phát biểu ý kiến ngay khi thấy một con ngựa mệt lử hoặc bị hành hạ vào bến.

Một hôm, một xà ích trông khổ sở, tả tơi có tên là Seedy Sam (Sam ủ rữ) đưa ngựa vào bến. Trông con vật thật tiều tụy và Thủ lĩnh nói:

– Ông và ngựa của ông đáng lên đồn cảnh sát hơn là đứng vào hàng này.

Sam hất mảnh thảm tả tơi lên mình ngựa, rồi quay một vòng sang Thủ lĩnh, ông ta nói giọng hầu như thất vọng:

– Nếu cảnh sát có hỏi, thì các ông chủ phải có trách nhiệm hơn chúng ta, hoặc phải giảm lượng khách đi. Nếu một người phải trả mười tám silling một ngày để dùng xe đóng hai ngựa, như hầu hết chúng tôi phải trả trong thời gian làm việc, tất nhiên phải làm tăng lên để còn kiếm được một penny cho mình chứ. Ý tôi là phải làm lụng vất vả hơn. Phải vất từ mỗi con ngựa chín silling một ngày rồi mới bắt đầu kiếm sống cho mình! Ông cũng biết thực tế ấy, và nếu không chạy là chúng tôi chết đói.

Hiện giờ, các con tôi và tôi đều biết cái gì đang đợi ở đằng trước. Tôi có sáu đứa con, mới chỉ có một đứa kiếm sống được. Tôi phải ở bên mười bốn hoặc mười sáu tiếng mỗi ngày, và mười, mười hai tuần nay tôi không có ngày Chủ nhật. Ông cũng biết là Skinner chẳng bao giờ cho một ngày nghỉ, mà có ai nói tôi không làm lụng chăm chỉ đâu? Tôi muốn có một chiếc áo choàng ấm và một cái áo mưa, nhưng phải nuôi từng ấy miệng ăn, làm sao mà kiếm được thứ ấy chứ? Tuần trước tôi phải cầm cả chiếc đồng hồ của tôi để trả Skinner, và tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy nó nữa.

Một vài xà ích đứng quanh đây gật đầu và xác nhận ông ta nói đúng. Sam tiếp:

– Các ông có xe và ngựa riêng, hoặc là đánh xe cho các ông chủ tử tế, còn có cơ kiếm ăn, có dịp để làm điều tốt, còn tôi thì không. Trong vòng bán kính bốn dặm, chúng ta không thể tính hơn sáu xu một dặm, sau dặm đầu tiên.

Ngay sáng nay, tôi phải chạy sáu dặm mà chỉ được ba silling. Lúc về không có khách, mà phải chạy nửa đường khứ hồi, thế là ngựa phải chạy mười hai dặm mà tôi chỉ kiếm được ba silling.

Sau đó tôi có khách thuê ba dặm, bao nhiêu là túi và hòm, nếu chở ngoài phải được nhiều lần hai xu. Nhưng các ông biết đấy, những người này xếp chồng chất vào trong xe, để ở ghế trước, ba cái hòm nặng thì chất lên nóc, vậy mà chỉ được sáu xu, một người khách và sáu xu. Chuyển về tôi kiếm được một silling, bây giờ ngựa phải chạy mười tám dặm để kiếm sáu silling. Ngựa vẫn còn phải kiếm được ba silling nữa, và chiều nay còn phải kiếm chín silling nữa, tôi mới sờ đến một penny.

Lẽ tất nhiên không phải lúc nào cũng tệ hại như vậy, nhưng các ông cũng biết thường là như thế. Tôi biết là khôi hài khi bảo một người không được bắt ngựa làm quá sức, và khi con ngựa đã quá mệt, chẳng có gì ngoài roi mới bắt chân nó guồng tiếp. Phải đặt vợ con hơn ngựa. Các ông chủ phải thấy điều đó, chứ chúng tôi không thể. Tôi không hành ngựa của tôi vì lợi ích việc đang làm, chẳng ai trong số các vị có thể nói thế.

Chẳng bao giờ được nghỉ một ngày, chẳng bao giờ có một giờ êm đềm với vợ con, ắt phải có sự sai trái ở đâu đó chứ. Tôi thường cảm thấy như một ông lão, dù tôi mới bốn năm tuổi. Các vị thừa biết có một số hạng người ngờ chúng ta lừa đảo và chắt quá tải. Họ đứng, lăm lăm cái ví trong tay, đếm từng xu một và nhìn chúng ta như thể chúng ta là kẻ móc túi. Tôi ước gì họ ngồi lên ghế xà ích mười sáu tiếng một ngày, kiếm từng xu ngoài mười tám silling trả tiền thuê, và làm việc trong mọi thời tiết, chắc lúc ấy họ sẽ chẳng thấy cho thêm chúng ta sáu xu là quá khác thường, hoặc không nhồi tất cả hành lí vào trong xe. Lẽ tất nhiên là thỉnh thoảng cũng có người thưởng chúng ta khá hậu, có thể chúng ta mới sống được chứ, nhưng chúng ta không thể cậy nhờ vào chuyện đó được.

Những người đứng vây quanh tán thưởng bài nói của Sam. Một người trong số đó nói:

– Thật cực nhọc ghê gớm, nên nếu một người thi thoảng có làm điều sai trái cũng chẳng có gì lạ. Nếu có quá chén, ai nỡ trách mắng?

Ông Jerry không tham gia câu chuyện, nhưng trước kia tôi chưa bao giờ thấy mặt ông buồn đến thế. Thủ lĩnh đứng, dứt hai bàn tay vào túi, lúc này ông rút khăn mùi soa khỏi mũ và lau trán.

– Anh đã đánh gục tôi rồi, Sam ạ, - ông nói - vì tất cả đều là thực, và tôi sẽ không tố cáo anh với cảnh sát nữa đâu. Chỉ vì nhìn vào mắt con ngựa kia làm tôi thương quá. Những nếp nhăn khó nhọc của cả người và vật mà tôi chẳng biết khắc phục ra sao. Nhưng dù thế nào thì anh cũng có thể nói với con vật tội nghiệp kia rằng anh rất tiếc đã vắt kiệt sức nó theo kiểu này. Đôi khi chúng ta chỉ có thể cho chúng một lời ân cần, những kẻ vũ phu khốn khổ kia ạ, và thật tuyệt vời nếu chúng hiểu.

Sau cuộc trò chuyện đó vài buổi sáng, một người mới dong xe của Sam đến bến.

– Xin chào! - Một người nói - Có chuyện gì với Seedy Sam thế?

– Anh ấy liệt giường rồi, - người đàn ông đó nói - tối qua anh ấy bị ốm ngay trong bãi, và chỉ có thể bò về nhà. Sáng nay vợ anh ấy bảo đưa con trai đến báo rằng bố cháu bị sốt cao và không đi nổi, vì thế tôi đến thay.

Sáng hôm sau người ấy lại đến.

– Sam thế nào rồi? - Thủ lĩnh hỏi.

– Anh ấy mất rồi! - Người đó nói.

– Cái gì! Mất rồi? Anh định nói anh ấy đã chết?

– Vừa tắt thở. - Người đó nói - Anh ấy mất lúc bốn giờ sáng nay. Anh ấy mê sảng suốt ngày hôm qua, toàn nói mê về Skinner và việc không có ngày Chủ nhật. “Tôi chưa bao giờ được nghỉ một ngày Chủ nhật”, đấy là những lời cuối cùng của Sam.

Không ai nói gì một lúc lâu, rồi Thủ lĩnh nói:

– Tôi nói với các bạn điều này, đây là lời cảnh báo cho tất cả chúng ta.

GINGER TỘI NGHIỆP

Một hôm, trong lúc xe chúng tôi và nhiều xe khác đợi bên ngoài công viên, nơi một dàn nhạc đang biểu diễn, thì một chiếc xe khách tiêu tụy đỗ cạnh xe tôi. Con ngựa già màu hạt dẻ, mòn mỏi, có bộ lông chẳng được chăm sóc, xương xấu nhô rõ. Các khớp đầu gối lồi ra, chân trước loạng choạng.

Tôi đang gặm cỏ khô, thì một cơn gió cuốn tròn một nắm cỏ, con vật tội nghiệp vươn cái cổ dài, gầy guộc ra đóp vôi lấy, sau đó quay tròn ngóng xem có còn nữa không. Cái nhìn vô vọng trong cặp mắt mờ đục làm tôi không thể không chú ý. Và đúng lúc tôi đang nghĩ đã nhìn thấy con ngựa này ở đâu đó, chị nhìn tôi chăm chú và nói:

– Black Beauty, cậu đấy ư?

Đó là Ginger! Nhưng chị thay đổi biết bao! Cái cổ uốn cong xinh đẹp và bóng láng nay thẳng đơ, gầy gò và rũ xuống, những cái chân thẳng tắp, sạch sẽ, khuytu trên móng thanh tú nay sưng phồng, các khớp xương biến dạng vì làm lụng vất vả, bộ mặt trước kia tràn đầy hăng hái và sinh khí nay đầy nét khổ sở. Có thể nói hai bên sườn nặng nề và những cơn ho thường xuyên làm chị thở khó khăn biết chừng nào.

Xà ích của chúng tôi đang đứng với nhau cách đó một quãng, nên tôi rụt rè tiến vài bước đến gần chị, để có thể trò chuyện khe khẽ. Chị kể cho tôi nghe một câu chuyện thật buồn.

Sau cuộc chạy trốn ở Earls Hall một năm, Ginger được coi là thích hợp để làm việc lại, và bị bán cho một quý ông. Chị ăn ở phải phép được một thời gian, nhưng sau một cuộc phi nước đại dài hơn thường lệ, trạng thái căng

thăng cũ trở lại, rồi sau khi nghỉ ngơi và chữa trị, chị lại bị bán đi. Chị đã bị mua đi bán lại vài lần, mỗi lần lại xuống cấp hơn.

– Cuối cùng, - Ginger kể - tôi bị một người mua, ông ta có một số xe chở khách và chở hàng cho thuê. Trông cậu tươi tốt lắm, và tôi mừng cho cậu, nhưng tôi không thể kể với cậu cuộc sống của tôi ra sao. Khi phát hiện ra tôi ốm yếu, người ta bảo tôi không xứng đáng với thứ họ cho tôi. Thế là tôi bị đóng vào các xe loại thấp và cũ kỹ. Họ quất roi và bắt tôi làm việc, nhưng không bao giờ nghĩ tôi phải chịu đựng những gì. Họ đã bỏ tiền mua tôi và phải thu lại, họ bảo thế. Người thuê tôi hiện giờ mỗi ngày phải trả một số tiền khá lớn cho chủ tôi, vì thế trước hết họ vắt sức tôi đến kiệt. Tôi phải chạy liên tục nhiều tuần lễ và không bao giờ được nghỉ Chủ nhật.

Tôi nói:

– Chị đã quen vùng lên mỗi khi bị hành hạ.

– Chà! - Chị nói - Trước kia tôi thế thật, nhưng vô ích. Con người mạnh hơn, và nếu họ tàn nhẫn và không tình cảm, chúng ta chẳng thể làm gì được ngoài việc chịu đựng, chịu đựng mãi cho đến lúc chết. Tôi ước gì sớm kết thúc, tôi ước tôi chết đi cho rồi. Tôi đã nhìn thấy nhiều con ngựa chết và tôi biết chắc chúng không phải chịu đau đớn nữa. Tôi hi vọng sẽ quy xuống chết trong lúc làm việc, không bị tống đến tay người mua ngựa già để giết thịt.

Tôi rất đau xót, và đưa mũi sát vào mũi chị, nhưng không thể nói được lời nào an ủi chị. Tôi cho là chị cũng hài lòng khi gặp tôi, vì chị nói:

– Cậu là người bạn duy nhất tôi từng có.

Đúng lúc ấy xà ích của chị đến, giật mạnh mõm chị lôi ra khỏi hàng và lên đường, để tôi lại hết sức buồn bã.

Một thời gian ngắn sau đó, có cỗ xe chở một con ngựa chết đi qua bên xe của chúng tôi. Cái đầu ngựa thò ra khỏi đuôi xe, cái lưỡi mất hết sinh khí chầm chậm nhỏ máu, cặp mắt trũng sâu. Tôi không thể nói đến chúng, cảnh tượng kinh khủng quá. Đây là con ngựa màu hạt dẻ có cái cổ dài và gầy guộc. Tôi nhìn thấy một vệt sọc trắng chạy xuống trán. Tôi tin rằng đây

chính là chị Ginger. Tôi mong là chị, để chấm dứt những đau khổ của chị. Than ôi! Nếu con người khoan dung hơn, họ nên bắn chết chúng tôi trước khi chúng tôi gặp cảnh khổ sở như thế.

ĐỒ TÊ

Tôi đã chứng kiến nhiều nỗi khổ của loài ngựa ở London, phần lớn có thể ngăn ngừa được nếu có chút cảm giác chan hòa. Lũ ngựa chúng tôi không hẳn khoản phải làm việc vất vả nếu được đối xử biết điều. Tôi chắc rằng có nhiều con ngựa được những người hoàn toàn nghèo khổ chăn dắt vẫn có cuộc đời sung sướng hơn tôi, cái thời tôi được đóng yên cương khảm bạc vào xe của bá tước W..

Tim tôi thắt lại khi thấy những con pony bé nhỏ bị sử dụng tàn tệ - căng người ra kéo những khối nặng trĩu, hoặc lao đảo dưới những ngọn roi tàn nhẫn của gã chăn ngựa hung bạo và ti tiện. Có lần tôi nhìn thấy một con pony nhỏ màu xám, bờm dày và cái đầu đẹp đẽ, giống Merrylegs đến nỗi nếu không bị đóng cương tôi đã hí lên gọi anh. Anh đang cố hết sức kéo một chiếc xe khách nặng, trong lúc một gã khỏe mạnh, thô bạo vút liên tục vào bụng anh và lắc lắc hung hãn vào cái mõm nhỏ bé của anh.

Liệu có phải là Merrylegs không? Hay chỉ giống anh, vì hồi đó ông Blomefield nói không bao giờ bán anh và tôi cho là ông sẽ làm thế. Đó là điều may mắn cho một chú ngựa bé nhỏ, có một chỗ tốt ngay từ hồi còn non.

Tôi hay chú ý thấy ngựa nhà hàng thịt thường phi rất nhanh, dù tôi không biết vì sao họ lại đánh xe nhanh đến thế, cho đến hôm chúng tôi phải đợi ở khu rừng St. John. Có một cửa hàng thịt ở ngay bên cạnh, lúc chúng tôi đang đứng đó, chiếc xe của cửa hàng lao vào cực nhanh. Con ngựa nóng rục và mệt lử. Nó gục đầu xuống trong lúc hai bên sườn nặng nề và những cái chân run rẩy chứng tỏ nó chạy vất vả biết chừng nào. Một thanh niên nhảy khỏi xe và với lấy chiếc thúng lúc ông chủ từ cửa hàng đi ra, vẻ không hài lòng. Sau khi nhìn con ngựa, ông ta giận dữ quay sang cậu thanh niên.

– Đã bao nhiêu lần tao bảo mày không được đánh xe kiểu này? Mày đã làm hỏng con ngựa cuối cùng, làm nó vỡ ức, bây giờ lại phá nốt con này. Nếu mày không phải là con tao, tao đã thả hồi mày ngay tại chỗ. Thật nhục nhã khi đưa một con ngựa trong tình trạng này đến cửa hàng. Mày có thể bị cảnh sát gọi vì đánh xe hung hãn, nếu có bị thế đừng có mong tao bảo lãnh, vì tao đã bảo mày cho đến lúc phát chán. Mày thử nhìn lại mình xem.

Trong lúc ông bố nói, cậu thanh niên đứng ì ra đấy, sừng sĩa và lì lợm. Nhưng lúc ông bố vừa dừng, cậu ta cúi kính vặc lại:

– Đây không phải lỗi tại tôi, ông đừng có đổ vấy, lúc nào tôi cũng phải chạy theo đơn đặt hàng mà thôi. Ông lúc nào chẳng bảo “Chạy quàng lên, nhìn cho tinh!” là gì? Lúc tôi đến các nhà, người thì muốn có một cái đùi cừu cho bữa tiệc sớm, thế là phải quay lại trong vòng mười lăm phút, người khác quên đặt thịt bò, tôi lại phải mang đến, không kịp thì bị bà chủ nhà cau có, người thứ ba nói có bữa tiệc bất ngờ, phải mang sườn đến ngay, cái bà ở nhà số 4 Crescent không bao giờ đặt hàng bữa tối cho đến lúc mang thịt bữa trưa, lúc nào cũng vội vội vàng vàng. Nếu người ta nghĩ đến những thứ họ cần và đặt từ hôm trước, chẳng cần phải chạy cuồng lên như thế!

– Tao mong họ tử tế như thế, - ông hàng thịt bực dọc nói - họ sẽ làm tao đỡ phiền toái bao nhiêu. Tao có thể đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng tốt hơn nhiều nếu được đặt trước. Nhưng nói thì có ích gì đâu? Có ai nghĩ đến việc thuận tiện cho anh hàng thịt hoặc ngựa của anh ta đâu? Bây giờ hãy đưa ngựa vào, chăm sóc nó cho tử tế. Nghĩ xem, hôm nay nó không ra ngoài nữa, và nếu có ai cần gì, mày phải xách giỏ mà đi lấy - Nói xong ông ta vào cửa hàng, còn con ngựa được dẫn đi.

Nhưng tất cả những người ấy không tàn bạo. Tôi đã thấy một số người yêu quý con pony hoặc con lừa như một con chó cưng, và những con vật bé nhỏ ấy vui vẻ và sẵn lòng làm việc cho các xà ích trẻ như tôi làm cho ông Jerry vậy. Có lẽ đôi khi công việc cũng cực nhọc, nhưng bàn tay và giọng nói thân thiết làm nó nhẹ nhõm đi nhiều.

Có một cậu bán rau quả thường mang rau xanh và khoai tây đến phố tôi. Cậu có một con pony già, không đẹp lắm nhưng vui vẻ và tỏ ra gan dạ nhất

trong những con ngựa bé nhỏ tôi từng thấy. Tôi đã chứng kiến cảnh ngựa và người đối với nhau trù mẫn biết chừng nào. Con pony lẻo đẽo theo chủ như một con chó. Khi cậu ta nhảy lên xe, con pony lóc cóc chạy nước kiệu không cần roi vọt hoặc một lời, vui vẻ chạy xuống phố như thể ra khỏi chuồng ngựa của nữ hoàng. Ông Jerry rất mến cậu và gọi cậu là “Ông hoàng Charlie” vì cậu nói đến ngày nào đó, cậu sẽ là vua của các xà ích.

Cũng có một ông lão hay đến phố tôi với một cái xe nhỏ chở than. Ông đội mũ của công nhân vạc than, trông thô thiển và đen đui. Ông và con ngựa già của ông thường lê bước trên phố như hai người bạn làm ăn tâm đắc. Con ngựa dừng lại bên các cửa nhà muốn mua than. Nó thường cong một bên tai về phía chủ. Có thể nghe thấy tiếng rao của ông lão trên đường phố trước khi ông đến gần khá lâu. Tôi không bao giờ hiểu ông lão nói gì, nhưng bọn trẻ con gọi ông là “Lão Ba Hú”, vì tiếng rao của ông giống y như thế. Bà Polly mua than của ông lão, và tỏ ra rất thân thiện, còn ông Jerry bảo thật dễ chịu khi thấy một con ngựa già mà có thể vui vẻ như thế ở một nơi nghèo khổ.

CUỘC BẦU CỬ

Một chiều chúng tôi vừa vào sân thì bà Polly đi ra.

– Jerry! Ông B. vừa đến đây hỏi về chuyện bầu cử, ông ấy muốn thuê xe mình cho cuộc bầu cử đấy. Ông ấy sẽ gọi điện xem trả lời ra sao.

– Thế này Polly ạ, mình có thể nói xe tôi đã bận việc khác rồi. Tôi không thích dính vào chuyện quảng cáo rùm beng của họ, cũng như bắt Jack và Captain chạy khắp các quán rượu hô hào các cử tri dờ tỉnh dờ say, tôi cho như thế là lãng mạ mấy con ngựa yêu quý của tôi. Không mình ạ, tôi không làm trò ấy đâu.

– Em tưởng mình sẽ bầu cho ông ta? Ông ta bảo ông ta là người lèo lái mình.

– Ông ta có làm thế thật, nhưng tôi sẽ không bầu cho ông ta, Polly ạ. Mình biết ông ta buôn bán gì chứ?

– Em biết.

– Vậy đấy, một người có thể làm giàu bằng nhiều cách buôn bán, nhưng khi bưng tai bịt mắt trước cảnh thiếu thốn của công nhân, lương tâm tôi không thể đưa người ấy lên làm người lập pháp được. Tôi dám chắc họ sẽ tức giận, nhưng ai cũng phải làm điều người đó thấy là tốt nhất cho vùng mình chứ.

Buổi sáng trước cuộc bầu cử, ông Jerry đang đóng tôi vào cang xe thì cô bé Dolly vào sân, vừa khóc vừa gào, bộ váy áo màu lơ xinh xắn của em lấm lem bùn đất.

– Có chuyện gì thế Dolly?

– Mấy thằng hư đốn ấy, - cô bé Dolly thõn thức - ném đất vào con, gọi con là, là... đầu đường...

– Chúng nó gọi em con là đồ đầu đường xó chợ, bố ạ. - Cậu Harry chạy vào trông rất giận dữ, nói - Nhưng con cho chúng một trận rồi, chúng sẽ không dám bắt nạt em nữa. Con đã cho bọn chúng một trận nhớ đời, những thằng đê tiện bảo thủ, đểu giả, hèn nhát ấy!

Ông Jerry hôn cô bé và nói:

– Vào với mẹ đi con, cứng của bố, hôm nay con ở nhà giúp mẹ thì hơn, con nhé.

Rồi ông nghiêm nghị quay sang cậu Harry:

– Con ạ, bố mong con sẽ luôn che chở em con và cho bất cứ kẻ nào dám sỉ nhục nó một trận ra trò, đây là việc nên làm. Nhưng con hãy nhớ là bố không muốn có chuyện bầu bán bọn đê tiện ấy trong nhà mình. Có nhiều kẻ đê tiện theo đảng Tori cùng như theo đảng bảo thủ và còn nhiều đảng phái khác nữa, song bố không muốn bất kì người nào trong gia đình mình hòa trộn với họ. Kể cả trẻ con và đàn bà cũng sẵn sàng tranh cãi vì màu sắc các đảng phái, và chẳng có đến một phần mười hiểu nó là cái gì.

– Kìa bố, con tưởng đảng Tori đấu tranh cho tự do.

– Con ạ, tự do không đến từ màu cờ sắc áo, chỉ thể hiện các đảng phái và mọi thứ tự do con có đều là những trò tự do chè chén say sưa bằng tiền của người khác, tự do cưỡi một cái xe cũ bán thiu đến nơi bầu cử, tự do lãng nhục người khác khi bị bất đồng ý kiến và la hét khản cổ những điều chỉ hiểu nửa vời, tự do của con là thế đấy!

– Ôi bố ơi, bố đang cười kìa.

– Không Harry ạ, bố rất nghiêm túc, và bố thấy xấu hổ vì nhiều người lao theo những thứ lẽ ra họ phải hiểu rõ hơn. Bầu cử là việc rất nghiêm túc, chí ít là nên như thế, mỗi người nên bỏ phiếu theo lương tâm của mình, và cũng nên để cho hàng xóm làm như thế chứ.

NGƯỜI BẠN TRONG LÚC KHÓ KHĂN

Hôm đó là ngày bầu cử. Ông Jerry không cho xe ngựa tham gia quảng cáo cho đảng nào, nhưng chúng tôi cũng không thiếu việc.

Đầu tiên là một ông mập mạp, thối phù phù, xách túi du lịch muốn đến ga Bishopsgate. Rồi một nhóm muốn chúng tôi chở đến Công viên Regent, tiếp đến chúng tôi được gọi đến một con phố ngang, có một bà lão rụt rè, lo âu đợi đưa đến nhà băng. Đến đó, chúng tôi phải đợi đưa bà trở về. Lúc chúng tôi thả bà xuống, một ông mặt đỏ tay cầm một nắm giấy tờ chạy tới, thờ hồn hển. Ông Jerry chưa kịp bước xuống, ông ta đã mở cửa xe, thò đầu vào gọi to:

– Đồn cảnh sát phố Bow, nhanh lên!

Thế là chúng tôi chở ông đi, và sau một chuyến nữa, khi chúng tôi quay lại, bên vắng tanh chẳng còn chiếc xe nào khác. Ông Jerry đeo túi thức ăn cho tôi, vì ông vẫn nói:

– Trong những ngày như thế này, chúng ta phải ăn ngay lúc có thể. Ăn đi Jack, tranh thủ thời gian, con ạ.

Tôi thấy mình được ăn yến mạch nghiền trộn cháo cám rất ngon, dù là món hăng ngày, nhưng lúc này nó làm tôi đặc biệt tinh táo. Ông Jerry là người sâu sắc và ân cần, một con ngựa có chủ như thế không làm việc hết mình sao được? Sau đó ông lấy một trong những chiếc bánh nhân thịt của bà Polly ra, và đứng gần tôi, ông bắt đầu ăn.

Đường phố rất đông đúc, xe cộ mang đủ màu sắc của các ứng cử viên len qua đám đông, như thể mạng sống và chân tay chả thành vấn đề. Hôm ấy, chúng tôi nhìn thấy hai người ngã sóng soài, một là phụ nữ. Lũ ngựa thật tội nghiệp! Nhưng các cử tri ngồi trong xe chẳng nghĩ đến điều đó, vì nhiều người đã ngà ngà say, họ thò đầu ra ngoài cửa xe hoan hô âm ỉ lúc đảng của họ đi qua. Đây là cuộc bầu cử đầu tiên tôi chứng kiến, và tôi không muốn có cuộc khác nữa, dù ngày nay tôi đã nghe thấy có nhiều điều hay ho hơn.

Ông Jerry và tôi chưa ăn được mấy miếng thì một phụ nữ trẻ nghèo khổ, bế đứa con nặng đi dọc phố. Chị nhìn đây nhìn đó, có vẻ rất hoảng hốt. Sau đó chị đến chỗ ông Jerry và hỏi thăm đường đến bệnh viện St. Thomas, từ đây đến đó bao xa. Chị vừa đi xe từ quê ra sáng nay, và không biết có cuộc bầu cử. Chị hoàn toàn xa lạ với London, nhưng phải đưa con đến bệnh viện, thằng bé đang khóc, tiếng khẽ và ốm yếu.

– Khổ thân cháu nó, - chị nói - nó đau lắm. Cháu nó lên bốn, nhưng không đi lại được, như trẻ mới đẻ vậy. Bác sĩ bảo nếu tôi đưa cháu đến bệnh viện, nó sẽ khá lên nhiều. Xin ông cho biết có xa không ạ? Tôi phải đi đường nào?

– Này cô, cô không thể đi bộ, len qua đám đông này đến đây được! Bệnh viện cách đây ba dặm, mà cháu nó nặng thế này.

– Cảm ơn ông, ơn Chúa là tôi khỏe mạnh. Nếu biết đường, tôi sẽ đến đây được mà, chỉ xin ông chỉ giùm.

– Cô không thể đi được đâu, - ông Jerry nói - cô có thể bị ngã và cháu nó bị chẹt mất. Cô nhìn kìa, bây giờ cô vào xe đi, tôi sẽ đưa mẹ con cô đến bệnh viện an toàn, cô không thấy trời sắp mưa sao?

– Không ạ, cảm ơn ông, tôi không thể ạ. Tôi chỉ có đủ tiền quay về thôi. Xin ông chỉ đường giùm.

– Cô này, - ông Jerry nói - tôi có vợ và những đứa con ngoan ở nhà, và tôi hiểu cảm xúc của một người cha. Giờ thì cô lên xe đi, tôi sẽ đưa mẹ con cô đến đó miễn phí. Tôi sẽ rất xấu hổ nếu để một phụ nữ với đứa con đau ốm gặp cảnh hoạn nạn thế này.

– Xin Chúa phù hộ ông! - Người phụ nữ nói và òa khóc.

– Thôi nào, vui lên cô, tôi sẽ đưa mẹ con cô đến đấy ngay đây. Để tôi giúp cô lên xe.

Lúc ông Jerry mở cửa, hai người đàn ông đội mũ và khuyết áo sặc sỡ chạy đến, gọi to “Xe!”.

– Bận rồi! - Jerry hét lên.

Nhưng một người lao qua người đàn bà, nhảy tót vào xe, người kia theo sau. Ông Jerry nhìn, nghiêm khắc như một cảnh sát:

– Xe bạn chở bà này rồi, thưa các ông.

– Bà ư? - Một trong hai gã nói - Chà, bà ta có thể đợi, chúng tôi đang có việc quan trọng. Hơn nữa, chúng tôi đến trước. Đây là quyền của chúng tôi, và chúng tôi sẽ ngồi lại.

Một nụ cười kì lạ lan trên mặt Jerry lúc ông đóng sập cửa lại.

– Được thôi thưa các ông. Các ông cứ ở trong ấy đến lúc nào thì tùy. Tôi có thể đợi trong lúc các ông nghỉ ngơi.

Rồi quay lưng lại phía họ, ông đến chỗ người phụ nữ trẻ đang đứng gần tôi.

– Họ sẽ đi ngay thôi. - Ông vừa nói vừa cười - Cô đừng lo.

Họ đi thật. Lúc hiểu ra mánh của ông Jerry, họ vừa nhảy ra khỏi xe vừa réo gọi ông bằng đủ thứ tên xấu xa, hăm dọa ghi số xe và kiện ông. Sau lúc gián đoạn này, chúng tôi lên đường đến bệnh viện, chạy qua nhiều đường phố ngoắt ngoéo. Ông Jerry rung chuông thật to và đỡ người phụ nữ xuống xe.

– Cảm ơn ông ngàn lần! - Chị nói - Mình tôi không thể nào đến đây được.

– Cô sẽ được đón tiếp ân cần, và tôi hi vọng cháu bé sẽ sớm khá hơn.

Ông nhìn chị đến cửa, và nói khẽ một mình: “Đây là điều nhỏ bé nhất mình làm được cho họ”. Rồi vỗ vào cổ tôi, đây là cách ông thể hiện sự hài lòng.

Lúc này mưa rơi nặng hạt, và chúng tôi đang rời bệnh viện, cánh cửa lại mở lần nữa, một người phu khuân vác gọi “Xe!”. Chúng tôi đỗ lại, một phụ nữ xuống bậc thềm. Hình như Jerry nhận ngay ra bà ta. Bà lật tấm mạng che mặt và nói:

– Barker! Jeremiah Barker! Có phải anh đấy không? Tôi rất mừng gặp anh ở đây, anh đúng là người bạn tôi muốn có, vì hôm nay rất khó kiếm được một chiếc xe ở vùng này của London.

– Tôi rất tự hào được phục vụ bà. Tôi thật vui vì việc bất ngờ này. Tôi sẽ đưa bà đến đâu, thưa bà?

– Đến ga Paddington, và nếu có thời gian, tôi nghĩ là sẽ có, anh hãy kể cho tôi nghe về Mary (tên thân mật của bà Polly) và bọn trẻ nhé!

Chúng tôi đến ga sớm trước giờ, và người phụ nữ đứng nói chuyện với ông Jerry một lát. Tôi hiểu ra bà là chủ cũ của bà Polly, và sau nhiều câu hỏi về bé Dolly, bà nói:

– Anh thấy việc đánh xe trong mùa đông có hợp với anh không? Tôi biết hồi năm ngoái, Mary đã khá lo cho anh.

– Vâng, đúng thế thưa bà. Tôi bị ho khốn khổ, song lúc trời ấm lên tôi đã khỏe hoàn toàn rồi ạ. Mỗi khi tôi ở ngoài muện, cô ấy vẫn lo lắng. Thưa bà, công việc của tôi choán hết thời gian và làm trong mọi thời tiết, nó thử sức con người, nhưng tôi làm cũng được, và sẽ cảm thấy mất ý nghĩa nếu không có ngựa mà chăm sóc. Tôi nuôi dạy ngựa, và tôi e rằng sẽ không làm việc gì khác tốt hơn.

– Hay lắm, anh Barker, - bà ta nói - nếu sức khỏe của anh có làm sao thì thật đáng tiếc, không chỉ cho anh mà còn vì lợi ích của Mary và bọn trẻ. Nhiều nơi đang cần xà ích và giám mã giỏi. Lúc nào anh thấy muốn bỏ việc đánh xe chở khách, anh cứ cho tôi biết.

Rồi sau khi ân cần gửi lời thăm bà Mary, bà đặt vật gì đó vào tay ông Jerry và nói:

– Tôi gửi cho hai cháu mỗi đứa năm silling, Mary sẽ biết cách tiêu pha.

Ông Jerry cảm ơn bà và có vẻ rất mãn nguyện, rồi rời ga, cuối cùng chúng tôi về đến nhà. Ít ra, tôi cũng mệt.

GIÀ CAPTAIN VÀ NGƯỜI NỔI NGHIỆP

Captain và tôi đã là những người bạn thân thiết. Bác là bác ngựa già đáng khâm phục, là bạn đồng hành tuyệt vời. Tôi chẳng bao giờ nghĩ bác phải rời nhà và suy yếu rất nhanh. Nhưng rồi cũng đến phiên bác, và đây là chuyện xảy ra. Tôi không có mặt ở đó, nhưng được nghe kể lại.

Ông Jerry và bác Captain chờ một nhóm đến ga xe lửa chính trên cầu London, và lúc về, đến khoảng giữa cầu và Monument^[1], ông Jerry nhìn thấy một xe bò rỗng của người nấu rượu chạy tới, do hai con ngựa khỏe kéo. Người đánh xe quất lủ ngựa tui bụi. Xe nhẹ bẫng, hai con ngựa chạy với tốc độ điên cuồng, người đó không sao điều khiển nổi.

Đường phố đầy những xe, một cô gái trẻ bị ngã và bị chẹt phải, ngay sau đó chiếc xe bò đâm sầm vào xe chúng tôi, cả hai bánh xe văng ra, cỗ xe lật nhào. Bác Captain bị kéo theo, càng xe gãy vụn, một trong những mảnh gãy ấy xuyên vào sườn Captain. Ông Jerry cũng văng ra, nhưng chỉ bị thâm tím. Không ai có thể nói ông thoát ra sao, chính ông cũng bảo đấy là phép màu.

Lúc Captain khốn khổ đứng dậy, mới thấy bác bị nhiều vết rách và thương tổn nặng nề. Ông Jerry dắt bác về nhà rất nhẹ nhàng. Cảnh tượng thật đáng buồn khi máu thấm đẫm chiếc áo choàng màu trắng của bác, nhỏ giọt xuống từ bên sườn và vai. Người ta xác nhận người đánh xe bò say xỉn, bị phạt, người nấu rượu phải trả tiền thiệt hại cho chủ tôi, nhưng không ai trả thiệt hại cho bác Captain tội nghiệp.

Bác sĩ thú y và ông Jerry đã cố hết sức giảm nhẹ đau đớn cho Captain, làm bác dễ chịu hơn. Cỗ xe độc mã phải đem sửa, và trong mấy ngày tôi

không ra ngoài, nên ông Jerry chẳng kiếm được đồng nào. Lần đầu tiên chúng tôi đến bến sau vụ tại nạn, Thủ lĩnh đến hỏi thăm tin bác ngựa già Captain.

– Nó sẽ không bao giờ hồi phục, - ông Jerry nói - sáng nay bác sĩ đã báo ít ra là nó không thể làm việc cho tôi được nữa. Ông ấy nói nó có thể kéo xe chở hàng và làm việc loại đó. Tôi rất buồn phiền. Kéo xe hàng ư! Tôi đã thấy nhiều con ngựa như thế kéo xe hàng chạy khắp London. Tôi chỉ mong tống tất cả lũ nghiện ngập vào nhà thương điên, thay vì cho chúng vương chân người tình tảo.

Nếu xương của chúng bị gãy, xe của chúng bị vỡ, ngựa của chúng bị hỏng, thì đấy là việc của chúng, chúng ta có thể mặc xác bọn chúng. Rồi sao, rốt cuộc thì bọn chúng luôn là vô tội, rồi sau đó nhơn nhơn nói chuyện bồi thường! Không thể bồi thường những phiền muộn, bức dọc và mất thời giờ, ngoài việc mất con ngựa hay, thân thiết như một người bạn, nói đến việc đền bù thật nhảm nhí! Nếu có thể ước một điều gì, tôi mong thấy con quý bét nè ấy bị nhốt trong cái hầm không đáy.

– Này Jerry, - Thủ lĩnh nói - anh có biết anh đang làm tôi mếch lòng không? Tôi không được tốt như anh, tôi muốn thế lắm, nhưng xấu hổ cho tôi quá.

– Sao anh không bỏ rượu đi, Thủ lĩnh? - ông Jerry nói - Anh là người tốt, sao lại nô lệ thứ ấy.

– Tôi thật xuẩn ngốc Jerry ạ, nhưng tôi đã cố một, hai ngày, và tưởng như sắp chết. Như anh thì sẽ làm gì?

– Tôi đã làm việc quần quật liên vài tuần lễ. Anh thấy đấy, tôi chưa bao giờ say sưa, nhưng tôi nhận thấy mình khó làm chủ nổi mình và lúc thêm rượu, nói “không” thật vất vả. Tôi thấy hoặc phải gục ngã dưới nanh vuốt con ác quỷ rượu chè hoặc là Jerry Barker, và xin nói rằng chẳng phải là Jerry Barker đâu, mà Chúa đang giúp tôi.

Nhưng đấy là một cuộc đấu tranh, và tôi muốn nhận được mọi sự trợ giúp, và cho đến lúc phá vỡ thói quen, tôi vẫn không biết nó mạnh đến chừng nào. Bà Polly đã bỏ nhiều công sức nên tôi được ăn ngon, và mỗi khi lên cơn

thèm rượu, tôi thường uống một tách cà phê hoặc bạc hà, hay đọc sách và nó đã giúp được tôi.

Đôi khi tôi cứ phải nhắc đi nhắc lại với bản thân “Bỏ rượu hay yêu quý tâm hồn mình? Bỏ rượu hay làm tan nát cõi lòng Polly?”. Nhờ ơn Chúa và người vợ yêu của tôi, tôi đã dứt dứt xích xiềng, và suốt mười năm nay tôi không nhấp một giọt cũng như không bao giờ muốn uống nữa.

– Tôi đã cố thử, - Thủ lĩnh Grant nói - vì thật khốn khổ cho người không làm chủ được mình.

– Cố lên, Grant ạ, cố lên, anh sẽ không bao giờ phải hối tiếc đâu. Việc đó sẽ giúp được một số anh chàng tội nghiệp trong hàng ngũ chúng ta, nếu họ thấy anh không chạm đến rượu! Tôi biết có hai hoặc ba người muốn tránh xa quán rượu nếu có thể được.

Ban đầu bác ngựa Captain có vẻ khá lên, nhưng bác đã già lắm rồi, nhờ thể tạng phi thường của bác và sự chăm sóc ân cần của ông Jerry mới giữ cho bác kéo xe khách được lâu như thế, và giờ đây bác suy sụp rất nhiều. Bác sĩ thú y nói có thể chạy chữa cho Captain đủ để bán được vài bảng, nhưng ông Jerry trả lời “Không!”. Bán người hầu già tận tụy của mình vào nơi làm việc cực nhọc và khổ sở sẽ làm mục rữa toàn bộ tiền nong của ông. Ông cho rằng điều tốt nhất có thể làm cho bác ngựa hay, già lão là một viên đạn xuyên tim, Captain sẽ không bao giờ phải chịu khổ sở nữa, vì ông không biết tìm đâu ra một người chủ tử tế cho quãng đời còn lại của bác.

Ngay hôm sau quyết định đó, cậu Harry đưa tôi đến thợ rèn đóng lại mấy cái móng mới. Khi tôi trở về, bác Captain đã chết rồi. Cả nhà và tôi đều cảm thấy rất rõ.

Ông Jerry để ý tìm kiếm một con ngựa khác và sớm nghe tin một con ngựa qua một trong những người quen làm phụ giám mã của một nhà quý tộc. Con ngựa này còn non và có giá, nhưng nó lỏng lên, lao vào một cái xe khác, hất ông chủ ra ngoài, nên bị ô danh và giảm giá đến nỗi không thể xứng ở trong chuồng của nhà quý tộc được nữa. Họ ra lệnh cho xà ích kiểm chỗ bán nó ngay.

– Tôi có đủ can đảm làm việc với một con ngựa, nếu nó không hung hãn và nguy hiểm, hoặc khó kìm bằng hàm thiếc.

– Nó không có những thói tật ấy đâu, - người kia nói - mồm nó rất nhạy cảm, và tôi cho chuyện kia chỉ là ngẫu nhiên thôi. Ông thấy đấy, nó vừa chạy rất nhanh, thời tiết lại xấu và nó chưa được rèn cặp đầy đủ, nên khi ra ngoài, nó nảy như một quả bóng. Xà ích lại thắt dây cương chặt và chắc hết mức, thắt cả đai ghì đầu, giá cương, một dây cầm rất sắc, dây cương lại thít ở nấc cuối cùng, tôi tin rằng tất cả những thứ ấy làm con ngựa phát điên, nhất là nó có cái mồm nhạy cảm và tính tình hăng hái.

– Thế là đủ, tôi sẽ đến xem. - Ông Jerry nói.

Ngày hôm sau, Hotspur - tên con ngựa - đã về đến nhà. Đây là một chú ngựa nâu tuyền đường bệ, không một sợi lông trắng trên người, cao như bác Captain, cái đầu đẹp đẽ, mới năm tuổi. Tôi thân thiện chào đón chú ta theo kiểu bạn tốt, nhưng không hỏi câu nào. Đêm đầu tiên, chú ta rất bồn chồn. Đáng lẽ nằm xuống, chú ta cứ giật lên giật xuống dây thòng lọng luồn qua cái vòng, gõ móng vào súc gỗ kê máng làm tôi không sao ngủ được. Tuy vậy, hôm sau, sau năm hoặc sáu giờ đóng vào xe, nó trở nên yên lặng và nhạy cảm. Ông Jerry vỗ về và trò chuyện nhiều với nó, đôi bên hiểu nhau rất nhanh. Ông nói việc đóng hàm thiếc thoải mái và làm việc nhiều sẽ làm cho Hotspur hiền như một con cừu. “Đất xấu vất chẳng nên nời”, tôn ông của nó đã mất một cục cương đáng giá một trăm ghinê^[12], còn người đánh xe khách được một con ngựa hay rất sung sức.

Hotspur coi việc cho làm ngựa kéo xe khách là xuống cấp ghê gớm và ảm ức khi phải đứng vào hàng. Nhưng đến cuối tuần chú ta thú nhận với tôi rằng thật sung sướng vì mồm được thoải mái và đầu thoát khỏi bao thứ trang trí lằng nhằng, rốt cuộc thì công việc cũng chẳng có gì kém danh giá so với lúc là con ngựa bị buộc chặt đầu và đuôi vào yên. Thực ra, Hotspur ổn định nhanh, và ông Jerry rất mến nó.

NĂM MỚI CỦA JERRY

Giáng sinh và năm mới là những thời khắc vui vẻ cho một số người, nhưng với xà ích và ngựa kéo xe thì đây không phải là ngày nghỉ, dù có thể thu hoạch ít nhiều. Có nhiều cuộc tiệc tùng, vũ hội và nơi giải trí đến mức công việc thật vất vả và thường rất muộn. Đôi khi xà ích và ngựa rùng mình vì rét, vì phải đợi nhiều giờ trong mưa hoặc sương giá, trong lúc những con người sung sướng đang khiêu vũ theo điệu nhạc trong nhà. Tôi không biết các quý bà kiêu diễm có bao giờ nghĩ đến người xà ích mệt lử ngồi đợi trên ghế, đến con ngựa nhằn nại đứng chờ đến lúc chân cứng đờ vì lạnh không?

Hồi này tôi đã quen với công việc buổi tối, ông Jerry e chú ngựa mới Hotspur dễ bị nhiễm lạnh hơn. Tuần Giáng sinh chúng tôi có nhiều việc làm muộn, ông Jerry bị ho dữ dội. Song dù chúng tôi về muộn bà Polly vẫn đợi ông, cầm đèn lồng ra đón ông, trông bà đầy lo âu và phiền muộn.

Vào đêm giao thừa, chúng tôi chờ hai người đàn ông đến một tòa nhà tại một trong các quảng trường ở West End. Chúng tôi thả họ xuống lúc chín giờ, và họ dặn mười một giờ đến đón. Một người nói:

– Đây là buổi chơi bài nên có khi anh phải đợi ít phút, nhưng đừng đến muộn đấy.

Đồng hồ điểm mười một tiếng, chúng tôi đã đợi bên cửa vì ông Jerry luôn đúng giờ. Đồng hồ gõ từng khắc, một, hai, ba, rồi mười hai giờ, nhưng cửa vẫn không mở.

Ban ngày có nhiều cơn gió giạt kèm mưa, nhưng gió đã đổi nhiều và lúc này mưa đã ào ào, dữ dội, như thể từ mọi nơi dồn lại. Trời rất lạnh, lại không có chỗ trú. Ông Jerry rời chỗ, đến kéo tấm vải che phủ thêm lên cổ tôi; rồi

giậm chân, ông làm một, hai vòng ngược xuôi. Sau đó ông bắt đầu đập vào cánh tay và ho sù sụ, nên phải mở cửa xe để ngồi xuống sàn xe, chân để lên vỉa hè. Đồng hồ điểm mười hai giờ mười lăm vẫn chưa thấy ai. Đến mười hai rưỡi, ông Jerry bấm chuông và hỏi người hầu liệu đêm nay có cần ông không.

– Ồ, có chứ! Chắc chắn là cần rồi, - người ấy nói - anh không được đi, sắp xong rồi.

Thế là ông Jerry lại ngồi xuống, nhưng tiếng ông khản đặc đến mức tôi khó mà nghe ra.

Mười lăm phút sau, cánh cửa mở và hai người đi ra. Họ lảng lảng vào trong xe và bảo Jerry nơi đến, cách đó gần hai dặm. Chân tôi tê cứng vì rét, tôi tưởng chừng sắp ngã nhào. Lúc những người ấy ra, họ chẳng hề có một lời xin lỗi đã bắt chúng tôi phải đợi lâu đến thế, nhưng họ rất cáu lúc tính tiền. Dù ông Jerry không bao giờ tính hơn phần phải có, ông cũng không bao giờ tính ít hơn nên họ phải trả hai giờ mười lăm phút chờ đợi, đấy là khoản tiền ông Jerry kiếm được rất khó khăn.

Cuối cùng chúng tôi về đến nhà. Ông Jerry không thể nói được, ông ho dữ dội. Bà Polly mở cửa và soi đèn cho ông.

– Em không thể làm gì được sao? - Bà hỏi.

– Có đấy, ủ ấm cho Jack, rồi đun sôi cho tôi ít cháo.

Ông nói thào thào, khản đặc. Ông thở rất khó khăn, nhưng vẫn chà xát cho tôi như thường lệ, thậm chí còn leo lên vựa cỏ khô lấy thêm bó rơm trải ổ cho tôi. Bà Polly cho tôi ăn cám nóng làm tôi tỉnh hẳn người, sau đó họ khóa cửa lại.

Sáng hôm sau, mãi mới có người đến, và đó là Harry. Cậu chải lông và cho chúng tôi ăn, quét dọn các ô chuồng, rồi lại trải rơm lần nữa như hôm đó là Chủ nhật. Cậu rất lặng lẽ, không huýt sáo, cũng không hát. Đến trưa, cậu lại vào cho chúng tôi ăn uống lần nữa, lần này cô bé Dolly đi cùng cậu. Cô bé đang khóc, và qua những lời họ nói tôi hiểu rằng ông Jerry ốm rất nguy kịch, bác sĩ bảo là một ca rất nặng. Hai ngày qua đi như thế, trong nhà rất

phiền muộn. Chúng tôi chỉ trông thấy cậu Harry và thi thoảng thấy cô bé Dolly. Tôi cho là hai anh em đi cho có bạn, vì bà Polly luôn ở bên ông Jerry, ông cần được yên tĩnh.

Ngày thứ ba, lúc cậu Harry đang ở trong chuồng ngựa, có tiếng gõ vào cánh cửa và Thủ lĩnh bước vào.

– Bác không lên nhà đâu cháu ạ, - ông nói - nhưng bác muốn biết tình hình bố cháu.

– Bố cháu ốm nặng lắm, - Harry nói - không thể nặng hơn nữa. Họ gọi là bệnh viêm cuống phổi, và bác sĩ nói đêm nay hoặc đêm mai sẽ biến chuyển.

– Tệ quá, rất tệ! - Thủ lĩnh Grant vừa nói vừa lắc đầu - Bác biết tuần trước có hai người chết vì bệnh đó. Họ chết chẳng đúng lúc tí nào, nhưng còn sống thì còn hi vọng, nên cháu phải giữ vững tinh thần.

– Vâng, - Harry nói nhanh - bác sĩ bảo bố cháu có cơ khá hơn những người khác, vì không uống rượu, ông ấy bảo hôm qua sốt cao thế, nếu là người nghiện rượu thì đã cháy rụi như một mẩu giấy rồi. Cháu tin là bố cháu sẽ qua khỏi, bác có nghĩ thế không, bác Grant?

Trông Grant rất lúng túng.

– Nếu có quy luật là người tốt vượt qua những thứ này, bác chắc bố cháu sẽ qua khỏi, cháu ạ. Bố cháu là người tốt nhất mà bác biết. Sáng mai bác sẽ ghé đến sớm.

Sớm hôm sau, ông đã ở đó.

– Thế nào? - Ông hỏi.

– Bố cháu khá hơn. - Harry nói - Mẹ cháu hi vọng bố cháu sẽ khỏi.

– Tạ ơn Chúa! - Thủ lĩnh nói - Bây giờ cháu phải ủ ấm cho bố cháu, giữ cho bố cháu thoải mái. Đưa bác đến chỗ mấy con ngựa. Ngày cháu, Jack sẽ khỏe hơn nếu ở hết tuần này hoặc tuần nữa trong chuồng ấm, cháu có thể thoải mái dong nó ngược xuôi trên phố cho nó đỡ cuồng căng; nhưng con ngựa non này nếu không làm việc sẽ dễ chồm đứng lên, và lúc ra ngoài dễ gây tai nạn lắm đấy.

- Bây giờ nó đã thế rồi. - Harry nói - Cháu cho nó ăn ít ngũ cốc, nhưng nó quá hăng hái nên cháu chẳng biết làm gì với nó.

- Vậy thế này, - Thủ lĩnh Grant nói - cháu nghe đây. Cháu nói với mẹ cháu, nếu mẹ cháu đồng ý thì cho đến lúc mọi việc đâu vào đấy, hằng ngày bác sẽ đến mang con ngựa non này đi và sẽ cho nó luân phiên làm việc, nó kiếm được bao nhiêu bác sẽ đưa mẹ cháu một nửa, còn nửa để nuôi nó. Bác biết cha cháu tham gia một hội tốt đẹp, nhưng hội đó không trông nom ngựa, mà lúc này lũ ngựa chẳng được tích sự gì. Đến trưa bác sẽ đến nghe mẹ cháu trả lời ra sao.

Rồi không đợi Harry cảm ơn, ông ra đi.

Đến trưa, tôi cho là ông đã đến gặp bà Polly, vì cậu Harry và ông cùng vào chuồng, đóng cương cho chú ngựa non Hotspur và dắt nó ra ngoài.

Ông đến nhận Hotspur khoảng một tuần hoặc hơn, khi cậu Harry cảm ơn ông và nói điều gì đó về sự tử tế của ông, Thủ lĩnh Grant chỉ cười và nói đó là dịp may cho ông, vì ngựa của ông đang muốn nghỉ ngơi chút ít mà không biết làm thế nào.

Ông Jerry dần dần khá hơn, nhưng bác sĩ nói ông không bao giờ được trở lại làm nghề đánh xe chở khách nữa, nếu ông muốn sống đến già. Các con ông đã bàn bạc rất nhiều về việc bố mẹ nên làm gì, chúng có thể giúp kiếm tiền ra sao.

Một buổi chiều, chú ngựa non Hotspur được đưa về, ướt đẫm và bẩn thỉu.

- Đường phố toàn bùn loãng, - Thủ lĩnh nói - cháu phải mất công chải sạch, lau khô và ủ ấm cho nó, cháu ạ.

- Được ạ, thưa Thủ lĩnh, - Harry nói - cháu sẽ không rời nó cho đến lúc làm xong; bác biết là bố cháu đã huấn luyện cháu cẩn thận mà.

- Bác ước gì tất cả các cậu bé đều được dạy dỗ như cháu, - Thủ lĩnh nói.

Trong lúc cậu Harry dùng bọt biển thấm bùn khỏi thân và chân ngựa Hotspur thì cô bé Dolly vào, trông rất bẩn khoăn.

- Anh Harry ơi, ai ở Fairstowe thế? Mẹ nhận được thư từ Fairstowe, mẹ có vẻ vui và mang ngay lên gác cho bố.

– Em không biết à? Đấy là tên nơi ở của bà Fowler, bà chủ cũ của mẹ, em nhớ chưa? Cái bà gặp bố hồi hè năm ngoái, rồi gửi cho mỗi đứa mình năm silling ấy.

– Chao ôi! Bà Fowler, em biết hết về bà ấy thì có. Em không hiểu bà ấy viết gì cho mẹ.

– Tuần trước mẹ gửi thư cho bà ấy. - Harry nói - Em có biết bà ấy đã báo khi nào bố bỏ nghề đánh xe khách thì báo cho bà ấy. Anh không biết bà ấy viết gì, chạy ngay vào xem, Dolly.

Harry cọ sạch Hotspur và luôn miệng “Hui! Hui!” như một người coi chuồng gà.

Ít phút sau, Dolly đến, cô bé nhảy nhót vào chuồng.

– Anh Harry ơi! Có gì tuyệt hơn thế không? Bà Fowler bảo tất cả nhà ta đến sống gần bà ấy. Ở đấy có một cái nhà tranh bỏ trống rất hợp với chúng ta, có vườn, có chuồng gà, nhiều cây táo và đủ mọi thứ! Đến mùa xuân, xà ích của bà sẽ đi xa, và bà ấy muốn bố thế chân ấy. Quanh đấy có nhiều gia đình giàu có, anh có thể kiếm việc làm trong vườn hoặc chuồng ngựa, hoặc làm thị đồng, có cả một trường học tốt cho em nữa. Mẹ hết cười lại khóc, còn bố trông sao mà vui đến thế!

– Thật là chuyện vui hiếm thấy, - Harry nói - có thể nói là cầu được ước thấy. Rất hợp với bố mẹ, nhưng anh không muốn thành một thị đồng quần áo chật cứng, đầy những dải, những khuy. Anh sẽ làm giám mã hoặc làm vườn.

Mọi chuyện thu xếp chóng vánh, và ngay khi ông Jerry đủ khỏe, họ chuyển đến vùng quê, thế là xe và ngựa sẽ bị bán ngay khi có thể.

Tin này thật nặng nề cho tôi, vì lúc này tôi không còn trẻ, và không còn mong đợi bất cứ sự cải thiện nào cho thân phận của mình. Từ khi rời khỏi Birtwick, chưa bao giờ tôi thấy hạnh phúc như thời gian ở với gia đình ông chủ Jerry yêu quý của tôi. Nhưng ba năm kéo xe, dù trong điều kiện tốt nhất cũng làm hao mòn sức khỏe, và tôi cảm thấy tôi không còn là con ngựa trước đây nữa.

Thủ lĩnh Grant nói ngay ông sẽ mua ngựa Hotspur. Có nhiều người ở bên xe đến hỏi mua tôi, nhưng ông Jerry nói tôi sẽ không kéo xe với bất kì ai nữa, và Thủ lĩnh hứa tìm cho tôi một chỗ thành thơi.

Ngày tôi ra đi đã tới. Ông Jerry vẫn chưa được phép ra ngoài, còn tôi chưa nhìn thấy ông lần nào kể từ đêm giao thừa. Bà Polly và các con vào từ biệt tôi.

– Jack già nua tội nghiệp! Già Jack thân mến! Ước gì chúng ta có thể đưa người đi cùng! - Bà Polly nói, rồi đặt tay lên bờm tôi, bà áp mặt vào cổ tôi và hôn tôi. Cô bé Dolly khóc nức nở và cũng hôn tôi. Cậu Harry cứ vuốt ve tôi mãi nhưng không nói gì, chỉ có vẻ rất buồn.

Tôi bị đưa đến chỗ ở mới như thế đấy.

PHẦN BỐN

JAKES VÀ MỘT QUÝ BÀ

Tôi được bán cho một người buôn bán ngũ cốc và làm bánh mì mà ông Jerry quen biết, ông cho rằng tôi sẽ được ăn uống tử tế và làm việc vừa phải. Hồi đầu thì đúng thế. Nếu ông chủ luôn có mặt trong nhà, tôi tin rằng tôi không bị làm việc quá tải. Nhưng viên đốc công là người lúc nào cũng vội vàng và giục giã mọi người, lúc tôi đã bị chất quá nặng ông ta vẫn ra lệnh chất thêm nữa. Xà ích của tôi tên là Jakes thường nói thế là quá sức tôi, nhưng viên đốc công gạt phắt đi và nói:

– Thế này vẫn chưa gấp đôi trước kia, mà tôi đã quyết đẩy công việc tiến lên.

Giống nhiều xà ích khác, Jakes luôn đóng giá cường để ngăn tôi rút đầu ra dễ dàng. Lần này mới được ba, bốn tháng, tôi thấy sức khỏe mòn mỏi rất nhiều.

Một hôm tôi chở nhiều hơn thường lệ, và một phần đường phải leo lên quả đồi dốc đứng. Tôi vận dụng hết sức nhưng không nổi, và phải dừng lại liên tục. Xà ích không hài lòng, ông đánh tôi dữ dội.

– Đi nào, đồ lười, - ông ta nói - hoặc tao sẽ xử lí mày.

Tôi lại kéo gánh nặng ấy, song chỉ cố được vài mét, roi quất vun vút, tôi lại cố tiến lên. Tôi đau vì ngọn roi quá mạnh, nhưng suy nghĩ và cảm giác của tôi bị thương tổn còn nặng hơn hai bên sườn tôi. Bị trừng phạt và hành hạ trong lúc tôi đang cố gắng hết sức, tàn nhẫn đến mức như rút trái tim khỏi người tôi. Lần thứ ba ông ta đang hung hãn quất tôi, thì một bà bước nhanh tới và nói, giọng bà rất dịu dàng và chân thành:

– Chao ôi! Đừng đánh con ngựa ngoan của ông nữa. Tôi chắc là nó đang làm hết sức rồi. Đường dốc quá, tôi chắc là nó đã rất cố gắng.

– Nếu cố mà chưa kéo nổi, thì nó phải cố hơn nữa chứ, tôi biết thế mà, thưa bà. - Xà ích Jakes nói.

– Nhưng chùng này có nặng quá không? - Bà ta nói.

– Có, quá nặng, - ông ta nói - nhưng đây không phải lỗi tại tôi. Chúng tôi vừa khởi hành thì dốc công đến, bắt chắt thêm tạ rưỡi. Tôi phải chắt thêm, chùng nào còn có thể.

Ông ta vung roi lên thì người phụ nữ nói:

– Xin ông dừng tay, tôi nghĩ tôi có thể giúp, nếu ông để tôi.

Xà ích Jakes bật cười.

– Ông thấy không, - bà ta nói - ông không cho nó một cơ hội thích đáng. Nó không thể dùng hết sức nếu đầu nó bị buộc ngật ra sau vào giá cương thế kia. Nếu ông bỏ giá cương đi, tôi chắc sẽ tốt hơn, ông cứ thử xem, - bà ta nói đầy sức thuyết phục - tôi rất vui nếu ông làm thế.

– Xin vâng, - Jakes vừa nói và cười - xin làm mọi thứ đẹp lòng bà. Bà muốn hạ xuống chùng nào, thưa bà?

– Hạ thật thấp, để đầu nó hoàn toàn thoải mái.

Giá cương được tháo bỏ, tôi áp đầu xuống đầu gối giây lát. Thật dễ chịu biết bao! Sau đó tôi lúc lắc lên xuống mấy lần, cho cổ đỡ cứng đờ, đau mỏi.

– Tội nghiệp mi, mi muốn thế chứ gì? - Bà ta nói và đưa bàn tay dịu dàng vỗ về, vuốt ve tôi - Bây giờ nếu ông nói ngọt với nó và dắt nó đi tiếp, tôi chắc nó sẽ làm khá hơn nhiều.

Jakes cầm lấy dây cương:

– Đi nào, Blackie!

Tôi cúi đầu xuống, dồn hết sức nặng lên vòng cổ. Tôi không tiếc sức! Khối hàng chuyển động, và tôi kéo đều đều lên đồi, sau đó đứng thờ.

Người phụ nữ đi theo con đường mòn, lúc này tạt sang đường chính. Bà vuốt ve và vỗ vào cổ tôi, đã nhiều ngày nay tôi không hề được vỗ về.

– Ông thấy chưa, nó rất quyết tâm nếu ông cho nó cơ hội. Tôi tin nó là con vật thuần tính, và dám chắc nó đã biết đến những ngày tốt đẹp hơn. Ông sẽ không đóng cái giá cương này nữa chứ? - Vì xà ích Jakes định đặt nó vào chỗ cũ.

– Vâng thưa bà, tôi không phủ nhận rằng cái đầu đã giúp nó kéo được xe lên đồi, và tôi sẽ nhớ, xin cảm ơn bà. Nhưng nếu không đóng giá cương, tôi sẽ bị các xà ích khác chê cười, vì là mốt, bà ạ.

– Đưa ra một tốt chẳng hay hơn theo một xấu sao? - Bà nói - Hiện giờ rất nhiều quý ông không dùng giá cương nữa, ngựa của chúng tôi không đóng giá cương đã mười lăm năm, chúng làm việc đỡ mệt hơn. - Bà nói thêm bằng giọng nghiêm nghị - Hơn nữa, chúng ta không có quyền làm các tạo vật của Chúa khốn khổ, dù vì bất cứ lí do nào. Chúng ta gọi chúng là những con vật câm, mà đúng là như thế, chúng không thể nói lên cảm nghĩ của chúng, nhưng chúng chịu khổ sở không ít vì không nói nên lời. Nhưng bây giờ tôi không giữ ông nữa, cảm ơn ông đã thử theo ý tôi cho con ngựa ngoan của ông, và tôi tin chắc như thế sẽ tốt hơn dùng roi nhiều. Thôi chào ông!

Vỗ nhẹ thêm cái nữa lên cổ tôi, bà nhẹ nhàng bước sang đường và tôi không nhìn thấy bà nữa.

– Đây là một quý bà đích thực, mình sẽ nghe lời. - Jakes nói một mình - Bà ta ăn nói lịch thiệp như một quý ông phong nhã. Dù sao mình cũng sẽ thử kiểu của bà ấy lúc lên đồi.

Công bằng mà nói, Jakes đã nới dây cương ra mấy nấc, và sau lần đó, mỗi lần lên đồi, ông luôn để đầu tôi thoải mái. Nhưng khối hàng mỗi lúc một nặng thêm.

Ăn ngon và nghỉ ngơi hợp lí sẽ giữ được sức khi làm việc vất vả, nhưng không con ngựa nào chịu đựng được quá tải. Tôi bị xuống sức hoàn toàn vì lí do này, đến mức họ phải mua một con ngựa trẻ hơn thế chỗ.

Đến đây, tôi có thể nói hồi này tôi còn khổ sở vì một lí do khác. Tôi đã nghe nhiều con ngựa nói đến, nhưng bản thân tôi chưa bao giờ trải qua cái chuồng tối tăm tởm lợm. Chuồng chỉ có một cửa duy nhất, rất nhỏ ở một đầu, hậu quả là các ô chuồng gần như tối mò.

Ngoài việc làm tinh thần tôi chán nản, nó còn làm thị lực của tôi yếu đi rất nhiều. Mỗi khi thoát khỏi bóng tối ra ánh mặt trời ban ngày chói lòa, mắt tôi đau nhức nhối. Mấy lần tôi vấp vào ngưỡng cửa, và hầu như không nhìn thấy nơi tôi sắp đến. Tôi tin rằng ở đây quá lâu, tôi sẽ thành kẻ mù dờ và sẽ là một đại họa. Tôi nghe người ta nói rằng điều khiến một con ngựa hoàn toàn mù tịt còn an toàn hơn ngựa có thị lực không hoàn chỉnh, vì mù dờ làm ngựa rất dễ sợ hãi. Song, tôi đã thoát khỏi mọi thương tổn thị lực, và bị bán cho một ông chủ xe ngựa chở khách loại lớn.

THỜI GIAN KHÓ KHĂN

Tôi sẽ không bao giờ quên ông chủ mới của tôi. Lão có cặp mắt đen và cái mũi khoằm, miệng đầy răng như một con chó bun^[13], giọng khàn khàn như tiếng bánh xe nghiêng trên sỏi. Tên lão là Nicholar Skinner, và tôi tin rằng lão chính là người mà bác Seedy Sam tội nghiệp đã đánh xe thuê.

Tôi đã nghe nhiều người nói nhìn thấy là tin, nhưng tôi sẽ nói rằng cảm thấy mới tin được. Ví như trước đây tôi đã nhìn thấy nhưng chưa bao giờ hiểu trọn vẹn nỗi khổ của đời ngựa kéo xe chở khách, cho đến tận bây giờ.

Ông chủ Skinner có một bộ xe thấp và một tốp xà ích ti tiện. Lão khắc nghiệt với mọi người, còn họ lại khắc nghiệt với ngựa. Ở nơi này, chúng tôi không được nghỉ Chủ nhật, ngay cả trong mùa hè nóng bỏng.

Đôi khi sáng Chủ nhật, một nhóm ăn chơi phóng đấng thuê xe cả ngày, bốn người ngồi trong xe, một người nữa ngồi cạnh xà ích và tôi phải kéo tất cả bọn đi mười hoặc mười lăm dặm ra vùng quê, rồi lại kéo trở về. Chẳng ai trong số đó chịu xuống cuốc bộ lên đồi, ngay cả khi đồi dốc đứng hoặc trong ngày nóng nực vô cùng, trừ khi xà ích sợ tôi không thể xoay sở nổi, vì có khi tôi phát sốt và mỗi mệp đến mức không động đến bữa ăn. Tôi thêm biết chừng nào món cháo cám ngon lành rắc muối mà ông Jerry hay đem cho chúng tôi những đêm thứ bảy trong tiết trời nóng bức, nó làm chúng tôi mát rượi cả người và dễ chịu hẳn. Sau đó chúng tôi có trọn hai đêm và một ngày nghỉ ngơi thẳng một lèo, đến sáng thứ Hai chúng tôi khỏe khoắn như những chú ngựa tơ. Còn ở nơi đây, đã không có ngày nghỉ, xà ích của tôi lại khắc nghiệt y hệt ông chủ.

Ông ta có ngọn roi tàn bạo, đầu roi gắn thứ gì đó rất sắc, có khi làm tóa máu dù đánh vào dưới bụng hay quất lên đầu. Sự sỉ nhục này làm tôi vô

cùng đau đớn, nhưng tôi vẫn cố gắng hết sức và chưa bao giờ chùn lại. Vì như chị Ginger tội nghiệp đã nói, làm vậy chẳng ăn thua gì, con người luôn mạnh hơn.

Cuộc sống của tôi giờ đây hoàn toàn khốn khổ, đến mức tôi mong được như chị Ginger, gục xuống chết trong lúc làm việc, và thế là thoát khỏi mọi nỗi khổ sở. Một hôm, ước mong của tôi suýt thành công.

Tôi đến bến lúc tám giờ sáng, và đã làm xong phần việc chung lúc đón khách ở ga xe lửa. Một đoàn dài các xe đang đợi, nên xà ích của tôi đỗ sau một vài xe khách ở bên ngoài, đợi dịp có khách khứ hồi. Tàu rất đông khách, nên các xe ngựa đều được thuê ngay, xe chúng tôi cũng được gọi.

Một nhóm gồm bốn người: một người đàn ông ồn ào, quát tháo âm ỉ, một phụ nữ, một cậu bé, một cô bé và rất nhiều hành lí. Người phụ nữ và cậu bé lên xe, trong lúc người đàn ông sắp xếp hành lí, còn cô bé tiến đến và ngăm nhìn tôi.

- Ba ơi, - cô nói - con chắc con vật tội nghiệp này không thể kéo nổi chúng ta và tất cả hành lí đi xa thế đâu, nó yếu và mệt mỏi quá, ba nhìn nó xem.

- Ôi chà, nó ổn thôi, cô ạ, - xà ích nói - nó đủ khỏe mà.

Người phu khuân vác đang kéo một số thùng nặng, gợi ý với người đàn ông ấy là nhiều hành lí quá, nên gọi thêm chiếc xe nữa.

- Ngựa của anh liệu có kéo nổi hay không, hả? - Người đàn ông quát tháo.

- Có ạ, nó có thể làm tốt mà, thưa ông. Xếp các thùng lên, anh phu, nó có thể kéo hơn nữa cũng được. - Vừa nói, xà ích vừa kéo giúp một cái thùng nặng đến mức tôi cảm thấy nhíp xe oằn xuống.

- Ba, ba ơi, gọi xe nữa đi ba! - Cô bé năn nỉ - Con cho là chúng ta không đúng đâu, chắc chắn việc này rất độc ác.

- Nhảm nào, Grace, vào xe ngay, đừng có rỗi lên thế. Chẳng hay ho gì nếu một người đã bận rộn mà còn phải kiểm tra từng con ngựa trước khi thuê, ai cùng phải biết việc của mình chứ. Vào xe đi và im miệng!

Người bạn dịu dàng của tôi phải tuân lời; hết thùng nọ đến thùng kia được kéo lên và xếp chồng chất lên nóc xe, hoặc để cạnh chỗ xà ích. Cuối cùng mọi thứ xong xuôi, giặt cương và quất roi như thường lệ, xà ích đánh xe ra khỏi ga.

Trọng tải rất nặng, mà từ sáng tôi chưa được ăn uống hoặc nghỉ ngơi. Nhưng tôi vẫn cố gắng hết sức như mọi ngày, dù bị đối xử tàn nhẫn và bất công.

Tôi chạy suôn sẻ đến đồi Ludgate, nhưng đến đấy thì trọng tải quá nặng và sức tôi đã quá kiệt. Tôi ra sức kéo, xà ích giặt cương liên tiếp và quất roi thúc giục, rồi trong một thoáng - tôi không thể nói như thế nào - chân tôi trượt dưới thân, và tôi nặng nề ngã nghiêng xuống đất. Tôi cảm thấy rõ sự bất ngờ và sức nặng như rút hết hơi thở khỏi người tôi.

Tôi nằm im thin thít vì thực sự không còn hơi sức mà cựa quậy, và tưởng mình sắp chết. Tôi nghe thấy những âm thanh hỗn loạn quanh tôi, nhiều tiếng nói to, giận dữ, tiếng dờ hành lí xuống, nhưng tất cả như một giấc mơ. Tôi tưởng như nghe thấy một giọng dịu dàng và thương cảm:

– Chao ôi! Con ngựa khốn khổ! Tất cả là lỗi của chúng ta.

Có ai đó nới lỏng dây cương trên họng tôi, tháo những dây kéo giữ cái vòng cổ đang siết chặt quanh tôi. Người đó nói:

– Nó chết rồi, nó sẽ không bao giờ đứng dậy được nữa.

Sau đó tôi nghe tiếng một cảnh sát ra lệnh, nhưng tôi không thể mở nổi mắt, thỉnh thoảng tôi chỉ có thể hít một hơi khò khè. Một ít nước lạnh tạt lên đầu tôi, ít rượu bổ đổ vào mồm tôi, và cái gì đó phủ lên người tôi.

Tôi không thể nói tôi nằm đó bao lâu, nhưng tôi thấy sự sống dần trở lại, và một người đàn ông có giọng nói ân cần vỗ về tôi, khuyến khích tôi đứng lên. Sau khi rượu bổ đã ngấm và sau một hoặc hai lần ráng sức, tôi loạng choạng đứng dậy, và được dắt nhẹ nhàng vào một cái chuồng gần đấy. Tại đây, tôi được đưa vào một ô chuồng sáng sủa và được mang cho ít cháo sông. Tôi vui mừng uống hết.

Đến chiều tôi đã hồi hản, và được dẫn về chuồng của ông chủ Skinner, tôi cho là ở đây họ đã làm những gì tốt nhất cho tôi. Đến sáng, lão đưa bác sĩ thú y đến thăm tôi. Ông ta khám rất cẩn thận và nói:

– Trường hợp này do làm việc quá sức chứ không phải bệnh tật. Nếu ông cho nó nghỉ sáu tháng, nó sẽ có khả năng làm việc lại. Nhưng hiện giờ nó không còn tí ti sức khỏe nào.

– Thế thì nó suy kiệt rồi. - Lão Skinner nói - Tôi không có bãi nuôi ngựa ốm, nó có thể khỏe lại hoặc không, chứ ngữ ấy không hợp cho công việc làm ăn của tôi. Dự tính của tôi với chúng là phải làm việc chừng nào còn chạy được, sau đó bán chúng cho người mua ngựa già làm thịt hoặc cho nơi nào đó.

– Nếu nó bị vỡ ức, - bác sĩ thú y nói - tốt hơn hết là ông giết quách nó đi, nhưng nó không bị thế. Có một chỗ bán ngựa thải loại trong khoảng mười ngày. Nếu ông để nó nghỉ ngơi và vỗ cho nó ăn uống, nó có thể hồi phục và chẳng nào ông cũng kiếm được hơn là chỉ được bộ xương của nó.

Skinner theo lời khuyên này khá miễn cưỡng, lão ra lệnh cho tôi ăn no và chăm sóc. May mắn cho tôi, người coi chuồng thực hiện mệnh lệnh tốt hơn lời ông chủ nhiều.

Mười ngày hoàn toàn nghỉ ngơi, được ăn nhiều yến mạch, cỏ khô, cháo cám ninh lẫn hạt lanh ngon lành đã phục hồi thể tạng của tôi tốt hơn mọi thứ trên đời. Cháo hạt lanh rất ngon, tôi bắt đầu nghĩ đến có thể sống khỏe hơn. Ngày thứ mười hai sau vụ tai nạn, tôi bị đưa đến chỗ bán, cách London vài dặm. Tôi cảm thấy bất kì sự thay đổi nào cũng tốt hơn là chỗ hiện tại. Vì thế tôi ngẩn cao đầu và hi vọng điều tốt đẹp nhất.

CHỦ TRẠI THOROUGHGOOD VÀ CHÁU TRAI WILLIE

Trong suốt cuộc bán chác, tôi đánh bạn với một con ngựa già kiệt quệ, hơi tập tễnh, hơi thở đứt quãng, khá già và có một vẻ mệt mỏi mà tôi thấy giá bản chết đi là nhân từ.

Nhiều người mua và người bán nhìn chằm chằm khá hơn những con vật tội nghiệp mà họ đang mặc cả. Nhiều ông lão nghèo khổ cố kiếm một con ngựa hoặc con pony giá vài bảng, để kéo ít củi hoặc xe chở than. Những người nghèo khổ thà bán con ngựa già mòn mỏi lấy hai hoặc ba bảng còn hơn là giết chết nó.

Một số trông như thể sự nghèo khổ và thời buổi khó khăn đã hằn dấu lên khắp người. Nhưng cũng còn những người khác mà tôi sẵn sàng đem hết sức tàn hiến cho họ. Họ nghèo khổ và tả tơi, nhưng ân cần và nhân hậu, có giọng nói làm tôi tin cậy ngay. Một ông lão run rẩy rất chú ý đến tôi, và tôi cũng thích ông, nhưng tôi không đủ khỏe, thế là mất một lúc lo âu!

Trong khu vực náo nhiệt nhất của phiên chợ, tôi chú ý đến một người trông như một trại chủ lịch sự, đi cạnh là một thiếu niên. Ông ta có tấm lưng rộng và đôi vai tròn, bộ mặt hiền hậu, hồng hào, đội mũ rộng vành. Lúc đến chỗ tôi và các bạn tôi, ông ta đứng yên lặng và nhìn chúng tôi vẻ thương xót. Tôi thấy cái nhìn của ông dừng lại nơi tôi. Tôi vẫn còn cái bờm và đuôi đẹp, ra dáng cho diện mạo của tôi. Tôi dỏng tai và nhìn ông.

- Con ngựa này chắc đã có thời sung sướng hơn, Willie.
- Tội nghiệp bác ngựa già! - Cậu bé nói - Ông ơi, ông có nghĩ là nó đã từng làm ngựa kéo xe không?

– Có, cháu ạ. - Ông trại chủ nói và đến gần hơn - Hồi trẻ chắc nó cũng ra phết đấy. Nhìn lỗ mũi và đôi tai của nó kìa, cả dáng cổ và đôi vai nữa! Con ngựa này rất thuần giống.

Ông giơ bàn tay và vỗ vào cổ tôi. Tôi giơ mũi ra để đáp lại sự ân cần của ông, còn cậu bé vuốt ve mặt tôi.

– Tội nghiệp con ngựa già! Ông nhìn này, nó hiểu sự ân cần rất rõ. Ông có thể mua và làm nó trẻ lại như ông đã làm với con Ladybird được không?

– Cháu ạ, ông không thể làm mọi con ngựa già trẻ lại đâu. Hơn nữa, Ladybird không già thế này, nó chỉ bị sa sút và lạm dụng thôi.

– Ông ơi, cháu không tin con ngựa này quá già, ông nhìn bờm và đuôi nó mà xem. Cháu xin ông nhìn vào mõm nó rồi hãy nói. Mặc dù rất gầy, song mắt nó không trũng sâu như những con ngựa già khác.

Ông già bật cười.

– Chúa phù hộ cho thằng bé này! Nó cũng mê ngựa như ông nó vậy!

– Ông nhìn mõm nó và hỏi giá đi. Cháu tin chắc ở trong bài cỏ nhà ta, nó sẽ trẻ ra đấy.

Người đưa tôi rao bán lúc này cất lời:

– Cậu đây đúng là người hiểu biết, thưa ông. Đúng là chú ngựa này đã bị ngã vì làm quá sức lúc kéo xe. Nó chưa già, và tôi nghe bác sĩ thú y nói cho nó nghỉ làm độ sáu tháng, nó sẽ tráng kiện lại, vì ước nó không bị vỡ. Tôi đã chăm nó suốt mười ngày qua, tôi chưa gặp con vật nào dễ chịu và biết ơn như nó. Nó xứng đáng là ngựa của một quý ông với giá năm bảng, xin ông hãy cho nó một cơ hội. Tôi đoán chắc mùa xuân sang năm, nó sẽ đáng giá hai mươi bảng.

Ông già cười, còn cậu bé ngược nhìn háo hức.

– Ông kìa, ông chẳng bảo là đã bán con ngựa non cao hơn giá ông muốn năm bảng là gì? Ông chẳng nghèo hơn nếu ông mua con này mà, ông!

Ông trại chủ chậm rãi sờ nắn chân tôi, đang sưng phồng và căng thẳng. Rồi ông nhìn vào mõm tôi:

– Mười ba hoặc mười bốn tuổi, tôi đoán thế. Điều thử một chút nào, được không, anh bạn?

Tôi uốn cong cái cổ gầy tội nghiệp và cong đuôi lên một chút và tung vó hết mức vì chúng rất cứng.

– Giá thấp nhất là bao nhiêu? - Trại chủ nói lúc tôi trở lại.

– Năm bảng, ông ạ. Đây là giá thấp nhất chủ tôi định.

– Rõ đầu cơ! - Ông già vừa nói vừa lắc đầu, đồng thời rút ví ra - Đúng là đầu cơ! Anh có bán gì nữa ở đây không? - Ông nói và đặt mấy đồng xôvoren vào tay người đàn ông.

– Không ạ, thưa ông. Nếu ông muốn tôi sẽ dắt nó đến quán ăn cho ông.

– Anh làm thế đi, tôi cũng định đến đấy.

Họ đi và dắt tôi theo sau. Cậu bé không kìm nổi niềm vui, còn ông già hình như cũng vui lây. Tại quán ăn, tôi được ăn ngon và một người hầu của ông chủ mới nhẹ nhàng cưỡi tôi về nhà, rẽ vào một bãi cỏ rộng có chuồng ngựa trong một góc.

Ông Thoroughgood, tên của nhà hảo tâm, ra lệnh tối và sáng nào cũng phải cho tôi ăn yến mạch và cỏ khô, ban ngày tôi được chạy nhảy trong bãi cỏ.

– Này Willie, - ông bảo - cháu phải để mắt đến nó, ông giao trách nhiệm cho cháu đấy.

Cậu bé rất hãnh diện và thực hiện lời dặn dò hết sức nghiêm túc. Không ngày nào cậu không đến thăm tôi, đưa tôi ra ngoài với những con ngựa khác, cho tôi mẩu cà rốt hoặc thức ăn ngon lành khác, thi thoảng còn đứng cạnh tôi trong lúc tôi ăn yến mạch. Cậu thường ban cho tôi nhiều lời lẽ ân cần, những cái vuốt ve âu yếm, và lẽ tất nhiên tôi ngày càng yêu quý cậu. Cậu gọi tôi là Già Crony, tôi hay được đi cùng cậu ra đồng và theo cậu đi khắp nơi. Đôi khi cậu đưa ông nội đến, ông luôn xem xét chân tôi rất cẩn thận.

– Đây là điểm chúng ta phải chú ý, Willie ạ, - ông thường dặn - nhưng nó đang khá lên đều đều, đến mức ông cho là đến mùa xuân sẽ tốt lên rất nhiều.

Nghỉ ngơi hoàn toàn, ăn uống no đủ, lớp cở mềm, tập luyện nhẹ nhàng bắt đầu có tác dụng đến thể chất và tinh thần tôi. Tôi được thừa hưởng thể tạng của mẹ tôi, ngay từ hồi trẻ tôi không bao giờ căng thẳng, nên có khả năng tốt hơn so với nhiều con ngựa phải làm việc trước khi phát triển toàn vẹn.

Trong mùa đông, chân tôi khá lên đến mức tôi cảm thấy như trẻ lại. Mùa xuân đến, vào một ngày tháng Năm, ông Thoroughgood quyết định đóng tôi vào cỗ xe bốn bánh. Tôi rất sung sướng, được ông và Willie đưa tôi đi vài dặm. Lúc này chân tôi không cứng nữa và tôi kéo xe hoàn toàn thoải mái.

– Nó đang trẻ lại, Willie. Thời gian này ông cháu ta cho nó làm việc nhẹ nhàng thôi, đến giữa hè nó sẽ khá như con Ladybird. Nó có cái mõm rất đẹp và nước đi thuần thục, những cái chân rồi sẽ khá hơn cháu ạ.

– Ông ơi, cháu rất mừng vì ông đã mua nó.

– Ông cũng vui, nhưng nó phải biết ơn cháu nhiều hơn ông. Bây giờ chúng ta phải để ý tìm cho nó một nơi yên tĩnh, phong lưu để nó được hãnh diện.

NGÔI NHÀ CUỐI CÙNG CỦA TÔI

Một hôm trong mùa hè năm ấy, viên giám mã trau chuốt cho tôi kỹ lưỡng lạ thường, đến mức tôi nghĩ chắc sắp có sự thay đổi mới đây. Anh ta tỉa tóc chùm lông ở khuỷu trên móng và chân tôi, dùng chổi quét hắc ín lên móng tôi, chải chùm lông trước trán tôi. Tôi cho là dây cương cũng được đánh bóng hơn thường lệ. Willie có vẻ vừa buồn vừa vui, cậu lên xe cùng ông nội.

– Nếu các tiểu thư cười nó, họ sẽ thích và nó cũng phù hợp. - Ông Thoroughgood nói - Chúng ta sẽ thử xem.

Đi khỏi làng độ một, hai dặm, chúng tôi đến một ngôi nhà thấp, xinh đẹp, có bãi cỏ, đằng trước có nhiều bụi cây và chúng tôi đỗ trước cửa. Willie rung chuông, hỏi tiểu thư Blomefield hoặc tiểu thư Ellen có nhà không, cả hai đều có nhà. Thế là trong lúc Willie ở lại với tôi, ông Thoroughgood vào nhà.

Khoảng mười phút sau ông trở lại, có ba phụ nữ theo sau. Một phụ nữ dáng cao, xanh xao, quấn chiếc khăn choàng trắng muốt, dựa vào một người trẻ hơn có cặp mắt đen láy và gương mặt vui tươi, còn người thứ ba có vẻ rất trang nghiêm là tiểu thư Blomefield. Họ đến xem xét tôi và hỏi nhiều câu. Cô gái trẻ hơn - chính là tiểu thư Ellen - có vẻ rất ưng tôi, cô nói nhất định sẽ thích tôi, vì tôi có bộ mặt đẹp. Người phụ nữ cao và xanh xao nói cô hay bị căng thẳng khi ngồi sau một con ngựa đã từng suy sụp, và nhờ tôi lại suy yếu lần nữa, cô sẽ không bao giờ hết sợ.

– Các vị xem này, - ông Thoroughgood nói - nhiều con ngựa hạng nhất bị vỡ đầu gối do xà ích không cẩn thận, chứ không phải là lỗi của chúng. Do đó khi quan sát con ngựa này, tôi có thể nói đây là trường hợp của nó, nhưng tất nhiên là tôi không muốn tác động đến các vị. Nếu muốn, các tiểu thư có thể cười thử, sau đó xà ích của các vị sẽ xem và phát biểu ý kiến.

– Ông luôn là cố vấn sành sỏi cho chúng tôi về chuyện ngựa, - tiểu thư nghiêm trang nói - nên tôi rất coi trọng lời khuyên cáo của ông, và nếu chị Lavinia tôi không phản đối, chúng tôi xin nhận lời ông khuyên và sẽ cưới thử.

Họ thỏa thuận ngày hôm sau sẽ đưa tôi đến.

Đến sáng, một thanh niên trông bảnh bao đến đón tôi. Lúc đầu anh ta có vẻ hài lòng, nhưng khi nhìn thấy đầu gối của tôi, anh ta nói giọng thất vọng:

– Tôi nghĩ là ông không nên tiến cử một con ngựa có tật như thế này cho các tiểu thư tôi.

– Đẹp thì nó vẫn đẹp. - Chủ tôi nói - Các vị chỉ mang nó về thử, và tôi chắc anh sẽ có ý kiến công bằng, anh bạn trẻ ạ. Nếu nó không an toàn như các con ngựa anh đã từng cưới, lại đem nó trả tôi.

Tôi được đưa về nhà, nhốt vào một cái chuồng thoải mái, được ăn uống và ở một mình. Ngày hôm sau, lúc viên giám mã đến rửa mặt cho tôi, anh ta nói:

– Ngôi sao này giống con Black Beauty quá, nó cũng cao tầm này. Ta không biết bây giờ nó ở đâu.

Xuôi xuống chút nữa, anh ta chạm đến chỗ cổ tôi bị phỏng, còn lại một nốt nhỏ trên da. Anh ta hầu như giật mình và ngắm nghía tôi thật kỹ lưỡng, lăm lăm một mình:

– Ngôi sao trắng trên trán, một chân trước trắng, u nhỏ ở chỗ này, - rồi anh ta nhìn vào giữa lưng tôi - mình còn nhớ có một nhúm lông trắng ở chỗ này mà John thường gọi là “đồng ba xu của Beauty”. Chắc phải là Black Beauty! Beauty, này Beauty! Mi có nhận ra ta không, thằng bé Joe Green suýt giết chết mi vì sự ngu dốt đây!

Rồi anh ta cứ vỗ về tôi, vỗ mãi như thể quá ư mừng vui.

Tôi không thể nói nhớ anh ta, vì hiện giờ anh ta đã thành một thanh niên kẻo trai, có hàng ria mép đen và võ giọng, nhưng tôi tin chắc anh ta biết tôi và anh ta chính là Joe Green năm nào, vì thế tôi cũng vui không kém. Tôi gi

mũi vào anh ta, cố thể hiện rằng chúng tôi là bạn. Tôi chưa bao giờ thấy một người hài lòng đến thế.

– Cho nó thử thật là hay! Ta nghĩ nhất định sẽ tốt! Ta không biết kẻ bất lương nào làm vỡ đầu gối mi, Beauty của ta! Chắc mi đã ở nơi nào đó bị đối xử tệ lắm. Mà thôi, thôi nhé, không phải là lỗi của ta làm hiện giờ mi không còn ở thời huy hoàng. Ước gì anh John Manly đến đây và nhìn thấy mi.

Đến chiều, tôi được đóng vào chiếc xe độc mã thấp và dong đến bên cửa. Tiểu thư Ellen sẽ thử tôi, và Green đi cùng cô. Tôi nhận ra ngay tiểu thư là một xà ích cừ, hình như cô rất ưng nước đi của tôi. Tôi nghe thấy Joe Green kể về tôi với tiểu thư, anh ta nói chắc chắn đây là con Black Beauty cũ của ông Squire Gordon.

Lúc chúng tôi quay về, các chị em khác của tiểu thư ùa ra nghe xem tôi hành xử ra sao. Ellen thuật lại với họ những gì đã nghe được, và nói:

– Nhất định em sẽ viết thư cho bà Gordon, kể con ngựa cưng của bà ấy đã đến tay chúng ta. Bà ấy hẳn sẽ hài lòng lắm!

Suốt một tuần sau đó, ngày nào họ cũng đưa tôi đi, và tôi có vẻ hoàn toàn yên ổn nên cuối cùng, tiểu thư Lavinia đánh bạo đi cái xe nhỏ chật chội ra ngoài với tôi. Sau hôm đó, họ quyết định giữ tôi lại và gọi tôi bằng tên cũ, “Black Beauty”.

Tôi đã sống ở cái nơi sung sướng ấy một năm tròn. Joe là viên giám mã cừ nhất và tử tế nhất trong các giám mã. Công việc của tôi thoải mái và dễ chịu, tôi cảm thấy sức khỏe và tinh thần tôi đã trở lại sung mãn. Một hôm, ông Thoroughgood bảo Joe:

– Ở chỗ các vị, nó sẽ sống cho đến năm hai mươi tuổi, có khi còn hơn.

Cậu bé Willie vẫn thường nói chuyện với tôi bất cứ lúc nào có thể được, rằng cậu coi tôi là một người bạn đặc biệt. Các tiểu thư hứa sẽ không bao giờ bán tôi, và thế là tôi chẳng còn gì phải lo sợ. Chuyện của tôi sẽ chấm dứt ở đây. Những khó nhọc, bất an của tôi đã kết thúc và tôi đang được ở nhà. Nhiều khi trước lúc hoàn toàn tỉnh giấc, tôi thường hình dung tôi vẫn đang ở

trong vườn quả ở Birtwick, đứng với các bạn cũ dưới những cây táo trĩu cành.

HẾT

• Chú thích •

^[1] Sabbath: ngày nghỉ ngơi và thờ phụng Chúa (ngày chủ nhật theo đạo Cơ Đốc, thứ bảy theo đạo Do Thái).

^[2] Dây buộc vào yên ngựa và luồn qua đuôi.

^[3] Ngựa pony: loại ngựa nhỏ.

^[4] Pound: 0,454 kg tại Anh, Mỹ.

^[5] Pint: 0.58 lít tại Anh, 0,473 lít tại Mỹ.

^[6] Chó sục: loại chó săn nhỏ chuyên sục hang, bụi.

^[7] Dừng để giảm tốc độ lúc xe xuống dốc.

^[8] Crown: đồng curon, bằng 5 silling.

^[9] Sovereign: đồng tiền vàng của Anh trước đây, có giá trị bằng một bảng.

^[10] Light trap: bẫy để bắt hoặc diệt sâu bọ, dùng ánh sáng hoặc tia tử ngoại.

^[11] Monument: đài kỉ niệm trận hỏa hoạn năm 1666 ở London.

^[12] Guinea: tiền vàng của nước Anh xưa, tương đương 21 silling.

^[13] Chó bun: một giống chó đầu to, cổ ngắn và mập, khỏe và can đảm.

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

PHẦN MỘT

1. NGÔI NHÀ ĐẦU TIÊN CỦA TÔI

2. CUỘC ĐI SĂN

3. HUẤN LUYỆN

4. VƯỜN BIRTWICK

5. KHỞI ĐẦU TỐT ĐẸP

6. TỰ DO

7. GINGER

8. GINGER KỂ TIẾP CHUYỆN

9. MERRYLEGS

10. CUỘC TRÒ CHUYỆN TRONG VƯỜN QUẢ

Chương 11 LỜI PHÁT BIỂU GIẢN DỊ

Chương 12 MỘT NGÀY GIÔNG BÃO

13. DẤU ẤN CỦA KẼ TÀN BẠO

Chương 14 JAMES HOWARD

15. NGƯỜI COI CHUỒNG GIÀ

16. ĐÁM CHÁY

17. CHUYỆN CỦA JOHN MANLY

18. ĐI MỜI BÁC SĨ

19. CHỈ VÌ DỐT NÁT

20. JOE GREEN

21. CHIA LY

PHẦN HAI

22. EARLSHALL

23. LẤN CÔNG ĐÒI TỰ DO

24. TIỂU THƯ ANNE, HAY MỘT CON NGỰA BỎ TRỐN

25. REUBEN SMITH

26. KẾT THÚC

- 27. SUY NHƯỢC VÀ TÀN TẠ
- 28. NGỰA THUÊ VÀ CÁC XÀ ÍCH
- 29. NGƯỜI THÀNH THỊ
- 30. KẸ TRỘM
- 31. KẸ BỊP BỢM

PHẦN BA

- 32. CHỢ NGỰA
- 33. NGỰA KÉO XE Ở LONDON
- 34. NGỰA CHIẾN GIÀ
- 35. JERRY BARKER
- 36. CHUYỂN XE NGÀY CHỦ NHẬT
- 37. NGUYÊN TẮC VÀNG
- 38. BÉ DOLLY VÀ MỘT QUÝ ÔNG THỰC SỰ
- 39. SAM Ủ RŨ
- 40. GINGER TỘI NGHIỆP
- 41. ĐỒ TẾ
- 42. CUỘC BẦU CỬ
- 43. NGƯỜI BẠN TRONG LÚC KHÓ KHĂN
- 44. GIÀ CAPTAIN VÀ NGƯỜI NỔI NGHIỆP
- 45. NĂM MỚI CỦA JERRY

PHẦN BỐN

- 46. JAKES VÀ MỘT QUÝ BÀ
- 47. THỜI GIAN KHÓ KHĂN
- 48. CHỦ TRẠI THOROUGHGOOD VÀ CHÁU TRAI WILLIE
- 49. NGÔI NHÀ CUỐI CÙNG CỦA TÔI